

Mục Lục

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO • SỐ 6 - THÁNG 11 NĂM 2006

THƯ NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG | 2 – *Vĩnh Hào* • BA CÂU TRẢ LỜI MÀU NHIỆM | 4 – *Thích Nhất Hạnh* • KHÚC QUAN CHÂU | 6 - thơ *Lâm Bích Nhý* • KHÓA HƯ LỤC, Một kiệt tác phẩm của nền văn hóa dân tộc thế kỷ XIII | 7 – *Thích Đức Nhuận* • HẠT BỤI VỎ THƯỜNG | 15 - thơ *Tuệ Nga* • MÂY LỜI GỬI LẠI | 16 – Di thư của *HT Thích Mãn Giác* • NIỀM TIN VÀ VẤN ĐỀ NHẬN THỨC CỦA CON NGƯỜI | 17 – *Thích Thái Tuệ* • CHẤP ĐÔI SỢI TÓC MÀ QUA BÊN ĐỜI | 23 – *Tuệ Tâm* • NHÂN VẬT VÀ NGHỆ THUẬT TRONG CUNG OÁN NGÂM KHÚC | 24 – *Hạnh Cơ* • KHÔNG ĐỀ 1 | 29 – *Thiên Hương* • Ở TRỌ, tưởng niệm Trịnh Công Sơn | 30 – *Đặng Ngọc Chức* • ĐÊM HUYỀN | 31 – thơ *Tâm Tấn* • ĐẠO ĐỨC VÀ HẠNH PHÚC | 32 – *Viên Trí* • THU | 35 – thơ *Bạch Xuân Phê* • VÌ SAO PHẬT GIÁO SUY TÀN TẠI ÁN ĐỘ (KỲ I) | 35 – *Trần Đức Phi Bằng* dịch • ĐÊM TRĂNG MÙ SƯƠNG NGHE ĐÀN BUỒN TRÊN SÔNG HƯƠNG | 42 – thơ *Bùi Ngọc Tuấn* • ĐỜI SỐNG. MỘT CÁCH CHỌN LỰA ĐỂ RA ĐI | 42 – *Biện thị Thanh Liêm* • THU KHÚC, LỤC BÁT | 43 – thơ *Cung Vũ* • SỰ GIỐNG VÀ KHÁC NHAU TRONG CẢM HỨNG VỀ THỜI GIAN VÀ KHÔNG GIAN THỂ HIỆN QUA THƠ THIỀN VÀ THI CA LÃNG MẠN | 44 – *Hoàng Nguyên* • NHỮNG HẠT ĐẬU BIẾT NHẢY | 46 – *Tâm Minh Ngô Tằng Giao* diễn thơ • NHỮNG NGƯỜI THÀNH TÂM | 48 – *Nhị Tường* dịch • ĐÀN CHIM NHỎ | 52 – *Quỳnh My* • ĐÊM SAY | 54 – thơ *Đỗ Vĩnh Khanh* • TRẠNG THÁI CON NGƯỜI SAU KHI CHẾT | 55 – *Nguyễn Liên* • NGON GIÁC, ĐÔI CÁNH, TỪ NẮNG, TỪ PHÍA ẤY, CẢM XÚC | 60 – thơ *Nguyễn Thị Khánh Minh* • ÔNG THIỀN, ÔNG ÁC | 61 – *Trần Trung Đạo* • CON BÉ VÀ GÃ LANG THANG | 64 – *Chiêu Hoàng* • THẢO AM | 68 – *Linh Linh Ngọc* • NHÂN QUẢ | 74 – *An Nghiêm - Hiền Vy* • TRONG TA, VẠN GIẢ, HƯƠNG TRÀ | 76 – thơ *Tuệ Minh* • TRỞ LẠI BÊN THỦY DƯƠNG | 77 – truyện dài *Hồ Trường An* • TIN TỨC PHẬT GIÁO | 85



PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG • P.O. BOX 374, MIDWAY CITY, CA 92655 – USA

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO
PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

Chủ nhiệm / Chủ bút:
VĨNH HẢO

Thư ký:
QUẢNG PHÁP

Trị sự:
NGUYỄN THANH HUY

Kỹ thuật:
HOA ĐÀM GROUP

Địa chỉ liên lạc:
P.O. Box 374
Midway City, CA 92655 – USA
Tel: (714) 623-4285

E-mail:
vinhhao@vinhhao.net
phuongtroicaorong@vinhhao.net
www.vinhhao.net

Bài đăng trên Phương Trời Cao Rộng do văn thi hữu gửi đến bằng e-mail, đĩa (CD), hoặc viết tay trên một mặt giấy. Bài không đăng không gửi lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc nếu cần. Bài có nhuận bút xin ghi rõ “yêu cầu nhuận bút.”

Phương Trời Cao Rộng là nơi tập đại thành những bài viết của Tăng Ni và văn thi sĩ Phật giáo khắp nơi, nhiều khuynh hướng, nhiều giáo hội, tông phái, do đó không nhất thiết phản ánh quan điểm và chủ trương của tạp chí.



THƯ SỐ 6 CỦA NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG

TRONG NHỮNG THOÁNG CHỐC

Có những thoáng chốc trong đời thật đẹp.

Khi những giọt nước tụ lại thành khối, chúng gom thành giòng, chảy và rơi xuống thật nhanh, ào ạt, cho đến khi lơ lửng, cạn dần... rồi cuối cùng là sự rơi thong thả của từng hạt nước. Ở những khoảnh khắc ngưng tụ và rơi xuống nhẹ nhàng, cô liêu của từng hạt nước, có lẽ là những khoảnh khắc đẹp nhất. Nơi đó, mọi thứ lắng xuống, chộn rộn, mạnh động, hoạt náo... đều lắng xuống, lắng xuống, cô đọng lại ở điểm, một thoáng chốc. Thoáng chốc vô tận.

Người mẹ ngồi xe lăn, được người con tiễn đưa đến tận cổng vào máy bay. Cô tiếp viên hàng không nhẫn nại chờ đợi hai mẹ con ôm nhau, nói lời từ biệt trong nước mắt, rồi mới đẩy chiếc xe lăn qua cổng. Người mẹ trông rất yếu, có vẻ đang bệnh nặng. Người bà xẹp đi, mềm nhão, mong manh, ngồi thõm vào giữa chiếc ghế bành rộng dành cho hành khách thượng hạng. Bà mặc áo thun cổ cao màu hường và áo len màu đỏ sẫm, cả hai đều rộng xù xì xinh, có lẽ vì bà đã gầy đi nhiều so với lúc mới mua áo. Khoác thêm bên ngoài là một cái áo lông choàng màu đen, bà mặc luôn khi ngồi vào ghế, từ chối cởi ra để treo nơi tủ gần lối đi theo đề nghị của cô tiếp viên hàng không. Bà ngược nhìn từng người bước vào, đi ngang chỗ ngồi của bà. Đôi mắt mệt mỏi, quàng thâm, nhưng vẫn cố gắng mở lớn, quan sát những gì xảy ra chung quanh.

Hành khách từ khắp nơi đổ về sân bay, hồi hả, lăng xăng... Tùy theo chuyến bay mỗi người đã chọn lựa trước, họ chọn hãng hàng không, bãi đáp, cổng, giống hoặc khác nhau. Cuối cùng là những giòng người, như những giọt nước tụ lại với nhau, được phân loại, xếp thành hàng. Sẽ đi chung trên một chuyến bay với một cộng nghiệp. Sẽ chia tay nhau với những biệt nghiệp. Cái chung và cái riêng, chẳng biết đâu mà nói. Như những giọt nước, rơi đọng trên chiếc lá, bay giữa hư không. Nước rơi, nước đọng, chỉ là duyên riêng của mỗi giọt. Khi máy bay chuẩn bị cất cánh, mới thấy rõ sự ngưng đọng của những phận người. Kể từ giây phút ấy, họ không còn gì để phải bận rộn nữa. Tất cả những thủ tục, bổn phận và trách nhiệm cần thiết đối với an ninh phi trường và phi cơ đã hoàn tất. Tất cả những lời nhắn nhủ, dặn dò, tạm biệt... đã làm xong. Người tiễn đưa đã xa khuất. Điện thoại cầm tay cũng đã tắt trước giờ khởi hành. Bây giờ là giây phút của lữ hành trên những dặm dài; của từng giọt nước đọng lại từng cội riêng. Từng giọt nước, từng giọt sương long lanh, lấp lánh trên đầu lá cỏ. Ban đêm, nó hút cả màu đêm xám ngịt mịt mừng; ban ngày, nó thu cả đất trời mênh mông xán lạn. Tất cả tụ lại nơi một điểm. Từ một điểm sáng lên tất cả. Chẳng có giọt nước nào mà không phản hiện hình sắc và tinh hoa của những giọt nước khác.

Mỗi phận người trong giòng sông đời cũng thế. Trôi lăn. Bươn bả. Đêm về, đọng lại trong giấc cô miên, với màn đêm tịch lặng. Sớm mai thức dậy, soi chiếu ảnh tượng muôn vẻ của đất trời. Có ai ngăn được mưa rơi. Có ai ngăn được ánh mặt trời chiếu rọi.

Khi chuyến bay sắp hạ cánh, có thông báo của phi hành đoàn về một người bệnh nặng cần y sĩ cứu chữa. Một bác sĩ có mặt trên chuyến bay đã xắn tay cứu giúp. Người ta kéo tấm màn ngăn giữa toa thượng hạng với toa hành khách thường. Không khí im lặng nặng nề, căng thẳng kéo dài gần một giờ đồng hồ. Nguyên cho mọi người đều được bình an, ngày cũng như đêm, giữa hư không hay trên đất liền, nơi biển cả hay nơi rừng núi. Phi cơ đáp một lúc lâu mà hành khách vẫn được yêu cầu ngồi yên tại chỗ. Có đoàn cấp cứu và cảnh sát tiến vào toa thượng hạng. Một thủ tục gì đó đang được tiến hành sau bức màn kéo hờ. Cuối cùng, người ta thoáng thấy cô tiếp viên hàng không dùng một tấm vải đen nhỏ phủ lên một người nào đó. Rồi hành khách được ra dẫu, lục tục rời khỏi phi cơ, tiến về cổng hải quan và khu nhận hành lý. Đoàn lữ hành như giòng nước tản ra, mỗi người một hướng, để lại sau lưng người đàn bà mặc chiếc áo thun hồng và áo len đỏ sẫm với áo khoác dày và chiếc khăn đen trùm lên mặt. Chiếc phi cơ, như chiếc lá từ hư không

đậu lại nơi bờ thình lạng. Có một giọt nước đọng lại trên chiếc lá ấy khi tất cả những giọt nước khác đều tuôn rơi.

Có những thoáng chốc trên đời thật đẹp, khi người ta ngưng hết những lăng xăng, toan tính, buông thả tất cả những giận hờn, oán trách, thị phi..., khi người ta ôm chặt người thân bằng vòng tay tràn ngập thương yêu. Là phút tạm biệt hay vĩnh biệt, nào ai biết được. Đôi mắt, như hai giọt nước, cô đọng tất cả tinh anh của một kiếp người. Vẻ đẹp trắng lệ huyền ảo của con người, của cuộc đời dường như chỉ sáng lên trong niềm cô tịch. Nó thật là mong manh, thoáng chốc, nhưng đọng lại cả thiên thu.

LỜI CA CHO KẺ LÊN ĐƯỜNG

*Mạnh dạn lên đường sá gì những chông gai
Ơi người viễn hành lang thang cô độc
Dù trái đất ngửa nghiêng, dù biển cạn núi mòn
Bước chân không thể hoang mang bối rối
Trên con đường này, và ở nơi chốn ấy
Có hàng triệu bạn đồng hành hay không có một người
nào thì vẫn như thế
Chỉ có người, nên tự thâm nghiệm cái cùng đích của
cuộc lên đường
Nơi chốn bao la vô cùng tận tất không phải là chỗ hợp
chợ đông vui
Khi chân trần chạm đến chóp đỉnh tịch liêu hui hắt
nhất, người sẽ nhìn ra tất cả những gì kiếm tìm
Những thứ ấy chưa hề biến mất trong giòng tạp nhạp
bản thủ của trần gian
Hãy tha thứ và hãy nhẫn nại bước tới
Bằng những bước cô liêu lẫm đẵng như sương như
khói
Chẳng có gì được hay mất trong những xô xỉnh mộng
huyền chiêm bao
Ơi kẻ lữ hành đáng thương, có gì phải bận khoăn thức
dậy từng đêm
Nghỉ ngơi chi mà nhìn sâu trong bóng tối mịt mùng
Hãy hùng dũng bước tới bằng những bước nhẹ tựa
hư không
Chỉ như thế người mới trở về nơi thình lạng tột cùng...
Ơi kẻ lữ hành, ơi kẻ lữ hành
Lên đường, hãy cứ lên đường!*

Midway City, ngày 01 tháng 11 năm 2006

Vĩnh Hảo

BA CÂU TRẢ LỜI MÀU NHIỆM

Thích Nhất Hạnh



Đó là chuyện ba câu hỏi khó của một nhà vua, do nhà văn hào Leo Tolstoy kể lại.

Nhà vua ấy, Tolstoy không biết tên. Một hôm đức Vua nghĩ rằng, giá mà vua trả lời được ba câu hỏi ấy thì vua sẽ không bao giờ bị thất bại trong bất cứ công việc nào. Ba câu hỏi ấy là:

1. Làm sao để biết được thời gian nào là thời gian thuận lợi nhất cho mỗi công việc?
2. Làm sao để biết được nhân vật nào là nhân vật quan trọng nhất mà ta phải chú trọng?
3. Làm sao để biết được công việc nào là công việc cần thiết nhất mà ta phải thực hiện?

Nghĩ thế, vua liền ban chiếu ra khắp trong bâng dân thiên hạ, hứa rằng sẽ ban thưởng trọng hậu cho kẻ nào trả lời được những câu hỏi đó.

Các bậc hiền nhân đọc chiếu liền tìm tới kinh đô. Nhưng mỗi người lại dâng lên vua một câu trả lời khác nhau.

Về câu hỏi thứ nhất, có người trả lời rằng muốn biết thời gian nào là thời gian thuận lợi nhất cho mỗi

công việc thì phải làm thời biểu cho đảng hoàng, có ngày giờ năm tháng và phải thi hành cho thật đúng thời biểu ấy. Như vậy mới mong công việc làm đúng lúc. Kẻ khác thì lại nói không thể nào dự tính được trước những việc gì phải làm và thời gian để làm những việc ấy; rằng ta không nên ham vui mà nên chú ý đến mọi sự khi chúng xảy tới để có thể làm bất cứ gì xét ra cần thiết.

Có kẻ lại nói rằng, dù vua có chú ý đến tình hình mấy đi nữa thì một mình vua cũng không đủ sáng suốt để định đoạt thời gian của mọi việc làm một cách sáng suốt, do đó nhà vua phải thành lập một Hội Đồng Nhân Sĩ và hành động theo lời khuyên cáo của họ.

Lại có kẻ nói rằng, có những công việc cần phải lấy quyết định tức khắc không thể nào có thì giờ để tham khảo xem đã đến lúc phải làm hay chưa đến lúc phải làm. Mà muốn lấy quyết định cho đúng thì phải biết trước những gì sẽ xảy ra, do đó, nhà vua cần phải cần đến những nhà cố vấn tiên tri và bốc phệ.

Về câu hỏi thứ hai, cũng có nhiều câu trả lời không giống nhau. Có người nói những nhân vật mà

vua cần chú ý nhất là những ông đại thần và những người trong triều đình. Có người nói là mấy ông Giám Mục, Thượng Tọa là quan hệ hơn hết. Có người nói là mấy ông tướng lĩnh trong quân đội là quan hệ hơn hết.

Về câu hỏi thứ ba, các nhà thức giả cũng trả lời khác nhau. Có người nói khoa học là quan trọng nhất. Có người nói tôn giáo là quan trọng nhất. Có người lại nói: chính trang quân đội là quan trọng nhất.

Vì các câu trả lời khác nhau cho nên nhà vua không thể đồng ý với vị hiền nhân nào cả, và chẳng ban thưởng cho ai hết.

Sau nhiều đêm suy nghĩ vua quyết định đi chất vấn một ông đạo tu trên núi. Ông đạo này nổi tiếng là có giác ngộ. Vua muốn tìm lên trên núi để gặp ông đạo và hỏi ba câu hỏi kia.

Vị đạo sĩ này chưa bao giờ chịu xuống núi và nơi ông ta ở chỉ có những người dân nghèo; chẳng bao giờ ông chịu tiếp người quyền quý. Vì vậy mà nhà vua cải trang làm thường dân. Khi đi đến chân núi, vua dặn vệ sĩ đứng chờ ở dưới, và một mình vua, trong y phục một thường dân, vua trèo lên am của ông đạo.

Nhà vua gặp ông đạo đang cuốc đất trước am. Khi trông thấy người lạ, ông đạo gạt đầu chào rồi tiếp tục cuốc đất. Ông đạo cuốc đất một cách nặng nhọc bởi ông đã già yếu; mỗi khi cuốc lên được một tảng đất hoặc lật ngược được tảng đất ra thì ông lại thở hào hển.

Nhà vua tới gần ông đạo và nói:

"Tôi tới đây để xin ông đạo trả lời giúp cho tôi ba câu hỏi. Làm thế nào để biết đúng thì giờ hành động, đừng để cho cơ hội qua rồi sau phải hối tiếc? Ai là những người quan trọng nhất mà ta phải chú ý tới nhiều hơn cả? Và công việc nào quan trọng nhất cần thực hiện trước tiên?"

Ông đạo lắng nghe nhà vua nhưng không trả lời. Ông chỉ vỗ vai nhà vua và cúi xuống tiếp tục cuốc đất.

Nhà vua nói:

"Ông đạo mệt lắm rồi, thôi đưa cuốc cho tôi, tôi cuốc một lát".

Vị đạo sĩ cảm ơn và trao cuốc cho Vua rồi ngồi xuống đất nghỉ mệt. Cuốc xong được hai vòng đất thì nhà vua ngừng tay và lập lại câu hỏi. Ông đạo vẫn không trả lời, chỉ đứng dậy và đưa tay ra đòi cuốc, miệng nói:

"Bây giờ bác phải nghỉ, đến phiên tôi cuốc."

Nhưng nhà vua thay vì trao cuốc lại cúi xuống tiếp tục cuốc đất.

Một giờ rồi hai giờ đồng hồ đi qua. Rồi mặt trời bắt đầu khuất sau đỉnh núi. Nhà vua ngừng tay, buông cuốc, và nói với ông đạo:

"Tôi tới để xin ông đạo trả lời cho mấy câu hỏi.

Nếu ông đạo không thể trả lời cho tôi câu nào hết thì xin cho biết để tôi còn về nhà."

Ông đạo nghe tiếng chân người chạy đâu đây bèn nói với nhà vua:

"Bác thử xem có ai chạy lên kia."

Nhà vua ngó ra thì thấy một người có râu dài đang chạy lúp xúp sau mấy bụi cây, hai tay ôm bụng. Máu chảy ướt đầm cả hai tay. Ông ta cố chạy tới chỗ nhà vua và ngất xỉu giữa đất, nằm im bất động miệng rên rĩ.

Vua và ông đạo cởi áo người đó ra thì thấy có một vết đâm sâu nơi bụng. Vua rửa chỗ bị thương thật sạch và xé áo của mình ra băng bó vết thương, nhưng máu thấm ướt cả áo. Vua giặt áo và đem băng lại vết thương. Cứ như thế cho đến khi máu ngừng chảy.

Lúc bấy giờ người bị thương mới tỉnh dậy và đòi uống nước. Vua chạy đi múc nước suối cho ông ta uống. Khi đó mặt trời đã bắt đầu khuất và bắt đầu lạnh. Nhờ sự tiếp tay của ông đạo, nhà vua khiêng người bị nạn vào trong am và đặt nằm trên giường ông đạo. Ông ta nhắm mắt nằm yên. Nhà vua cũng mệt quá vì leo núi và cuốc đất cho nên ngồi dựa vào cánh cửa và ngủ thiếp đi. Vua ngủ ngon cho đến nỗi khi thức dậy thì trời đã sáng và phải một lúc sau vua mới nhớ ra được mình đang ở đâu và đang làm gì. Vua nhìn về phía giường thì thấy người bị thương cũng đang nhìn mình chòng chọc, hai mắt sáng trưng.

Người đó thấy vua tỉnh giấc rồi và đang nhìn mình thì nói, giọng rất yếu ớt:

"Xin bệ hạ tha tội cho thần."

"Ông có làm gì nên tội đâu mà phải tha?"

"Bệ hạ không biết hạ thần, nhưng hạ thần biết bệ hạ. Hạ thần là người thù của bệ hạ, Hạ thần đã thề sẽ giết bệ hạ cho bằng được bởi vì khi xưa, trong chính chiến bệ hạ đã giết mất người anh của hạ thần và còn tịch thu gia sản của hạ thần nữa. Hạ thần biết rằng bệ hạ sẽ lên núi này một mình để gặp ông đạo sĩ, nên đã mai phục quyết tâm giết bệ hạ trên con đường về. Nhưng cho đến tối mà bệ hạ vẫn chưa trở xuống, nên hạ thần đã rời chỗ mai phục mà đi lên núi tìm bệ hạ để hành thích. Thay vì gặp bệ hạ, hạ thần lại gặp bốn vệ sĩ. Bốn này nhận mặt được hạ thần cho nên đã xông lại đâm hạ thần. Hạ thần trốn được chạy lên đây, nhưng nếu không có bệ hạ cứu thì chắc chắn hạ thần đã chết vì máu ra nhiều quá. Hạ thần quyết tâm hành thích bệ hạ mà bệ hạ lại cứu sống được hạ thần. Hạ thần hối hận quá. Bây giờ đây nếu hạ thần mà sống được thì hạ thần nguyện sẽ làm tôi mọi cho bệ hạ suốt đời, và hạ thần cũng sẽ bắt các con của hạ thần làm như vậy. Xin bệ hạ tha tội cho hạ thần."

Thấy mình hòa giải được với kẻ thù một cách dễ

dàng nhà vua rất vui mừng. Vua không những tha tội cho người kia mà còn hứa sẽ trả lại gia sản cho ông ta, và gửi ngự y cùng quân hầu tới săn sóc cho ông ta lành bệnh.

Sau khi cho vệ sĩ khiêng người bị thương về nhà, vua trở lên tìm ông đạo để chào. Trước khi ra về vua còn lặp lại lần cuối ba câu hỏi của vua. Ông đạo đang quỳ gối xuống đất gieo những hạt đậu trên những luống đất đã cày sẵn hôm qua.

Vị đạo sĩ đứng dậy nhìn vua:

"Nhưng ba câu hỏi của vua đã được trả lời rồi mà."

Vua hỏi:

"Trả lời bao giờ đâu nào?"

"Hôm qua nếu vua không thương hại bần đạo già yếu mà ra tay cướp dùm mấy luống đất này thì khi ra về nhà vua đã bị kẻ kia mai phục hành thích mất rồi, và nhà vua sẽ tiếc rằng đã không ở lại cùng ta. Vì vậy thời gian quan trọng nhất là thời gian vua đang cày đất; nhân vật quan trọng nhất lúc đó là bần đạo đây, và công việc quan trọng nhất là công việc giúp bần đạo. Rồi sau đó khi người bị thương nọ chạy lên, thời gian quan trọng nhất là thời gian vua chăm sóc cho ông ta, bởi vì nếu vua không băng vết thương cho ông thì ông sẽ chết và vua không có dịp hòa giải với ông; cũng vì thế mà ông ta là nhân vật quan trọng nhất, và công việc vua làm để băng bó vết thương là quan trọng nhất. Xin vua hãy nhớ kỹ điều này: 'chỉ có một thời gian quan trọng mà thôi, đó là thời gian hiện tại, là giờ phút hiện tại.' Giờ phút hiện tại quan trọng bởi vì đó là thời gian duy nhất trong đó ta có thể làm chủ được ta. Và nhân vật quan trọng nhất là kẻ đang cụ thể sống với ta, đang đứng trước mặt ta, bởi vì ai biết được là mình sẽ đương đầu làm việc với những kẻ nào trong tương lai. Công việc quan trọng nhất là công việc làm cho người đang cụ thể sống bên ta, đang đứng trước mặt ta được hạnh phúc, bởi vì đó là ý nghĩa chính của đời sống."

Tolstoy là một vị bồ tát trong câu chuyện trên. Nhà văn hóa này đã thấy được ý nghĩa của cuộc sống và phương thức sống. Làm thế nào để ta sống giờ phút hiện tại, sống ngay với người ta chung đụng hàng ngày, làm ngay điều có thể giúp họ bớt khổ đau, thêm hạnh phúc. Làm thế nào? Câu trả lời là: phải thực tập chánh niệm.

Nguyên tắc của Tolstoy nêu ra đó, xem như là dễ, nhưng muốn thực hiện nghiêm chỉnh phải nhờ những phương pháp quán niệm cụ thể mà ta tìm thấy nơi đạo Phật.

(Trích từ *Phép Lạ Của Sự Tỉnh Thức*)

khúc quan châu

*(trong tiền kiếp em là một tiểu ni cô,
vô tình để cánh bên ngoài làm điều động lòng trần,
để tiếng hò câu hẹn từ ngàn xưa của ai chợt về
ngang ký ức gọi mời...)*

(trăng)

*xua con trăng rớt xuống trần
bồi hồi thất niệm, em lần chuỗi mơ
hạt thương, hạt nhớ, hạt chờ
lặn qua tâm thức, đại khởi in sâu...*

(lá)

*trái tim từ đó ứa màu
em như cánh lá rơi sâu lối bay
tiếng chuông nhịp mõ thưa gầy
thay lời Kinh tụng tên ai gọi thầm*

(chiều)

*tóc em không thể cài trâm
nhà ai không thể ghé thăm những chiều
nghe hồn ngậm một nỗi yêu
nghe đời phủ bởi lời rêu hương trần*

(vương)

*em về tình vương gót chân
đóa trắng gieo xuống trong ngần hồ thu
tình yêu như thể ngục tù
nhốt trắng giữa độ rơi từ thính không...*

*(ơi trăng, ơi lá, ơi chiều
em nghe lòng vương những điều dung không...)*

LÂM BÍCH NHY

30072006

KHÓA HƯ LỤC MỘT KIỆT TÁC PHẨM CỦA NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT, THẾ KỶ XIII

Thích Đức Nhuận

Riêng đối với Đạo Phật và Dòng Sư Việt, công nghiệp của vua Thái Tông thật là to lớn. Ngoài việc in kinh, xây chùa, tô tượng, đúc chuông; về phương diện văn hóa, vua đã viết Khóa Hư Lục, một kiệt tác phẩm của nền văn học Phật-giáo dân tộc, thế kỷ XIII. Sách gồm 3 quyển Thượng, Trung và Hạ, viết theo thể văn biên ngẫu, bằng Hán tự, một lối văn rất khó viết, ở người cầm bút phải có một trình độ học vấn uyên bác mới dám sử dụng tới (1). Về nội dung cuốn sách tác giả trình bày những tư tưởng triết lý đại thừa Phật-giáo, nhằm mục đích tự thức tỉnh mình và đồng thời có tính cách giáo dục quần chúng, nói lên niềm thao thức khổ đau cùng sự giác ngộ của một con người có trách nhiệm với mình, với đời và với đồng bào, nhân loại.

Tác giả, sau bao năm đối diện với những dằn vặt khổ đau ray rứt của tự thân. Năm vừa lên hai mươi tuổi, hoàng hậu là Chiêu Thánh (Lý Chiêu Hoàng) mới mười chín tuổi, chỉ vì muộn có con, Trần Thủ Độ bắt ép vua phải bỏ Chiêu Thánh để lấy người chị dâu đã có mang ba tháng là Thuận Thiên, vợ của anh mình, tức Trần Liễu. Có lẽ Trần Thủ Độ muốn vua có con ngay để sau này nối nghiệp nhà Trần. Hiên nhiên là vua đã kịch liệt phản đối việc làm trái lẽ giáo này của Trần Thủ Độ. Nhưng uy quyền của ông ta quá lớn. Vua đành nhẫn nhục đau khổ, chịu đựng. Người con trai hai mươi tuổi mới lớn lên, lòng mang nặng một nỗi buồn u ất, vua đã nhất quyết bỏ ngai vàng ra đi, tìm lên núi Yên Tử, và xin ở lại đó để tu học Phật-pháp hầu tìm ra một lối thoát cho tâm tư uất nghẹn khổ đau; mặt khác, đứng trước tình cảnh rối bời của đất nước lúc bấy giờ, tuy tâm tư vua chưa nguôi hết nỗi đau buồn, do người chú họ Trần Thủ Độ gây ra, nhưng trên cương vị một người lãnh đạo quốc gia, vua không

thể nhất đán phui tay, buông xuôi, bỏ mặc cho vận nước nổi trôi..., và nhất là trước sự van nài khẩn thiết của Trần Thủ Độ: “Xin bệ hạ nghĩ đến trăm họ. Lòng dân như hoa hướng dương, luôn hướng về nẻo mặt trời mọc, là bệ hạ. Vậy xin bệ hạ gấp hồi loan” (2). Vua cảm động, rơm rớm nước mắt, rồi cùng các quan trở về kinh sư, gượng lên ngôi báu. Trong 33 năm trị vì, vua đã làm tròn sứ mệnh của một đấng quân vương, hết lòng lo sửa sang việc nước; bên trong, bình trị nội loạn; phía ngoài, dẹp yên xâm lăng. Nhờ vậy mà toàn dân được sống an vui, hạnh phúc.

Với trí sáng như mặt trời, và với lòng thì rộng như biển cả, vua quả là một vị A-la-hán, một Đại Bồ-tát thị hiện ở Việt Nam để cứu nước Việt Nam. Nên sau khi đã hoàn thành sự nghiệp cứu nước, vua nhường ngôi cho con là Trần Hoảng, tức Trần Thánh Tông. Chắc hẳn sau đây vua có nhiều thì giờ rảnh rỗi để dồn hết tâm tư vào việc tu niệm, và viết sách truyền lại cho đời.

Tất cả nỗi thao thức khổ đau đối với bản thân, đối với cuộc đời, và với lòng từ bi thương xót chúng sinh, vì u mê tạo nghiệp xấu ác, nên phải luân hồi chìm đắm trong ba cõi, sáu ngã. Do những ý nghĩa ấy, tác giả đã viết Khóa Hư Lục, trước hết là để tự thức tỉnh mình trên đường tu niệm và thực hành, nhằm thanh lọc sáu quan năng, mong đạt đến chỗ "lục căn viên thông", tức là chứng thánh quả, đồng thời khuyên mọi người nên hướng tâm lên đức Phật từ bi cao cả và hãy học hỏi giáo lý vô thượng của Ngài, và lấy đó làm chiếc bè đưa ta qua sông Mê, tới bờ Giác.

Trước hết ta tìm hiểu về hai chữ "Khóa Hư". Chữ Khóa (trong Khóa Hư Lục), theo Hán-tự, có nghĩa là bài học dạy về cách thức tu trì đúng chính pháp. Chữ Hư, nghĩa là rỗng lặng, tâm luôn luôn thức tỉnh, không

chấp vào hình tướng sự vật một cách giáo điều, cố định. Khóa, tượng trưng tinh thần hữu vi, minh chính, quả quyết. Hư, tượng trưng tinh thần vô vi, lỏng trong một ý nghĩa: vạn hữu chuyển biến, khổ, không, vô thường, vô ngã. Hiểu được lẽ sinh hóa của vũ trụ vạn hữu, là đi vào cõi Niết-bàn, bất sinh bất diệt, là chứng đạo, đạt tới trạng thái chân lý tối cao: Phật Đà.

Bây giờ chúng ta hãy đi vào nội dung tác phẩm (3) Quyển Thượng:

- Lời Tựa.

- Tứ Sơn Kệ, và những bài bình giải về cảnh Sinh, Già, Bệnh, Chết.

- Phổ thuyết Sắc-thân, tức nói về thân phận con người trước cuộc đời.

- Khuyến phát Bồ-đề tâm (khuyến mọi người mở lòng bồ đề).

- Lời Tựa.

"Xét đến ngọn nguồn thì tứ đại vốn không, ngũ uẩn (cũng) chẳng có. Do không khởi vọng, vọng thành sắc; sắc vốn tự không. Bởi vọng theo không, không hiển vọng; vọng sinh các sắc. (Một khi) đã trái với lẽ không sinh không hóa, nên vạn hữu mới có hóa có sinh - Nếu không sinh hóa thời không hóa, không sinh. Vì có hóa sinh nên có sinh, có hóa - Hoặc sinh thánh, hiền, khôn, dại, hoặc sinh lông, cánh, vây, sừng, chìm đắm ở bến mê hoải, lênh đèngh trong bể khổ mãi. Lờ mờ mù mịt, nào có biết chi; luống cuống luống cuống, không sao tỉnh được. Thấy đều do phóng túng cái tâm đi, không một ai hay quay đầu trở lại. Mặc kệ (cho) đi lại sáu đường; lên xuống bốn núi. Bốn núi là gì? Tức là sinh, già, bệnh, chết vậy.

Nay xin bàn rõ bốn núi, để cho sau này cùng noi".

Bài kệ Bốn Núi:

Tứ sơn tiêu bích vạn thanh tùng

Liễu ngộ đồ vô vạn vật không

Hỷ đắc lư nhi tam cước tại,

Mạch kệ đã sấn thượng cao phong.

Rừng cây bốn núi xanh xanh biếc,

Vạn vật nhìn chung chẳng thực nào.

Vui tạm, "lừa con ba vó gác"

Gắng lên... thẳng tới đỉnh non cao.

Bài kệ trên ngụ ý diễn tả bốn núi ví với bốn tướng (Sinh, Già, Bệnh, Chết) mà mọi sinh vật đều không tránh khỏi. Khi một sinh vật sinh ra đời, có nghĩa là sinh vật đó đã thoát được một tướng sinh, (nói cách khác: nếu không sinh, làm gì có già, bệnh và chết, ví như con lừa lúc nằm giấu kín một chân); nhưng còn ba

tướng kia, tức Già, Bệnh, Chết, nó luôn luôn rình rập, định cướp đoạt sinh mệnh của mỗi loài... Biết rằng: mỗi loài hiện hữu trên cõi đời này, là do Nhân-duyên sinh, nên chúng luôn mang trong mình cái lẽ đời đời, khổ đau, vô thường, vô ngã. Sự tu của người ta vốn thường hay lười biếng, khác nào con lừa - bản tính nó chậm chạp - muốn cho nó leo núi thì phải thúc giục nó đi mau. Cũng như người tu hành phải hạ thủ công phu lắm mới mong chứng được đạo quả.

Tàng Núi Thứ Nhất

"Tàng núi thứ nhất, tức là tướng "Sinh". Chỉ vì một niệm sai lầm, cho nên nhiều đường phiền phức: Hình hài gửi ở tinh cha mẹ, thai nghén nhờ nơi khí âm dương. Chùm cả ba "tài" (4), có mình đứng giữa; so trong muôn vật, người là khôn hơn. Chẳng kể chỉ người trí kẻ ngu, ai không từ buông thai bọc trứng; dù trăm họ hay một người cũng thế, thấy đều khuôn trong lò bể thợ trời. Hoặc là vàng nhật biến tướng, ấy điềm thánh chúa giáng sinh; hoặc bởi bóng sao hiện hình, ắt có người hiền xuất thế; hoặc kẻ tài hoa lỗi lạc, ngọn bút quét sạch ngàn quân; hoặc người võ nghệ cao siêu, sổ công thu hồi trăm trận; hoặc trai tài, lúc ra đường quả ném đầy xe (5); hoặc gái đẹp, con đực ý nư cười nghiêng nước. Bao kẻ cậy danh khoe sắc, bao người ganh khéo tranh khôn, xem ra đều trong kiếp luân hồi, rút lại chưa thoát vòng sinh hóa. Tướng "Sinh" của người là thế đấy, ví như mùa xuân trong một năm. Vạn "tam dương" (6) gặp buổi hanh thông, cảnh muôn vật chung màu tươi tốt. Một trời hừng sáng, khắp xóm làng hoa thắm liễu xanh; muôn dặm phong quang, cả nơi chốn oanh kêu bướm múa.

Kệ rằng:

"Chân tể huân đào vạn tượng thành

Bản lai phi triệu hựu phi manh

Chỉ sai hữu niệm vong vô niệm,

Khước bội vô sinh thụ hữu sinh.

Tị trước chư hương, thiết tham vị,

Nhãn mạnh chứng sắc, nhĩ văn thanh

Vĩnh vi lãng đăng phong trần khách,

Nhật viễn gia hương vạn lý trình".

Tạm dịch:

*(Thiên địa giao thoa vạn vật thành,
Nhân duyên hội ngộ sắc và danh (7)*

Vì sai hữu niệm quên vô niệm,

Bởi trái vô sinh chịu hữu sinh.

Mũi lười mê hương ưa mùi vị,

Mắt tai đắm sắc thích âm thanh

Lang thang khách trọ đời phiêu bạt

Xa cách quê hương vạn dặm trình).

Tầng Núi Thứ Hai

"Tầng núi thứ hai, tức là tướng "Già". Hình dong dần đổi, khí huyết đã suy. Mặt thì khô, tuổi lại càng cao, trước còn nghẹn sau thì vướng mắc. Đầu xanh mà đỏ, đổi thành tóc bạc da mồi; ngựa trúc áo ban (8), thêm có gậy cưu xe cỡi (9). Dầu mắt sáng tựa Ly Lâu, thấy sắc khôn tỏ; dù tai thính như Sư Khoáng, nghe tiếng khó rành. Thân hình tiêu tụy, cảnh liễu lúc thu về; nhan sắc tiêu tàn, bông hoa thuở xuân hết. Bóng chiều dần xế, gác nẻo non tây; dòng nước xa nguồn, xuôi về biển cả. Tướng "Già" của người đó, mùa hạ trong mỗi năm. Tiết trời nóng, đá kia còn chảy, muôn vật đều khô; ánh nắng hun, vàng nọ phải tan, trăm sông cũng cạn. Hoa tàn liễu úa, trong vườn bờ suối cánh thấy đầu; bướm lá oanh gầy, dưới lá đầu cành già hiện tới.

Kệ rằng:

"Nhân sinh tại thế nhược phù âu,
Thọ yếu nhân thiên mạc vọng cầu.
Cảnh bức tang du tương hướng vãn,
Thân như bồ liễu tạm kinh châu.
Thanh điều tích nhật Phan Lang mẫn,
Bạch biến đương niên Lã Vọng đầu.
Thế sự thao thao hồn bất cố,
Tịch dương tây chiếu thủy đông lưu."

Tạm dịch:

(Bệnh bông sóng nước kiếp con người,
Thọ yếu nào ai cưỡng số trời? (10)
Cảnh đã nương dâu làn nắng tắt,
Thân như bồ liễu hạt sương rơi.
Phan Lang thuở nọ đầu xanh mướt!
Lã Vọng năm nay tóc bạc rồi!
Sự thế bộn bề thôi ngoảnh lại,
Vắng hồng gác núi, nước trôi xuôi).

Tầng Núi Thứ Ba

"Tầng núi thứ ba, tức là tướng "Bệnh". Khi tuổi già lụ khụ, lúc bệnh cần thuốc thang. Tay chân mệt mỏi, đường gân mạch máu khó thông; khớp xương rời rã, trái gió trở trời dễ cảm. Trái hẳn với tính chân thường, mất hết cả nguồn thư sướng. Ngồi đứng khó khăn, duỗi co đau đớn. Tính mệnh tựa ngọn đèn trước gió; thân hình như bọt nổi trên sông. Bóng ma vừa quý, ẩn hiện trong tim; đom đóm chuồn chuồn, lập lòe khoe mắt. Hình hài gầy yếu, ai là Biển Thước chữa cho? Sức vóc suy vi, ai là Lư Y (11) cứu giúp? Bạn bè đã nhọc công thăm viếng, anh em càng uống sức nâng đỡ. Chứng liệt giường hàng tháng khôn lành; cơn gục gỏi mấy tuần chưa khỏi. Tướng "Bệnh" của người là

thế đấy, ví như mùa thu trong một năm. Gặp buổi tuyết sương rơi rụng; tới kỳ hoa cỏ úa tàn. Cây cao rừng rậm, gió vàng một trận chợt lơ thơ; núi biếc non xanh, móc ngọc vừa sa liền trở trụi".

Kệ rằng:

"Âm dương khiến đức bản tương nhân,
Biến tác tại truan cập thể nhân.
Đại để hữu thân phương hữu bệnh,
Nhược hoàn vô bệnh diệc vô thân.
Linh đang mạn sá trường sinh thật;
Lương được nan linh bất tử xuân.
Tảo nguyện viễn ly ma cảnh giới,
Hồi tâm hướng đạo dưỡng thiên chân"

Tạm dịch:

(Âm dương họa phúc vốn theo nhau,
Gieo rắc nhân gian nổi thâm sâu.
Vì bởi có thân, nên có bệnh,
Nếu như không xác, ắt không đau.
Phép tiên, đã mấy ai không chết?
Thuốc thánh nào đâu kẻ sống lâu!
Xa lánh cõi ma mau tỉnh thức,
Trên đường tu đạo, sớm quay đầu)

Tầng Núi Thứ Tư

"Tầng núi thứ tư, tức là tướng "Chết". Bệnh ngày càng nặng, mệnh lúc hầu tàn, tuổi thọ kia luống hẹn trăm năm, tám thân nọ chợt thành giấc mộng. Mấy kẻ khôn ngoan lanh lợi, tránh sao đại hạn tới kỳ? Bao người dùng lực oai hùng, khó gỡ vô thường ập đến. Vợ ngoan, hầu khéo, bỗng trở thành những vết đau thương; anh thảo em hiền, đành để lỡ đôi đường chia cách, vật mình lẫn đất, vỗ trán kêu trời, tường hoa nhà rộng có làm chi? Ngọc chất vàng chồng vô dụng cả! Dạ đài (12) khép kín mít, chợt nghe gió bắc rì rào; Tuyền lộ (13) đóng bít bùng, chỉ thấy mây sâu mờ mịt. Tướng "chết" của người là thế đấy, ví như mùa đông trong một năm. Trời đất cùng sao Thái-tuế (14) xoay đã hết vòng; nhật nguyệt theo ngôi Huyền hư (15) hợp vào một mối. Âm tĩnh cực thịnh, một trời mưa tuyết rụng rơi; dương khí dần tan, tám nước (16) giá băng tuôn lạnh lẽo".

Kệ rằng:

"Bãi đẳng cuồng phong quát địa sinh,
Ngư ông tú lý điều chu hoành
Tứ thủy vân hợp âm mai sắc,
Nhất phái ba phiên cổ động thanh.
Vũ cước trận thối phiêu lịch lịch
Lôi xa luân chuyển nộ oanh oanh."

*Tạm thời trần liêm thiên biên tĩn,
Nguyệt lạc trường giang dạ kỷ canh".*

Tạm dịch:

(Lòng lộng khắp nơi trận gió ngàn,
Ông chài say khướt mặc thuyền lan.
Bốn bề mây kéo trời u ám,
Một giải sóng gầm trống giục ran
Tầm tã cơn mưa bay lá tả
Ỉ ầm tiếng sấm nổ lan man
Giây lâu, tan bụi bầu trời tạnh
Đêm xuống dòng sông bóng nguyệt tan).

Tác giả sách Khóa Hư Lục đã thống thiết nói cho ta rõ về bốn nỗi khổ: Sinh, Già, Bệnh, Chết của một kiếp người (17). Thật vậy, không một đứa trẻ nào lúc mới ra chào đời mà không khóc. Khóc, là sự báo hiệu một sự nhận chịu nỗi khổ đau ở đời, một khi con người đã mang lấy nghiệp vào thân. Con người từ khi sinh ra, lớn lên và sống trong một khoảng thời gian dài ngắn không nhất định; cuối cùng bao giờ cũng đi đến cái chết, dù (người ấy) là trai hay gái, da vàng, da trắng, da đen, thông minh hay ngu tối, đẹp, xấu, sang, hèn, giàu, nghèo... tuy có khác nhau về hình thể, nhưng trên danh nghĩa: mọi con người đều gọi chung bằng một chữ "Người". Đức Phật dạy: "Con người vốn có Phật-tính và có khả năng thành Phật". Có đều Phật-tính ấy được hiển lộ - khi con người nghĩ và làm đều thiện - hay bị mờ - khi con người nghĩ và làm việc ác - chỉ khác nhau giữa hai tuyến Mê và Ngộ. Con người theo Đạo Phật, thường được đề cao một cách toàn triệt, vì con người có năng lực trí tuệ bén nhạy hơn hẳn muôn loài vạn vật; mà các sinh vật khác chúng thường sống theo bản năng. Do đó, con người có thể tiến hóa để trở nên những nhà bác học, vĩ nhân, hiền triết, bậc thánh, và cũng rất dễ sụt lùi, sa ngã, đắm chìm trong ba ngã, sáu đường, để nhận lấy cái Nghiệp hoặc "thiện" hoặc "ác" do chính mỗi người đã tạo từ kiếp trước hay kiếp này và liên hệ ở kiếp mai sau. Nói cách khác, "Loài người có thể tiến hóa đi lên, nhưng cũng rất có nguy cơ bị đào thải, vì không có gì bảo đảm rằng loài người tất yếu tiến hóa tốt".

Ca dao Việt Nam có câu:
*Lênh đênh qua cửa thần phù
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.*

Vì ý thức được nỗi khổ đau của kiếp người, nên tác giả sách Khóa Hư Lục, trong bài "PHỔ THUYẾT SẮC THÂN", đã khuyên chúng ta hãy luôn luôn thức tỉnh:

"Các người ơi! Thân là gốc mọi sự khổ (mà) chất

là nhân của cái nghiệp. Nếu cứ lấy thể làm thật, tức là nhận giặc làm con. Người nên xem lại kỹ càng: chỉ vì cái sắc thân này, trước khi đầu thai làm người, do nghiệp lực duyên khởi, ngũ uẩn hợp thành, mà vọng sinh ra thể mạo, giả hiện ra hình dong, quên cội gốc thực, hiện hảo huyền xứng. Hoặc gái hoặc trai, hoặc đẹp hoặc xấu, đều là phóng tâm đi mất, tịnh không lui gót trở về. Giọng ruồi vào đường sinh tử, bỏ quên bản tính thuần nhiên. Bởi thế chỉ nhìn ngoài mặt, không đoái trong thân. Lúc sinh ra chỉ theo lẽ hóa sinh, sống trong cảnh mộng, nói chuyện mộng ảo. Rập rờn cuộn cuộn, bối rối loay hoay. Lấy "ảo" làm "chân", trái "không" theo "sắc". Bộ xương khô cài hoa điểm ngọc, túi da bẩn xoa xạ ướp hương. Cắt lương the bọc bao máu mủ, nhào son phấn bôi thùng phân dơ. Ngoài dù trang điểm như thế, trong vẫn như bản gấm ghê. Không biết tự xét sượng sùng, lại cứ quỵn luyến thân đó.

"Các người ơi! Đường như tượng gỗ máy quay, chỉ cạy sợi tơ lôi kéo. Quanh đi quanh lại, cũng cùng lối sinh, khi phóng khi thu, khác gì xác chết. Lại còn tính thiệt suy hơn, đều bởi sáu căn ganh lộn. Chẳng lo già, bệnh, chết theo, chỉ mãi từu, sắc, tài mãi. Tranh giành những cái nhỏ nhặt, mà bỏ buộc trong vòng danh lợi. Ban ngày hết sức cầu may; buổi tối hóa ra tưởng mộng. Chết chứa bợn nghiệp như giếng, biết đâu mái tóc tựa sương. Một mai mắc bệnh nặng nề; trăm năm đều về mộng lớn. Tim gan đau xót tựa mối oán thù; da thịt hao mòn khác chi ma đói. Vẫn còn muốn sắm lễ vật cầu đảo cho sống lâu, không biết rằng giết loài vật là tổn sinh. những mong một đời trường thọ như tùng bách, có biết đâu từ chi khác nào nhà dột. Hồn vía tạm về lối quý; xác thân còn bỏ cõi người. Tóc, lông, răng, móng chưa kịp tiêu; rớt, rã, bọt, hơi đã thấy ứa. Thối nát chảy máu chảy mủ; tanh hôi xông khắp đất trời. Đen rộp mắt chẳng dám nhìn; xanh xù cũng đều chết mất. Để trong nhà thì làm tổ cho trùng; bỏ ngoài đồng thì làm mồi cho quạ. Người đời đều bịt mũi mà qua; con hiểu phải lấy đất mà lấp. Thu nhập thịt xương, chôn đi hài cốt. Quan quách phó mặc cánh đồng ma trời; nắm mộ chôn nơi núi non hoang vắng. Xưa kia tóc mượt má hồng; ngày nay tro tàn xương trắng. Khi mưa lệ tưới mây mờ mịt; lúc gió sầu lay chuyển mơ màng. Canh tàn thì quý khóc thân sâu, lâu năm thì ngựa quân trâu phá. Lửa đóm lập lòe trong cỏ rậm, tiếng dế rên rĩ ngọn tiêu dày đặc đường ngang. Xưa lia dầu văn chương hơn chúng, hay tài sắc nghiêng thành, đến đó thì chẳng ai hơn ai, chung qui người nào cũng thế. Mắt bị sắc lôi về rừng kiếm. Tai theo tiếng dẫn đến non dao. Mũi thường ngửi hít khói hôi tanh. Lưỡi phải nếm ăn viên sắt nóng. Giội nước

đồng sôi thân co quắp, bỏ vào vạc nấu ý chua cay. Trăm năm trong cõi người ta, một ngày cõi ngục kể đã dài ghê! Nếu ai có mắt tinh đời, phải kíp hồi tâm xem lại, hòng cắt mình vượt qua bể sinh tử, dang tay xé toạc lưới ái ân. Chả nề trai gái, ai cũng nên tu; chẳng cứ trí ngu, đều có phận cả. Nếu chưa đạt được tâm Phật ý Tổ; trước hết hãy trì giới tụng kinh. Nhưng đến khi ngộ được Phật cũng không mà Tổ cũng không thì làm gì còn có giới để trì, kinh để tụng? Lúc ấy thân tuy ở trong cảnh giới ảo sắc mà như đã ở trong cảnh giới chân sắc (vì ảo sắc cũng là chân sắc), ở trong phàm thân mà kỳ thực là ở trong pháp thân. Phá sáu giác (lục tặc) thành sáu thần thông; biến tám khổ ra tám tự tại. Tuy nói như thế, nhưng người ta đã có cái sắc thân này, thoát ra cũng là khó lắm.

"Các người ơi! Chỉ mong chu toàn cái sắc thân ấy thì làm sao mà thoát ra được. Nếu chưa thoát được, xin hãy lắng nghe:

Vô vị chân nhân thịt đỏ lôm,
Rõ ràng trắng đỏ rõ ràng nom.
Ai hay mây cuốn trời quang sạch,
Ánh biếc bên trời một dang non.

Ôi! Đời chỉ biết vàng là quý, nhưng xét kỹ đến chỗ khinh trọng thực không bằng mệnh người được. Ví dụ như một nhà giàu kia: lên làm quan đại tướng, dùng vàng giắt vào áo giáp để hộ thân, đến khi chiến trận, đang lúc đao binh giao tiếp, có khi phải cởi giáp vứt gươm mà chạy, chỉ mong cho toàn một thân thôi, còn áo giáp vàng kia rồi đâu nhìn đến, thế mới biết vàng tuy là trọng, cũng không thể ví với mệnh người được, là nghĩa thế đó. Nay không hiểu thế, lại quý vật mà rẻ thân, chẳng biết thân mình có ba điều khó gặp được. Những gì là ba? Một là: Ở trong sáu đường, chỉ người là quý, đến khi tinh lạc về âm, tối tăm mờ mịt, chẳng biết đường đi. Hoặc vào những ngã: địa ngục, a-tu-la, súc sinh, ma đói, chẳng được làm người, ấy là một điều khó gặp đó. Hai là: Tuy được làm người, sinh nơi mọi rợ, tầm cùng một vùng, ngủ cùng một giường, sang hèn ở lẫn, trai gái nằm chung, chẳng được gió nhân, không nhuần phép thánh, ấy là hai điều khó gặp đó. Ba là: Đã được sinh nơi văn hóa, sáu căn chẳng đủ, bốn thể không toàn, mũi diếc ngọng câm, thậm thọt công uõn, miệng mũi tanh hôi, thân hình thối loét, thấy chẳng cho tới, chùng chẳng dám gần. Tuy ở trong nơi thanh lịch, cũng như ngoài cõi hoang cùng. Ấy là ba điều khó gặp đó.

"Nay được làm người, sinh nơi văn hóa, sáu căn toàn vẹn, há chẳng quý sao? Khấp mặt người đời, cứ mãi miết trong vòng danh lợi, làm nhục cả xác, mà thương cả thân. Thân mệnh là rất trọng mà nỡ bỏ, của cải rất khinh mà lại chăm. Ví với bọn ăn bánh quên

vợ, ngâm cơm quên mép, có khác gì không? Thân mệnh tuy là chỉ trọng thật, song cũng chẳng trọng bằng chỉ đạo vậy. Thế cho nên Khổng Phu Tử có câu rằng: "Sớm nghe đạo, tối chết cũng cam", Lão Tử thì nói: "Ta có sự lo lớn vì ta có cái thân". Đức Thế Tôn cầu đạo xả thân cứu khổ, thế chẳng phải là ba đáng thánh đều khinh thân mà trọng đạo đó ư? Than ôi! Thân mệnh là rất trọng mà còn nỡ bỏ để cầu lấy đạo Vô Thượng Bồ Đề, phương chi vàng ngọc châu báu là vật rất khinh, tiếc làm gì nữa? Ôi! Trong ấp mười óc nhà còn có người trung tín, nữa là khắp mặt người đời, lẽ nào lại không có ai thông minh sáng suốt hay sao?

"Nếu nghe lời này, phải nên chăm học; đừng có ngờ chi. Kinh có câu rằng: "Một mắt thân người muôn kiếp chẳng lại" đáng đau đớn biết bao! Khổng Phu Tử nói "Người mà không chịu làm, ta cũng chẳng làm sao được" chính là thế đó".

Và tác giả đã kết thúc quyển thượng bằng một bài "Phổ Khuyên Phát Bồ Đề Tâm" nhằm khuyên thỉnh mọi người hãy phát tâm Bồ-đề để tạo sự tốt lành cho chính bản thân và làm đẹp cho xã hội.

"... Chẳng cứ đại ân, tiểu ân, chẳng kể tại gia, xuất gia, nếu biết phản chiếu hồi quang thì ai ai cũng có thể kiến tính, thành Phật. Hơn nữa, thân người dễ mất, đạo pháp khó có dịp may để gặp, nếu muốn thoát khỏi vòng lục đạo, duy có đạo Nhất-thừa là con đường tắt dành cho mọi người cùng đi vào. Khi đã có được chính kiến, cần phải tránh đừng nên tin nhầm ở bọn tà sư. Ngộ rồi thì ra vào tự tại, tu được là thoát vòng sinh tử".

"Núi kia thấp xuống trông trời rộng

Sen nở trắng bông thoảng nước hương..."

Quyển Trung và Hạ gồm các nghi thức tu niệm mà hành giả phải thực hiện trong 6 THỜI KHÓA MỖI NGÀY, nhằm mục đích thanh tịnh hóa 6 quan năng. Mọi tội lỗi mà con người mắc phải (nguyên nhân) là do 6 quan năng tiếp xúc với 6 trần cảnh, rồi khởi vọng tâm ham muốn (tham), sân hận (sân), si mê (si) v.v...

Trong "Lục Thời Sám Hồi Khoa Nghi" tác giả trình bày lý do vì sao cần phải sám hồi, và sám hồi có những lợi ích gì. Sám hồi, không có nghĩa thuần túy như người ta thường hiểu lầm là xin kể tội với Phật để cầu Phật tha thứ, mà đích thực là sự tự nhắc nhở mình phải luôn luôn thức tỉnh. Vì tội vốn không có tự tính, chẳng qua do nhân duyên phối hợp 6 quan năng tiếp xúc với 6 trần cảnh khiến cho vọng tâm điên đảo phát sinh. nó đã bởi nhân duyên mà sinh khởi. Thì nó cũng bởi nhân duyên mà tiêu diệt (18).

Nguyên văn bài tựa LỤC THỜI SÁM HỒI KHOA NGHI:

"... Sự đi lại dưới sông trên đất được tiện lợi là nhờ có thuyền xe; những bụi nhơ trong thân tâm được tẩy sạch là do ở lễ sám. Muốn rửa sạch bụi nhơ nơi thân tâm mà không dùng đến lễ sám, khác gì muốn tiện lợi đi lại mà không dùng đến thuyền xe?"

"Nên biết công dụng của sự lễ sám thật là lớn lao. Trong kinh Đại Tập có nói: "Như chiếc áo bẩn trăm năm, có thể chỉ trong một ngày giặt được tươi sạch. Như vậy, những "nghiệp bất thiện" của trăm nghìn kiếp hợp lại, nhờ vào Phật lực và khéo suy xét thuận theo, có thể nội trong một ngày, một giờ, tiêu diệt được hết". Và chẳng chúng sinh vốn có tính hiểu biết rất là trong sạch, tròn sáng, lồng lộng như bầu thái hư, mây bụi không thể bám dính; chỉ vì cái "bóng sai lầm" ánh tới, hòn đất dơ bẩn hiện lên, thành ra có "năng", "sở" chia cách, Phật và mình khác nhau, "căn" và "tính" chia ra thành nhánh, trí và ngu tách làm hai ngã. Nếu bảo họ bằng một cửa, khó lòng khiến họ giác ngộ mà đi vào. Cho nên đức Phật ta rộng nguyện đại trí, mở cửa phương tiện, vạch đường chỉ lối, tùy bệnh cho thuốc. Biết rằng cái "dơ ảo huyền" của chúng sinh đều do ở sự sai lầm mà ra, nên cần phải một lòng tinh thành, qui y lễ sám, khiến cho thân tâm trở lại trong sạch như xưa, ví như gió im sóng lặng, bụi hết gương sẽ trong. Là vì tâm xấu ác trước kia dấy lên chỉ như làn mây che lấp vàng trắng, mà tâm thiện sau đó được nảy nở thì như bỏ đuốc soi vào bóng tối vậy. Công dụng lớn lao của phép lễ sám cũng như thế gió. Trăm nhờ lòng trời yêu mến, được ở ngôi vị chí tôn, việc dân khó khăn, việc nước bề bộn, bên ngoài bị cảnh phồn hoa cám dỗ, bên trong bị ham muốn khiến xui, miệng chán cao lương, thân đầy vàng ngọc, tai mắt phục dịch cho sắc đẹp tiếng hay, thân thể ở trong lầu cao nhà rộng; lại thêm vận đời kiêu bạc, côi người suy hèn, kẻ học lơ mờ, căn lành yếu mỏng, ngày thì bụi trần rối rít, lưới nghiệp bủa vây, đêm nằm ngủ trùm che, nút lười thất buộc, ngày đêm bận bịu, hết thấy là những trò gây vạ chiêu tai. Trăm đã suy nghĩ về những việc đó mà lòng thương cảm bồi hồi, quên ăn quên ngủ. Nhân khi chính sự được rảnh, xem khắp kinh luận và các nghi văn, bèn soạn thành một tập hầu làm khuôn phép "tự lợi, lợi tha" để bảo cho đời. Ngẫm kỹ bao nhiêu tội nghiệp tích lại, đều do sáu căn gây ra, đến như Đức Thích Ca khi chưa thành Phật, trước hết phải vào núi Tuyết tu khổ hạnh sáu năm, đó cũng là vì muốn ngăn che sáu căn vậy.

"Trăm phỏng theo ý đó, chia sáu căn làm sáu giờ, mỗi giờ lễ sám một căn. Trăm lại tự chế ra các nghi văn, gọi là "Lục Thời Lễ Phật Sám Hối Khoa Nghi" ... Sự vẫn ruộm rà thì việc sám hối trễ lười, mà nói xa xôi thì nghi ngờ theo đó nảy ra, cho nên ở đây không dùng

những lời phù hoa, chỉ cốt làm cho gọn quynh, khiến kẻ tụng đọc đều vui và người nghe dễ hiểu, ngõ hầu bọn có lòng tin, có thể ngày đêm phát tâm trí thành, dùng khoa nghi này mà sám hối với đáng mình lễ, ấy là không phụ điều "tự lợi, lợi tha" mà trăm hằng mong mỏi. những ai sáng mắt sau này, chớ vì văn pháp mà cười. Dù thế,

"Vì SEN sớm nở nơi cung thất,

Nhộn nhịp oanh vàng rặng liễu xanh"(19)

Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi vốn là một phương tiện cảnh tỉnh tâm hồn, không hơn không kém. Sự cảnh tỉnh này được thực hiện trong mọi mặt, (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý) và vào mọi lúc trong ngày (tang tảng sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi nhá nhem, buổi tối, buổi quá nửa đêm).

Tự nhắc nhở về tính chất vô thường, bất tịnh và hư giả của cuộc đời không phải là để buồn nản buông xuôi mà là để dốc lòng tinh chuyên thực hiện sự đạt ngộ. Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi đã được vua ngự chế để thực hành sám hối một ngày sáu lần, có lẽ trong những ngày ít bận rộn việc triều chính và có lẽ cả ở chùa Phổ Minh hay Chân Giáo. Khoa nghi chia làm sáu phần, để thực hành sáu lần trong ngày. Mỗi lần lâu khoảng 20 phút. Nghi thức gây tác động cảnh giác rất cao và rất tha thiết: sám hối ở đây không phải là xin tội với Phật mà là gạn lọc và thức tỉnh tự tâm.

Vào thế kỷ thứ sáu vua Lương Võ Đế bên Tàu cũng có ngự chế một nghi thức sám hối tên là Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp, mười quyển, nhưng là để nhờ các vị tăng sám hối cho bà hoàng hậu đã vì sân si mà nhảy xuống giếng chết để sau trở thành một con độc long. Nghi thức này sau được gọi là Lương Hoàng Sám. Người ta nói rằng sau khi các vị tăng sám hối xong thì hoàng hậu được siêu thăng và về báo mộng cho vua hay. Trong trường hợp vua Thái Tông, Ngài không ngự chế để xin tội cho ai khác. Chắc chắn những hành động của Trần Thủ Độ, như ép Lý Huệ Tông tự tử, giết tôn thất nhà Lý, giết hết binh sĩ theo Trần Liễu làm loạn ngoài sông Cái, ép vua lấy chị dâu đã có mang... đã đè nặng trên tâm tư Thái Tông, và những khổ đau này có dự phần vào động cơ sáng tác sám pháp. Nhưng các tội lỗi trên, Thái Tông không nghĩ là của riêng Trần Thủ Độ mà là tội lỗi của cả gia đình và dòng họ, là tội lỗi của chính mình. Tuy vậy, suốt sáu nghi thức sám hối, ta thấy nhu yếu cầu sám thì ít mà nhu yếu thức tỉnh và tinh chuyên thì nhiều. Sám pháp ở đây được thực dụng như một phương tiện yểm trợ thiền định, gạn lọc nội tâm, tạo nên trạng thái thao thức của sự cảnh giác.

Mỗi nghi thức bắt đầu bằng một bài kệ cảnh giác ,

rồi đến lễ dâng hương, một bài kệ dâng hương, một bài kệ dâng hoa, một bài trần bạch có tác dụng cảnh giới, một bài văn sám hối, một bài kệ khuyến thỉnh, một bài kệ tùy hỷ, một bài kệ phát nguyện, và cuối cùng là một bài kệ Vô Thường. Lời văn rất diễm lệ, hình ảnh rất phong phú, tư tưởng rất sâu sắc. Sáu nghi thức là sáu hòn bích ngọc: Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi của Trần Thái Tông là một sám pháp gọn gàng, thực tiễn và đẹp đẽ và thực dụng hơn. Không biết tại sao ở các thiền đường xứ ta, sám pháp vua Trần Thái Tông lại được rất ít người sử dụng trong khi các sám pháp Lương Hoàng, Dược Sư, Thủy Sám lại rất phổ thông...!" (20) (Sđd, trang 279, 280).

Trong sáu thời khóa lễ, mỗi khóa có những nghi thức khác nhau. ngoại trừ các bài kệ Dâng Hương, Dâng Hoa, Khuyến Thỉnh, Tùy Hỷ, Hồi Hương là có tính cách đồng nhất, vì là kệ. Còn những bài văn khác như: Khải Bạch, Sám Hối, Phát Nguyện... tuy có chung một tiêu đề nhưng, về nội dung, mỗi bài văn mang những tâm tư ý nghĩa khác nhau.

Khóa Lễ Sám Hối Lúc Nửa Đêm (21)

Bài KỆ VÔ THƯỜNG:

"Muôn tiếng vừa yên lặng
Canh ba trống mới hồi
Tiếng quốc kêu thảm thiết
Giác bướm vẫn miệt mài
Kiến lẩn cây hộc mục
Cả ngòi mặt nước bơi
Không coi vàng trắng mọc
Những mển đoá hoa cười
Lạc nhà xa ngàn dặm
Giác ngủ vẫn tham hoài
Chẳng biết thân là giả
U Mê suốt một đời".

LỄ DÂNG HƯƠNG LÚC QUÁ ĐÊM:

Phục dĩ: Chuôi sao quay bắc, sông Hán về tây, giác bướm bên gối còn say, tiếng ốc trên lầu đã dứt. Sắp hàng tăng chúng tới pháp đàn, trước tượng Thế Tôn dâng hương báu.

Hương này trồng ở cung trăng đem lại, rẽ ăn trong núi quần quanh. Dâng màu khác tục, thể chất vô trần, xa vượt "thước đầu" nước Ngô nọ, cao hơn "qui giáp" rừng quế kia. Đốt lên tắt ngay lửa giận, xông ra nhờ trận gió Từ, nào phải giống thơm hạ phẩm, thực là mùi lạ thượng phương. Mảnh khánh như tơ hồng khí đẹp, ngạt ngào mùi tốt hóa diễm lành, nghi ngút trước nơi bảo tọa, tờ mờ ngoài chốn rèm châu. Quay đầu tìm kiếm, quang minh nơi đó tự nhiên sinh; thấy

mặt ngát mùi, tịch diệt bởi đây thân chứng được. Nay buổi quá đêm, đốt hương dâng cúng.

BÀI KỆ DÂNG HƯƠNG

"Hương này lấy ở rừng thiên,
Trồng trong tuệ uyển thiên nhiên ngạt ngào.
Giới đao vót hình núi cao,
Đốt lò tâm nguyện muôn sao cúng dường".

BÀI KỆ DÂNG HOA:

"Hoa tâm nở màu tốt tươi
Mùi thơm sực nức hoa trời kếm xa
Trước Phật, xin dâng đoá hoa
Muôn thu gió nghiệp khó mà chuyển lay".

KHẢI BẠCH

Kính tâu: "Đại giác thập phương, Hùng sư tam thế. Rót cam lộ cứu kẻ cơ hàn; cảm thần châu soi nơi tăm tối. Trộm nghe, sáu kâu năm đạo, gà giục ba hồi. Bóng đuốc tiệt mỗi hồ tàn hết; ánh sao ngân hán đã lặn rồi. Giác điệp lại quay về thế mộng; tiếng chuông khua tan chốn âm thâm. Trăng mờ vừa ngậm vành non biếc; trời hồng chưa nhô mặt bể xanh. Tiếng sáu tường cổ gấp kêu; vó ngựa đường quai mới động. Dầu thành mịt mù khói nhạt bay; ngoài trời lá tá sương mờ tỏa. Chính là lúc đạo sĩ triều chân; vừa giữa buổi tăng già hành đạo. Nghìn nhà muôn họ cửa còn đóng; một đêm sáu đạo công đã thành. Đường thế mịt mùng; quần sinh tất tả. Tuy kinh giấc ngủ ôm gối nằm; chưa tỉnh trọn đời mở mắt dậy. Các con Phật ơi! Nếu cứ suốt đêm chơi tưng tử, thì thấy trọn ngày tăm tối tăm. Đến nổi chẳng trối một đời; đều do vẩn cơ hai chữ. Vì người chỉ mở tia sáng soi, để lại sau này mà tự xét. Nên biết mệnh người vô thường, chớ để lúc này lỡ mất. Di Đà thấy rõ trong tâm; tịnh độ hiện ngay trước mắt. Nếu hay đang nhận lấy, liền được hiện tiền tức thì. Vậy bọn chúng con kính cần bây giờ làm lễ quá đêm".

SÁM HỐI NGHIỆP Ý CĂN

"Đốc lòng sám hối, bọn chúng con từ bao nhiêu kiếp tới nay, bỏ mất bản tâm, không biết chính đạo, đoạ ba đường khổ, bởi sáu căn sai, trước chẳng hay sám hối, sau khó mà ăn năn. Nghiệp Căn Ý là: nghĩ vơ nghĩ vẩn, không lúc nào dừng, mắc mưu tình trần, lấp tâm chấp tướng, như tầm kéo kén, càng buộc càng bền; như ngài vào đèn, tự thiêu tự đốt, tối tăm không tỉnh, nghiêng ngửa sinh xằng; khuấy rối tắc lòng, đều do tam độc. 1/ tội keo tham là: mưu ngầm ghen ghét, keo cú vợ vào; mười vốn nghìn lời, còn cho chưa đủ; tiền như nước chứa, lòng tựa chén dờ; rót vào lại hết,

vẫn nói chưa đầy. Tiền mục thóc vàng, không cứu đói rét; lượt chổng là súc, nào có giúp cho; được người mấy trăm, chau nói là nhiều; hại mình một đồng, làm như hao lớn, trên từ của quý, dưới đến tơ gai, kho đụn chất đầy, chưa từng bố thí. Biết bao nhiêu sự, ngày tỉnh đêm lo, khổ từ lao thần, đều do tham nghiệp. 2/ tội sân nộ là: lấy tham làm gốc, lửa sân bốc cháy, quắc mắt quát to, đốt thương hòa khí, không những kẻ tục, cả đến chúng tăng; kinh luận bàn pha, cùng nhau công kích, chê cả sư trưởng, nhiếc đến mẹ cha; héo lá úa cành, nồng nàn lửa độc; buông lời tổn vật, cất tiếng hại người; không nghĩ từ bi, không theo luật cấm; bàn suông tựa thánh, tới cảnh như ngu; dẫu ở cửa Không, chưa thành vô ngã; mỗi cây sinh lửa, lửa cháy đốt cây, những lỗi như thế, đều bởi nghiệp sân. 3/ tội ngu si là: tính cần ngu độn, ý thức tối tăm, không biết tôn ti, không chia thiện ác; giết gấu gãy tay, chặt cây đau xác; nhiếc Phật chiêu tai, nhổ trời uớt mặt; quên ơn quên đức, bội nghĩa bội nhân; không xét không hay, đều vì si nghiệp. Những tội như thế, rất nặng rất sâu; đến khi chết rồi, đọa vào địa ngục; trải ngàn ức kiếp, mới được thác sinh; dù được thác sinh, bị báo ngoan ác; nếu chẳng sám hối, sao được tiêu trừ. Nay đối trước Phật, đều xin sám hối".

BÀI KỆ KHUYẾN THỈNH

Khuyến thỉnh mười phương ba đời Phật
Các đáng Bồ-tát, Thánh Hiền Tăng
Xin rủ lòng thương cứu chúng sinh
Độ cho hết thấy... sang bờ Giác.

BÀI KỆ TÙY HỖ:

Con nay vui vẻ xin theo Phật
Hôm sớm tu hành diệt tội xưa
Ngôi Thập Địa, con xin bước tới
Bồ-đề đạo quả nhập "vô dư"

BÀI KỆ HỒI HUỐNG:

Chúng con hồi tâm qui đạo chính
Cúi đầu kính lạy Đức Từ Bi
Nguyện đem phúc báo tới muôn loài
Nhờ nhân tốt ấy thành chính giác.

Con nhờ thành kính lễ Phật Pháp Tăng ở khắp
mười phương và xin dốc lòng phát nguyện:

1. Nguyện nguồn linh thường vắng lặng
2. Nguyện tạng thức thoát ưu phiền
3. Nguyện mọi mối ngờ chấm dứt
4. Nguyện trăng thiên sáng vô biên
5. Nguyện ngã, pháp trần bất nhiễm
6. Nguyện lưới ái sạch phan duyên

7. Nguyện tu chứng ngôi Thập Địa
8. Nguyện sớm vượt cõi tam thiên
9. Nguyện tâm viên hết quấy nhiễu
10. Nguyện ý mã sạch triền miên
11. Nguyện nhất tâm truyền chính pháp
12. Nguyện ưa mộ đạo tham thiền

BÀI KỆ VÔ THƯỜNG:

"Trống pháp đạo tan phù thế mộng,
Chuông chùa khua động khắp gần xa.
Vẫn ham giấc ngủ đang mài miệt;
Chẳng quản vàng đồng đã chói lòa,
Dằng dặc đêm trường còn có sáng,
Mịt mù lối quý khó tìm ra.
Nay không cố gắng công tu đạo,
Ngày khác làm sao gặp Phật Đà".

BÀI KỆ KHUYẾN MỌI NGƯỜI:

(của Hoàng-đế Thái Tông)

"Sinh, lão, bệnh, tử
Lý chi thường nhiên
Dục cầu giải thoát
Giải phọc khiên triền
Mê nhi cầu Phật
Hoặc nhi cầu thiên
Thiên đã bất cầu
Đỗ khẩu vô ngôn".

(Sinh, già, bệnh, chết,
Lẽ thường tự nhiên.
Muốn cầu giải thoát,
Lại càng rồi ren.
Mê mà cầu Phật,
Hoặc mà cầu thiên.
Thiên không cầu nữa,
Ngậm miệng ngồi yên.)

Khóa Hư Lục, quyển Trung và Hạ, chấm hết bằng tám câu kệ trên đây.

Chú thích:

(1) Lối văn biền ngẫu mà các vị đại nho nước ta thường hay dùng để viết những bài phú, hoặc sớ, biểu v.v...

(2) Lấy lý ở câu "dân chi sở dĩ hể tác ư hạ giả diệt do xích tử chi mộ phụ mẫu dã" trong bài Tựa Thiên Tông Chi Nam thuật lại lời Trần Thủ Độ nói với vua.

(3) Phần trích dẫn sách Khóa Hư Lục chúng tôi căn cứ bản dịch Hán Việt đối chiếu của THIẾU CHỮU và, cùng lúc, có tham khảo bản dịch Tứ Sơn Kệ của NGÔ TẮT TỔ, Văn Học Đời Trần, ấn bản năm 1960.

(4) BA TÀI, tức là trời, đất và người.

(5) Những chú thích dưới đây dẫn theo sách VHDT, TRỊCH

QUẢ: ném quả. Sách Thế thuyết nói: Phan Nhạc rất đẹp, mỗi khi ra đường, đàn bà lấy các thứ quả ném đầy cả xe. Vì vậy người ta hay dùng điển này để nói người đẹp trai.

(6) TAM DƯƠNG: Ba khí dương, tức là mùa xuân.

(7) SẮC: Các hiện tượng vật chất.

(8) TRÚC MÃ: Ngựa bằng tre. Sách Tấn Thư nói: Hoàn Ôn lúc nhỏ, thường hay bẻ tre cưỡi làm ngựa.

(*) BAN Y: Thứ áo sắc sỡ của trẻ con. Sách Hậu Hán thư nói: Lão Lai ngoài bảy mươi tuổi, hãy còn cha mẹ, ông ta thường mặc áo năm màu sắc sỡ, chơi đùa dưới đất như trẻ con, để mua vui cho hai thân.

(9) BỎ LUÂN: Bánh xe có bọc cỏ cói. Sách Sử Ký chép: Đời xưa làm lễ Phong Thiên, thường dùng cỏ cói bọc vào bánh xe mà đi, sợ rằng hại đến cây cỏ trên núi. Về sau người ta cũng dùng xe ấy để người già đi cho êm. CUU TRUỘNG: Cái gậy khắc hình chim cuu, gậy của người già. Sách Hậu Hán Thư nói: Người nào tuổi đến bảy mươi, nhà vua ban cho một chiếc gậy ngọc, đầu gậy chạm hình chim cuu. Cuu là giống không ghen, tặng chiếc gậy đó, có ý muốn người già khỏi ghen.

(10) TRÔI: Không có nghĩa chỉ định mệnh hay thiên mệnh, mà chỉ có ý nói rằng: con người sinh ra đời, khi thân mệnh đã suy tàn, con người sẽ chết, không nhất định là già hay trẻ.

(11) Lư Y cũng là Biển Thước. Vì biển Thước nhà ở đất Lư, cho nên người ta gọi Lư Y.

(12) DẠ ĐÀI: Đài đêm, chỉ về âm phủ.

(13) TUYÊN LỘ: Cửa của tuổi vàng, chỉ về âm phủ.

(14) THÁI TUẾ: Tức là sao Mộc, đi mười hai năm mới hết một vòng. Vì vậy người Tàu ngày xưa mới dùng tên của những nơi sao đặt tên cho mỗi năm.

(15) HUYỀN HƯ: Một sao trong đoàn nhị thập bát tú.

(16) BÁT THỦY: Tám dòng nước của tám con sông: Kinh, Vi, Lao, Bá, Sân, Lễ, Lạo, Tuyết.

(17) Lão Tử nói: "Ta có sự lớn vì ta có cái thân".

(18) Trong Từ Bi Tam Muội Thủy Sám có câu: "Tội tính không già, tội vô tự tính, tông nhân duyên sinh, điền đảo nhi hữu, kỳ tông nhân duyên nhi sinh, diệt tông nhân duyên nhi diệt".

(19) Tuy vậy, do trầm sớm giác ngộ, mới làm văn sám này cho mọi người, từ quan tới dân, biết mà noi theo.

(20) NGUYỄN LANG, Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Lá Bối xuất bản 1974.

(21) Chúng tôi chọn lấy khóa lễ nửa đêm là giờ yên tĩnh nhất, tức khóa lễ cuối cùng trong ngày, nhằm thanh lọc Ý-căn. Trong sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý) thì ý căn là chủ động.



Hạt Bụi

Vô Thường

*Ta đem thơ ra vườn gió
Thả thơ lên chín tầng không
Thơ bay, thơ không trụ xứ
Hương thơ tám hướng bành bồng*

*Nguyện lòng xa rời ngũ trược
Kiếp đời, còn mắt có không
Giữ gì! Theo ta vọng tưởng
Trầm luân mãi chốn bụi hồng*

*Thơ bay ra sông ra biển
Thơ vui cỏ nội hương đồng
Gió lành ngát hương thanh khiết
Thanh thơ thơ vào hư không*

*Còn ta đứng trong vườn gió
Như nhiên Mây, Gió chuyển vòng
Giữa không gian vùng tịch tịnh
Sát na chột ngộ Sắc, Không*

*Ta nhìn trời cao thăm thẳm
Ta nhớ biển rộng mênh mông
Một vòng, một vòng ảo giác
Nơi về, rồi cũng là Không*

*Thơ trải lòng ra sông biển
Thơ giữa đất trời mênh mông
Phải thơ như là hạt bụi
Hạt Bụi Vô Thường Sắc Không.*

TUỆ NGÀ

Oregon, Mùa Phật Đản 2006

Mấy Lời Gởi Lại

Tôi biết mình bệnh hoạn nhiều nên chắc là không còn sống bao nhiêu nữa. Trên 25 năm nay, tôi sống ở đất khách mà lòng cứ canh cánh bao nỗi niềm không nói ra được. Cho nên, hôm nay mới vừa khỏe lại sau một cơn bệnh nặng, tôi gắng viết mấy dòng sau đây gởi lại.

Trước là với các bậc Thầy, các Pháp hữu và những người đã từng giúp đỡ cho tôi nhiều hay ít trong suốt cuộc đời này, tôi lúc nào cũng một lòng nhớ ơn, mong đem sức làm được cái gì cho Đạo Pháp để đền đáp. Chỉ vì lắm lúc, lòng thì có lòng mà sức thì không, hoàn cảnh lại có nhiều chướng duyên nên đành chịu.

Mỗi khi nghĩ đến Đạo Pháp, tôi thật xót xa cho hoàn cảnh của chúng ta ngày nay. Ở đâu cũng có ngang trái; ở đâu cũng có chia cách, từ bên ngoài đến lòng người. Tôi không còn sức để nghĩ nhiều. Tôi cũng không nghĩ đến sự phải trái của một ai nữa. Tôi chỉ thẳm nguyện mong sao cho mọi ngang trái được vượt qua, mọi ngăn cách được san bằng để người Phật Tử chúng ta chung lòng chung sức hàn gắn lại những gì đã vỡ, gây dựng lại những gì đã mất để trên không phụ ơn thầy Tổ, dưới mở đường cho thế hệ tương lai. Được như thế thì Phật Giáo mới vững bền và tiền đồ mới xán lạn. Còn không được thì chúng ta còn biết lấy gì để trông đợi nữa đâu! Sống nếu tôi không thỏa mãn được tâm nguyện này thì cũng xin mong chờ ở sau này nơi các anh em hậu học.

Riêng tôi lúc này nhìn lại đời mình, tự thấy chỉ được một điều an ủi. Đó là từ trước đến sau, tôi chỉ có một tấm lòng với Đạo, với quê hương. Tấm lòng với Đạo cho tôi nguyện dù sống hay chết cũng chỉ ở trong Đạo; phước hay họa thế nào cũng không bao giờ bỏ Đạo, còn có gì chân thật như đạo của Phật nữa đâu! Danh lợi hão huyền, một đời cũng đủ cho tôi chứng nghiệm.

Còn tấm lòng với quê hương thì tôi xin ước nguyện cho quê hương được thanh bình, cho mọi người sống trên quê hương được an lành, tự do, ấm no, không còn bị tai trời, ách nước, họa người làm cho điều đúng.

Đó là tấm lòng, là tâm nguyện một đời tôi xin gởi lại cho những người đã và sẽ còn có duyên cùng tôi trong cuộc đời này.

Los Angeles, ngày 15 tháng 4 năm 2006

Sa Môn Thích Mãn Giác

NIỀM TIN VÀ VẤN ĐỀ NHẬN THỨC CỦA CON NGƯỜI

Thích Thái Tuệ

T hật khó mà chọn ra một tiêu chuẩn chung về ý hướng Tôn giáo cho nhân loại trong cộng đồng xã hội; đây là một vấn đề cực kỳ khó khăn và tế nhị, vì chúng hình thành và phát triển theo kiểu đa diện không phải là đơn diện, đa hướng không phải là đơn hướng.

Việc nhận thức của con người về Tôn giáo cũng như thế, nó biến đổi tùy theo cơ cấu não trạng, cảm thức con người qua từng quốc gia, từng thời đại khác nhau. Có thể người ta đón nhận bằng lý tưởng tín ngưỡng, bằng sự xây dựng mạng lưới an toàn tâm linh hoặc bắt lực về nhận thức khi đến với Tôn giáo...

1. Nhu cầu tín ngưỡng:

Xét về trình độ nhận thức, quan điểm chính kiến, ý hướng hành động và khả năng chứng đạt thì tất cả các Tôn giáo đều có những mặt khác nhau; nhưng xét theo khái niệm thuần túy Tôn giáo thì nó lại có điểm rất tương dung: Bất luận dưới hình thức nào trong thâm tâm sơ khởi của tín đồ của mỗi Tôn giáo đều cùng chung một nhịp đập, cùng chung một khái niệm biểu tượng lý tưởng tín ngưỡng.

Tín ngưỡng là bước khởi đầu để đưa mọi người thể nhập vào đạo, là cơ hội để đẩy lòng từ thiện từ trong tiềm thức của con người, là thói quen để con người làm việc lành, là giây phút hạnh phúc, là giây lát để cõi lòng mở rộng và đón nhận ánh sáng *Đạo vàng*. Nếu điểm khởi thủy không lập cước vững chãi thì bước thứ đến khó lòng tiếp cận sự ngoạn mục, thâm thúy và siêu việt của Đạo. Hệ thống tổ chức giáo lý của Tôn giáo bao giờ cũng bao gồm hai mặt: Mặt hình nhi thượng (*triết lý, huyền học*), mặt hình nhi hạ (*luân lý đạo đức, nghi lễ tín ngưỡng...*). Các Tôn giáo trong quá trình phát triển và duy trì ngoài bình diện đặt nặng

mặt kiến trúc thượng tầng còn phải chuyển tải mặt hạ tầng tín ngưỡng thẩm nhuần và lưu lộ trong sinh hoạt thường nhật của tín đồ. Chúng ta có thể đoán chắc rằng, nếu không có tinh thần tín ngưỡng thì không thể có tinh kiên tâm và nghị lực để quán sát và thu thập những tư liệu khái niệm về Tôn giáo, cũng như thành đạt mục đích cao thượng. Đức tin đúng nghĩa là đức tin có năng lực kỳ diệu khiến cho người ta an tâm vững chí, dũng mãnh tiến bước trên đường Đạo. Đức tin là nguồn gốc của đạo, là mẹ đẻ của mọi công đức, đức tin nuôi lớn thiện căn. Như ngài Long Thọ nói: *"Lên núi đầy vật báu, nếu không tay thì chẳng lấy được gì"*. Cũng vậy, gặp được chánh pháp mà không có đức tin thì rốt cuộc chẳng hưởng được một tí gì công đức. Đức tin là không còn thắc mắc, hoài nghi những điều được nghe thấy hoặc tư duy, hướng tất cả ý chí, hành động vào một đối tượng mà mình đã chấp nhận hay ngưỡng mộ. Nhờ đức tin mới xóa bỏ được ty hiềm, ngờ vực, chán nản và loại trừ những chất độc đã và đang làm tê liệt sức sống trong xã hội. Tuy nhiên, đức tin phải là sản phẩm nội tại của bộ óc và trái tim như Descartes đã nói: *"Đức tin là hành vi tự do"*. Đức tin trong Phật giáo phải là niềm tin của Chánh kiến (Samyaksam drsti = Sammasamditthi), đức tin phát khởi sau khi sáng suốt suy luận, không a dua, theo càng, tin suông, thiếu thực hành. Niềm tin tác động thành sức mạnh tổng hợp vô hình không thể lay chuyển và cũng là nhân tố làm chất xúc tác, kích thích sự quyết tâm bởi hành vi ứng xử của con người trong cộng đồng xã hội.

Chúng ta có thể nói ngay rằng, đối với những người tin tưởng vào giáo lý Nhất thần quan niệm Thượng đế và Thần linh đều có khả năng ban ơn giáng

phước, sắp đặt mọi sự khổ đau và hạnh phúc. Do vậy, họ chỉ biết tôn kính, cầu nguyện để làm sao thể nhập với *thực thể siêu hạn* ấy. Như thế, thì con người hoàn toàn không có chủ quyền, đời đời chỉ làm nô lệ cho Thần linh hay Thượng đế. Hình tượng của một vị giáo chủ trong khung cảnh trang nghiêm tịch mặc mà tín đồ đang khấn cầu là một hình ảnh tượng trưng để cho tín hữu tưởng niệm đến cuộc đời và hành trạng của Ngài. Đa phần tín đồ Ky tô giáo đều tin bảy tín điều trong Tân ước một cách tuyệt đối không bàn cãi:

1. Đức mẹ đồng trinh.
2. Hiện thân của Chúa (*Thượng Đế hiện thân thành người, nghĩa là, Thượng Đế là Jésus*).
3. Nhiệm vụ cứu rỗi của Chúa.
4. Sự sống lại của Chúa.
5. Sự thăng thiên của Chúa (*thân xác Chúa bay lên trời 40 ngày sau khi sống lại*).
6. Chúa trở lại trần thế
7. Ngày phán xét cuối cùng

Nếu ở phương Tây tin Thượng đế tạo ra con người, thì ở phương Đông tin con người là Thượng đế và con người tự cứu chuộc lấy mình. Hạnh phúc hay khổ đau đều phụ thuộc vào hành động của chính mình, lời nói, ý nghĩ mà mỗi cá nhân tạo ra có ý thức, đó là một quy luật vận động tự nhiên không một ai có thể hướng dẫn hay an bài. Vì tự vận động theo một nguyên tắc nhất định nên không thể thiên vị, thiên tình cho những ai đã vi phạm tội lỗi. Như vậy, vấn đề cầu nguyện không phải chỉ là vấn đề cầu xin Thượng đế tha thứ tội lỗi mà là tự mình cứu lấy mình. Trong Phật giáo tuy có hình thức lễ bái tín ngưỡng, nhưng những hình thức này không mang tính van xin, phục tùng trước một vị Thần linh để rồi sợ hãi và cúi đầu vâng lệnh. Sự lễ bái ở đây là chỉ tỏ lòng tri ân vô hạn, tỏ lòng tôn kính ngưỡng mộ đến lý tưởng siêu việt của Ngài. Nhưng điều quan trọng hơn hết, may mắn hơn hết chính là sự thực hành nghiêm chỉnh giáo lý của Ngài, Phật dạy: *"Người nào thấy giáo pháp (Pali: Dhamma) là thấy Như Lai"*. Sau này, Ngài Sri Radhakrishnan khi nói về vấn đề lễ bái cầu nguyện, Ngài quan niệm: *"Những lời vái van cầu nguyện có tính cách là sự cảm thông riêng tư, một sự mặc cả với Thần linh. Đối tượng mà nó tìm ra là những tham vọng trần tục đang thiêu đốt ý thức về bản ngã. Đấng khác, tham thiền là tự mình sửa đổi lấy mình"* (1). Phật giáo không ban hành những tín điều buộc người phải nhắm mắt tin theo, không giáo điều bắt buộc người khác phải chấp nhận trước khi suy nghĩ, không có nghi thức dị đoan vô lý và lễ tiết gò bó, không có hiến tế và không có ép xác khổ hạnh để gọi rửa thân tâm hoặc bằng *nước Thánh*, hoặc tắm mình dưới một dòng sông

được gọi là *Linh thiêng* như sông Gange theo quan niệm của Ấn giáo. Thế nhưng, từ trước đến nay con người thường chỉ tìm nơi Đạo Phật như một Tôn giáo dưới hình thức cổ kính, thâm uyên, chìm mình trong màu áo tiếng chuông, trong việc cúng Phật, cầu an, cầu siêu. Tin Phật như tin Trời, thờ Chúa. Linh thiêng hóa đức Phật như một Thượng đế toàn năng, có quyền ban phát ơn lành. Sự lầm lạc này không những hại cho công cuộc tu chứng của mình, mà chẳng làm vẻ vang gì cho đạo Phật cả; trái lại, còn thêm nhiều những tấm màn che khuất một nội dung đạo Phật sáng, đẹp và thực tiễn. Vì vậy, khiến cho những người chưa hiểu sinh lòng ngộ nhận, xuyên tạc nhiều điều đáng tiếc về đạo Phật. Nếu ta không thay đổi cách nhìn, không vén bỏ bức màn hình thức dày đặc đang bao trùm đạo Phật, thì tự ta, tự nơi ngộ tín của ta, ta đã thoái hóa Phật giáo. Đạo Phật đáng lẽ hướng dẫn con người trên đường thực tập đời sống an tịnh giải thoát, nhưng trong thực tế phần lớn người ta ít quy thú về đạo Phật với tinh thần thực hành tâm linh, mà chỉ thích những hình thức tín ngưỡng và lễ nghi nhất thời. Phải chăng não trạng của con người chỉ dừng lại ở đây? hoặc số lượng Tăng sĩ không đủ để đáp ứng hay là thiếu khả năng hướng dẫn?

Thiết tưởng hình thức tín ngưỡng là nếp sống tâm linh của quảng đại quần chúng biểu lộ qua cách thức lễ bái, cầu nguyện Đấng tối cao, chấp nhận chân lý một cách không phê phán, tạo dựng hình tượng, viết thành kinh sách để cho tín đồ học hỏi và hành trì. Hình thức này tuy không phải là tuyệt đối nhưng rất hữu ích vì nó giúp người hành lễ tập trung tư tưởng vào đối tượng trong sạch, người trí thức thuần thực cũng có thể thực hiện được để thành tựu một đời sống thanh bình, an lạc và hạnh phúc ở đây và bây giờ.

Nhìn lại vấn đề tín ngưỡng ngày nay, nó không còn giữ đúng nguyên trạng làm cầu nối để đưa người sơ cơ thể nhập đạo nữa, mà dường như không ít Tôn giáo đã biến nghi lễ trở thành nguyên lý cứu cánh thay vì là phương tiện. Đa phần mọi người ngày nay, đi chùa, đến nhà thờ với mục đích là để cầu tự, cầu tài, cầu lộc, cầu danh vọng và chức tước... với vật lễ gồm đủ mọi thứ như sơn hào hải vị, hương hoa đèn nến tranh nhau đặt lễ, thắp hương, phóng hỏa vàng mã, bái quỳ xụp lạy như con cái thấp hương ngày giỗ mẹ cha; tất cả đều im lặng, thâm kính tưởng nhớ, rồi đóng một chút đỉnh tiền bỏ sung vào công quỹ phước đức để xây dựng chùa chiền, Thánh đường nguy nga tráng lệ... rồi ra về thanh thản. Bên cạnh vấn đề tín ngưỡng, người ta còn tạo ra những hiện tượng mê tín, dị đoan mê hoặc nhân tâm, để rồi làm biến dạng tinh linh thiêng nơi Tôn giáo thành một thứ Tôn giáo tà ngụy như đã và

đang xảy ra trong xã hội. Bởi vậy, những người đứng đầu tổ chức giáo hội phải có trách nhiệm rất lớn trong việc giáo dục tín đồ của mình đi đúng qui trình xã hội đó là tự do, công bằng, văn minh và chủ quyền.

Ngày nay, vấn đề Tín ngưỡng không còn hạn cục trong *giáo luật* của Tôn giáo nữa; trái lại nó còn được bàn bạc rộng rãi trong *Hiến pháp* của mọi quốc gia, trong *Bản Hiến chương Liên hợp quốc* quy định: Người nào cũng được quyền tự do tư tưởng, tự do theo lương tâm của mình và tự do tín ngưỡng, quyền đó bao gồm cả quyền tự do thay đổi tôn giáo và tín ngưỡng, hoặc một mình, hoặc cùng nhiều người khác, trước công chúng hoặc ở các tư gia. Người nào cũng được quyền biểu dương tôn giáo của mình, hoặc địa hạt giáo dục, hành đạo, thờ phụng và lễ nghi. Những điều này như là một qui định chung mà các nước hội viên đã cam kết, hợp tác với Liên hợp quốc để bảo đảm hữu hiệu sự tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do căn bản khác.

2. Bất lực về nhận thức:

Cuối cùng để trả lời lý do tại sao vai trò tín ngưỡng của Tôn giáo nhân danh chân lý *mặc khải* không còn đáp ứng nổi khát vọng của nhận thức con người trong Xu thế mới. Từ lâu, lòng mê tín, niềm sợ hãi cộng với kiểu "*tư duy uốn nắn*" đã trấn ngự bao trái tim con người không còn hấp dẫn đối với mọi thể hệ chịu ảnh hưởng nền văn minh khoa học kỹ thuật, đặc biệt là thế hệ trẻ. Càng ngày, con người càng định hướng lại hình ảnh của Thượng Đế, gạt ra bên lề những tư tưởng huyền bí, phiền toái khó hiểu. Quan niệm về Thượng Đế bị đóng gông trong mô hình siêu hạng, biến Chúa trở thành một thứ tồn tại siêu nhiên ở xứ trời xanh xa rời nhân thế, không đoái hoài gì tới cuộc đời dẫu bề và chúng sanh điều linh, đã làm cho người ta một thời khát mộ và ước vọng đến nay đã đổi thay. Nó đã nhường bước cho những giáo lý thực nghiệm có thể áp dụng được vào trong đời sống hàng ngày nhằm chuyển hóa khổ đau, khai thông được bế tắc, xây dựng lại được tổ ấm tình thân trong gia đình mà xưa nay giáo lý Đức tin đã làm băng giá cõi lòng. Vì chú trọng đến Đức tin cho nên sự nhận thức cũng bị hạn cục trong khuôn khổ, thậm chí đôi khi con người không nhận ra được những hành động trái đạo đức, thiếu đúng đắn của vị giáo chủ, chủ chăn hoặc vị Đạo sư cũng đều cho là *Thánh sự*. Đó là manh mối phát sinh ra nhiều hiện tượng "*uy quyền*", tạo niềm tin mù quáng, xây dựng một lối sống bất lực trong cuộc đời.

Hiện nay, tinh thần tự do và đời sống cá nhân của con người đang bị nhiều hình thức Tôn giáo của nhiều

giáo phái quyền uy đe dọa nghiêm trọng. Đạo Phật không đặt trên sự thị oai quyền lực, ngay cả Đấng đạo sư chân thật hoặc truyền thống lâu đời, như trong đoạn kinh sau đây, chúng ta sẽ hiểu rõ giá trị lý trí của con người khi Đức Phật dạy cho người dân làng Kalàma, Ngài nói: "*Hãy đến đây người Kalàma, không nên mặc nhiên chấp nhận một điều gì trong kinh sách, vì ỨC ĐOÁN suy diễn, vì hiền nhân khả kính khả ái... chỉ vì tập tục cổ truyền trao đến tay ta, hay chỉ vì điều ấy đã được ghi chép. Nay người xứ Kalàma, chỉ nên chấp nhận những điều nào hợp với luân lý, được các bậc Thiện tri thức tán dương, nếu thực hiện được những điều này sẽ được an vui hạnh phúc thì hẳn các người phải thực hành động như vậy.*" (Kinh Trung A Hàm)

Thánh ngôn của Đức Phật, tuy đã trải qua hơn hai mươi lăm thế kỷ nhưng vẫn còn chấn động mãnh liệt đến tâm thức con người, đã khai sáng, đã tiếp sức sống cho con người hùng tráng vươn lên, không bị quan và bất lực trước bản thân và hoàn cảnh sống, bởi vì "*Tất cả chúng sanh đều sẵn có Phật tánh.*"

Trong bối cảnh nhiễu nhương, nhân loại đã và đang cũng như sẽ đương đầu biết bao nhiêu tổ chức quyền lực, từ cổ đại qua trung đại đến hiện đại, trải dài từ Thiên chúa giáo, Hồi giáo đến một số ý thức hệ mang nhãn hiệu Tư bản chủ nghĩa, Xã hội chủ nghĩa, nhân danh khoa học kỹ thuật. Tất cả những hình thức tổ chức này không ngoài mục đích là để khai thác, lợi dụng, bóc lột tinh thần (chất xám) và sức lực của con người. Nó vô tình biến con người trở thành một kẻ nô lệ chỉ biết cúi đầu và tuân phục để mặc cho con Tào xoay vần lạnh lùng trôi chảy, đưa dòng tiến hóa ngược chiều tràn lan trên vạn nẻo. Có rồi lại không, không rồi lại có. Thế sự thăng trầm, trắng đổi thành đen, hết đen đổi thành đỏ, vì thế mà thi sĩ Tản Đà phải ngâm nga chua chát:

*"Hết trò phu cáng lại phu xe
Văn minh ước độ bao cây số
Tiến bộ như anh cũng chán phê."*

Thật vậy, cái cảnh say men ý thức hệ, cuốn hút bởi các tổ chức quyền lực, sùng tín mãnh liệt trước chân lý *Mặc khải* đang đổ vào đầu những người dân vô tội, làm lòng người hoang mang đứng trước ngã ba đường nhìn nhau ngờ ngác, cuối cùng quyết định chạy vội vào những Tôn giáo khác nhau mà họ coi như những chiếc thuyền của Noé cứu nạn cả thân xác lẫn tâm hồn. Có thể nhiều người trong số họ đã thất vọng vì sự hiểu biết của mình còn non trẻ trước thế giới siêu nhiên vô cùng tận. Và những cuộc tìm kiếm lại bắt đầu trở về, trở về với đời sống tâm linh.

Với sự hoạt diệu của cái ta nhỏ bé này dù có cố gắng mấy đi nữa cũng chỉ là cái sức nhỏ nhoi, yếu ớt

không thể tự lực vươn lên đến với sinh mệnh tuyệt đối, cũng như người ta không thể đứng lơ lửng giữa không trung mà nhìn. *"Con người muốn thực hiện sinh mệnh tuyệt đối cần phải nhờ một sức thiêng liêng ở ngoài cái ta nhỏ bé hẹp hòi này. Vì trông đợi ở một Đấng từ bi, bác ái cứu thế ấy, nên mới dốc lòng cầu nguyện, mong đem cái tâm kiên thành cầu sự cứu rỗi giải thoát ở sức thiêng liêng đó chứ không tin ở nỗ lực bản thân. Đó là lập trường của những người chủ trương tha lực chủ nghĩa, nghĩa là chủ trương cho rằng sinh mệnh tuyệt đối chỉ có thể tìm ở ngoài bản thân."* (2)

Như vậy, chúng ta thấy rằng với khả năng nhận thức hạn chế của con người trước thế giới vô hạn, nên con người cần phải nương tựa vào thế giới Tâm linh Tôn giáo để thăng hoa giá trị nhân cách và phát triển đạo đức cuộc sống miên trường.

3. Ổn định tâm linh -Phát triển đạo đức Tôn giáo:

Tôn giáo là một hiện tượng đã tồn tại lâu đời trong xã hội loài người; chúng biến chuyển và thăng trầm theo nhịp bước của thời gian, khi thì được tôn trọng, lúc thì bị miệt thị. Con người là chủ nhân ông đã và đang gây ra cũng như sẽ gánh chịu nhiều hậu quả nghiêm trọng chẳng hạn như sự ô nhiễm môi trường sinh thái, nhiễm ô môi trường tâm linh. Bởi vậy, sau những kinh nghiệm đớn đau như thế, con người thấy cần tìm lại giá trị mỹ cảm của tinh thần, và Tôn giáo đã đề cao cái giá trị đó.

Tất nhiên, như người bệnh nặng thích tiêm thuốc mạnh, niềm tin tôn giáo trong thời gian qua đã tới chỗ *"cuồng tín, thoát ly hẳn thực tế"*. Thêm vào đó, sự hiểu biết của con người còn hạn chế, nên không thể khám phá ra thế giới thực tại là gì, biến chuyển như thế nào. Tới lúc, con người cũng nhận ra được sự cuồng tín đó nhưng cuối cùng vẫn rồi bời, không lối thoát; vì thế, người ta phải tìm về với con đường Tôn giáo.

Có thể nói rằng, Tôn giáo đã tìm thấy ở đó những chất liệu thật nhất, gần gũi nhất với con người để tạo nên một hệ thống luân lý đạo đức của mình, như triết gia người Đức Kant nói: *"Tôn giáo là sự tri nhận rằng các nguyên tắc đạo đức của chúng ta là những quy luật không được vi phạm"*, cũng như một triết gia khác tương tự nói: *"Tôn giáo là thành phần trung tâm trong nền giáo dục xác định cách ứng xử đạo đức của chúng ta."* Bởi thế, nếu hiểu Tôn giáo chỉ đơn thuần về mặt niềm tin Tín ngưỡng thì chưa đủ; mặt khác, Tôn giáo còn có cả một hệ thống cơ cấu tổ chức giáo lý như triết lý, văn học nghệ thuật, và luân lý đạo đức...

Tuy phạm vi hoạt động của Tôn giáo và đạo đức hiện thực xã hội không giống nhau nhưng tất cả ít nhất

đã nêu bật một yếu tố cần thiết đó là kiến thiết xã hội con người theo phương châm *Chân-Thiện-Mỹ*. *"Sự bất nguồn cũng như phạm vi của tôn giáo và đạo đức vốn không hẳn giống nhau, vì tôn giáo là sự quan hệ giữa con người hiện thực và cái gọi là siêu nhân. Còn đạo đức thì chủ yếu được thành lập trên quan hệ giữa người và người; duy có điểm giống nhau là cả hai đều lấy sự hy sinh tự kỷ làm mục đích, hay ít ra phải lấy đó làm một yếu tố chủ yếu. Tôn giáo vốn lấy sự hy sinh là yếu tố lớn nhất. Các tôn giáo ở trình độ thấp lấy sự hy sinh bề ngoài đối với thần thánh là điều kiện cần thiết cho sự cảm thông giữa thần và người; các tôn giáo ở trình độ cao thì lấy sự không hóa tự thân để hòa nhập siêu tự nhiên làm con đường nhiếp lý và dưới hình thức này, ta thấy sự hy sinh là một lối hành trì trọng yếu. Đạo đức thì cũng thế (...). Như vậy, cả tôn giáo và đạo đức đều lấy việc xa lìa ngã chấp, ngã dục làm điều kiện trọng yếu nhất, cho nên bản chất của tôn giáo và đạo đức không thể tách rời nhau."* (3)

Chúng ta có thể đoán chắc rằng những ảnh hưởng trong đời sống văn hóa, tinh thần không có ảnh hưởng nào mạnh hơn Tôn giáo, và cũng không có sự quyến rũ nào bằng sự quyến rũ của Tôn giáo, một khi Tôn giáo đã đi vào lòng người. Chính nhờ Tôn giáo mà con người biết thăng hoa nhân phẩm, bồi dưỡng nhân cách hoàn mỹ, tạo đời sống hạnh phúc đích thực, phát huy nội tâm thanh tịnh an lạc tuyệt đối, đặc biệt là phát huy toàn bộ tiềm lực của chính bản thân và trí năng, đây là xét trên bản chất nguyên nghĩa của Tôn giáo. Đi sâu vào góc độ triết học, văn học, nghệ thuật học, thẩm mỹ học và đặc biệt là đạo đức học, mỗi Tôn giáo có một nền tảng luân lý đạo đức khác nhau.

Trong tất cả các Tôn giáo trên thế giới, Phật giáo là một Tôn giáo có sắc thái luân lý đạo đức sâu đậm nhất. Nhưng nếu nhận xét và phê phán theo lập trường học vấn thì cũng có nhiều sự giải thích khác nhau. Như lời Đức Phật dạy: *"Lời dạy của ta không phải đến để mà tin, mà đến để thấy"*, mục đích của đức Phật trước sau vẫn là ở chỗ thực hành, không phải thuyết minh về lý luận, cho nên những lời dạy của Ngài liên quan đến luân lý đạo đức phần lớn là những lời giáo huấn lâm thời chẳng qua chỉ là đức mục mang tính phương tiện, quan hệ gián tiếp mà thôi. Mục đích của Phật giáo là giải thoát. Mà giải thoát là siêu việt hiện thế, do đó luân lý đạo đức theo nghĩa thông thường không là gì so với vấn đề giải thoát giác ngộ cả. Tùy thuộc căn cơ và náo trạng của từng người, mà Đức Phật thì thiết phương tiện hướng dẫn. Giáo lý xây dựng một nền tảng đạo đức cho con người thì vô hạn, nhưng giáo lý đơn giản nhất là *không làm điều ác, chỉ làm điều thiện, giữ tâm ý trong sạch, đó là lời đức Phật dạy* (Chư ác

mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo). Và trên nữa là hạnh *Từ-Bi-Hỷ-Xả và Ngũ giới*. *Từ-Bi-Hỷ-Xả* là bốn yếu tố cần thiết trong tình thương đích thực, luân lý đạo đức trong đó một yếu tố bao hàm cả ba yếu tố và ngược lại trong ba yếu tố đều chứa một yếu tố như là biểu hiện tình thương không giới hạn, hoàn toàn vị tha, không vướng mắc, không kỳ thị, không phe nhóm. . .

Tinh thần Năm giới là nền tảng của hạnh phúc gia đình và là chất liệu của chí nguyện lợi tha, nó có khả năng bảo vệ sự sống và làm đẹp cuộc đời. Năm giới cũng là nguyên tắc hướng dẫn chúng ta về với hướng an lạc, giải thoát và giác ngộ; là nguyên tắc của hạnh phúc cá nhân, hạnh phúc gia đình và xã hội. Học hỏi, thực hành theo năm giới, ta sẽ đi đúng con đường chánh pháp; ta sẽ tránh được những lỗi lầm, khổ đau, sợ hãi và thất vọng; ta sẽ xây dựng được một cuộc sống hòa bình, an lạc cho chính bản thân và xã hội. Lòng khoan dung, tính từ bi và sự thành tâm được thể hiện qua những lời lẽ nói trên chính là một trong những di sản quý báu nhất trong nền văn hóa tâm linh đạo đức Phật giáo.

Năm giới ấy là:

- a. Ý thức được những khổ đau do sự sát hại gây ra mà nguyện không sát hại.
- b. Ý thức được những khổ đau do sự lường gạt, trộm cướp và bất công xã hội gây ra mà nguyện không trộm cắp.
- c. Ý thức được những khổ đau do thói tà dâm gây ra mà nguyện không tà dâm.
- d. Ý thức được những khổ đau do lời nói thiếu chánh niệm gây ra mà nguyện không nói dối.
- e. Ý thức được những khổ đau do sử dụng ma túy và độc tố gây ra mà nguyện không dùng những chất độc tố.

Đạo Phật lấy sinh hoạt đạo đức vì tình thương vô ngã làm bản vị. Đặc điểm này không những khác hẳn với các Tôn giáo khác mà còn là một trong những nguyên nhân mang lại cho Phật giáo một ảnh hưởng lớn đối với xã hội nữa.

Đối với Nho giáo:

Luân lý đạo đức của Nho giáo là *Trung dung* hành động, và sinh hoạt theo *Thiên mệnh*, thực hành *Tam cương* (vua tôi, cha con, vợ chồng) và *Ngũ thường* (Nhân, nghĩa, lễ, trí và tín).

Nhìn chung, thể giới quan của phương Đông là cố gắng đạt tới trạng thái hòa hợp với xã hội, giúp cho con người nắm được chân lý thực tại thông qua trực quan, trực giác, bằng hành động của chính mình nghĩa

là chân lý đã có mặt ngay trong cõi đời này, con người miễn cần phải tìm. Theo Phật giáo thì "*chân lý*" không có ranh giới, nó không cần có biểu trưng của Tôn giáo nào cả và cũng không phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân nào, thế lực nào trong bất kỳ thời đại nào. Nhưng trong khi đó những người theo Ky tô giáo phương Tây quan niệm ngược lại, xem chân lý còn ở cõi Thiên đàng trên bầu trời cao vút.

Nguyên tắc đạo đức của Ky tô giáo đó là ca ngợi tình yêu của tuổi trẻ với người thân, tính khiêm nhường, tính kiên trì, sự lựa chọn và khuất phục, đặc biệt hơn hết là tính công bằng *Bác ái*. Ở đây, phạm vi đề tài chỉ xét đến vài nét đặc thù mà thôi.

Sinh hoạt đạo đức của Ky tô giáo dựa trên mặt hoạt dụng là Mến Chúa và Yêu người. "*Mến Chúa và Yêu người là hai tình cảm không thể tách rời nhau, người có lòng Mến Chúa thì phải biến tình thương thành hành động, tức là phải yêu đồng loại, thương kẻ xung quanh như thương chính mình vì "Thiên Chúa là Tình yêu" như Thánh Jean đã nói: "Cái thấy được mà còn chưa yêu thì làm sao yêu được cái mình không thấy. Không phải cứ kêu gọi Chúa thì được lên Thiên đàng. Tôi chỉ thực sự Mến Chúa khi tôi thương yêu đồng loại, thương kẻ sống quanh tôi và nhất là thương những người nghèo khó, phải hết lòng giúp đỡ những ai cần đến mình, phải phấn đấu để san bằng mọi bất công, phải tha thứ và yêu mến chính kẻ thù vì đồng loại ta đều là con Chúa."* (Đạo đức học - Vĩnh Đề)

Theo Thánh kinh, Thượng đế đã giao ước mười điều răn nổi tiếng cho người Do Thái, về sau đã trở thành nền tảng đạo đức của Ky tô giáo, trong đó ba giới đầu biểu hiện sự *Mến Chúa*, còn lại bảy giới sau là thi thiết *Tình thương Bác ái*. Bác ái đích thực không phải là sự bố thí, sự làm phúc nhưng là tình thương. Đó là một tình thương cụ thể nghĩa là ta chỉ có lòng bác ái thực sự khi yêu thương những con người cụ thể sống cạnh bên ta, ngay những kẻ không đáng cho ta yêu mến, bác ái yêu thương tất cả mọi người. Tình thương của bác ái không phải là một tình cảm thụ động; bác ái đòi hỏi ta phải có những hành động thiết thực như trong Thánh kinh dạy: "*Chúng con đừng yêu mến bằng môi, bằng miệng mà phải yêu mến bằng việc làm, bằng cả tâm lòng chân thành*".

Mười điều răn ấy là:

1. Không được thờ phụng một Thần nào khác ngoài Ta
2. Không kêu tên Thượng Đế một cách vô cớ
3. Hãy nhớ ngày lễ nghi để thanh hóa
4. Hãy thảo kính với cha mẹ
5. Không giết người
6. Không phạm tội tà dâm

7. Không được trộm cắp
8. Không được dối hại người
9. Không được thêm muốn vợ (hay chồng) của người khác
10. Không được thêm muốn của cải của người khác.

Đây là mười giáo điều cơ bản, để thiết lập nền đạo đức nhân thế. Ngoài ra, dân Do Thái đã để lại cho Kỵ giáo nhiều quy luật hành xử khác nữa, mà cụ thể nhất là câu: *"Hãy thương yêu xóm giềng như chính mình, yêu ngay kẻ thù của mình"* đồng nghĩa với câu tiếng Việt: *"Thương người như thể thương thân"*. Theo họ, đức Jésum còn dạy: *"Người nào tát vào ta mà bên trái thì phải chia ngay mà bên phải ra cho họ"* và còn rất nhiều điều khác nữa. Ở đây, người viết không nói ra.

Thiết tưởng, con người nếu hiểu thế giới đạo đức Tôn giáo là thế giới bên kia, thì đó chỉ là lời nói bóng với những hình ảnh linh động, gợi trí tưởng tượng. Thực tế, nếu trong thế giới hiện thực, đạo đức Tôn giáo không có một dấu hiệu gì thì không thể bảo đảm thế giới bên kia là thực có. Do đó, đạo đức là đạo đức của hành động, chỉ có hành động chính trực mới giải thoát con người thoát khỏi công lệ *"cuồng tín, thoát ly hẳn thực tế"*, tránh khỏi những lập luận quảng xiêng, hoang đường xem Tôn giáo như là một mảnh lực để an ủi và dắt dẫn chúng sanh vào cõi huyền viển vô cùng. Ngày nay, tinh thần đạo đức Tôn giáo phải hòa hợp, lồng ghép, dung hợp giữa đạo và đời, giữa *thần tính và nhân tính*, cư xử có định hướng vào trong đời sống cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội.

Niềm ao ước sâu xa nhất của con người ngày nay là tìm ra được một môi trường sống, một khung cảnh có an ninh, tình thương và hiểu biết lẫn nhau được che chở trong tình thương yêu của Phật, Thượng Đế và Phạm Thiên, v.v... Ý niệm thiết lập một nền đạo đức tại thế, một thế giới Thiên đường Cực Lạc, một Vương quốc Tịnh Độ ngay ở dân gian là ý niệm của hầu hết mọi tín đồ Tôn giáo. Nhưng chúng ta không may mắn kiến tạo nên những viển cảnh hoang đường không tưởng, tạo ra cho nhau những tính nghi kỵ, hận thù và xung đột; tất cả không ngoài mục đích để vinh danh bản ngã, để củng cố quyền lực dưới mọi hình thức Tôn giáo nhằm thống trị với nhau. Chúng ta đã đánh mất bản chất của Tôn giáo, ngày đêm rong ruổi chạy theo kinh tế thị trường, kiến thiết và xây dựng cơ sở hạ tầng, cho nên chúng ta không có đủ thời gian để chăm sóc, vun bón môi trường tâm linh trong ta và những người yêu thương chung quanh ta. Bởi lẽ ấy mà đức Dalai Lama thứ 14 của Phật giáo Tây Tạng tại Hội

Nghị Thượng Đỉnh về việc bảo vệ môi trường và phát triển, do Liên hợp quốc tổ chức tại Brazil, năm 1992, Ngài nói: *"Mục đích của Tôn giáo không phải là kiến tạo Chùa cao Phật lớn, Thánh đường nguy nga và tăng thêm số lượng tín đồ... mà Tôn giáo chỉ đến với loài người và hướng dẫn họ ra khỏi tối tăm cùng mạt mà chính họ đã gây tạo. Mỗi Tôn giáo trên thế giới dù có các quan điểm khác nhau về triết thuyết, nhưng trước và trên hết vẫn là những lời dạy làm giảm bớt lòng ích kỷ và hãy thương yêu lẫn nhau. Nhưng không may, có nhiều người đã nhân danh Tôn giáo đã gây ra những cuộc đấu tranh hơn là giải quyết chúng."*

Sự ổn định trật tự trị an và phát triển nhân cách của con người là vấn đề tối cần thiết cho mọi quốc gia trên thế giới, dưới thời đại khoa học và công nghệ. Bởi vậy, từng quốc gia sở tại nên thay đổi cách nhìn, tạo thiện chí thiện cảm với Tôn giáo, nỗ lực cùng giáo dục để lần hồi phát huy truyền thống đạo đức và nâng cao đời sống tâm linh trong khuôn khổ luật pháp quốc gia và công ước quốc tế, hầu xây dựng một thế giới hùng cường và thái bình.

Tiếng gọi của Tôn giáo vang vọng xa trong thính không như lan tỏa thái hòa đi mọi ngả, xóa đi tất cả, để mất đi tất cả những gì rối ren giữa cuộc đời tất bật đầy hoa lệ vật chất, và bắt đầu bước trên lộ trình *"trở về với mái nhà xưa"*, với mái nhà tâm thức là đạt đến sự *"hòa giải hoàn toàn"* giữa con người với con người, giữa con người với môi trường và giữa con người với chính mình. Tất cả chỉ còn lên đường...!

(1) Đức Phật và Phật Pháp, Phạm Kim Khánh (dịch), Trang 255.

(2) Tạng thư đại giải thoát, Lục Thạch (dịch).

(3) Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng luận, Tu thư Vạn Hạnh-1971, Hoà Thượng Quảng Độ (dịch), trang 322 -323.



Chấp Đôi Sợi Tóc Mà Qua Bến Đồi

TUỆ TÂM

1. Nửa đêm gió khải cung đàn

Cây thương lá nhớ ngã về trăm năm
Buồn thay một cõi xa xăm
Cách nhau đời có nửa trăng đành nhớ nhau
Thôi thì mình cũng nhớ nhau
Chấp đôi sợi tóc mà qua bến đồi
Một mai ra giữa mù khơi
Vướng tơ tóc ấy chầy ngời không gian
Khóc người ta đổ mưa sang
Đường xưa ướt lối nở ngàn cánh hoa
Vĩ rằng tình vẫn thiết tha
Vĩ rằng người vẫn xót xa bởi người
Vĩ rằng người vẫn nhớ người
Vĩ rằng người vẫn bến bờ đợi nhau

2. Nửa đêm gió động thư phòng

Bút xanh mực thấm mơ màng bóng trắng
Sầu riêng ấp ủ gối chăn
Mộng ơi xin nán phù du bên mình
Ngất ngây từ độ trao tình
Tương tư từ độ nhớ lời thề xưa
Vấn vương từ độ nắng mưa
Bề dẫu từ độ đất trời nhòa sương
Tóc mây thờ khói Tâm dương
Cảnh dương liễu rủ đôi đường khó quên
À ơi thác đổ bên ghềnh
À ơi mây cuộn phố phường mù sa
À ơi sóng vỗ thuyền xa
Nguồn xa ngược nước bến bờ nhớ nhau

3. Nửa đêm gió thổi bên mình

Ngân xa xưa ấy vẫn là xa xưa
Đường đời trăm ngã lựa thưa
Lần theo lá đổ lượm đời trao tay
Nhớ người gầy guộc gốc mai
Nuồn cơn mộng tưởng thoát thai đá vàng
Hài thù lồi củ trắng tàn
Mưa ơi đừng đổ bề bằng thiên thu
Hư vô cô đọng giọt sầu
Gom sương khói lại một bầu vô biên
Thì thôi trời đất ngã nghiêng
Thì thôi người cũng Kiều tiên gót hồng
Thì thôi cồn cũ bụi hồng
Thì thôi gió cuốn bên bờ đợi nhau

4. Nửa đêm gió gọi tên người

Gọi vai biển rộng, gọi bờ tóc mây
Tà ai vạt có thổi bay
Chân ai bước có đường thôi nhặt đời
Phố xưa còn đọng sương mờ
Tay đan nắng hạ bóng nghiêng nghiêng chờ
Ngõ xưa còn lại vắn thơ
Người xưa còn lại núi non ngút ngàn
Tình ơi tiếng vọng hơi tàn
Hay âm thanh đó chỉ là dư âm
Nâng niu mây nọ hồng trần
Đem chân chiều phủ hai hàng tử sinh
Trao nhau tơ tóc đời mình
Mà sao thác đổ giữa đàng gọi nhau

5. Nửa đêm gió cuộn mây về

Mây ơi xin chớ che mờ bóng trăng
Tìm nhau vướng bận lối ngăn
Tới nhau vướng bận vầng trăng hững hờ
Trăng ơi soi lấy đường mơ
Nghiêng nghiêng bóng đỏ đời trôi những đời
Người xưa cất áo đi mau
Sao đành rủ áo mưa rào non cao
Lời ru vọng tiếng mà đau
Gọi nhau vọng tiếng mệnh mang mà buồn
Bến xưa u động khói sương
Thì thôi chờ mãi cũng chừng hư hao
Sóng xa vỗ tấm lụa đào
Thần như hoài vọng cũng dòng lệ ngân

6. Nửa đêm gió đợi dáng hoa

Thu tàn viễn mộng u huyền phôi pha
Lời xưa quyến gió bay xa
Lá rơi rơi lá tình rơi rơi tình
Giấc mơ ngự yên lung linh
Người hong tóc cũ bên bờ ngọc rơi
Oan khiến mây nhánh tơ trời
Dứt giây âm điệu vong tình thế thời
Vắn thơ vốc mộng mảnh đời
Man man vãng vọng cả trời thơ sa
Tình ơi tình có thiết tha
Tình ơi tình có xót xa bởi tình
Tình ơi tình có nhớ tình
Sao mà tình vẫn thiên thu cung sầu.

NHÂN VẬT và NGHỆ THUẬT

trong CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Hạnh Cơ

Cung Oán Ngâm Khúc là một khúc ngâm viết bằng thể thơ song thất lục bát, diễn tả tâm sự đau khổ, oán hờn của một người cung nữ. Tác giả của khúc ngâm là NGUYỄN GIA THIỀU (1741-1798), sống vào thời Lê Trung-hưng (1533-1788).

I. NHÂN VẬT trong CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Một KHÚC NGÂM thường có hai nhân vật chính: nhân vật thứ nhất tự bày tỏ tâm sự mình, bao giờ cũng hiện diện; và nhân vật thứ hai, được nhân vật thứ nhất hướng đến, đề cập đến, bao giờ cũng vắng mặt. Ngoài ra còn có một nhân vật khác cũng khá quan trọng, được coi như một chứng nhân, hay một đối tượng để cho nhân vật thứ nhất than thở, oán trách, hờn dỗi; đó là một nhân vật trừu tượng, vô hình, thường được gọi là “tạo hóa”, “ông xanh”, hay “ông trời”. Những lời nói của nhân vật trong một khúc ngâm là những lời **độc thoại**, chứ không đối thoại. Ở đây chúng ta thử khám phá xem, trong khúc ngâm *Cung Oán* có những nhân vật nào, có gì đặc biệt hay không.

1. Nhân vật thứ nhất: NÀNG CUNG PHI

Trong khúc ngâm *Cung Oán*, nhân vật thứ nhất, chủ chốt của tác phẩm, đó là **nàng cung phi**. Suốt cả khúc ngâm, gồm 356 câu thơ, trong tư thế độc thoại, nàng đã kể về mình, từ lúc sinh ra là một cô gái tài sắc vẹn toàn, nhưng nhìn thấy cuộc đời chỉ là bề khổ, mộng huyễn, nên chán nản, muốn lánh đời; rồi được tuyển vào cung và được vua sủng ái, hạnh phúc tràn trề, nhưng chỉ một thời gian lại bị vua bỏ rơi mà sinh ra buồn bực, oán trách, than thở; cuối cùng vẫn có niềm ước mơ được vua đoái hoài trở lại.

a) Tài sắc nàng cung phi

Nàng cung phi trong *Cung Oán Ngâm Khúc* đã được diễn tả như một tác phẩm tuyệt mỹ của hóa công (từ câu 13 đến câu 32). Về sắc đẹp thì dù có Tây Thi hay Hằng Nga (hai mỹ nhân thương được thi ca cổ điển chọn làm điển hình cho sắc đẹp tuyệt thế) cũng vẫn thua kém trước sắc đẹp của nàng:

*Chìm đáy nước cá lờ đờ lặn,
Lửng da trời nhạn ngẩn ngơ sa,
Hương trời đắm nguyệt say hoa,
Tây Thi mắt vóa, Hằng Nga giặt mình.*
(câu 17 - 20)

Về tài thì thơ của nàng thì còn hay hơn cả Lí Bạch; nghệ họa của nàng hơn cả Vương Duy; chơi cờ giỏi ngang hàng với Để Thích; tửu lượng không kém Lưu Linh; đàn không hồ mặt với Tư-mã Tương Như; sáo không thua gì Tiêu Sứ:

*Câu cầm tú đàn anh họ Lí,
Nét đàn thanh bạch chị chàng Vương,
Cờ tiên rượu thánh ai đang,
Lưu Linh, Để Thích là làng tri âm.
Cầm điển nguyệt phỏng tâm Tư-mã,
Địch lâu thu độ gã Tiêu lang*
(câu 21 - 26)

Tài sắc người cung phi được diễn tả đến như vậy, thật quả có hơi quá đáng. Và chẳng, sự diễn tả quá đáng đó, có nhằm một chủ ý là sẽ làm tăng nỗi chua chát, đau khổ về sau, khi nàng đã bị vua bỏ rơi? Vì theo thường tình ở đời, cái gì xấu xa, tầm thường, mà bị vất bỏ là chuyện dĩ nhiên; cái gì hơi tốt đẹp mà bị mất đi thì cũng là sự thường; nhưng một cổ vật nghìn năm mà bị bể nát thì đáng tiếc vô cùng. Đến như một người tài ba lỗi lạc, đẹp dễ phi phàm, mà bị đời ruồng bỏ, hắt hủi, thì nỗi xót xa, đau khổ không làm sao kể xiết! Nàng cung phi ở đây được diễn tả tuyệt mỹ như

thế, cũng cùng trong cái tâm lí ấy chăng?

b) Tâm lí nàng cung phi

Đọc *Cung Oán Ngâm Khúc*, theo dõi tâm trạng của nàng cung phi từ lúc bắt đầu cho đến khi khúc ngâm chấm dứt, ta thấy có cái gì không đồng nhất trong sự diễn tiến tâm lí của nàng. Mới bắt đầu, nàng đã tự xót thương cho số phận hẩm hiu của mình:

Duyên đã may có sao lại rui?

Nghĩ nguồn cơn dở dòi sao đang?

Vì đâu nên nổi dở dang,

Nghĩ mình, mình lại thêm thương nỗi mình!

(câu 5 - 8)

Đọc mấy câu trên, chúng ta tưởng như là trước đó nàng đã kể lể rất nhiều chuyện buồn thảm về nàng rồi, và đến đó là nàng kết luận. Rồi nàng lại quên ngay cái nỗi buồn vì dở dang kia, để say sưa khoe sắc đẹp, khoe tài nghệ của mình, và tỏ ý kiêu hãnh quá đáng về cái tài sắc đó, khiến cho người đọc đôi khi cảm thấy khó chịu:

Gan chẳng đá khôn đường khá chuyễn,

Mặt phàm kia dễ đến Thiên-thai?

Hương trời sá động trần ai,

Dẫu vàng nghìn lạng dễ cười một khi!

(câu 41 - 44)

Đang khi kiêu hãnh về tài sắc của mình, nàng lại đột ngột phóng cái nhìn bi quan về cuộc đời mà không có nguyên do nào xui nên cả:

Ngẫm nhân sự có chi ra thế?

Sợi xích thằng chi để vương chân.

Vắt tay nằm nghĩ cơ trần,

Nước dương muốn rảy nguội dần lửa duyên.

Kìa thế cục như in giấc mộng,

Máy huyền vì mở đóng khôn lường!

Vẽ chi ăn uống sự thường,

Cũng còn tiền định khá thương lộ là.

Đòi những kẻ thiên ma bách chiết,

Hình thì còn bụng chết đòi nau!

Thảo nào khi mới chôn nhau,

Đã mang tiếng khóc bùng đầu mà ra!

.....

(câu 45 - 56)

Vì bi quan về cuộc đời nên nàng muốn đi tu. Nhưng vừa mới khởi ý muốn đi tu, lại tức khắc không muốn đi tu nữa, mà nghĩ ngay đến chuyện vợ chồng; và còn đổ lỗi cho “trời” bắt phải thế, nàng đành phải chiều theo:

Mùi tục lụy đường kia cay đắng,

Vui chi mà đeo đẳng trần duyên?

Cái gương nhân sự chiến chiến,

Liệu thân này với cơ thiên phải nao.

Thà mượn thú tiêu dao cửa Phật,

Mối thất tình quyết dứt cho xong,

Đa mang chi nữa đèo bông,

Vui gì thế sự mà mong nhân tình!

Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,

Mượn hoa đàm đuốc tuệ làm duyên,

Thoát trần một gót thiên nhiên,

Cái thân ngoại vật là tiên trong đời.

Ý cũng rắp ra ngoài đào chú,

Quyết lộn vòng phu phụ cho cam.

Ai ngờ trời chẳng cho làm,

Quyết đem dây thắm mà giam bông đào!

.....

Đường tác hợp trời kia giống ruồi,

Lọt làm sao cho khỏi nhân tình,

Thôi thôi ngánh mặt làm thình,

Thử xem con tạo gieo mình nơi nao?

(câu 105 - 132)

Và khi chuyện vợ chồng đã được êm đẹp, nhất là lại được tuyển làm cung phi, lại được vua sủng ái, thì những ưu tư, những nỗi buồn chán về cuộc đời, mới trước đó ở trong nàng, bây giờ đã bay mất hết, nhường chỗ cho những đắc ý, vui mừng, hớn hờ, thỏa mãn:

Tay nguyệt lão khờ sao có một,

Bổng tơ tình vương gót cung phi!

Cái đêm hôm ấy, đêm gì?

Bóng dương lồng bóng, đồ mi trập trùng.

Khoa thực được mơ mòng thụy vũ,

.....

Vẽ vưu vật trăm chiều chải chuốt,

Lòng quân vương chi chút trên tay,

Má hồng không thuốc mà say,

Nước kia muốn đổ, thành này muốn long.

(câu 133 - 168)

Rồi tiếp theo là những trần trọc, khắc khoải, chờ mong trong những ngày tháng đầu tiên bị vua nhạt tình:

Ngày sáu khắc tin mong nhận vắng,

Đêm năm canh tiếng lắng chuông rền,

Lạnh lòng thay giấc cô miên,

Mùi hương tịch mịch bóng đèn thâm u.

(câu 255 - 258)

Rồi những oán than thâm thẳm, những khổ đau quằn quại khi biết mình đã hoàn toàn tuyệt vọng:

Đêm năm canh lần nường vách quế,

Cái buồn này ai dễ giết nhau,

Giết nhau chẳng cái lưu cầu,

Giết nhau bằng cái u sầu độc chưa!

(câu 237 - 240)

Rồi nhớ tưởng, tiếc nuối những giờ phút hạnh phúc, êm đềm, vui vẻ của cái thời còn được vua sủng ái:

Nào lối dạo vườn hoa năm ngoái,
Đóa hồng đào hái buổi còn xanh,
Trên gác phượng dưới lầu oanh,
Gối du tiên hây rành rành song song.
(câu 245 - 248)

Rồi lại hi vọng hảo huyền:
Khi trận gió lung lay cành bích,
Nghe rì rào tiếng mách ngoài xa,
Mơ hồ nghĩ tiếng xe ra,
Đốt phong hương hã mà hơ áo tàn.
(câu 269 - 272)

Rồi lại ngán ngẩm, oán hờn:
Mình có biết phận mình ra thế,
Giải kiết điều ọe ọe làm chi,
Thà rằng cục kịch nhà quê,
Dẫu lòng nũng nịu nguyệt kia hoa này.
(câu 297 - 300)

Rồi lại mộng tưởng vu vơ:
Tình rầu rĩ khôn khuây nhĩ mục,
Chốn phòng không như giục mây mưa,
Giấc chiêm bao những đêm xưa,
Giọt mưa cửa hạn còn mơ đến rày.
(câu 321 - 324)

Thật là một chuỗi dài tâm trạng đầy mâu thuẫn, rối rắm: chợt vui, chợt buồn, chợt lo âu, chợt sôi nổi... Sự diễn tả tâm lý nhân vật một cách lộn xộn như vậy, vừa đúng với tâm trạng của một người cung phi bị thất sủng, vừa phù hợp với tính cách của một khúc ngâm. Phần diễn tả tâm trạng cung phi này là phần quan trọng, chính yếu của khúc ngâm Cung Oán; nó chiếm toàn bộ tác phẩm, từ câu đầu cho đến câu cuối; đó chính là đặc điểm của một khúc ngâm.

c) Tư tưởng nàng cung phi

Trong Cung Oán Ngâm Khúc, tác giả đã dành nguyên một đoạn quan trọng gồm 88 câu thơ (từ câu 45 đến câu 132), tức $\frac{1}{4}$ tác phẩm, để nói về tư tưởng của nàng cung phi đối với cuộc đời. Tư tưởng ấy đã được trình bày rành mạch bằng con mắt quan sát triết học của nàng cung phi, và cũng là sự chú ý đặc biệt của tác giả khúc ngâm; nào là:

Kìa thế cục như in giấc mộng,
Mấy huyền vi mở đóng khôn lường!
Vẽ chi ăn uống sự thường,
Cũng còn tiền định khá thương lo là.
(câu 49 - 52)

nào là:
Thảo nào khi mới chôn nhau,
Đã mang tiếng khóc bụng đầu mà ra.
Khóc vì nổi thiết tha sự thế,
Ai bày trò bãi bể nương dâu?

Trắng răng đến thuở bạc đầu,
Từ sinh kinh cù làm nau mấy lần!
(câu 55 - 60)

hay:
Tuồng huyền hóa đã bày ra đấy,
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau,
Trăm năm còn có gì đâu,
Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì!
(câu 101 - 104)

Cuộc đời đã là ảo mộng, là huyền hóa, là vô thường, là khổ đau như vậy, nhưng người đời cứ ham đua chen danh lợi, để rồi làm khổ chính mình:

Gót danh lợi bùn pha sắc xám,
Mặt phong trần nắng nám mùi dâu.
Nghĩ thân phù thế mà đau,
Bọt trong bể khổ bèo dậu bến mê.
(câu 65 - 68)

hay:
Mùi phú quý như làn xa mã,
Bả vinh hoa lừa gã công khanh.
Giấc Nam Kha khéo bất bình,
Bùng cơn mắt dậy thấy mình tay không!
(câu 81 - 84)

Thấy cuộc đời khổ đau mà người đời thì cứ mê say theo đuổi vinh hoa phú quý, người con gái liền có ý thức phản tỉnh, muốn lánh đời để sống cuộc đời thoát tục; cả đến chuyện lứa đôi cũng không màng:

Ngẫm nhân sự có chi ra thế?
Sợ xích thằng chi để vương chân,
Vắt tay nằm nghĩ cơ trần,
Nước dương muốn rảy nguội dần lửa duyên.
(câu 45 - 48)

hay:
Mùi tục lụy đường kia cay đắng,
Vui chi mà đeo đẳng trần duyên,
Cái gương nhân sự chiêm chiêm,
Liệu thân này với cơ thiên phải nao.
(câu 105 - 108)

Như vậy, tư tưởng của nàng cung phi đã được trình bày như là kết quả của một cuộc quan sát thực tế. Tuy nó không sâu sắc như bốn giáo lý vô thường, khổ, không và vô ngã của Phật giáo, nhưng đã tóm lược được và bình dân hóa bốn giáo lý ấy. Nàng cung phi đã tỏ ra có thông hiểu bốn giáo lý ấy; biết đem con mắt để quan sát; và đã có những nhận xét tổng quát về thực trạng cuộc đời, căn cứ vào trình độ hiểu biết của mình. Người cung phi tỏ ra đã từng trải việc đời, từng nếm đủ mùi vị cay đắng của cuộc đời, tâm hồn đã trở nên già giặn. Nhưng nếu xét kỹ lại, người con gái lúc ấy chưa được tuyển vào cung, tức là nàng đang ở tuổi ngây thơ; vậy mà nàng đã có một cái nhìn quá già

giận, sâu sắc của một người đã lão luyện, từng có nhiều kinh nghiệm khổ đau, thành bại ở đời; cho nên chúng ta có thể đặt một câu hỏi:

Những tư tưởng, những nhận xét về cuộc đời như trên, người cung phi đã có ngay từ thuở còn là con gái, hay chỉ mới có được từ sau khi đã trở thành một cung phi thất sủng?

Nhìn lại những diễn biến tâm lí của nàng cung phi như đã trình bày ở trên, chúng ta có thể trả lời câu hỏi trên một cách dứt khoát rằng, những tư tưởng, nhận xét tinh tường về cuộc đời ấy, người cung phi chỉ có được từ sau khi nàng bị thất sủng, mặc dù đã được nàng nêu lên ngay từ những đoạn đầu của khúc ngâm. Chúng ta có thể nói một cách quả quyết rằng, tất cả mọi người sống trên đời, dù người đó có là thánh nhân đi nữa, muốn phán xét về cuộc đời, trước hết phải sống với đời, phải biết mở cặp mắt nhìn đời đã. Nàng cung phi, khi ấy còn là một cô gái ngây thơ, hằng ngày chỉ quanh quẩn trong chốn khuê phòng:

*Hoa xuân nọ còn phong nộn nhụy,
Nguyệt thu kia chưa hé hàn quang,
Hồng lâu còn khóa then sương,
Thâm khuê còn giấm mùi hương khuynh thành.*

(câu 33 - 36)

thì dù có óc thông minh, dù được đọc sách, dù có được thiên sư giảng dạy đi chăng nữa, vẫn không thể nào cảm được nổi đắng cay, chua chát, hay thấy được sự đổi thay, đau khổ của cuộc đời. Nhất định nàng phải sống, phải từng trải, kinh nghiệm, mới có thể thấy, có thể cảm, mới có thể diễn tả nên lời một cách chân thành, thâm thúy được. Còn việc diễn tả trước hay sau chỉ là do sự hứng khởi bỗng bột, lộn xộn, do từ trạng thái tâm lí phức tạp của nàng mà thôi.

2. Nhân vật thứ hai: NHÀ VUA

Nàng cung phi không những tự nói về mình, tự than thân trách phận, mà sự oán trách còn nhằm đến một đối tượng: Đó chính là nhân vật thứ hai, nhà vua, người đã ban cho nàng bao nhiêu hạnh phúc, rồi lại gây đau khổ, buồn phiền, tủi hờn cho nàng. Những ngày tháng đầu tiên của cuộc đời làm cung phi, nàng đã được nhà vua sủng ái, luôn luôn kề cận bên vua, hạnh phúc biết chừng nào:

*Mây ngài lẫn mặt rồng lồ lộ,
Sấp song song đôi lứa nhân duyên,
Hoa thơm muôn đội ơn trên,
Cam công mang tiếng thuyền quên với đời.
Trên chín bề mặt trời gang tấc,
Chữ xuân riêng sớm chực trưa châu,
Phải duyên hương lửa cùng nhau,*

Xe dê lọ rắc lá dâu mới vào.

Khi áp mạn ôm đào gác nguyệt,

Lúc cười sương cột tuyết đèn phong,

Đóa lê ngon mắt cửu trùng,

Tuy mây điểm nhạt nhưng lòng cũng xiêu.

(câu 157 - 164)

Những tưởng hạnh phúc bền lâu, ai ngờ chỉ một thời gian sau thì nàng bị nhà vua bỏ rơi, không ngó ngang gì đến nữa:

Ai ngờ bỗng một năm một nhạt,

Nguồn cơn kia chẳng tát mà vơi,

Thôi đi đâu biết cơ trời,

Bỗng không mà hóa ra người vị vong!

(câu 193 - 196)

Nhà vua quá ham mê sắc đẹp, đã cho lệnh tuyển vào cung thật nhiều mỹ nữ, nhưng rồi chỉ yêu quý một vài người; mà sự yêu quý ấy cũng không lâu bền, chỉ một thời gian ngắn là bỏ rơi, để yêu sang người khác; và cứ thế...

Đuốc vương giả chỉ công là thế,

Chẳng soi cho đến khóe âm nhai!

Muôn hồng nghìn tía đua tươi,

Chúa xuân nhìn hái một hai bông gần.

Vốn đã biết cái thân câu trỡ,

Cá no mỗi cũng khó như lên.

Ngán thay cái én ba nghìn,

Một cây cù mộc biết chen cành nào!

(câu 197 - 204)

Nhà vua đa tình là thế, nhưng cũng lại là một kẻ bạc tình:

Trong cung quế âm thầm chiếc bóng,

Đêm năm canh trông ngóng lẫn lẩn,

Khoảnh làm chi bấy chúa xuân!

Chơi hoa cho rửa nhụy dần lại thôi!

(câu 209 - 212)

Đành để cho nàng nhớ nhung sầu khổ, thân hình xơ xác, mà không chút động lòng:

Buồn mọi nỗi lòng đà khắc khoải,

Ngán trăm chiều bước lại ngẩn ngơ,

Hoa này bướm nở thờ ơ,

Để gầy bóng thắm, để xơ nhụy vàng!

(câu 233 - 236)

3. Nhân vật thứ ba: TẠO HÓA

Nàng cung phi oán trách nhà vua bỏ rơi mình đã đành, lại còn nhìn cao hơn nữa để đổ tội cho một nhân vật thứ ba đã gây ra mọi nỗi oán oăm này cho nàng, đó là tạo hóa (hay nguyệt lão, trời, trăng già, đều cùng ý nghĩa).

Trước hết, tạo hóa đã sinh ra nàng:

*Trộm nhớ thuở gây hình tạo hóa,
Vẽ phù dung một đóa khoe tươi.*

(câu 9 - 10)

Rồi tạo hóa lại kết cho nên duyên chồng vợ:
*Ngẫm nhân sự có chi ra thế,
Sợ xích thằng chi để vương chân?*

(câu 45 - 46)

hay:

*Đường tác hợp trời kia giòng ruồi,
Lọt làm sao cho khỏi nhân tình,
Thôi thôi ngánh mặt làm thinh,
Thử xem con tạo gieo mình nơi nao.*

(câu 129 - 132)

Mọi chuyện ở đời đều do tạo hóa sắp đặt sẵn hết,
con người không thể biết trước được:

*Kìa thế cục như in giấc mộng,
Mấy huyền vi mở đóng khôn lường,
Vẽ chi ăn uống sự thường,
Cũng còn tiền định khá thương lộ là.*

(câu 49 - 52)

Tạo hóa cũng là kẻ đã chủ chốt gây ra bao tang
thương ở đời:

*Trẻ tạo hóa đành hanh quá ngán,
Chết đuối người trên cạn mà chơi.
Lò cừ nung nấu sự đời,
Bức tranh vân cầu vẽ người tang thương.*

(câu 73 - 76)

Sự họa phúc của con người cũng do tạo hóa chi
phối, con người chỉ biết quờ quạng tuân theo, không
có chút gì gọi là tự chủ:

*Quyền họa phúc trời tranh mất cả,
Chút tiện nghi chẳng trả phần ai.
Cải quay búng sẵn trên trời,
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.*

(câu 89 - 92)

Người cung phi chán ngán cuộc đời khổ sở, không
muốn lập gia đình, mà chỉ muốn thoát trần; nhưng tạo
hóa cũng không thuận cho:

*Ý cũng rắp ra ngoài đào chú,
Quyết lộn vòng phu phụ cho cam,
Ai ngờ trời chẳng cho làm,
Quyết đem dây thắm mà giam bông đào.*

(câu 117 - 120)

Việc nàng được tuyển vào cung làm cung phi,
cũng vốn đã do tạo hóa sắp đặt:

*Tay nguyệt lão khờ sao có một,
Bồng tơ tình vương gót cung phi.*

(câu 133 - 134)

Rồi nàng bị vua bỏ rơi cũng bởi tại trời:

Thôi đi đâu biết cơ trời,

Bồng không mà hóa ra người vị vong.

(câu 195 - 196)

hay:

*Tay nguyệt lão chẳng xe thì chớ,
Xe thế này có dở dang không?*

(câu 241 - 242)

Đưa nàng vào cung để được vua sủng ái, rồi lại bắt
nàng phải sống cô đơn lạnh lẽo trong chốn thâm cung,
đó chẳng phải là trò dối gạt, lừa phỉnh của tạo hóa hay
sao?

*Bây giờ đã ra lòng ruồng rẫy,
Để thân này nước chảy hoa trôi.
Hóa công sao khéo trên người?
Bóng đèn tà nguyệt như mùi kí sinh!*

(câu 257 - 260)

Bị vua bỏ rơi, nhưng thái độ của nàng đối với nhà
vua chỉ là trách móc nhẹ nhàng, chỉ biết oán than cho
số phận mình; vậy mà đối với tạo hóa thì nàng đã tỏ ra
giận dữ thật sự:

*Tay tạo hóa có sao mà độc!
Buộc người vào kim ốc mà chơi!
Chống tay ngồi ngẫm sự đời,
Muốn kêu một tiếng cho dài, kẻo căm!
Nơi lạnh lẽo nơi xem gần gần,
Há phải son nhạt phấn ru mà!
Trêu người chi bấy trắng già?
Sao cho chỉ thắm mà ra tơ mảnh?*

(câu 329 - 336)

Nhân vật “tạo hóa” này, tuy là vô hình, nhưng đã
đeo dính, đã ám ảnh nàng cung phi trong suốt khúc
ngâm; có thể nói, nó còn rõ nét hơn cả nhân vật chính
là “nhà vua” nữa.

4. Nhân vật thứ tư: BỐ GIÀ

Những dẫn chứng trên đã cho chúng ta thấy, trong
Cung Oán Ngâm Khúc quả đã có ba nhân vật: một
nhân vật luôn luôn hiện diện để bày tỏ tâm sự của
mình, đó là nàng cung phi; và hai nhân vật được nàng
cung phi thỉnh thoảng nhắc nhở đến mà không bao giờ
có mặt, đó là nhà vua và hóa công.

Nhưng nếu đọc kĩ tác phẩm, chúng ta sẽ phát giác
ra một nhân vật thứ tư nữa. Nhân vật này xuất hiện ở
phần cuối cùng của tác phẩm, đó là bố già. Và đặc
biệt, nhân vật bố già này không phải vắng mặt, mà là
đang có mặt trước nàng cung phi để nghe nàng kể
chuyện của nàng:

*Bố già tỏ nỗi xưa sau,
Chẳng đem nỗi ấy mà tau ngư cùng?*

(câu 343 - 344)

Bố già ở đây chính là viên hoạn quan đã hầu hạ,
chăm sóc cho nàng từ ngày nàng mới được tiến cung;

đã từng trải mọi việc trong cung cấm; đã chứng kiến bao hoàn cảnh sung sướng hay oái oăm trong chốn thâm cung, nhất là cuộc sống của riêng nàng. Bờ già có mặt từ lúc nào, chúng ta không biết rõ; nhưng cứ theo câu thơ số 343 ở trên và cái bối cảnh trong toàn khúc ngâm, thì ông ngồi đó đã lâu lắm - ông đã có mặt cùng lúc với nàng cung phi. Ông chỉ biết im lặng ngồi nghe nàng kể lể mà không hề trả lời, không hề lên tiếng.

Sự có mặt của nhân vật bờ già ở đây, lại dẫn tới một vấn đề: Nàng cung phi độc thoại hay đối thoại? Chúng ta có thể trả lời ngay: Với tính cách là một khúc ngâm, nàng cung phi chỉ có thể độc thoại; nhưng với sự có mặt của nhân vật bờ già, những lời lẽ của nàng đã trở thành đối thoại. Nàng cung phi không phải chỉ nói chuyện cho chính mình nghe (độc thoại), mà đang nói chuyện mình cho người đối diện – bờ già – nghe (đối thoại). Cách hành văn của hai câu thơ trên đã nói lên điều đó:

*Bờ già tỏ nỗi xưa sau,
Chẳng đem nỗi ấy mà tâu ngự cùng?*

Đó là lời nói trực tiếp của nàng cung phi với người đối diện, chứ không phải là một lời nói gián tiếp. Và hai câu sau đây cũng là lời nói trực tiếp của nàng đối với bờ già:

*Tay nguyệt lão chẳng xe thì chớ,
Xe thế này có dở dang không?
(câu 241 - 242)*

Từ phát giác này, chúng ta còn tìm được hai câu khác nữa, cũng mang tính đối thoại:

*Trêu người chi bấy trắng già?
Sao cho chỉ thấm mà ra tơ mảnh?
(câu 335 - 336)*

Hai câu hỏi này cũng là hai câu hỏi trực tiếp; và ta có thể tưởng tượng, trong khi đang bức tức, uất ức quá đỗi, nàng cung phi bỗng ngửa mặt lên trời mà thốt ra hai câu hỏi đó. Chỉ có điều, sự đối thoại ở đây là đối thoại với một nhân vật vô tri (trăng già); hỏi là hỏi suông vậy, chứ nàng biết chắc chắn là sẽ không được trả lời. Còn với nhân vật bờ già, là một người cụ thể đang ngồi ngay trước mặt, nàng hỏi còn mong có sự trả lời.

Vì vậy, nếu ba nhân vật trên kia (cung phi, nhà vua và hóa công) đã làm cho tác phẩm *Cung Oán Ngâm Khúc* đúng với tính cách của một khúc ngâm, thì sự xuất hiện của nhân vật bờ già lại làm cho cái tính cách ngâm khúc của *Cung Oán* bị lệch đi phần nào; nghĩa là đã có sự bất thường, ngoại lệ trong thể NGÂM vậy.

(còn tiếp một kỳ)

Không Đề 1...

*Có những nỗi buồn hình như không bao giờ tan biến
Có những ước mơ biết có bao giờ thành sự thật
được không
Có những nụ sầu rơi long lanh thành nước mắt
Và biết có bao người hay sống với dĩ vãng như
tôi không....*

*Hình như trong cuộc sống,
Khi mộng ước quá nhiều
Khi chỉ sống vào kỷ niệm
Thì nỗi buồn vẫn dai dẳng không nguôi*

*Tôi ước mình cứng rắn hơn một chút
Nhìn vào cuộc đời như nhìn những phép tính cộng chia
Nếu rắc rối đừng thêm spreadsheets
Và macros để đơn giản hóa cuộc đời*

*Sao cứ mãi ngỡ mình như dòng suối
Mang nỗi buồn đi từ Bắc sang đông
Mang ưu tư đổ xuống bể u hoài
Rồi tan biến như những làn sóng biển ...*

*Sao mãi đứng bên cạnh dòng sông hiền muộn
Vớt những đám rong rêu bấp bênh trên mặt nước
Và tìm hoài dưới lòng sông những hình ảnh ngày xưa
Để chỉ thấy lẫn tan dòng nước gợn buồn
Và ảo ảnh theo thời gian tan biến*

*Kỷ niệm, dù đẹp biết bao nhiêu
Khi có còn vớt vát,
Chỉ đem lại những tiếng thở dài miên viễn mà thôi*

*Hãy ráng nhìn những hoa đào nở rộ rã rã
mùa đông mưa gió
Và những mimosa vàng tươi mà nghĩ đến chính mình
Hãy gắng nở những nụ cười trên những nỗi buồn vụn rã
Và mạnh dạn bước đi trên những dấu tích thời gian
Hãy ráng vui và nuốt lệ âu sầu
Để dần bước trên những khó khăn tràn đầy
của cuộc sống*

*Thì may ra tôi vẫn còn đứng vững
Dù cuộc đời có hà khắc đến bao nhiêu*

THIÊN HƯƠNG

Ở TRỌ

Tưởng niệm Trịnh Công Sơn

Đặng Ngọc Chức



Một đêm rằm tháng tư, trăng thanh gió mát, đèn hoa lấp lánh dưới các tàng cây, từng dòng người hân hoan trang trọng ra vào chánh điện thiền viện Vạn Hạnh, đường Nguyễn Kiệm, Phú Nhuận, để dâng hương lễ Phật cùng chờ xem buổi trình diễn văn nghệ do các văn nghệ sĩ và ca sĩ Phật tử nổi tiếng hát mừng Phật đản, trong đó có nhạc sĩ tài danh Trịnh Công Sơn, người đã lưu lại trong tôi nhiều ấn tượng thú vị qua bài hát "Ở Trọ" hay "Ở Đậu". Để tưởng niệm anh, xin được lược trích và chiêm nghiệm một số câu tiêu biểu đã làm chấn động lòng người đến ngỡ ngàng.

Mở đầu, anh giới thiệu bài hát được sáng tác vào một đêm mưa bay lất phất, gió rít từng cơn, và anh bỗng thấy mình lưu gót tại chùa Linh Sơn, Đà Lạt. Anh cũng giải thích thêm đôi chút về tựa đề "Ở Trọ", cũng như giờ đây chúng ta đang trọ tại sân thiền viện Vạn Hạnh, lát nữa ra về mỗi người một phương; rồi sân viện trọ ở mô? Trọ trên trái đất, và trái đất trọ trong không gian. Một chuỗi trọ. Ha ha!" Thế là anh đã hé mở cánh cửa duyên sinh cho khán thính giả có dịp tự thấy mình, thấy người, và thấy cả sơn hà đại địa. Sau đó anh dạo đàn và hát:

"Con chim ở đậu cành tre

Con cá ở trọ trong khe nước nguồn"

Hình ảnh con chim dong đưa trên cành tre, con cá lững lờ trong dòng nước rất sinh động, gợi cảm, nhưng cũng rất vô thường, mong manh. Con chim nào đậu mãi trên cành cây? Con cá nào trọ hoài trong dòng nước? Cành cây chuyển động theo gió, dòng nước luân lưu theo nguồn, và dòng đời cũng vận hành theo duyên nghiệp hợp tan. Thảo nào Khổng tử nhìn dòng sông

mà cất lời cảm thán: "Ngày đêm chảy mãi thế này ư!" (Thệ giả như tư phù bất xả trú dạ!), và Héraclite thì: "Có ai tắm hai lần trong cùng một dòng sông". Dòng sông, theo duy thức học Phật giáo, còn là biểu tượng của tâm thức (mind) hay ý thức (consciousness), tư tưởng ở đó hiện khởi tương tục theo trần cảnh như một dòng nước chảy xiết (hằng chuyển như bực lưu); và trần cảnh thì biến thiên, sanh diệt theo nghiệp cảm duyên khởi của vạn loại hữu tình.

"Mây kia ở đậu từng không

Mưa nắng ở trọ bên trong mắt người"

"Mây kia", khi đen kịt vần vũ, lúc lằng lằng phiêu bồng, là hình ảnh hiện thực nhưng gợi ý giả danh "bức tranh vân cầu vẽ người tang thương". Tùy theo nhận thức về đối tượng của mỗi cá thể mà sanh ra thiên sai vạn biệt (do giả thuyết ngã pháp, hữu chủng chúng tướng chuyển). Còn mưa-nắng là cặp nhị nguyên đối đãi như hữu-vô, thường-đoạn (thử sanh tắc bỉ sanh, thử diệt tắc bỉ diệt). Nhưng tại sao mưa nắng ở trọ bên trong "mắt người" mà không bên trong "tai người"? Rõ là nhạc sĩ đang khiêu vũ với ngôn ngữ thi ca và cùng nhau bay qua khung trời hư-thực: "Mẹ cho em đôi mắt màu đen, để thương để nhớ để ghen để hờn". Hỷ-nộ-ái-lạc-ái-ố-đục cứ loanh quanh thấp thoáng hay ào ạt vút qua cửa sổ tâm hồn. Tất cả chỉ vì "mộng trung hữu mộng trùng mê mộng".

"Môi xinh ở đậu người xinh

Đi đứng ở trọ đôi chân Thúy Kiều"

Môi xinh ở đậu người xinh là phù hợp với quy luật tự nhiên, nhưng đi đứng tại sao không trọ đôi chân Thúy Vân hay Kim Trọng mà phải ở trọ đôi chân Thúy

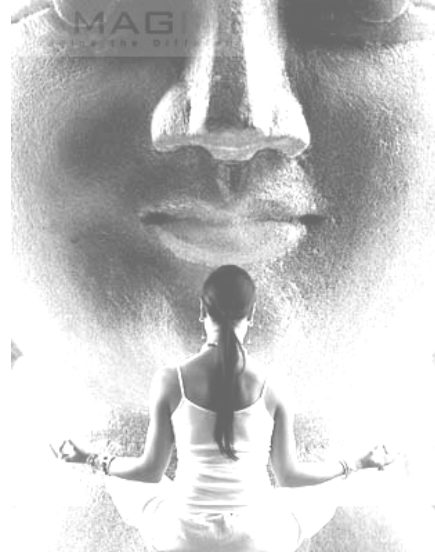
Kiều? Cái diệu nghĩa thâm uyên ly kỳ bí tráng là ở điểm đó. Thúy Kiều là hiện thân của trầm luân khổ hải, nhưng cũng lung linh tinh khiết như giọt nắng ban mai. Cho dù phải mười lăm năm truân chuyên phiêu bạt với thanh y hai lượt thanh lâu hai lần, nhưng Thúy Kiều vẫn một lòng thủy chung son sắt, một dạ "dưới nguyệt chén đồng" với Kim Trọng. Dân tộc Việt Nam cũng thế. Cho dù phải lang thang trôi giạt nơi thiên nhai hải dặc hay âm thầm đắm bạc tại cùng cốc thanh sơn, con dân Việt Nam luôn trung thành và nhớ về tổ quốc Việt Nam. Đạo lý "uống nước nhớ nguồn, ăn trái nhớ kẻ trồng cây" lúc nào cũng bàng bạc theo lời ru của mẹ. Và quả thực "Quê hương nếu ai không nhớ sẽ không lớn nổi thành người" (There is no place like home). Trịnh Công Sơn đã tiếp sóng cho ta để có cùng một xung động kỳ diệu.

"Xin cho về trọ gần nhau

Mai kia dù có ra sao cũng đành"

Thật là lãng mạn và đượm màu nhân bản. Tất cả mọi chủng loại đều đang trọ trên khắp mặt địa cầu. Nhưng vì sao phải "xin cho về trọ gần nhau"? Vì thế gian vô thường, vũ trụ nguy khốn (thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy). Trọ gần nhau để hiểu nhau, thương nhau và san sẻ cho nhau chút tình đồng loại. Tà kiến, định kiến nhân đó mà tan biến dần, thọ mạng con người nhờ thế mà được thêm hương thêm sắc. Còn "Mai kia dù có ra sao cũng đành" không phải là thái độ phó mặc hay ngừ khí liễu mạng. Mà "Mai kia" theo tư tưởng Tây phương "không bao giờ đến" (Tomorrow never comes), chỉ có hiện tại là tuyệt vời (No time like present). Và theo ngôn ngữ thiền môn thì: quá khứ đã qua, tương lai chưa tới; chỉ có hiện tại, tức đương niệm hay chánh niệm (mindfulness) là quan trọng hơn cả. Và đúng như vậy. Trong khi khán thính giả đang lắng lòng nghe hát, ca sĩ, nhạc sĩ đang hưng phấn theo nhịp phách cung đàn, tất cả đang ở trong một trạng thái hỷ lạc, hòa điệu, trạng thái "vô công dụng xứ" thì cái "Mai kia" có dính dáng gì với cái hiện tại hay đương niệm này. Nói cách khác, "Mai kia" cũng chính là đương niệm này. (Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thi, dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị).

Trịnh Công Sơn đã tự thân quán chiếu duyên nghiệp tại thế của mình "đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một" mà cảm thông, lân mẫn với người, với đời, với cỏ cây sỏi đá và tất cả sinh linh. Anh đã thể hiện trọn vẹn cuộc hành trình "nổi vòng tay lớn" và đã ra về trong chánh kiến ban sơ. Anh đã cất cao tiếng hát đập nát xích xiềng, phá tan định kiến thi khái niệm "xung, cơ, hủy, dự" cũng chỉ là bóng dáng của những giọt sương, hạt móc trên đóa hoa hồng dưới ánh nắng xuân.



Đêm Huyền

*Lòng Tầm ươn Kén chứa chan
On Dâu phải nhả Tư Vàng cho Dâu...*

*

*Tu nhà năm- mấy tuổi đầu
Lẽ huyền chưa đạt thâm sâu bến bờ
Chừ nương cảnh chợ sống hồ
Thử xem nhẩn nhục còn chờ những chi?
Niết Bàn - Địa Ngục bất ly
Ngoài, Trong cánh cửa có gì đâu xa:
Mở thương cảnh loạn Ta Bà
Khép Tâm tịnh lại ấy là Chơn Không.
Hoàng hôn núi hút khói hồng
Chim đêm vẫn mộng phiêu bồng Bình Minh;
Trăng Vàng khuất nẻo phù sinh
Gió khuya ước hẹn đăng trình Trăng sau.
Đường đời dẫu vấp chân đau
Hóa quay lưng phụ nhịp cầu vô biên?*

*

*Giác khuya đây động triền miên
Nửa thương Tục Đế, nửa nguyên Chơn Như.
Trăng nương gió lật trang Thơ
Đèn khuya bắc lùn trầm tư đêm huyền.*

TÂM TÂN

ĐẠO ĐỨC VÀ HẠNH PHÚC

Viên Trí

Mọi người hẳn sẽ nhất trí với lời phát biểu rằng đạo đức là giá trị cao quý nhất đối với cuộc sống con người trong mọi thời đại, đặc biệt là thế giới ngày nay. Từ điển Graw Hill Book định nghĩa: “Đạo đức là môn học đánh giá các hành vi thiện ác của con người biểu hiện qua thân, lời, ý và được thực hiện bởi ý chí, tình cảm và ý chí.” (1) Theo Aristote, “Mục đích trực tiếp của con người không phải là cái hay, cái đẹp mà chính là hạnh phúc. Hạnh phúc là sự phát triển hoàn toàn đầy đủ các đức tính của một con người... Hạnh phúc đồng nghĩa với đạo đức.” (2)

Trong chừng mực nào đó, nếu đạo đức được hiểu là đồng nghĩa với hạnh phúc thì chúng ta có thể nói rằng đạo Phật là đạo hạnh phúc, vì giáo lý Phật giáo chính là con đường đạo đức giúp con người loại trừ khổ đau và đạt được hạnh phúc ngay trong hiện tại và tại đây. Nó thay thế những cảm nghiệm khổ đau trong cuộc sống hằng ngày của con người bằng cảm nghiệm hạnh phúc ngay khi người ta thực hành. Nó là phương tiện để con người từng bước hoàn thiện bản thân, phát triển nhân cách, đưa họ từ địa vị phàm phu tiến dần đến quả vị thánh giả. Hơn thế nữa, giáo lý Phật giáo chính là con đường giúp cho người đạt được hạnh phúc tối hậu; đó là Niết-bàn, sự giải thoát toàn vẹn, vì đức Phật dạy “Ta chỉ dạy khổ và con đường diệt khổ.” (3)

Để đạt được những cấp độ hạnh phúc từ thấp đến cao như thế, tất nhiên người ta cần phải học tập và thực hành Phật giáo, bao gồm trong ba pháp giới-định-tuệ mà đức Phật đã thuyết giảng. Sống đúng với con đường giới-định-tuệ nghĩa là hành giả đang nắm giữ hạnh phúc chân thật, vì đây chính là đạo lộ mà đức Phật đã hành trì và đạt được quả vị giác ngộ, giải thoát.

Cần phải nhận thức rõ rằng ba pháp giới-định-tuệ luôn cùng hiện hữu mỗi khi một trong ba pháp ấy được hành trì. Trong thực chất, giới-định-tuệ là ba mặt của

một vấn đề, là ba điều không thể tách rời mỗi khi đề cập đến giáo lý Phật giáo. Đức Phật dạy “Trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh. Giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Ở đâu có giới ở đó có trí tuệ; ở đâu có trí tuệ, ở đó có giới. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ; người có trí tuệ nhất định có giới hạnh.” (4) Như vậy, mỗi khi đề cập đến một tức là đề cập đến cả ba. Nói khác đi, khi đề cập đến giới là nói đến con đường giải thoát giới định tuệ, nhưng đứng trên bình diện của giới luật để phân tích và bình luận.

Xa đề một chút, chúng ta nhận thấy rằng muốn xây dựng một chuẩn mực đạo đức trong cuộc sống cá nhân, gia đình và xã hội thì cần phải có những chuẩn tắc về hành vi để con người có thể y cứ vào đó mà đánh giá các hành vi thiện hay bất thiện. Một hành vi đem đến hạnh phúc cho mình, cho người, cho xã hội là chuẩn tắc để đánh giá (ở đây đề cập đến giá trị giải thoát của hành vi). Đối với Phật giáo, chuẩn tắc hành vi đó phải dựa vào giới, hay nói chính xác hơn, chuẩn tắc ấy là giới.

Trong giáo lý Phật giáo, giới có nhiều loại. Tùy theo cấp độ tu hành khác nhau giữa hàng ngũ xuất gia và tại gia mà giới được phân thành nhiều loại, như giới Tỷ-kheo, giới Tỷ-kheo ni, giới sa di, giới sa di ni, giới ưu bà tắc, ưu bà di... Bên cạnh ấy, do môi trường, hoàn cảnh, phong tục, tập quán mà có những sự khác nhau trong giới luật Phật giáo. Tuy nhiên, phần trình bày ở đây tập trung vào năm giới căn bản của người Phật tử tại gia. Năm giới này là năm điều kiện đạo đức tối thiểu của một người Phật tử, và cũng là những chuẩn mực đạo đức tạo ra con người lý tưởng theo đúng chân nghĩa của nó.

Năm giới ấy bao gồm: (1) Không sát sanh; (2) Không lấy của không cho; (3) Không tà dâm; (4) Không nói dối; (5) Không uống rượu.

Qua nội dung vừa trình bày ở trên người ta dễ dàng

nhận thấy rằng năm giới này là để áp dụng cho con người, cho đời sống con người nhằm để ngăn chặn các hành vi bất thiện do con người tạo ra (theo nghĩa tiêu cực), và để tạo ra an lạc, hạnh phúc thật sự cho chính con người và xã hội (theo nghĩa tích cực).

Giới là những điều không được vi phạm, cần phải tránh để bảo vệ đạo đức và nhân phẩm của một con người. Khi một người giữ gìn năm giới này được thanh tịnh thì tâm người ấy được an ổn, tự tại vì biết rằng mình đang trú trong đạo đức, nghĩa là đang ở xa vực thẳm phi đạo đức. Từ sự an ổn đó người ta sẽ cảm nhận được hạnh phúc và an lạc ngay trong hiện tại và chính trong cuộc sống của mình ngay tại đây. Khi năm giới được con người cảm nhận một cách chân thật thì tâm người ấy hoàn toàn tự do và thoải mái. Vì vậy chúng ta có thể nói rằng năm giới là năm điều kiện sống tất yếu của một con người, là năm điều kiện cần và đủ để làm người, ví như cá phải sống trong nước, nếu tách rời khỏi nước tất nhiên là cá tự hủy hoại cuộc sống của chính nó.

Giới luật Phật giáo có công năng tạo ra hạnh phúc và lợi ích thật sự cho cuộc sống con người, xã hội từ cấp độ thấp nhất (là con người đúng nghĩa), cho đến cấp độ cao nhất là giải thoát tối hậu (Niết-bàn) tùy theo cấp độ tu tập giới. Nhưng ở đây người viết chỉ trình bày tổng quát một vài tính chất tiêu biểu của giới:

(a) Con người không bao giờ thích kẻ khác gây bất cứ sự tổn thương nào đến cho mình (như tổn hại mạng sống, mất mát tài sản, rối loạn hạnh phúc gia đình...), thì chính những gì chúng ta không muốn ấy cũng đừng nên gây hại cho người khác (5). Qua ý nghĩa này chúng ta thấy rằng giữ gìn năm giới chính là giữ gìn hạnh phúc của mình. Đây là một ý nghĩa tích cực của giới.

(b) Người ta sẽ dễ dàng nhận thấy rằng nếu những giới điều trên bị vi phạm và phá bỏ thì chính môi trường chung quanh (xã hội) sẽ rơi vào một hoàn cảnh rối ren, đau khổ. Chỉ từ sự đánh mất hạnh phúc của từng con người là đã tạo ra đau khổ cho gia đình, xã hội, thậm chí sự tổn hại to lớn như chiến tranh có thể bùng nổ, nhân loại có thể diệt vong, nếu người ấy là kẻ có chức có quyền. Vậy thì năm giới là năm điều kiện tất yếu phải được tuân thủ, nếu như con người mong muốn hạnh phúc thật sự.

(c) Điểm điển hình kế tiếp của giới luật Phật giáo là từ bi. Mọi người có lẽ đều thừa nhận rằng đã là con người nghĩa là đã từng khổ đau và đang khổ đau (cảm giác theo từng cấp độ), vì như Lev. Tonstol từng nói: “Mọi người đều có cảm giác hạnh phúc giống nhau, nhưng cảm thọ khổ đau thì mỗi người một kiểu.” Như thế, điều thiện cần phải làm, từ bi cần phải có mặt là

sự giúp đỡ cần thiết cho con người, cho xã hội, trực tiếp hoặc gián tiếp. Điều này nói lên một ý nghĩa tích cực khác của giới luật Phật giáo. Giữ giới có nghĩa là bỏ thí: bỏ thí năm điều không sợ hãi và đem đến năm điều an lạc cho con người, cho xã hội. Cần lưu ý rằng từ bi của Phật giáo không phải chỉ để cảm thông với khổ đau của con người trong quá khứ cũng như hiện tại, mà là tích cực để đoạn trừ những nỗi thống khổ ấy qua sự tu tập năm giới. Từ bi của Phật giáo liên hệ đến bất bạo động, do vậy nó có thể loại trừ khả năng sinh khởi các sai lầm do tham, sân, si điều động.

(d) Qua những điểm vừa trình bày trên chúng ta có thể thấy rằng giới là bước đi đầu tiên, là bước đi căn bản và vô cùng quan trọng trong lộ trình tu tập hướng đến xây dựng một con người tốt, một môi trường tốt và một xã hội tốt đẹp. Nếu giới không được nghiêm giữ một cách thanh tịnh thì việc tu tập thiền định khó mà đạt được kết quả tốt; và nếu có chăng cũng chỉ là những kết quả còn con. Nếu an lập được nền tảng các vấn đề đạo đức (giới) thì không thể nào không tạo ra được an lạc, hạnh phúc cho mình, cho gia đình và cho xã hội. Ngay cả mục đích tối hậu, tức sự giải thoát toàn vẹn, cũng đến từ bước khởi đầu này mà chứng đắc. Nếu cuộc sống giữa con người với con người, con người với gia đình, và con người với xã hội mà đều tuân thủ và hành trì giới luật một cách chân chánh thì không ai có thể chối cãi rằng cuộc đời này là một trú xứ đầy an lạc và hạnh phúc. Nói chính xác hơn, tịnh độ cũng chính tại đây, tất cả đều phụ thuộc vào hành vi đạo đức của con người mà được an lập.

Điều quan trọng cần phải lưu ý ở đây là sự hiện hành của pháp luật xã hội cũng như giới luật của các tôn giáo khác. Rõ ràng, sự tác động của những điều vừa được đề cập không phải là ít đối với cuộc sống con người và xã hội. Tuy nhiên, khách quan để đánh giá thì người ta sẽ nhận thấy rằng sự tác động của chúng chỉ mang tính răn đe và trừng phạt những hành vi phạm tội của con người, được thể hiện ra ngoài qua hành động của thân, miệng, ý. Trong khi ấy, chủ nhân chính để tạo ra tội lỗi lại là ý (tâm). Ý là chủ nhân và là nhân tố chính điều động các hành vi thiện ác. Như vậy, giáo dục là giáo dục ngay ở nguồn gốc của nó; ngăn chặn là ngăn chặn ngay ở thời điểm mà tội lỗi chưa phát sinh. Được như thế, kết quả hạnh phúc mà con người đang chờ đón mới có cơ hội đơm hoa, kết trái. Giới luật Phật giáo có công năng thực hiện trọn vẹn yếu tố này.

Trích dẫn ngắn gọn sau đây từ hai bài kệ Pháp Cú hy vọng sẽ soi sáng cho vấn đề trên: “*Tâm dẫn đầu các pháp; tâm làm chủ, tâm tạo . Nếu nói hay hành động với tâm ý ô nhiễm, Khổ nào bước theo sau; như*

xe chân vật kéo,” và “Tâm dẫn đầu các pháp; tâm làm chủ, tâm tạo, nếu nói hay hành động với tâm ý thanh tịnh, An lạc sẽ theo ta như bóng không rời hình.”

Dĩ nhiên, muốn giáo dục và xây dựng tốt con người và xã hội trong một môi trường đạo đức thì cần phải có những mẫu người đạo đức (theo nghĩa tương đối); những con người sống đúng pháp, đúng luật. Phải chăng đó là hình bóng của Tăng đoàn Phật giáo! Đời sống mô phạm của đức Phật và các Thánh đệ tử trong thời đại của Ngài đã cho chúng ta thấy rằng, quả thật cuộc sống phạm hạnh của Tăng đoàn là bài pháp hùng hồn, là khuôn mẫu giáo dục có tác dụng to lớn, tác động mạnh mẽ đến việc cải thiện đạo đức cho người Phật tử nói riêng, và cho xã hội nói chung. Cuộc sống đúng giới luật của Tăng già là nền tảng vững chắc, là cơ sở thiết yếu để mọi người nương tựa. *Bằng như chỉ nói về, chỉ lý thuyết, chỉ mơ ước thì ảnh hưởng của giới luật không những rất ít, mà lắm khi lại phản tác dụng, vì thực tế cho thấy rằng hành động đạo đức bao giờ cũng có giá trị hơn nói về đạo đức.* Như vậy, yêu cầu bức thiết đối với Giáo Hội Phật Giáo hiện nay là cần có những đệ tử Phật thực hành chánh pháp, chuyên trì giới luật, sống đúng truyền thống lục hòa theo nghĩa tích cực của nó. Tăng đoàn cần phải phát huy sức mạnh, hiệu lực và giá trị của mình trong việc truyền trao giới pháp. Cần chú trọng đến phẩm chất, loại trừ chủ nghĩa số lượng, nặng tính hình thức.

Dĩ nhiên, giới luật Phật giáo nói chung và năm giới nói riêng không chỉ dành cho đệ tử của đức Phật, cũng không phải dành riêng cho một hạng người nào trong xã hội. Nó dành cho tất cả mọi người, mọi lứa tuổi, mọi dân tộc, mọi thời đại; dành cho những ai muốn có cuộc sống an lạc, hạnh phúc cho mình, cho người ngay trong hiện tại và tại đây (nếu như không muốn nói đến tương lai), và cho những ai muốn có một chuẩn mực để làm người theo đúng chân nghĩa.

Thế giới con người đang quằn quại trong khổ đau và lên án những người đang vi phạm các nguyên tắc đạo đức cơ bản này. Thế giới con người cũng đang khao khát một cuộc sống hòa bình, thịnh vượng và hạnh phúc. Như vậy, có phải chăng năm giới điều trên của Phật giáo là năm chuẩn tắc luân lý để xây dựng một xã hội đạo đức lý tưởng (theo nghĩa tương đối) mà Socrate, triết gia nổi tiếng của Hy Lạp, đã mong chờ khi phát biểu rằng:

“Một nền đạo đức không thể căn cứ vào một giáo lý mơ hồ, chúng ta phải tạo dựng một nền luân lý hoàn toàn không lệ thuộc thần học, hoàn toàn thích hợp với những người có tôn giáo cũng như không có tôn giáo thì xã hội mới ổn định.” (6)

Phải chăng đã đến lúc mọi người cần phải quay lại với chính mình, phải xác định lại mục đích thật sự mà họ đang tìm kiếm và muốn vươn tới. Phải chăng hạnh phúc là đối tượng mà con người đang mãi tìm kiếm! Nhưng, hạnh phúc thì đồng nghĩa với đạo đức, mà đạo đức chính là giới. Vậy thì chính lúc này con người cần phải loại bỏ tất cả ngộ nhận, sai lầm về giới luật của Phật giáo, để tiến gần giới luật, nắm giữ giới luật như là đang nắm giữ hạnh phúc của mình; nắm giữ giới luật như là đang duy trì chính nhân phẩm của mình vậy. Bằng như ngược lại, cứ khao khát, tìm cầu hạnh phúc, an lạc mà phá vỡ năm giới điều trên thì cũng như người khát nước mà mãi uống nước biển vậy. Kết quả chỉ là sự đau đớn, thống khổ của những người thiếu trí tuệ, như vua Trần Thái Tông từng nói:

*“Phong trần thất thủy làm thân khách,
Ngày mai xa quê vạn dặm đường”* (7)

Đề cập đến năm giới căn bản, năm điều đạo đức tối thiểu của Phật giáo mà đã có thể đem lại hạnh phúc thiết thực và to lớn cho con người, cho xã hội như thế (nếu được thực thi). Chắc chắn rằng những giới điều khác của Phật giáo (cũng dựa trên năm giới điều căn bản này) mà được hành trì một cách nghiêm túc thì hạnh phúc tối thượng, tức Niết-bàn, là điều có thể đạt được, không hư dối vậy.

Hạnh phúc ở đây cần phải được hiểu theo từng cấp độ, từng hoàn cảnh và từng cá nhân cảm thọ nó trong từng điều kiện riêng biệt. Kết quả của năm giới là công năng của một cuộc sống đúng giới luật của hàng cư sĩ, đệ tử tại gia của đức Phật; còn Niết-bàn- tức hạnh phúc tối hậu- tất nhiên đòi hỏi một sự tu tập nhuần nhuyễn ba pháp giới-định-tuệ, ở đó giới định tuệ đã vỡ tan và hòa nhập với tự thân hành giả, tạo nên một thể thống nhất giữa nhân và pháp. Niết-bàn là kết quả của sự hoà nhập hoàn toàn giữa pháp tu và người tu, giữa người chứng và quả chứng. Niết-bàn của Phật giáo vượt lên trên mọi suy tư logic, mọi cảm thọ bình thường. Nó là thể hiện trọn vẹn của một cuộc sống từ bi, trí tuệ, vô ngã, vị tha.

1. Câu chuyện Triết Học, Will Durant, Bưu Dịch dịch, Thư Vạn Hạnh, 1971
2. Sdd.
3. Trung Bộ Kinh, Kinh Thánh Cầu, HT. Minh Châu dịch
4. Trường Bộ Kinh, Kinh Sonadana, HT. Minh Châu dịch
5. Ký sở bất dục vật thí ư nhơn (Khổng Tử)
6. Câu Chuyện Triết Học, Will Durant, Bưu Dịch dịch, Thư Vạn Hạnh xuất bản
7. Thiên Học Trần Thái Tông.

thơ
BẠCH XUÂN PHỄ

Thu

*Tĩnh mạch trời thu sao lành lạnh
Ngồi tựa vai kẻ đã mấy canh
Trăng mờ huyền ảo bên dòng suối
Người đẹp bên mình ngỡ trong tranh*

*Tôi vuốt tóc em đến ngang lưng
Thì thâm khê bảo tóc em mềm
Nhìn đôi môi mọng màu phượng thắm
Rạo rực trong tôi... một mối tình*

*Trời thu thu lại trở về thu
Hình dáng năm xưa bỗng mịt mù
Tóc xưa như một làn mây trắng
Tình mãi như là những lá thu.*



VÌ SAO PHẬT GIÁO SUY TÀN TẠI ẤN ĐỘ

By *D.C. Ahir*

TRẦN ĐỨC PHI BẰNG dịch

Kỳ I

*V*ì có nhiều người thắc mắc việc Đạo Phật biến mất trên đất Ấn Độ, nơi nó đã ra đời và lớn mạnh đến tuyệt đỉnh. Do đó, chúng tôi xin dịch bài này của tác giả là một người Ấn Độ, cũng là một người trưởng thành trong xã hội Ấn Độ Giáo, dưới quan điểm của một học giả hiện đại để cống hiến quý vị. (Lời người dịch)

Sự biến mất của Đạo Phật ở Ấn Độ, nơi nó đã được sinh ra, trưởng thành và đạt đến những thành tựu cao nhất, là một hiện tượng đáng ngạc nhiên và đau lòng. Thế nào và tại sao Đạo Phật đã không tồn tại lâu dài trong những người gần gũi nhất với nó là một vấn đề khó hiểu với nhiều ý kiến bất đồng. Quan điểm chung của các nhà học giả Ấn Độ là sự xao lãng và sa đọa trong đời sống Đạo Đức và Tâm Linh của giới tu sĩ Phật Giáo, Tăng cũng như Ni. Tuy nhiên nhìn dưới ánh sáng lịch sử, việc cho rằng sự xuống dốc về đạo đức của hàng ngũ Tăng Già Phật Giáo dường như là chuyện hoang đường không có những bằng chứng xác đáng. Nói như Swami Vivekananda rằng ‘Phật Giáo phải chết, một cái chết tự nhiên trên đất Ấn Độ vì những đệ tử của Phật đã từ bỏ đẳng Thượng Đế vĩnh hằng ra khỏi đất nước’ cũng không đúng. Nếu đó là lý do thì tại sao Kỳ Na Giáo đã tồn tại trên đất Ấn khi Mahavira cũng không thừa nhận Thượng Đế là đẳng Tối Cao. Tín đồ Kỳ Na Giáo, cũng giống như Phật Giáo, không thừa nhận thẩm quyền của kinh điển Vệ Đà. Vì vậy, đó không phải là lý do suy tàn của Phật Giáo trên đất Ấn.

Theo quan điểm của chúng tôi, Phật Giáo đã chết một cái chết không tự nhiên, và những nguyên do đưa đến sự biến mất của nó là những nguyên do bên ngoài hơn là bên trong. Không chỉ thế, một chiến dịch có hệ thống và tính toán đã được tiến hành vì quyền lợi ích kỷ của người Bà La Môn Giáo đã đẩy Phật Giáo ra khỏi nơi chôn nhau cắt rốn của nó. Lý do là vì Đức Phật đã lên án chế độ giai cấp và nhấn mạnh vào sự bình đẳng của mọi người. Trong khi đó tín đồ của Bà La Môn bằng mọi cách bảo vệ hệ thống giai cấp để bám lấy những ưu đãi của họ trong sự phân chia giai cấp đó, nhưng tín đồ Phật Giáo, không giống như tín đồ Kỳ Na Giáo, không chịu thỏa hiệp trên vấn đề này. Điều này đã đưa đến mâu thuẫn. Người Bà La Môn một mặt phát động chiến dịch chống Phật Giáo, ngược đãi tín đồ Phật Giáo, một mặt đem những điểm tốt của Phật Giáo vào hệ thống của họ để thuyết phục quần chúng. Những yếu tố ngoại tại, cộng với một vài sai lầm nội bộ đã nhanh chóng làm Phật Giáo suy tàn tại Ấn Độ.

XUNG ĐỘT GIỮA BÀ LA MÔN VÀ PHẬT GIÁO

Trước khi có Phật Giáo, Ấn Độ chưa từng biết đến những đạo lý về bình đẳng và tình huynh đệ. Theo Nguyên Nhân Ca (Purusha Suka) của kinh Lê Câu Phê Đà (Rig Veda), chủng tộc Bà La Môn sinh ra từ miệng, chủng tộc Sát Đế Lợi (Kshatriya) sinh ra từ tay, chủng tộc Phệ Xá (Vaishya) sinh ra từ đùi, và chủng tộc Thủ Đà La (Sudra) sinh ra từ bàn chân của Brahma là Thần Sáng Tạo. Xã hội này đặt nền tảng trên nguồn gốc thần thoại Chaturvarna và được quy định bằng nguyên lý phân biệt giai cấp; giai cấp Bà La Môn được xếp hàng đầu, tiếp đến là giai cấp Sát Đế Lợi, Phệ Xá, và Thủ Đà La là thấp nhất. Quy luật về sự phân biệt giai cấp cũng quy định những quyền lợi và ưu thế của họ. Ngay cả những hình phạt về sự phạm tội cũng được đặt trên nền tảng khác biệt giai cấp. Người Bà La Môn sẽ bị hình phạt nhẹ nhất và người thuộc giai cấp Thủ Đà La sẽ bị hình phạt nặng nhất. Như vậy, toàn bộ cơ cấu xã hội được đặt trên nguyên tắc bất bình đẳng.

Đức Phật đã làm một cuộc cách mạng chống lại những luật lệ xã hội áp bức đó và lên án hệ thống giai cấp. Ngài không thừa nhận nguồn gốc linh thiêng của giai cấp, và chứng minh sự dối trá của giai cấp Bà La Môn khi tuyên bố rằng họ sinh ra từ miệng của Brahma. Ngài bác bỏ lời tuyên bố của người Bà La Môn, họ cho rằng chỉ có họ mới có thể đạt đến những đức hạnh tâm linh, và khẳng định rằng người trong bất kỳ giai cấp, màu da hay tín ngưỡng nào đều có thể

phát triển trong tâm họ những đức hạnh đó. Ngài còn đi xa hơn nữa:

- Hãy làm cho không còn ai, nam hay nữ, bất kỳ thuộc nền tảng kinh tế xã hội nào, bị cản trở trên con đường đạt đến sự toàn thiện. Đó là quyền của mỗi người, khả năng bên trong của mỗi người, và sự toàn thiện đó có thể đạt đến do sự cố gắng không ngừng của riêng mỗi người, không do sự giúp đỡ của một tha nhân, thần thánh hay siêu nhiên nào.

Đức Phật còn dạy rằng: Tất cả mọi người đều giống nhau, nếu phân chia họ ra một cách nhân tạo là hành động điên rồ. Trong kinh Vesttha, Ngài nói rằng: Trong đời sống của loài thú có những sự khác biệt dựa trên những đặc tính nền tảng khác nhau. Trong đời sống của các loài cây cỏ cũng vậy. Nhưng không có những sự khác biệt như thế trong sự phân loại loài người thành những ngăn kín, vì nhân loại là một và có cùng những đặc tính như nhau. Vì vậy, Đức Phật khẳng định một cách dứt khoát: Giá trị được đặt nền tảng trên những hành động, chứ không phải trên sự sinh ra, một sự việc vô tình, không phải là thước đo con người. Ngài cũng bước những bước cụ thể trong việc nhỏ tận gốc sự tẻ hại của giai cấp. Những bước đó là: Phơi trần huyền thoại về nguồn gốc thượng đẳng do người Bà La Môn tuyên bố về họ; khuyến khích giai cấp thấp bằng cách thọ trai tại nhà họ; và chấp nhận những người thuộc giai cấp thấp xuất gia và được coi ngang hàng với những người khác trong hàng ngũ Tăng Già. Hồ hào các Tỷ Kheo quên giòng giống giai cấp của họ, một lần Đức Phật nói: “Này các thầy, giống như những giòng sông, sông Hằng, sông Yamuna, sông Aciravati, sông Sarasvati, và sông Mahi khi chúng đều chảy về biển lớn. Cũng như vậy, này các thầy, bốn giai cấp: Bà La Môn, Sát Đế Ly, Phệ Xá, và Thủ Đà La khi họ đi theo giáo pháp và giới luật của Như Lai, họ từ bỏ những khác biệt của giai cấp và sắp hạng, và trở thành những phần tử của một khối duy nhất và đồng nhau.”

Ở Ấn Độ vào thế kỷ thứ sáu trước Tây Lịch, người Bà La Môn giáo tìm sự cứu rỗi và giải thoát bằng những tế lễ hy sinh, người theo đạo Kỳ Na và Ajivaka tế lễ bằng sự tự hành hạ thân xác. Đức Phật trái lại dạy đệ tử của Ngài vượt qua biển khổ luân hồi bằng cách đem sự tốt đẹp cho chúng sanh khác, thay vì làm hại họ hay hại chính bản thân mình. Ngài dạy con đường đi đến Niết Bàn bằng những phương tiện:

1- Tự điều khiển, tự tiết chế, và giảm thiểu những đam mê;

2- Mở lòng thương yêu tất cả mọi loài, người, chim muông, thú vật; và

3- Giúp đỡ người nghèo yếu.

Ngài cũng nhấn mạnh:

- a- Cơ hội bình đẳng cho mọi người;
- b- Thân thể bình đẳng cho mọi người;
- c- Tự do tư tưởng; và
- d- Tình huynh đệ toàn khắp.

Khi Đức Phật giảng Giáo Pháp của Ngài, nó lôi cuốn quần chúng ở khắp mọi giới; giàu và nghèo, cao sang và thánh thiện, thấp thỏi và hạ tiện. Những người thuộc giai cấp Bà La Môn cũng không bị bỏ rơi. Thật vậy, phần lớn các đệ tử thân cận của Đức Phật là những người thuộc giai cấp Bà La Môn. Ngay cả về sau, một số những ngọn đuốc dẫn đầu trong Đạo Phật là những vị từ Bà La Môn quay về. Trong những thế kỷ tiếp sau, giáo lý xã hội của Đức Phật đã tạo một sức đẩy làm xã hội Ấn Độ tiến lên, và những giai cấp thấp xác định quyền bình đẳng của họ, vì vậy mà tín đồ Bà La Môn đã quay lại chống đối Phật Giáo.

Thật sự, người Bà La Môn không chống đối Phật Giáo trên những giáo lý thuộc triết lý hay đạo đức, nhưng điều mà họ không thích là tư tưởng về sự bình đẳng trong Đạo Phật. Như Tiến sĩ Ambedkar nói: *“Bất bình đẳng là giáo lý chính thức của đạo Bà La Môn. Đức Phật chống lại gốc rễ và cành lá của nó. Ngài là một đối thủ mạnh mẽ nhất của chế độ đẳng cấp và là cột trụ vững chãi nhất của tinh thần bình đẳng. Không có một lý lẽ nào về vấn đề giai cấp mà ngài không bác bỏ.”*

Chúng ta không nghi ngờ rằng, được khuyến khích với tinh thần bình đẳng do Đức Phật dạy, những người giai cấp thấp trong xã hội xác định quyền tự do của họ và chống lại sự ưu thế của người Bà la môn. Điều này làm suy yếu nền tảng của hệ thống giai cấp và đã hạ tầng giai cấp Bà La Môn xuống tận đất.

Khi Đạo Phật yếu đi chút đỉnh, người Bà La Môn giáo dùng mọi cách để lấy lại quyền lực và danh vọng đã mất. Họ không những cố gắng phục hồi lại hệ thống giai cấp mà còn tìm cách hủy diệt những giáo pháp của Đức Phật khỏi đất nước Ấn Độ. Xin trích lời của Har Dayal:

- Những thầy tế triệt tiêu ngôn ngữ Pali trên đất Ấn. Họ không những ghét tiếng Pali về phương diện giáo lý, triết học hay những giới luật của Đức Phật. Họ biết Đức Phật là một vị Thầy lớn lao và tôn sùng Ngài. Nhưng họ muốn rằng những lời dạy tuyệt vời của Đức Phật không được nghe thấy trên đất Ấn, vì những lời dạy này có năng lực phá hủy thành lũy giai cấp. Họ nói: Dù tiếng Pali tiêu diệt; dù nước Ấn Độ tiêu diệt; nhưng giai cấp của chúng ta phải nắm quyền lãnh đạo.

Để tranh đấu với Đạo Phật, người Bà La Môn phải làm nhiều việc sửa đổi trong những giáo lý của họ. Họ bỏ sự hy sinh súc vật để cúng tế. Họ cũng bãi bỏ giáo

lý cho rằng các kinh điển Phệ Đà không thể sai lầm. Tuy nhiên, về quan điểm phân chia giai cấp (Chaturvarna), họ không chịu đầu hàng. Họ phải thừa nhận tác dụng của những lý lẽ của Đức Phật chống lại Chaturvana. Và họ phát động một sự điều chỉnh triết học cho Chaturvana được tìm thấy trong sách Bạt Già Phạm Ca (Bhagavad-Gita), một tác phẩm có trước Phật. Nói như P.L. Narasu trong cuốn *Cốt Tủy Đạo Phật*:

- Mục đích chính của Gita là lên lút ủng hộ sự lãnh đạo và danh vọng của giai cấp Bà la môn, ra đời để đáp ứng những nhu cầu mà Đạo Phật đã làm thỏa mãn. Bất cứ điều gì cao thượng và tuyệt vời trong Gita là điều mà Bà La Môn giáo đã vay mượn từ đối thủ của nó và xử dụng cho mục đích riêng tư của mình. Đặc biệt là để ngăn chặn những người Thủ Đà La không từ bỏ niềm tin cổ cựu của họ. Phần còn lại là một khối những lặp đi lặp lại, những mâu thuẫn, những sự vô lý, kết quả của một cố gắng không thành công trong việc làm dung hòa mọi phương diện trong quan điểm truyền thống.

Mục đích chính của Bạt Già Phạm Ca là bảo vệ, làm mạnh hệ thống giai cấp được thấy rõ trong cách giải thích chữ Dharma (Pháp). Nghĩa chữ Dharma trong Phệ Đà là những nghi lễ hay những nghi thức. Trong Gita cũng như trong Manu-Smriti, chữ Dharma được dùng có nghĩa là: Những bổn phận của bốn giai cấp trong thế gian. Trong Gita, Krishna bảo Arjuna chiến đấu, vì đó là Dharma (bổn phận giai cấp) của ông ta. Ông ta còn nói:

- Thà chết mà làm tròn bổn phận của giai cấp; làm theo những bổn phận dành riêng cho giai cấp khác là việc làm nguy hiểm.

Tín đồ Phật Giáo trái lại không chịu từ bỏ sự chống đối của họ đối với tư tưởng Chaturvarna. Đó là lý do đầu tiên của sự chống đối giữa Phật Giáo và Bà La Môn giáo.

Tiến sĩ Amberka tìm dấu vết nguồn gốc mâu thuẫn giữa Phật Giáo và Bà La Môn giáo từ một nguồn khác. Ông nói:

- Khi đọc qua toàn bộ Văn Học Phật Giáo, tôi thấy rằng 90% tín đồ Phật Giáo trước kia là những người Bà la môn. Những người Bà La Môn thường đến gặp Đức Phật để thảo luận và tranh cãi, và khi thua, thường đặt tin tưởng vào Đức Phật và cuối cùng chấp nhận Phật Giáo. Văn Học Phật Giáo chứa đầy những sự việc như vậy. Vì vậy, Phật Giáo là một tôn giáo đã nẩy nở giữa đại đa số những người Bà La Môn, làm thế nào về sau lại bị chính những người Bà la môn tiêu diệt?

Theo quan điểm của chúng tôi, lý do chính của sự việc này là sự thờ cúng thần linh gia đình. Ở Ấn Độ,

giống như thần làng và thần nước, có những vị thần gia đình cũng được những người Bà La Môn thờ cúng. Những thầy tế thường thờ cúng những vị thần này bắt đầu gây ảnh hưởng vào quốc sự qua những bà hoàng. Vua A Dục (Ashoka) sau khi quy y theo Phật Giáo đã từ bỏ việc thờ cúng đó và đời tượng của những thần dừng trong việc thờ cúng này. Vua A Dục nói:

- Khi ta tôn kính Đức Phật, đấng Giác Ngộ, thì không cần thờ cúng vị thần linh nào khác.

Hành động này của vua A Dục làm cho những người Bà La Môn lo lắng không ít vì nó chấm dứt những phương tiện sinh sống và bóc lột bất công của họ. Họ nguyện sẽ phục thù cho sự mất mát đó.

Những người Bà La Môn có quan niệm rằng:

- Sau khi chết những ông vua sẽ bị đọa vào địa ngục vì những sai lầm và thiếu sót của họ. Vì vậy, họ không đồng ý làm những người lãnh đạo, nhưng muốn làm những Cố Vấn Tối Cao của các vị Vua. Để trả thù sự mất mát vì việc chấm dứt sự thờ cúng những thần gia đình (Kulapuja), những người Bà La Môn từ bỏ phương châm chỉ làm những người cố vấn, họ cố gắng nắm lấy quyền lực. Với sự giúp đỡ của những người Sát Đế ly, họ thiết lập trực Bà La Môn-Sát Đế ly để chống lại Phật Giáo. Ưu thế của Bà La Môn giáo trở lại ở Ấn Độ là một trong những nguyên do suy sụp của Phật Giáo.

Sự nổi bật của Phật Giáo từ sự hạ thấp giai cấp Bà La Môn, cũng đưa đến sự dấy chết của những quyền lợi thiêng liêng của những Vua chúa thuộc giai cấp Sát Đế ly. Vì vậy, không nghi ngờ gì những người thuộc giai cấp Sát Đế Ly, trong những giai đoạn đầu là những người ủng hộ Phật Giáo, về sau trở nên đối lập với Phật Giáo. Như một nhà văn viết:

- Những người Sát Đế Ly sợ Phật Giáo vì nó đe dọa nền tảng và sự hiện hữu giai cấp của họ, vì những người bị áp bức được khuyến khích bởi những giáo lý bình đẳng tìm cách vùng dậy.

Như vậy, để bảo đảm sự an toàn cho những quyền lợi của họ, những người Sát Đế Ly tham vọng âm mưu với những người Bà La Môn và bước từng bước củng cố hệ thống giai cấp. Bằng sự sắp xếp chung, giai cấp Sát Đế Ly được đồng ý làm Vua và những người Bà La Môn là những đại thần. Sự thỏa hiệp này bảo đảm quyền lực và danh vọng cho cả hai giai cấp này và sự thấp kém vĩnh viễn của những giai cấp khác, mà Phật Giáo sẽ không bao giờ tha thứ. Vì vậy, để giữ quyền lực chính trị trong tay họ, hai giai cấp này tạo một mặt trận thống nhất chống lại và phá rối sự phát triển của Phật Giáo.

SỰ GÂY THÙ HẬN

Tôn giáo của Đức Phật là một cái gai trong mắt những người Bà La Môn phản động, vì nó đã lật đổ giai cấp thầy tế khỏi ngôi vị cao của nó, mà bao nhiêu thế kỷ đã bảo đảm cho họ mọi thứ ưu đãi và tiện nghi vật chất. Vì vậy khi ảnh hưởng của Phật Giáo suy yếu, họ trả đũa và tấn công Phật Giáo bằng nhiều cách để trả thù sự mất mát của họ. Họ dùng những ngôn ngữ tồi tàn nhất và những mảnh khốc tồi tàn nhất để nhục mạ và hạ thấp Phật Giáo dưới mắt quần chúng. Ngay cả họ còn bẻ cong ý nghĩa từ và thành ngữ riêng của Phật Giáo. Chúng tôi hy vọng rằng sự phân tích phê bình trong những đoạn sau đây sẽ có thể làm cho độc giả nhận thức được tầm quan trọng trong thảo luận của chúng ta:

1- Vua A Dục, một vị vua Phật Giáo vĩ đại nhất, trong những cáo thị ông tự gán cho mình là Người được chư Thần thương yêu (Devanam Priya), nhưng những nhà văn phạm Bà La Môn dịch chữ này là những sự điên rồ yêu thương. R.K. Mookerjee nói về sự đồi bại này như sau:

- Về thành ngữ Deva-nampriya Priyadarsi, V.A. Smith dịch là Đấng Thiêng Liêng và Nhân Từ đối với tôi là chuẩn nhất. Deve nampriya thay vì Deva-Priya có thể là tên gọi có ý coi khinh giới luật của Panini, nhưng được đề cập trong những sự kiện ngoại trừ luật do Katyana (vào khoảng 359 trước tây lịch theo R.G. Bhadarkar) được Patanjali (150 trước tây lịch) và cả Kasika (650 sau tây lịch) ủng hộ. Tuy nhiên sự ngoại trừ không cho phép nhà văn phạm về sau là Bhattoji Dikshita, người đã nhấn mạnh vào việc coi từ Devanampriya là một từ khinh miệt, ngụ ý chỉ một người điên (murkha) không có sự hiểu biết về Brahma... Như vậy một danh hiệu được ca tụng trong những thời đại Nada, Maurya, và Sunga, phải chịu sự sa đọa về ý nghĩa dưới thành kiến của người Bà La Môn chống lại vị vua Phật Giáo lỗi lạc.



2. Đức Phật nhập diệt ở Câu Thi La (Kushinagar) vùng Deoria nước Uttar Pradesh, Câu Thi La cách Gorakhpur 12 dặm về hướng Đông và cách Deoria 21 dặm. Nó nằm trên bờ phía Tây của sông Hiranyavati và vị trí của nó tương ứng với khu vực rộng lớn Rambar-ka-Tila nằm ở bờ phía Tây hồ Rambhar. Gồm hai chữ Hiranyavati và Rambar có thể tạo thành tên Harambar cho khu vực này. Câu Thi La (Kushinagar) là nơi Đại Niết Bàn của Đức Phật trở thành một nơi hành hương quan trọng và thiêng liêng nhất của tín đồ Phật Giáo. Dĩ nhiên, tín đồ Phật Giáo từ khắp nơi trên đất Ấn quy tụ về nơi đây mỗi năm với một số đông lớn lao để tỏ lòng tôn kính đối với Vị Thầy. Dường như người Bà La Môn hoang mang bởi dân chúng ở Câu Thi La. Họ đưa khuynh hướng tôn giáo vào biện pháp xảo quyệt của họ và dạy những người tại gia ngu dốt rằng: Người chết ở Harambar, vùng chung quanh Câu Thi La, đọa vào địa ngục hay tái sinh làm con lừa cái, nhưng người chết ở Kasi (Varanasi) được lên trời.

Để bảo vệ quan điểm của chúng tôi, chúng tôi có bằng chứng hùng hồn và có tính cách lịch sử từ cuộc đời của Mahatma Kabir, một người hô hào cải cách tôn giáo và xã hội vào thế kỷ thứ mười lăm. Trong thời đại ông, sự truyền bá có tác hại, như được đề cập ở trên, rất thịnh hành. Kabir kịch liệt chống lại quan điểm vô nghĩa này. Ông tuyên bố rằng nếu hành động của một người tốt đẹp, người ấy chắc chắn sẽ được cứu rỗi dù cho có chết ở Kasi hay Harambar. Và để chứng minh hùng hồn niềm tin về Harambar là sai lầm và vô nghĩa, Kabir, khi tuổi đã già, cố ý đi đến vùng đất cấm đó và chết vào năm 1518 sau tây lịch trong một thị trấn nhỏ Maghar ở vùng Gorakhpur không xa Câu Thi La. Kabir, trong những lời để lại, hai lần đề cập đến sự việc này và giải thích đầy đủ mục đích hành hương đến Maghar của ông mặc dù những ngăn cản mạnh mẽ từ bạn bè và những người hâm mộ ông. Theo sự việc trên, Wescott viết trong tác phẩm đáng tin của ông về Kabir như sau:

- Chính là nguyện vọng của những môn đệ mà Kabir đã không chấm dứt cuộc đời của ông tại Kasi nơi mà rất nhiều công trình tôn giáo được hoàn tất. Họ chủ trương rằng tất cả mọi người chết ở Kasi sẽ lập tức sinh vào thế giới của thần Ram, và những người chết ở Maghar sẽ trở lại thế giới này và sinh làm con lừa cái. Kabir khiển trách về niềm tin của họ. Phải chăng quyền năng của Ram quá giới hạn không thể cứu rỗi người phụng sự ông vì người này muốn chết ở ngoài Kasi, thành phố của thần Shiva?

Cảm giác lo âu và sợ hãi trong giới Ấn Độ Giáo quá mạnh đến nỗi sau khi Kabir chết ở Maghar họ cũng không thể từ bỏ được sự mê tín. Vì vậy, họ đã

không xây dựng một đền tưởng niệm Kabir ở đó, họ dựng đền tưởng niệm ở Kasi. Người Hồi Giáo đã xây dựng một nơi tưởng niệm Kabir ở Maghar, nơi cư ngụ cuối cùng của ông. Đền thờ chính ở Maghar vì vậy đã luôn luôn do người Hồi Giáo trông coi và về sau vẫn còn dưới sự trông coi của họ, mặc dù một ngôi đền cho người Ấn Độ Giáo đã được xây dựng ở đây.

3. Những người cuồng tín Bà La Môn không dừng lại ở đó. Họ tiếp tục thẳng tay gây sự hận thù và ghét bỏ đối với tín đồ Phật Giáo trải qua nhiều thế kỷ và giữ mãi tinh thần này cả trong văn học. Xin trích dẫn ra một số sau đây:

a- Nikant trong tác phẩm Prayaschit Mayukha trích một bài thơ từ Manu (bộ luật tập cấp):

- Nếu người nào chạm phải một tín đồ Phật Giáo hay một tín đồ của Panchupat, Lokayataka, Nastika hay Mahapataki, người ấy phải tắm để tẩy uế.

b- Cùng một giáo lý được Apraka dạy trong Smiriti. Vradha Harit đi xa hơn và tuyên bố rằng bước vào chùa Phật Giáo là một tội lỗi cần phải tắm để thanh trừ tội lỗi đó.

c- Sự việc gây ấn tượng nhất về thái độ này đối với tín đồ Phật Giáo được tìm thấy trong vở kịch Mricchakatika. Trong màn VII của vở kịch, người anh hùng Charudatta và bạn là Maitriya đang chờ Vasantasena ở quảng trường bên ngoài thành Ujjain. Cô nàng không đến và Charudatta quyết định rời quảng trường. Khi họ rời nơi đây, họ thấy vị sư Phật Giáo tên là Samvakaha. Thấy ông ta, Charudatta nói:

- Này bạn Maitriya, tôi đang nóng lòng muốn gặp Vasantasena. Này, hãy cùng đi. (Sau khi bước vài bước) A, đây là một cảnh tượng không may, một ông tăng Phật Giáo đang đi về hướng chúng ta. (Sau khi suy tư một chút) Tốt, hãy để cho ông ta đi đường này, chúng ta sẽ đi con đường khác. (Rời sân khấu).

Trong màn VIII, vị tăng ở trong vườn lớn của Sakara, người anh rể của Vua. Nhìn thấy áo của ông ta trong một cái hồ, Sakara, theo sau là Vita, bật dậy và hăm dọa giết vị tăng. Sau đây là cuộc đối thoại giữa họ:

Sakara:

“Hãy dừng lại, ông thầy tu tồi bại.”

Tăng sĩ:

“A! Đây là người anh rể của Vua. Bởi vì có một số tăng sĩ xúc phạm đến nhà vua, nên nhà vua đánh đập bất cứ tăng sĩ nào ông gặp.”

Sakara:

“Hãy dừng lại, ta sẽ bẻ chiếc đầu của ông như người ta bẻ một cọng rau dền trong tiệm ăn (Đánh ông ta).”

Vita:

“Này bạn, đánh một tu sĩ khoác trên mình chiếc áo choàng, đã từ bỏ thế gian, là một việc không chính đáng.”

Tăng sĩ vui mừng:

“Xin hãy vui lòng, cư sĩ.”

Sakara:

“Này bạn, coi đó. Hấn sĩ nhục tôi.”

Vita:

“Ông ta nói gì?”

Sakara:

“Hấn gọi tôi là cư sĩ. Tôi là tên thợ cạo hay sao?”

Vita:

“Ồ! ông ta thật sự tán tụng anh như là một người sùng tín Đức Phật.”

Sakara:

“Tại sao ông lại đến chỗ này?”

Tăng sĩ:

“Để giặt những y phục này.”

Sakara:

“A! ông là ông thầy đòi bại. Ngay cả tôi cũng không tắm trong ao này; ta sẽ giặt ông bằng một trận đòn.”

Sau khi bị đánh thật nhiều, vị tăng được cho đi. Đó là một tu sĩ Phật Giáo trong đám đông Ấn Độ Giáo. Ông ta bị xa lánh và tránh né. Cảm tưởng chán ghét đối với ông thật là lớn lao, đến nỗi người ta tránh né cả con đường mà ông ta đã đi qua. Cảm tưởng ghê tởm đậm đặc đến nỗi sự đi vào của một tín đồ Phật Giáo khiến cho người Ấn Độ Giáo phải đi ra. Người Bà La Môn được miễn tội tử hình, ngay cả còn được miễn hình phạt về thể xác. Nhưng tu sĩ Phật Giáo bị đánh đập và hành hạ không thương xót, không hối tiếc, như là không có gì sai lầm khi làm việc đó.

d- Chanalya (Kautilya), một đại thần Bà La Môn nổi danh dưới thời vua Chiên Đà La Quật Đa (Chandragupta) của vương triều Không Tước (Maurya), cũng là một phần tử nằm trong chiến dịch gây hận thù đối với Phật Giáo. Ông nói:

- Khi một người hưởng dụng bữa ăn cúng cho chư thần và tổ tiên, những người thuộc giòng Thích Ca (tín đồ Phật Giáo), Ajivaka, Thủ đà la, và những tù nhân đi đầy, phải chịu một hình phạt một trăm Panas.

e- Những tác giả của những Puranas (Thánh Thư) cũng tuyên truyền chống Phật Giáo không ít. Họ coi Đức Phật như là một Avatara (hóa thân) của Vishnu nhưng đối xử với Ngài với sự khinh miệt.

- Thánh thư Brhannardiya coi một người Bà La Môn bước vào nhà của một tín đồ Phật Giáo là một tội lỗi lớn dù cho có gặp sự nguy hiểm lớn.

- Thánh thư Agni tuyên bố rằng con của vua Tịnh Phạn dụ dỗ những người Daitya trở thành tín đồ Phật

Giáo.

- Thánh thư Vayu nói một cách khinh khi về Phật Giáo: Với hàm răng trắng, cặp mắt nhìn thẳng, đầu cao trọc, và áo đỏ, những người Thủ Đà La sẽ thực hiện những hành vi tôn giáo.

- Thánh thư Vishnu gán cho Đức Phật tên: Người dụ dỗ vĩ đại. Họ coi Ngài là một Maha Moha, người hiện ra trong thế gian để lọc lừa những ma quỷ. Nó còn cảnh cáo thêm về tội lỗi chuyện trò với tín đồ Phật Giáo, nói rằng những người nói chuyện với những nhà khổ tu trọc đầu sẽ bị dọa vào địa ngục.

4- Một phần trong chiến lược hủy nhục của họ, người Ấn Độ Giáo còn dùng một phương pháp khác làm mất uy tín những tín đồ Phật Giáo và chùa chiền của họ. Họ gán cho những tên gọi xấu xa và bẩn thỉu cho những chùa, tu viện Phật Giáo. Ví dụ, tàn tích của ngôi tháp ở Ghantasila vùng Andhra Pradesh được họ gọi là Langa Dibba có nghĩa là gò đĩ điểm. Sự gán những tên bẩn thỉu cho những địa danh cổ của Phật Giáo được các nhà học giả ngu dốt trích ra, lấy làm lý lẽ để nói rằng Phật Giáo biến mất ở Ấn Độ, vì những ngôi chùa của nó đã trở thành những nơi đòi bại, và các Tỷ Kheo đã không sống đời sống đáng kính. Họ lý luận rằng:

- Những nơi lễ bái của Phật Giáo đã đi đến chỗ đòi bại cùng cực về luân lý, nên dân chúng khinh thường và xa lánh.

Chúng tôi đồng ý rằng khi các ngôi chùa bắt đầu trở nên sung túc, tu sĩ Phật Giáo, một cách nào đó trở nên hướng về bản thân và từ bỏ bốn phận của họ đối với nhu cầu tâm linh và xã hội quần chúng. Và họ bắt đầu sống một cách thoải mái trong những tu viện và không tham gia vào lý tưởng phụng sự xã hội. Điều này cuối cùng đã ảnh hưởng một mức độ nào đó vào việc truyền bá và duy trì Giáo Pháp. Nhưng nói rằng Phật Giáo suy tàn vì sự sụp đổ của những tiêu chuẩn đạo đức trong hàng ngũ Tăng Già là điều không có gì bảo đảm. Không có một bằng chứng nào để củng cố lập luận này, ngoại trừ những danh hiệu đáng nghi ngờ gắn liền với một số địa điểm. Theo quan điểm của chúng tôi, những tên gọi bôi bác kia đã được tạo ra do những người Ấn Độ Giáo quá khích, với chủ ý hạ nhục những chùa chiền Phật Giáo. Nhưng đối với trò tuyên truyền nham hiểm đó, không có một lý lẽ chứng minh cho những nhãn hiệu vô nghĩa gán cho những ngôi chùa Phật Giáo thiêng liêng. V.R. Narla nói:

- Quả thật là chùng hững và buồn không ít, vì rằng không những ở Ghantasila, nhưng ở Gudivada, Bhattiprola, China Ganjam, Pedda Ganjam, và một số nơi khác, những di tích của những ngôi chùa Phật Giáo thiêng liêng bị gán cho những tên nhơ bẩn như Langa

Dibba và Bojamadani Dibba. Một ngoại lệ mà tôi biết là tháp Amaravati. Tên địa phương của nó là Dipala Dinne, có nghĩa là gò đèn. Nhưng ngay cả về những ngọn đèn, cũng có thể không phải chỉ cho sự tán tụng, vì trong thực tế tất cả những nơi có gò thuộc di tích Phật Giáo, có truyền thống địa phương là những gái ăn sương cư ngụ trên gò dùng đèn để làm hiệu. Có thể những tên xấu xa được gán cho những gò di tích Phật Giáo là nói lên sự việc Phật Giáo đã bị sự đàn áp của những người Ấn Độ Giáo cuồng tín về sau, hoặc có thể nó đánh dấu mức độ xuống thấp của Phật Giáo, trong thời gian cuối cùng khi nó mang hình thái của Kim Cang Thừa (Vajrayana) hay Sahajayana, những hình thái không khác với mật giáo phóng dật. Hai lý do trên, chúng tôi tin tưởng vào lý do thứ nhất nhiều hơn.

Để chứng minh sự điên rồ của những lý lẽ sau, chúng tôi xin đọc giả ghi nhớ những sự hành trì đồi bại hơn nhiều trong những đền Ấn Độ Giáo. Chúng tôi không có ý liệt kê ra đây một danh sách dài về những tội ác của những thầy tế Bà La Môn trong những năm tháng đó. Đoạn trích sau đây từ một bài viết của Ishwar Singh Bais cũng đủ để phản ánh đời sống trong các đền Ấn Độ Giáo ngày xưa. Ông viết:

- Những vũ nữ của mỗi đền được sắp hàng thứ nhì. Họ là những devdasis hay nô lệ của chư thần, nhưng họ được gọi bằng cái tên thô lậu của những gái điếm. Và trong thực tế, họ gắn bó với nghề nghiệp của họ để ban ân huệ cho người nào yêu cầu và được trả lại bằng tiền. Dường như ban đầu họ được dành riêng cho những thầy Bà La Môn mua vui. Và những người đàn bà này, được công chúng biết đến về sắc đẹp của họ, được hiến dâng một cách đặc biệt trong việc phụng sự các thần linh của Ấn Độ Giáo. Nhiệm vụ chính của họ gồm có múa và hát trong đền hai lần mỗi ngày, sáng và tối trong những cuộc lễ công cộng. Tất cả thời gian còn lại giữa những cuộc lễ, thì dùng vào những việc xấu hổ hơn, và một việc không phải là ít xảy ra, là ngay cả những đền thờ thiêng liêng cũng bị biến thành những nhà chứa. Xa hơn nữa, có ít đền thờ mà vị thần ở đó không đòi quyền chữa trị bệnh không sinh đẻ của đàn bà. Thường thường những thầy tế khuyên họ ở lại qua đêm tại đền, nơi đây, họ nói thần linh cảm động với lòng thành của họ, có thể viếng họ trong tinh thần và sẽ giao hợp với họ. Với mách khéo này, những thầy tế thỏa mãn dục vọng của họ.

Ngoài những hành động trong những đền thờ Ấn Độ Giáo đã được đề cập, tầm quan trọng về những quan hệ dục tình trong Ấn Độ Giáo cũng được thấy rõ ràng trong những cảnh dâm dăng trên những bức

tường của những đền thờ ở Konark, Khajuraho, v.v... Về những công trình điêu khắc ở Konark, A.L. Basham nói trong tác phẩm Kỳ Quan Ấn Độ:

- Tính cách dâm dăng lộ liễu một cách hiếm có của nhiều công trình điêu khắc ở Konark đã đem lại cho Chùa Đen một tiếng tăm như nhớp. Những hình Maithuna, với những cặp ôm sát nhau hay đang trong tư thế giao hợp, được phổ biến là những nét trang trí đặc trưng của nhiều ngôi đền Ấn Độ, nhưng những hình ở Konark đặc biệt sống động. Những hình điêu khắc ở Khajuraho cũng tương tự.

Như vậy chúng ta có thể không do dự nói rằng: Nếu ở đâu những tiêu chuẩn luân lý bị sa đọa, đó là những nơi cư ngụ của các thần và nữ thần Ấn Độ Giáo. Thật vậy, như Ishwar Singh Bais nói:

- Trong nhiều đền thờ, và từ thế kỷ thứ tám sau tây lịch về sau, trong hầu hết các đền thờ Ấn Độ Giáo, sự sa đọa bắt đầu và với đời sống trong đền biến nó thành địa ngục. Các thầy tế đã hy sinh sự cao thượng và đạo đức, chỉ giữ lại tham lam và dục vọng. Nếu Ấn Độ Giáo có thể nẩy nở dưới bầu không khí đồi bại đó, thì việc biến mất của Phật Giáo không rõ ràng, dù cho có một số sa đọa trong tiêu chuẩn luân lý của những người mộ đạo; vì vậy chúng tôi không chấp nhận điều này. Từ đó, chúng tôi quả quyết luận điệu gán cho sự thối nát trong các chùa chiền không phải là không có căn cứ mà còn có tác hại, và những lý do của sự suy tàn của Phật Giáo phải được tìm thấy ở chỗ khác.

(còn tiếp một kỳ)



Đêm trăng mù sương nghe đàn buồn trên sông Hương

*trăng soi hàng cau nghiêng nghiêng buồn
buồn xuôi -- buồn xuôi trên sông Hương
ai rung tơ sầu trên cung đàn
lời trầm bay qua vương hơi sương*

*sông trôi mơ màng -- sông trôi thắm
sông giăng mù sương - đêm xa xăm
ai ngân cung sầu trên giây đàn
ai sao gieo chi lời trăm năm*

*sông trăng mù sương ru sầu về
đàn ngân cung trầm rung sương khuya
ai trôi tâm tình xuôi sông dài
lời như mơ hồ sao buồn chi*

*đàn ơi không buông cung tơ sầu
đêm nhòa sương khuya - tan trong nhau
sông xuôi về xa - phương sa mù
trăng mờ tàn phai thôi còn đâu.*

BÙI NGỌC TUẤN

ĐỜI SỐNG. MỘT CÁCH CHỌN LỰA ĐỂ RA ĐI!

Biện Thị Thanh Liêm

Sống. Bình thường nhất. Là cách thể hiện chính con người của mình khi trải qua những lúc hân hoan hay lắm khi thống khổ. Như con sông có lúc nhọc nhằn qua ghềnh thác cheo leo hay khi phải uốn mình len qua những con lạch dịu hiu ngơ ngác hoặc xuôi theo những đồng bằng ngọt ngào lúa chín. Cách nào, thì con sông vẫn là chính nó, với nước và sự chảy không cùng.

Dù phải chán chường, với nó. Đời sống. Ta cũng không thể từ nan. Mà đôi khi nên phải hết lòng. Vì đời sống với quãng đường trước mặt, vẫn mở ra như một huyền dụ hứa hẹn nhiều hoa trái bất ngờ.

Giống như một sân khấu lớn, ta dần trải đời mình với những vai diễn để đời. Ta sắm đủ các vai, có lúc làm con khi thì làm mẹ. Có lúc quan tướng với cờ bay võng lọng, có khi bần cùng làm kẻ ngã ngựa thương đau. Nhưng, phải chăng ta vừa là diễn viên mà cũng vừa làm khán giả của chính đời mình. Để thoảng khi trong đời khi dòng sống lắng yên, ta cũng thử làm nhà phê bình khe khẽ và chân thật với chính mình?

Đó là huyền nhiệm của sự sống đã cuốn hút ta còn đủ sức rong chơi trong cuộc đời phiến trực này.

Dù muốn hay không. Lo âu hay bình thản. Ta vẫn phải sống với cuộc đời trước mặt. Không thể quay lui với đoạn đường đã bỏ lại phía sau. Mà con đường nhìn ngang, đã ngó thấy những bè bạn không còn. Đôi khi con người đâm thẳng thốt. Giật mình. Và hối tiếc!

Dường như con người gần cuối đời hay nhìn lui. Thấy đàng đẵng cái quá khứ không mịt mùng mà rõ nét. Con người bỗng vui. Cái vui không... hề thành thật. Khi hiện tại... như lòng sông đã sang mùa giá buốt. Còn tương lai? Nhìn tới. Con đường bấy lâu, mỗi

lúc như nhỏ hẹp và thu ngắn lại dần. Nỗi sợ hãi như một huyền dụ, đã cuốn tròn con người vào những âm êm quá khứ và người ta thì trầm trò chuyện cùng nhau. Sự sống tức khắc được vỗ về. Và con người cảm thấy hài lòng. Hạnh phúc!

Như thế. Người ta đã sống! Bằng nhiều cách chọn lựa khác nhau.

Quyển sách đang mở. Đọc hay Viết. Cũng chỉ là mời gọi một sự lên đường.

Viết lại những điều mình đã sống, đã qua. Là mặc nhiên làm tái sinh một đời sống khác trong cái xúc cảm trầm mình trong hiện tại. Trong đó người viết có sức mạnh vạn năng sắp xếp lại cái trật tự mới theo ý mình mong muốn. Họ không còn là họ. Cuộc vượt thoát thập phần nguy hiểm. Khi người đọc rập tâm đưa mình vào cuộc chơi trần trụi. Không kịp tính toán. Và cuộc hôn phối thành hình. Ngẫu nhiên hay Hạnh phúc!?

Đọc. Là lần nữa sáng tạo lại cái thế giới lạ lùng của người viết. Sau khi đã đan díu mặn nồng với những nhân vật trong "quyển sách." Hân hoan hay khổ lụy? Người đọc! Chỉ có kẻ sống tận cùng mới ôm trọn được nỗi thánh khiết bị ai !

Như vậy. Ngôn ngữ? Tự thân cũng không ngừng biến dịch. Tác phẩm có sinh mệnh riêng của nó. Lắm khi, không nằm trong dự trình người viết. Sự phản trắc cần được bao dung. Ngôn ngữ đôi khi chơi trò bạo lực làm người viết phải ngẩn ngơ cay đắng. Sự chọn lựa đã vượt khỏi mong cầu.

Vì khi người viết, chọn điều mình muốn viết. Và người đọc, chọn đúng điều mình muốn nghĩ. Sự giao phối bắt đầu. Hối kết cuộc như xong.

Sự ra đi phải chăng đã thành hình khi tất cả cùng tham gia vào trò đùa ngôn ngữ?



Thu khúc

*vẫn khói mưa thu lừng sợi mờ
vẫn hàng cây khổ mọc chờ vơ
giòng con róc rách ôm lẽ phở
thác nhỏ lạnh tanh gõ mái nhà
mây xám vây quanh ngày lạc xứ
gió vàng thổi lại nẻo quê cha
thương sông nhớ núi sầu miên viễn
cố quận quay đầu khuất dặm xa.*

(Hồng Trần)

Lục bát

*sớm mai trời trở giấc sương
bước qua cầu nhỏ
nghe chuông gọi về
dấu hài xao xác tiểu khê
muông kêu điểm giọt
dầm dề
châu
rơi
đường xa
nửa khúc nhạc hời
huyết hồng đổ vũ
khóc người ly hương.*

(Hồng Trần)

CUNG VŨ

Sự giống nhau và khác nhau trong cảm hứng về thời gian và không gian thể hiện qua thơ thiền và thi ca lãng mạn

Hoàng Nguyên

Một đêm trôi qua thật nhanh đối với một người đang tận hưởng niềm vui, nhưng lại quá dài cho một kẻ nếm trải sự đau khổ. Một cảnh hoàng hôn thật đẹp biết bao đối với một đôi bạn vừa mới yêu nhau, nhưng lại quá buồn cho một kẻ vừa mới xa nhà. Thời gian và không gian là hai phạm trù mà con người luôn gắn kết cảm nhận, cảm xúc của mình vào đấy. Ở trong văn học cũng vậy, nó chiếm một phần không phải là ít. Cảm hứng về thời gian và không gian là hai mảng đề tài sáng tác đầy hứng thú của các thi sĩ. Ở phạm vi bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến hai lĩnh vực thuộc nền văn học Việt Nam. Đó là thơ thiền và thi ca lãng mạn.

Thơ thiền là một thể loại vừa mang tính chất thi ca vừa có dáng dấp như một bài kệ, vừa ảnh hưởng tư tưởng thiền, vừa mang những rung động hồn thơ có tính trần thế. Thể loại này phần lớn được các Thiền sư sáng tác và rất thịnh hành ở thời đại Lý-Trần. Phần lớn các Thiền sư ở thời đại Lý-Trần vừa là con người của tôn giáo, vừa là con người của thi ca. Tôn giáo và thi ca ở thời đại Lý-Trần không phải là hai phạm trù đối lập, mà chúng bổ sung cho nhau tạo nên nét rất đặc trưng trong con người tôn giáo thời bấy giờ.

Thi ca lãng mạn là một khuynh hướng đi tìm cái mới, đẹp bỏ những xiềng xích cũ, mở ra chân trời tự do phóng khoáng. Nó xuất hiện vào khoảng thập niên 30 với những tên tuổi lớn trên thi đàn Việt Nam như Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận...

Thơ thiền và thi ca lãng mạn tuy là hai lĩnh vực văn học khác nhau, lại cách xa nhau đến 8 thế kỷ, nhưng lại có điểm tương đồng. Đó là cảm nhận về sự ngắn ngủi của kiếp người. Cảm nhận đó trước hết là ý

thức về dòng chảy bất tận của thời gian đối với sự hiện tồn hữu hạn của đời người:

“Trước mắt việc đi mãi.

Trên đầu già đến rồi”

(Mãn Giác)

“Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn”

(Xuân Diệu)

Ý thức về dòng chảy bất tận của thời gian đối với sự hiện tồn hữu hạn của đời người được đẩy lên cao độ, khiến cho vị Thiền sư lẫn nhà thi sĩ lãng mạn đều cảm thấy kiếp người chóng qua như một ánh chớp, một cái cử động: *“Thân như bóng chớp có rồi không”* (Vạn Hạnh), *“Vừa xịch gối chẵn mộng vàng tan biến”* (Xuân Diệu). Đời người tồn tại chóng vánh như một tia chớp, một cái cử động “xịch gối”, lối ví von này không quá thậm xưng lắm, bởi vì chỉ cần lấy sự tồn tại 14 tỉ năm từ khi hình thành trái đất này mà so sánh thì 100 năm quả thật cực ngắn. Điều thú vị là vị Thiền sư và nhà thi sĩ lãng mạn có sự trực nhận rất tương hợp với kiến giải của khoa học hiện đại. Theo Trịnh Xuân Thuận, một nhà thiên văn học người Việt có tầm cỡ thế giới, nếu ta lấy tuổi thọ 14 tỉ năm của trái đất gián lược còn 1 năm thì khoảng thời gian hơn 2500 năm từ lúc đức Phật ra đời cho đến nay chỉ vồn vện là 4 giây. Hơn 2500 năm chỉ là 4 giây, vậy thì 100 năm chỉ là 1/20 (một phần hai mươi) giây. Một phần hai mươi giây quả đúng là một tia chớp.

Tuy vị Thiền sư và nhà thi sĩ lãng mạn đều có trực cảm chung về sự tồn tại vô biên của thời gian và sự hiện tồn ngắn ngủi của kiếp người, nhưng lại có sự khác biệt rất lớn về thái độ sống đẳng sau cái trực nhận vĩ đại ấy. Trực nhận về sự ngắn ngủi của kiếp người,

nhà thi sĩ lãng mạn sống vội vàng, gấp gáp: “*Mau với chứ vội vàng lên với chứ*” (Xuân Diệu), luôn canh cánh nỗi buồn tiếc, lo sợ bên lòng: “*Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai*” (Xuân Diệu). Đôi khi vì lo sợ sự dịch chuyển quá khắc nghiệt của thời gian, nhà thi sĩ lãng mạn muốn làm cái chuyện không tưởng nữa, đó là muốn níu kéo thời gian lại:

“*Tôi muốn tắt nắng đi cho màu đừng nhạt mất.
Tôi muốn buộc gió lại cho hương đừng bay đi*”
(Xuân Diệu)

Trái lại, cùng trực nhận về sự ngắn ngủi của kiếp người, nhưng vị Thiền sư sống thanh thản bình lặng tự tại, quên bẵng tháng ngày, chẳng cần bận tâm đến mọi vật xung quanh, không hăm hở cuống quýt, không buồn khô lo sợ:

“*Mặc cuộc thịnh suy không sợ hãi*”
(Vạn Hạnh)
“*Quên thân quên thế thấy đều quên...*
Trong núi năm tàn không có lịch.
Thấy hoa cúc nở tiết trùng dương”
(Huyền Quang)

Qua hai hình thái sống tương phản này, ta thấy toát lên được vẻ tinh tế, sâu sắc trong cách sống của vị Thiền sư. Đứng trước một bông hoa xinh đẹp vừa mới nở, nhà thi sĩ lãng mạn rung động đến phát cuồng, muốn cắn cái đẹp vào môi, muốn nuốt cái đẹp vào tim:

“*Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi*”
(Xuân Diệu)

Trái lại, vị Thiền sư ung dung ngắm nghía, tận hưởng vẻ đẹp thiên nhiên với tâm hồn tĩnh lặng vô biên, xem mình với hoa là một, hòa quyện trong sự màu nhiệm thiêng liêng:

“*Vô ưu ngồi ngắm khói trầm xông.*
Hồn nhiên người với hoa vô biệt”
(Huyền Quang)

Nhà thi sĩ lãng mạn thấy đời trôi qua nhanh quá nên sống vội sống vàng để mong sống được nhiều, sống có ý nghĩa. Thế nhưng, lối sống này rất hời hợt và chỉ tạo nên những xung động bất an. Trái lại, vị Thiền sư hiểu rằng để sống được nhiều, sống trọn vẹn và có ý nghĩa thì không phải ở chỗ Dục nhiều mà ở cái Tâm bình lặng. Tâm cuống quýt dao động thì thực tại bị chia cách. Tâm thanh tịnh lắng đọng thì thực tại trở thành Một nhiệm màu.

Bên cạnh nét tương đồng về cảm nhận thời gian, thơ thiền và thi ca lãng mạn còn có một điểm tương

đồng nữa, đó là cảm hứng về không gian rộng lớn bao la. Đọc thơ thiền và thi ca lãng mạn, ta thấy không gian không có điểm kết thúc, cái này tiếp nối cái kia trải dài ra vô tận:

“*Trời xanh nước biếc muôn trùng.*
Một thôn sương khói một vùng dâu dầy”
(Không Lộ)

“*Sông dài trời rộng bến cô liêu...*
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng...
Lớp lớp mây cao đùn núi bạc”

(Huy Cận)

Những hình ảnh trời mây, sông nước, sương khói tuy là gợi tả sự bao la nhưng lại rất tĩnh tại, vắng lặng. Trong không gian bao la, vắng lặng này, ta không thấy vị Thiền sư và nhà thi sĩ lãng mạn điem vào đó bóng dáng con người nào cả, có chăng, đó chỉ là chủ thể cảm nhận. Vì vậy, bức tranh thiên nhiên vốn mênh mông xa vắng lại càng mênh mông xa vắng hơn.

Vị Thiền sư và nhà thi sĩ lãng mạn đã gặp nhau ở khung cảnh thiên nhiên bao la, thiếu vắng bóng người, ở đó chỉ thuần là sức mạnh nội tâm lan tỏa của chủ thể cảm hứng. Nội tâm ấy có sự khác biệt rất lớn giữa vị Thiền sư và nhà thi sĩ lãng mạn. Nhà thi sĩ lãng mạn cảm thấy lạc lõng, rợn ngợp, cảm thấy nỗi buồn giăng kín mênh mông khi đứng trước một không gian mênh mông xa vắng:

“*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp...*
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật”
(Huy Cận)

Trái lại, vị Thiền sư cảm thấy thích thú sáng khoái khi được làm bạn ngao du với mây núi trăng sao:

“*Sớm chơi núi mây nổi*
Đêm ngủ bến trăng thanh”
(Thánh Tông)

Hình ảnh ông chài tự tại thoải mái đánh một giấc say nồng giữa trời nước bao la là hình ảnh vị Thiền sư hòa nhập vào không gian rộng lớn, vũ trụ vô cùng, không còn bị choáng ngợp hay đeo mang nỗi buồn thế sự nữa:

“*Ông chài ngủ tít ai lay.*
Quá trưa tỉnh dậy tuyết bay đầy thuyền”
(Không Lộ)

Hoặc hình ảnh vị Thiền sư suốt ngày vui thú với cảnh trời quê non nước mênh mông, bổng một hôm cao hứng xông thẳng lên đỉnh núi cao ngút ngàn thét một tiếng vang động cả thái hư là hình ảnh của con

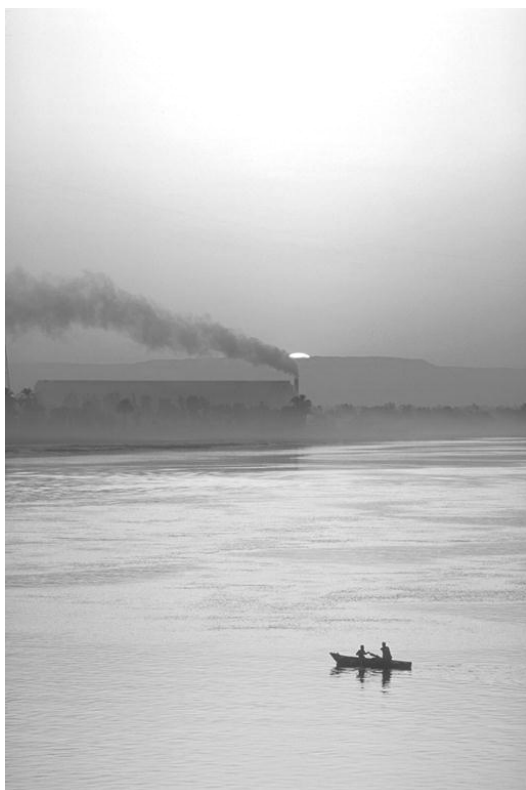
người đã đạt đến tâm cảnh nhất như, thể giới và con người là một:

*"Có khi xông thẳng lên đầu núi.
Một tiếng kêu vang lạnh cả trời"*

(Không Lộ)

Do đó, ở vị Thiền sư, tâm không rung sợ, choáng ngợp trước cảnh, cảnh không làm tâm lo lắng, buồn sợ. Trái lại, ở nhà thi sĩ lãng mạn, tâm và cảnh là hai thực tại biệt lập, thể giới và con người là hai thực tại biệt lập, vì vậy mới có chuyện nhà thi sĩ lãng mạn cảm thấy lạc lõng buồn bã trước cảnh, rợn ngợp trước vũ trụ mênh mông.

Cảm nhận đời người ngắn ngủi mà lo sợ buồn khổ, đứng trước không gian mênh mông rộng lớn xa vắng mà lạc lõng, rợn ngợp chưa thấy được lẽ vô thường huyền ảo, chưa thoát ra được vỏ bọc cái ta nhỏ bé để hòa cùng vũ trụ bao la thì đó là người phàm tình. Trái lại, cảm nhận đời người ngắn ngủi mà không lo sợ buồn khổ, đứng trước không gian mênh mông rộng lớn, xa vắng mà không bị lạc lõng, rợn ngợp. Và biết rõ qui luật biến thiên tuần hoàn của hiện thực, thấy được lẽ sống và chết đều như nhau, thấy được thực tính của vạn vật là bất sinh bất diệt, thấy được cảnh mai ngát hương, tươi sắc sau cái tàn lụi của mùa Xuân, đẹp bỏ được cái ta nhỏ bé để hòa cùng cái ta vũ trụ rộng lớn nhiệm mầu vô biên, thì đó là con người đã đạt đạo rồi vậy.



thơ

TÂM MINH Ngô Tăng Giao

NHỮNG HẠT ĐẬU BIẾT NHẢY

*Làng kia có một lão bà
Sống đời lắm lũ, cửa nhà đơn côi
Chồng con đều đã qua đời
Bà nhờ mảnh đất nhỏ nơi sau nhà
Quanh năm trồng đậu bán ra
Kiếm ăn sinh sống cho qua tháng ngày,
Đời bà khổ cực lắm thay
Gian truân từ nhỏ tới nay nhiều bề
Biết là nghiệp chướng nặng nề
Bà mong chuộc tội xưa kia của mình.
Thấy bà quyết chí tu hành
Có người hiểu đạo thương tình giúp ngay
Dạy câu thần chú linh thay
Giải trừ nghiệp chướng lâu nay chất chồng
Đây lời đức Quán Thế Âm:
"Án Ma Ni Bát Mê Hồng. Chớ quên!"
Lòng tin bà rất vững bền
Nhưng không biết chữ, lại thêm tuổi già
Thật là tội nghiệp cho bà
Miệng luôn lầm nhảm cổ mà nhập tâm
Lời Bồ Tát Quán Thế Âm,
Nhưng khi về đến trước sân nhà mình
Thời bà lại nhớ làm thành:
"Án Ma Ni Bát Mê Hành". Hại thay!*

*

*Tuy sai, bà lão nào hay
Tối ngày cứ tụng câu này mãi thôi,
Để thêm khích lệ lòng người
Bà bày hai chén trước nơi mặt mình
Một thời đầy những đậu nành
Chén kia bà lại để dành trống không,
Mỗi câu thần chú đọc xong
Bà đem một hạt đậu trong chén đầy
Bỏ qua bên chén không này
Dần dần cho đến lúc đầy mới ngưng,
Rồi làm ngược lại nhiều lần
Đọc kinh, chuyển đậu, với tâm chân thành
"Án Ma Ni Bát Mê Hành",
Ba mươi năm thoáng trôi nhanh trong đời*

Dù kinh sám hối sai lời
Lão bà cứ tụng, lòng thời thiết tha.
*

Một ngày linh ứng hiện ra
Đậu kia tự động nhảy qua chén rồi
Mỗi khi bà tụng dứt lời
Chẳng cần chờ đến tay người đem sang.
Lòng bà mừng rỡ ngập tràn
Nghĩ mình tu thật đúng đường! Tốt thay!
Công lao sám hối lâu nay
Khổ kia chấm dứt! Nghiệp này tiêu tan!
Bà thêm phấn khởi vô vàn
Tối ngày tụng niệm lại càng thêm hăng.
*

Một hôm có vị cao tăng
Du hành đây đó, đi ngang qua làng
Ngang lều lụp xụp tối tăm
Nhà sư chợt thấy hào quang rang ngời
Toả ra rực rỡ tuyệt vời
Khiến sư kinh ngạc, ngẩn người nghĩ suy
Chắc rằng trong túp lều kia
Có người đắc đạo trọn bề chân tu.
Sư bèn dừng bước vân du
Ghé vào thăm hỏi, nào ngờ thấy đầu
Gặp mình bà lão bạc đầu
Không còn ai khác, trước sau mình bà.
Tò mò, sư hỏi cho ra:
"Bà tu kinh sách nào mà linh thay?"
Lão bà thành thật tỏ bày:
"Tôi đây chữ nghĩa có hay chút nào
Nói chi kinh sách tôi cao
Cả đời chuyên tụng một câu tâm thành
'Án Ma Ni Bát Mê Hành'
Câu kinh sám hối tụng quanh miệt mài."
Sư nghe tiếc nuối thở dài:
"Câu bà vừa đọc lầm sai vô ngần
Đúng lời đức Quán Thế Âm
'Án Ma Ni Bát Mê Hồng' từ xưa!"
Lão bà nghe nói sững sờ
Từ lâu lầm lẫn bấy giờ mới hay
Bao ngày tụng niệm uống thay
Ba mươi năm tụng giờ này công toi!
*

Nhà sư từ giã đi rồi
Lão bà thay đổi, tụng lời mới nghe
Lòng bà chộn rộn nhiều bề
Khiến cho ý chí dễ gì tập trung,
Đậu thời chán nản vô cùng
Chẳng còn hứng khởi tụng bình nhảy qua
Lão bà nước mắt chan hòa
Miệng tuy tụng niệm, xót xa trong lòng
Thế là nước lã ra sông
Ba mươi năm tụng, uống công tu hành.

Sư lên gần đỉnh đồi xanh
Ngoái nhìn lại phía lều tranh bà già
Một vùng u ám bao la
Hào quang nào thấy chói lòa nữa đâu
Giật mình sư khê than mau:
"Thôi ta gây chuyện khổ đau nữa rồi
Thế là ta lỡ hại người!"
Sư liền quay gót trở lui xuống liền
Tìm về nơi mái lều trên
Gặp bà Phật tử sư bèn nói nhanh:
"Bà ơi cứ tụng tâm thành
'Án Ma Ni Bát Mê Hành' như xưa,
Vừa rồi tôi chỉ nói đùa
Câu bà quen tụng kể như đúng rồi!"
*

Sư từ biệt, trở lên đồi
Lão bà tiếp tục những lời tụng xưa
Lòng vui biết mấy cho vừa
Tiếng kinh sám hối như ru hồn người,
Nhìn kìa! Hạt đậu tuyệt vời
Giờ đây lại nhảy theo lời cầu kinh.
Sư lên đến đỉnh non xanh
Ngoái đầu nhìn lại quả tình mừng vui
Hào quang sáng một góc trời
Phát ra rực rỡ từ nơi mái lều.
*

Lòng thành giá trị thật nhiều
Nơi người con Phật tin theo đạo mầu.

(phỏng theo tập truyện văn xuôi
Những Hạt Đậu Biết Nhảy
của Lâm Thanh Huyền, Phạm Huê dịch)



NHỮNG NGƯỜI THÀNH TÂM

CAO HÀNH KIẾN

Nhị Tường dịch

Lời dịch giả: “Những người thành tâm” được trích dịch từ tác phẩm “Linh San” (Soul mountain) của nhà văn Gao Xingjian.

Gao Xingjian (Cao Hành Kiến) sinh ngày 4- 1- 1940 tại Giang Châu, Giang Tây, Trung Quốc, giữa thời kỳ cả đất nước Trung Quốc đang vùng lên chiến đấu chống lại sự chiếm đóng của quân phiệt Nhật Bản. Ông học Đại học Khoa học ngoại ngữ Bắc Kinh khoa tiếng Pháp từ năm 1957, đến năm 1962 ra trường làm việc 5 năm ở tạp chí Trung Hoa Tái Thiết với tư cách là cán bộ dịch thuật Pháp ngữ. Từ năm 1967 ông trở thành phiên dịch viên tại Hội Nhà Văn Trung Quốc. Năm 1981 chuyển qua làm việc cho Đoàn Nghệ thuật nhân dân với tư cách là người sáng tác kịch bản.

Năm 1982 nghệ sĩ, nhà viết kịch, tiểu thuyết gia họ Cao này được chẩn đoán bị ung thư phổi_ cũng chính căn bệnh này đã giết chết thân phụ ông. Trong vòng 6 tuần sống trong trạng thái chờ đợi tử thần, ông tự điều trị cho chính mình bằng những dưỡng chất tinh túy nhất có thể có và đọc sách qua ngày trong một nghĩa địa xưa ở ngoại ô Bắc Kinh. Thế nhưng một cuộc khám nghiệm tiếp đó cho thấy không phải là bệnh ung thư. Ông được mệnh danh là người được “từ thần ân xá” và ném trở lại trần gian.

Đối mặt với sự áp bức của chính sách văn hóa và sự đe dọa phải bị học tập cải tạo, ông đã đào thoát khỏi Bắc Kinh. Trước tiên ông du hành đến những cánh rừng cổ xưa của trung tâm lục địa Trung Quốc rồi từ đó đi đến miền biển phía đông xuyên qua 8 quận và 7 khu bảo tồn tự nhiên,



một cuộc hành trình 15 ngàn kilomet suốt hơn 5 tháng trời. Kết quả của viễn du tìm kiếm mang đậm tính sử thi này là thiên anh hùng ca Linh San (Soul Mountain).

Ngày 12- 10- 2000, nhà viết kịch, tiểu thuyết gia Trung Quốc Cao Hành Kiến đã trở thành chủ nhân của giải Nobel Văn Học năm 2000. Và cũng là nhà văn Trung Quốc đầu tiên đoạt giải thưởng vinh quang này.

Linh San (Soul Mountain) là một cuốn tiểu thuyết tao nhã, có khi cốt và đầy ẩn tượng nói về cuộc phiêu lưu hải hồ của một con người. Linh san giống như cuốn nhật ký của một cuộc hành trình vừa như triết luận; có lúc giống như câu chuyện tình, có khi mang tính ngụ ngôn. Vô vàn những câu chuyện đặc sắc đan xen nhau, những nhân vật đáng nhớ: từ những bậc đạo sư đến những cao tăng, những ni sư đến những con người hoang đường huyền thoại; những con rắn Qichun chết chóc đến những chiếc xe buýt mệt mỏi. Những ước lệ xã hội bị thách thức, những định kiến bị ngăn trở và thân phận con người với tất cả những ưu việt cùng nhược điểm, đều được phơi bày.

Nhà phê bình Nicholas Jose đã viết về Linh San: ...Một phiêu lưu ký không giống như bất cứ một cuốn sách nào khác, một tác phẩm quái kiệt đã đưa ta đắm sâu vào trái tim Trung Hoa phóng túng mà không một tác phẩm đương đại nào làm được. (An odyssey like no other, a magnificent monster of a book that takes us deep into China's unruly heart as no other work of contemporary literature)

--oOo--

NHỮNG NGƯỜI THÀNH TÂM

(tựa đề do người dịch đặt)

(Trích dịch chương 47 trong tiểu thuyết **Linh San** của Cao Hành Kiện - Dịch từ bản tiếng Anh: **Soul Mountain** của Mabel Lee)

Bước dọc theo lối mòn một bên sườn núi có bóng râm, trước mặt và sau lưng tôi đều không một bóng người. Tôi bị mắc một trận mưa như trút. Mỗi đầu mưa bay nhẹ nhàng trên mặt khiến tôi cảm thấy sảng khoái, thế rồi cơn mưa mỗi lúc càng nặng hạt làm cho tôi phải chạy. Tóc tai áo quần đều ướt sũng, khi nhìn thấy một cái hang bên sườn núi, tôi chạy vội vàng đến đó. Ngay bên trong là một đồng cũi đã chẻ. Trần hang rất cao, một góc của hang núi này dẫn sâu hơn vào bên trong. Ánh sáng tỏa đến từ đầu đó. Một bếp sưởi làm bằng đá có đặt một cái ấm thiếc ở bên trên những bậc đá gỗ ghè và luồng ánh sáng theo những góc ngách trên bếp lò thoát ra xuyên qua khe nứt của đá.

Tôi nhìn quanh. Phía sau tôi là một cái giường gỗ đóng đinh thô sơ với chăn chiếu cuộn tròn. Một Đạo sinh đang ngồi đọc sách ở đó. Tôi thật ngạc nhiên, nhưng không dám quấy rầy anh mà chỉ nhìn hàng mưa giăng xám trắng lung linh qua khe nứt. Trời mưa tầm tã đến nỗi tôi không dám liều lĩnh quay trở ra.

"Không sao, khách quan cứ ở lại đây trong chốc lát." Đó là lời nói đầu tiên của anh khi anh bỏ quyển sách xuống.

Anh có mái tóc dài đến vai, mặc bộ áo chùng màu xám. Anh trông vào khoảng ba mươi tuổi.

"Tiên sinh có phải là một trong những Đạo gia ở núi này không?" Tôi hỏi.

"Chưa phải đâu. Tôi chỉ chẻ củi công quả cho chùa thôi." Anh trả lời.

Trên giường của anh, một tờ Nguyệt san Tiểu thuyết nằm úp mặt.

"Tiên sinh thích đọc loại này sao?" Tôi hỏi.

"Tôi đọc cho qua thời gian." Anh nói một cách bộc trực. "Anh ướt hết rồi, trước tiên phải hong người cho khô đi đã." Nói rồi anh mang đến một chậu nước nóng lấy từ trong chiếc ấm trên bếp và một khăn lau.

Tôi cảm ơn anh, cởi áo rửa ráy và lập tức cảm thấy dễ chịu hơn.

"Đây quả thật là một nơi trú ẩn lý tưởng!" Tôi nói khi ngồi xuống trên một súc gỗ đối diện. "Tiên sinh sống trong hang này à?"

Anh nói anh đã sống ở một ngôi làng dưới chân núi, nhưng anh ghét đa số họ, anh trai và chị dâu, những người láng giềng và những cán bộ trong làng.

"Tất cả bọn họ đều coi tiền là trên hết và lúc nào cũng chỉ nghĩ đến lợi nhuận," anh nói, "Tôi không có việc gì để làm với họ cả."

"Vì vậy tiên sinh chẻ củi để kiếm sống?"

"Tôi thoát trần cách đây một năm rồi, nhưng vẫn chưa được chính thức chấp nhận."

"Tại sao vậy?"

"Đại lão hòa thượng muốn xem tôi có thành tâm không, lòng tôi có kiên tín hay không."

"Khi đó họ sẽ chấp nhận tiên sinh?"

"Vâng."

Điều này chứng tỏ anh tin tưởng một cách chắc chắn rằng anh luôn thành tâm.

"Tiên sinh không cảm thấy chán khi sống trong cái hang này suốt sao?" Tôi nói và liếc vào tờ tạp chí.

"Ở đây bình yên và thư thái hơn ở dưới làng," anh trả lời một cách điềm đạm, không để ý rằng tôi đang trêu chọc anh ta. "Và lại tôi cũng tu tập hàng ngày," anh nói thêm.

"Tiên sinh có thể cho tôi biết đang nghiên cứu gì không?"

Anh ta kéo từ dưới chiếu ra một tập sách Nhật Đạo học trình.

"Tôi đang đọc một vài tiểu thuyết bởi vì những ngày mưa như thế này tôi không thể nào làm việc."

"Những thứ này có ảnh hưởng đến việc tu tập của Tiên sinh không?" Tôi thật tò mò muốn biết.

"A, tất cả những thứ này chỉ là những chuyện nam nữ thường tình thôi mà," anh trả lời với một nụ cười thoải mái. Anh kể rằng anh đã đến trường trung học và học văn chương, và khi không có gì để làm, anh đọc một ít. "Trong thực tế, đời sống, con người chung qui là những thứ này thôi mà."

Tôi không thể tiếp tục hỏi xem anh đã từng có vợ hay chưa và cũng không thể hỏi anh về những mối bận tâm riêng của một người đã ly trần thoát tục. Cơn mưa như trút vẫn đều đều nhưng có phần dịu đi.

Tôi không quấy rầy anh thêm nữa. Tôi ngồi với anh một thời gian dài trong trầm tư mặc tưởng, và lắng quên trong tiếng mưa.

Tôi không nhận ra cơn mưa đã dứt. Nhưng khi nhận ra, tôi chợt tỉnh, cảm ơn anh và nói lời từ tạ.

Anh nói. "Không cần phải cảm ơn tôi, đó là cơ duyên."

Nơi đây là núi Thanh Thành.

Sau này, tại một ngôi cổ thạch tự trên hòn đảo giữa sông Ou, tôi gặp được một vị sư đầu cạo nhẵn, mặc một chiếc áo cà sa màu đỏ thẫm. Vị sư chấp tay và quỳ mọp người xuống trước ngôi chùa. Khách thập phương vây quanh nhìn. Vị sư khoan thai hoàn thành nghi lễ của mình, đoạn cởi áo cà sa bỏ vào trong một

cái hộp giả da màu đen, nhật chiếc dù có khắc chạm ở tay cầm, gấp lại như một chiếc gậy rồi quay gót đi. Tôi đi theo ông, đến khi cách xa đám khách thập phương đang nhìn ông cầu nguyện, tôi vượt lên và hỏi: "Thưa đại sư, con có thể mời ngài một chén trà không ạ? Con muốn được thỉnh giáo đôi điều về giáo lý nhà Phật?"

Ông nghĩ ngợi một chút rồi đồng ý.

Ông có một khuôn mặt khắc khổ, linh lợi, trạc tuổi năm mươi. Hai ông quần của ông bó chặt ở bắp chân, ông bước đi mạnh mẽ do vậy tôi phải nửa đi nửa chạy mới bắt kịp.

"Thưa đại sư, dường như đại sư chuẩn bị cho một chuyến đi xa?" Tôi hỏi.

"Tôi sẽ đi Giang Tây trước để thăm một vài vị lão hoà thượng, sau đó tôi sẽ đi một vài nơi khác."

"Con là người lữ hành cô độc. Tuy nhiên, con không giống như đại sư, người thành tâm kiên định và có một mục đích thiêng liêng trong trái tim mình." Tôi phải tìm thấy một điều gì đó để gọi chuyện.

"Người lữ hành thật sự tức là không điểm đích, chính sự thiếu vắng những mục đích đã tạo nên người lữ khách."

"Thưa đại sư, thầy là người ở vùng này chăng? Có phải đây là cuộc hành trình để già từ nơi quê nhà? Thầy không có ý định quay trở lại?"

"Đối với người đã xa lánh cõi trần thì khắp mọi phương bốn biên đều là quê nhà, đối với người đó cái gọi là quê nhà không hề tồn tại."

Điều này làm cho tôi không nói thêm được gì nữa. Tôi mời ông vào trong một quán trà trong công viên và chọn một góc yên tĩnh để ngồi. Tôi hỏi pháp danh của ông, giới thiệu tên mình rồi lại ngập ngừng.

Thế rồi ông lại mở lời trước. "Hãy hỏi điều gì mà anh muốn tìm hiểu, không có điều gì mà một kẻ thoát tục lại không thể luận đàm về nó."

Thế là tôi thổ lộ, "Nếu thầy không phiền, thưa đại sư, con muốn hỏi vì sao thầy lại xa lánh cuộc đời."

Ông mỉm cười, thổi những chiếc lá trà nổi trong chiếc tách và nhấp một ngụm. Thế rồi, nhìn vào tôi, ông nói, "Dường như anh không phải đang thực hiện một chuyến du hành bình thường, anh đang làm một công vụ gì đặc biệt phải không?"

"Con không thực hiện một cuộc điều tra nào cả, nhưng khi con nhìn thấy con người thanh thần của đại sư, con bỗng thấy đầy ngưỡng mộ. Con không có một mục đích nào đặc biệt nhưng con vẫn không thể khước từ nó được."

"Khước từ cái gì?" Một nụ cười đọng lại trên khuôn mặt ông.

"Thưa, khước từ thế giới con người." Sau khi tôi nói những điều này, cả tôi và ông đều cười.

"Thế giới con người có thể khước từ chỉ bằng cách lý giải nó." Lời đáp của ông thật đơn giản.

"Quả thực là vậy." Tôi gật đầu nói, "nhưng con muốn biết làm thế nào đại sư có thể khước từ nó."

Không còn giữ gìn gì nữa, ông kể cho tôi nghe về những điều đã trải qua trong đời ông.

Ông kể rằng khi ông mười sáu tuổi, vẫn còn đang học ở trường trung học, ông đã bỏ nhà để tham gia cách mạng và chiến đấu trong một năm như một du kích quân trong những vùng núi. Vào tuổi mười bảy ông theo quân đội vào thành phố và nhận nhiệm vụ ở một ngân hàng. Ông có thể trở thành một người lãnh đạo trong đảng nhưng ông lại có ý nguyện nghiên cứu về thuốc. Sau khi tốt nghiệp ông được bổ nhiệm công việc như một cán bộ tại một trung tâm y tế thành phố mặc dù ông lại muốn được tiếp tục làm việc như một bác sĩ. Một ngày nọ ông xúc phạm bí thư chi bộ của bệnh viện và bị khai trừ ra khỏi Đảng, bị xếp loại phần tử hữu khuynh rồi bị điều về vùng nông thôn. Đó là chỉ khi ngôi làng xây dựng một trạm y tế; và ông đã làm việc ở đó như một bác sĩ trong vài năm. Trong thời gian này ông cưới một cô thôn nữ và ba đứa con liên tiếp nhau ra đời. Tuy nhiên vì một vài lý do nào đó ông muốn cải đạo Thiên chúa và khi ông nghe rằng Đức Hồng y ở Vatican đến Quảng Châu, ông đã đi đến đó để xin thỉnh giáo hồng y về đức tin. Kết cuộc là ông không được gặp hồng y mà thay vì vậy lại bị nghi ngờ vì quan hệ với những người ngoại quốc. Vì tội này bị ông thải hồi khỏi trạm y tế và không còn một sự chọn lựa nào ngoài chuyện tiêu phí cuộc đời vào việc nghiên cứu y học cổ truyền và sống nay đây mai đó. Một ngày nọ ông bỗng nhận ra Giáo hoàng thật quá xa vời ở phương Tây, không với tới được, vì vậy ông chỉ còn có thể nương tựa vào Đức Phật. Tự lúc đó ông đã lìa xa thế tục và trở thành một tu sĩ. Khi kết thúc câu chuyện, ông cười vang.

"Thầy có còn nghĩ về gia đình của Thầy nữa không?" Tôi hỏi.

"Họ có thể tự sống được."

"Thầy có còn một chút lưu luyến nào đến họ không?"

"Đối với những người xuất gia thì không có sự lưu luyến hoặc căm ghét."

"Khi đó họ ghét thầy?"

Ông nói rằng ông chưa bao giờ để tâm hỏi họ điều đó, nhưng vài năm sau khi ông vào chùa, con trai lớn của ông đã đến và nói rằng ông đã được minh oan trong việc bị nghi ngờ là phần tử cánh hữu và liên đới với người ngoại quốc. Nếu ông trở về ông sẽ được đối đãi như một cán bộ cấp cao và như là một nhà lão thành cách mạng, được phục hồi lại chức vị cũ và cũng

nhận được truy lĩnh một khoản tiền lương lớn. Ông đã nói rằng ông không màng đến một đồng nào và họ có thể chia chác nó. Thực tế là vợ ông và những đứa trẻ đã không bị đối xử bất công có thể xem đó là sự đền bù cho lòng tận tụy của ông đối với niềm tin vào Phật giáo, từ đó về sau họ không đến nữa. Sau đó ông bắt đầu cuộc ngao du và họ không còn biết ông ở nơi nào nữa.

"Bây giờ Thầy có khát thực theo đường không?"

Ông nói mọi người ngày nay đều hào tâm. Khát thực tệ hại hơn là ăn xin, nếu ta tìm kiếm của bố thí, ta sẽ không đạt được điều gì. Ông kiếm sống bằng cách hành nghề chữa bệnh lưu động. Khi đi hành nghề, ông mặc thường phục, ông không muốn làm tổn hại đến hình ảnh của người tu sĩ.

"Phật giáo cho phép linh động như thế này sao?"

Tôi hỏi.

"Đức Phật ở trong lòng ta." Khuôn mặt ông trông thanh thản và tôi tin rằng ông đã đạt đến sự giải thoát khỏi những phiền muộn trong tâm. Ông đang bắt đầu thực hiện một cuộc hành trình dài và rất an vui.

Tôi hỏi làm thế nào ông tìm thấy được nơi ở trên đường đi. Ông nói bất cứ nơi đâu có đền chùa, ông chỉ cần chìa tấm tăng tịch là được đón nhận với lòng hiếu khách. Tuy nhiên tình trạng hiện tại ở mọi nơi xấu đi. Không có nhiều tu sĩ và tất cả họ phải làm việc để có cơm ăn áo mặc: nói chung ở lại lâu dài thì không thể được vì không ai cấp dưỡng. Chỉ có những đền chùa lớn là có trợ cấp của chính phủ nhưng số lượng rất ít ỏi, và cố nhiên là ông không muốn làm tăng thêm gánh nặng cho mọi người. Ông nói rằng ông là một lữ khách và đã từng đến nhiều vùng núi nổi tiếng. Ông nghĩ rằng mình có sức khỏe tốt và có thể đi bộ một cuộc hành trình dài mười ngàn li (dặm TQ, dài bằng 0,5km).

"Thầy có thể cho con xem tăng tịch của Thầy được không?" Xem ra tấm giấy này hữu dụng hơn cái tờ ủy nhiệm thư mà tôi có.

"Đây không phải là tài liệu gì bí mật đâu, giới luật Phật Giáo không có gì bí mật cả và có thể mở ra cho tất cả mọi người."

Ông lấy từ trong túi ở ngực ra một mẫu giấy lụa lớn được gấp lại với hình Đức Phật ngồi xếp bằng trên tòa sen ở phía trên. Nó được đóng một dấu son hình vuông. Pháp danh của ông lúc thọ giới, học hàm học vị và thứ bậc đều được ghi lên trên đó. Ông đã đạt đến địa vị chánh trụ trì, được phép thuyết pháp và giải quyết Phật sự.

"Có thể một ngày nào đó con sẽ đi theo những bước chân của Thầy." Tôi cũng không biết là mình có đang nói đùa hay không.

"Nếu vậy thì chúng ta hữu duyên đó." Tuy nhiên, ông nói hoàn toàn nhiệt thành. Nói xong những điều này, ông đứng dậy, chấp tay và chào từ giã tôi.

Ông đi rất nhanh, và tôi đi theo ông một lát nhưng một quãng xa ông đã biến mất giữa những người khách thập phương đông đúc. Tôi nhận thức rõ rằng mình vẫn còn nhiều nặng nợ với cõi thế tục này.

Sau đó, khi đọc những dòng chữ trong Ly Lợi Tự, được xây dựng vào đời nhà Tùy, phía trước Chùa Quả Thanh ở chân núi Thiên Đài, tôi bỗng nghe một cuộc đối thoại.

"Tốt hơn là con nên quay trở về với cha," giọng một người đàn ông vang từ phía bên kia bức tường gạch.

"Không, cha nên rời đi bây giờ đi." Đó cũng là một giọng nam, nhưng lớn tiếng hơn.

"Đây không phải là mục đích của con, hãy nghĩ đến mẹ con."

"Cha hãy nói với mẹ là con dạo này rất tiến bộ."

"Mẹ con bảo cha tới đây, mẹ đang ốm."

"Mẹ ốm làm sao?"

"Mẹ con nói rằng bị đau ở ngực."

Đứa con không đáp lời.

"Mẹ bảo cha mang đến cho con đôi giày."

"Con đã có giày rồi."

"Đây là đôi giày thể thao mà con muốn, giày chơi bóng rổ."

"Nó rất đắt tiền, cha mua làm gì?"

"Thử mang vào xem."

"Con không chơi bóng rổ. Con không dùng nó vào việc gì cả. Tốt hơn là cha mang nó về đi, ở đây không ai mang giày này cả."

Sáng tinh mơ, đàn chim trong rừng đang rộn rã hót vang. Giữa tiếng riu rít của nhiều loại chim sẻ, một chú chim hét đơn lẻ lú lo nằm kín trong đám lá dày bên cạnh cây bạch quả vì vậy tôi không biết nó đậu trên nhánh nào. Thế rồi một vài con chim ác là bay đến khàn giọng họa theo. Một khoảng yên ắng khá lâu bên ngôi chùa gạch làm tôi nghĩ rằng bầy chim đã bay mất, tôi dạo vòng quanh và thấy một thiếu niên đang nhìn lên những con chim đang hót, cái đầu cạo của chú mờ mờ đen chưa được đốt bằng những nén hương diêm đạo. Chú mặc một bộ áo nhật bình, màu da hồng hào của khuôn mặt tuần tú không giống như nước da vàng bủng của các sư từng ăn chay một thời gian dài. Cha của chú còn khá trẻ, một nông dân, đang cầm trong tay một đôi giày bóng rổ để trắng với những sọc màu đỏ và xanh da trời mà ông đã lấy ra khỏi hộp. Ông đang thở nặng nhọc. Tôi đoán chừng người cha đã gây áp lực bắt cậu con trai cưới vợ và và tự hỏi không biết chú ấy rồi sẽ phát thế không.

ĐÀN CHIM NHỎ

Quỳnh My

Trời mưa. Tiếng sấm chớp ngang trời khiến giật mình thoát ra ngoài cơn mộng mỵ êm đềm. Bầu trời vẫn dầm chìm trong vũng tối qua màn nước nhạt nhòa bao phủ bên ngoài. Ngày sắp sửa bắt đầu, ướt dầm và ảm đạm trong mưa. Trời chưa trở lạnh lúc vào thu ở nơi đây. Dường như chỉ có gió trở mùa, xô dạt ngày tháng hạ bằng những cơn mưa tiếp nối.

Bước ra sân che dù đứng với con, có chút gì xao động khi nhìn những cánh hoa vàng mới hôm qua còn rực rỡ trên cành, khoe hương sắc cho mùa thu thêm ảm áp, giờ tan tác rụng rơi nằm chồng xếp lên nhau dưới gió mưa. Mẹ ơi, đàn chim mỗi sáng kéo nhau bay ngang qua đây, giờ đang ở nơi đâu? Chim có bị đói không, làm sao kiếm thức ăn vào những ngày mưa giống hôm nay? Chú nhóc con nghịch ngợm, làm mẹ thỉnh thoảng điên đầu vì cô giáo gọi tim, cũng chính là chú nhỏ thường hay có nỗi băn khoăn về sự sống của muôn loài ở quanh mình. Ti lệ những lần nghịch phá, thuận theo thời gian của từng buổi tối, ngồi lặng lẽ bên mẹ lắng nghe hơi thở vào ra. Rồi một ngày nào con sẽ mỉm cười nhận ra rằng, bên cạnh lỗi lầm thường hay phạm, con được mẹ nắm tay dắt đi những bước chập chững, diệu kỳ trên con đường mẹ chọn để đi. Sự huynh đã có lần nhắc nhở rằng, đừng để con trẻ lẫn lộn giữa thực hành thiện và bị phạt khi làm lỗi.

Có tiếng cười nhỏ từ xa vọng lại. Mới đầu, với con trai có thể là được mẹ cho tham gia trò chơi lạ, vậy thôi. Như ngày ông ngoại mất, đêm nào chú nhỏ 7 tuổi cũng năn nỉ xin ngồi cạnh bên lúc mẹ tụng kinh, để được thỉnh chuông rồi vội vàng buông chiếc dù nhỏ xíu lạy theo cùng với mẹ. Bắt đầu là một duyên lành. Bây giờ 11 tuổi thì con hiểu, vì sao con cần huấn luyện để có thể làm chủ được tâm trí phần nào theo phương pháp ngộ nghĩnh, lạ kỳ của mẹ. Để những ngày thứ năm hằng tuần sau đó, con nôn nao đợi mẹ về, đưa cho coi hai chữ E về hạnh kiểm và bài làm trong lớp, kèm theo nụ hôn và ánh mắt reo vui, thay vì buồn bã nhìn ra phía khác bởi không có sự chú tâm trong lớp học.

Một buổi sáng trước giờ đi học, con trai không cùng ra sân với mẹ mà mở vội cửa nhà xe. Thoáng ngạc nhiên hỏi con cần gì mà hấp tấp chạy vào trong đó, liền bắt gặp vẻ bối rối, tội nghiệp hiện trên nét mặt. Theo ánh mắt lo âu buồn bã của con, tầm nhìn của mẹ dừng lại nơi chiếc thùng giấy mở. Bên trong là một con chim bồ câu lớn, đang nằm xếp cánh im lìm. Người mẹ thoáng bất bình, hỏi vì sao con nhốt chim câu? Không phải con nhốt, mà chiều hôm qua con bắt gặp chim bị thương không bay nổi trước sân nhà, nên đem nó vào chăm sóc. Con sợ mẹ mắng tội đã bắt chim nên không nói cho mẹ biết. Nhìn con cúi mặt như phạm lỗi, vừa gờ ánh nhìn dăm ăm xót thương đến chim câu, chợt thấy lòng thương cảm rạt rào. Có lẽ nào lòng mình chưa đủ rộng, cho nên con một mình giấu mẹ trái lòng thương. Bàn tay chạm nhẹ nhàng, mong chim nhỏ không sợ hãi trong lúc được xăm xoi tìm kiếm vết thương, kèm câu hỏi con đã làm gì cho nó? Con tìm không thấy vết thương nào. Có lẽ là chim bệnh yếu cho nên không bay nổi. Nghĩ nó có thể bị nguy hiểm trong đêm nên con đem vô đề ở đây, cho ăn uống may ra lành bệnh. Con thấy nó nằm trên lối đi dọc theo bờ cỏ. Những người đi bộ quanh xóm ban đêm có thể dẫm lên, mẹ có nghĩ vậy không? Bên cạnh chỗ nằm của con chim tội nghiệp, có vẻ như đang co mình lại đón chờ thêm những tai ương, là chén nước nhỏ và những mẩu bánh mì xé vụn. Con e dè cũng phải, vì đôi lần hai bố con từng bắt giữ, vui đùa cùng chim chóc thật hồn nhiên trước sân nhà. Cho đến khi có tiếng nói cất lên, tuy nhẹ nhàng nhưng cả hai bố con đều hiểu đó là mệnh lệnh: đừng để chim lạc đàn trên đường về tổ của mình. Nhiều khi cũng thấy lạ kỳ. Tự hỏi con chim lạ vì đâu ghé đậu trên vai, để người có niềm vui ưa chơi đùa cùng muôn thú dễ dàng giữ lại trong chốc lát. Trước khi chạy nhanh ra chuyển bus sắp dừng, đưa con trai không quên dặn mẹ hãy đặt thùng giấy có chim nằm trước hiên nhà. Chim sẽ bay về chốn cũ khi hồi phục. Chiều, hai mẹ con trở về thấy chiếc thùng trống rỗng ngoài hiên. Con trai nói như tự

an ủi chính mình. Có lẽ chim đã khỏe, nên bay tìm về với bố mẹ, anh em của nó.

Có một người đàn bà, mà ngay lần gặp đầu tiên, đưa con trai đã xiết nhẹ bàn tay mẹ rồi nói nhỏ như sợ người thứ hai nghe được. Mẹ ơi, đó là Bird Lady. Con vừa mới nói gì, hãy nói lại mẹ nghe! Bà ấy là Harriette, mỗi tuần đều ghé qua office của mình để lo cho lũ chim, mẹ có biết không? Ngạc nhiên và xúc động, người mẹ dắt tay con đến chào kèm một nụ cười. Tôi là Vi- mẹ của Dan. Rất vui, được gặp bà bữa hôm nay. Đáp lại là cái xiết tay nồng ấm, nhưng cả tâm hồn bà dường như đang dành trọn cho đàn chim cả chục con đang riu rít trong chiếc lồng thật lớn. Tình thương dành cho loài vật có đôi cánh nhỏ nhiều màu bay nhảy tung tăng, đã khiến bà ta quay trở lại nơi này đều đặn mỗi tuần. Như quên đi sự có mặt của mẹ, chú nhỏ và bà Harriette trao đổi cùng nhau về từng đôi thay nhìn thấy từ chim. Những quả trứng vừa mới đẻ trong chiếc lồng ấp nhỏ, bên cạnh vài chú chim mới nứt vỏ chào đời được chim mẹ và cha thay nhau ấp ủ ngày đêm. Rồi như sợ mẹ bị bỏ quên, chú nhỏ quay sang thủ thỉ. Mẹ có biết không? Bố mẹ tụi nó thương nó lắm. Cứ thay nhau ôm từng con chim mới đẻ trong lồng để chăm sóc và bảo vệ, cho tới khi chim lớn gần bằng bố mẹ nó luôn! Nếu mẹ không ở gần quan sát mỗi ngày, thì trên kệ có mấy cuốn sách bà Harriette mua mang tới. Mà mẹ ơi, chắc mẹ không quên chim có từ đâu? Không phải là bố với con mua hay bắt nhốt đâu! Bình thường ít khi nói một câu dài, vậy mà chú nhỏ chột huyền thuyên, như thay lời cho mẹ đang lặng yên nhìn ngắm lũ chim cùng với người có một tấm lòng. Có lẽ chú bé sợ mẹ quên rồi trách móc, nghĩ hai bố con muốn giam cầm chim ở nơi đây.

Dù không hay giữ lại trong lòng những gì đã qua rồi, nhưng thật khó mà quên lần đó. Ngày đưa đám tang cha, sau khi trở về chùa tụng kinh mẹ đã nói với thầy. Con mồ côi sớm nên không rõ lắm về tục lệ mở cửa mả sau ba ngày chôn cất người thân. Thầy cười hiền, từ tốn bảo rằng, đừng bắt chước làm theo những hủ tục không biết xuất phát từ đâu, không đem lại lợi lạc cho ai và ngay cả chính mình không hiểu rõ làm như vậy để mà chi? Nếu cảm thấy không an lòng thì thay vì đem con gà đang mạnh khỏe ra hành tội ở nghĩa trang, hãy mua mấy lồng chim ra viếng mộ, rồi phóng sanh hồi hướng cho người quá vãng. Trong hai lồng chim mua ngày hôm đó, có mấy con không phải là loài chim có thể sống ngoài trời. Người bán hàng-- một đồng hương tốt bụng, đã ân cần cho mượn hai chiếc lồng và cũng ân cần bảo mua thêm, dù biết rõ mình không có đủ. Cho tới lúc đem chim về chuẩn bị thả hôm sau, nghe người bạn nói coi chừng mang thêm

tội vì họ đã bán cho mình những con chim không thể sống ngoài trời. Người vốn mê loài vật bất kể là chó, mèo hay chim chóc chụp ngay cơ hội, giữ lại nuôi mấy con chim cảnh đó. Lồng chim nhỏ biến thành lồng thật lớn, bởi trong số bạn bè có người đã chán trò chơi. Để trong nhà đôi khi quá nặng mùi. Phải lau dọn thường không kể, nhưng chúng riu rít không ngừng trong lúc mình cần yên tĩnh. Ngắm nhìn và vui với tiếng chim trong chốc lát, nhưng tiếng hót của "nàng" nhiều khi cũng đủ rêm mình, thêm lũ chim phụ họa chịu đời không thấu! Nhân số của chim gia tăng thêm nữa, nên chiếc lồng to của người nuôi kết vừa từ già thú vui lụy phiền được mang đến nơi này. Căn phòng trông biến thành phòng chim cảnh, đã lòi cuốn, giữ chân người khách hàng đặc biệt này. Lồng chim thường mở ngõ. Thỉnh thoảng, những con chim có bộ lông thật đẹp "chạy" lăm lăm trên bàn làm việc, hoặc đứng trên lòng bàn tay người đàn ông với vẻ hạnh phúc ung dung, như quên mình còn đôi cánh. Em lại gần đây. Nhìn xem nó rất dễ thương. Đôi cánh mượt mà và cái mặt lém lỉnh, ba gai. Lâu lâu mổ ầu nhưng thường làm ra vẻ nhu mì lắm. "Thằng anh" nó xấu trai nhưng dễ thương hơn, hay gặm nhấm mà tuyệt nhiên không mổ bậy. Làm sao anh biết con nào "gái", con nào "trai"? Đứa nào anh, đứa nào em? trong khi cả cha mẹ chúng đều bằng cỡ như nhau hết? Lại còn mua thêm lồng ấp trứng, đúng lúc kịp thời nghĩ thật hay! Chỉ nhìn thấy nụ cười hóm hỉnh thay cho câu giải thích. Đứa em gái đi chung bật cười. Kiếp xưa anh chắc là chim. Nhìn người không lồ nâng niu con chim nhỏ và trên vai một con khác đậu bình yên, tự hỏi loài chim này sao thích đứng và đi hơn là nhảy và bay? Sự thật không phải vậy. Chỉ vì người nuôi chim ưa mở cửa lồng cho lũ chim thỏa thích rong chơi, nên đôi cánh đã bị cắt đi phần nhỏ. Con trai thầm thì cùng mẹ. Bà Harriette đã mang từng con chim đi cắt cánh dùm cho được an toàn. Trả 5 đồng cho tích tắc mấy giây, là điều sau này không còn tiếp diễn cho người thường tỉ mỉ, nâng niu quan sát. Một tay vuốt ve đôi cánh nhỏ, tay cầm kéo nhấp nhẹ nhàng. Đàn chim rồi thông dong dạo bước ra ngoài. Lại nghe loáng thoáng những lời trêu chọc. Cảnh "chim hót trong lồng" không còn nữa. Có chăng chỉ ở nhà thôi.

Bên cạnh những ngày vui nhìn chim đẻ trứng, ấp yêu đợi nở thành chim con rồi mớm mồi, bảo vệ đêm ngày cho tới khi chim non đủ lông, cánh bay ra dạo chơi quanh, còn có những ngày áo não u sầu cho chú nhỏ. Mẹ ơi, mẹ có biết hôm nay hai bố con đã đem chôn "một đứa" chim con. khi Harriette ghé lại, bà có vẻ buồn hỏi bố sao hôm qua không gọi cho bà biết để đem chim đi bệnh viện may ra còn cứu kịp. Đây là đứa

thứ ba đã chết trong đàn chim cũ mới mà bố với con không hiểu vì sao? Nhìn đôi mắt sáng có long lanh giọt nước, người mẹ khẽ vuốt tóc con. Con đã biết đời sống của chim ngắn ngủi hơn nhiều. Nhưng dù ngắn, dù dài. Cách này hay cách khác vẫn là sinh ra rồi mất. Chúi nhanh mắt, chú nhỏ như chợt nhớ, nói cho mẹ nghe điều chú biết lâu nay. Bà Harriette nói với con rằng bà từng nuôi chim một dạo thật lâu, rồi cũng ngừng vì không chịu nổi đau buồn, mỗi khi đem chôn những con chim. Bây giờ bà chỉ nuôi mèo, nhưng đến đây lần đầu nhìn thấy lũ chim bà có cảm tưởng như gặp lại đàn con.

Người đàn bà một thời nuôi chim đã đến mỗi tuần vài giờ trong suốt mấy năm. Thỉnh thoảng bà đến ngày thường thay vì ngày thứ bảy. Chú bé trai giải thích vì hôm sau là ngày lễ nên bà mang thêm thức ăn đặc biệt cho chim vui lễ. Ngoài nhiều máng ăn và nước lọc treo trong lồng theo khoảng cách thật đều, còn có những món ăn chơi nhìn vô cùng đẹp mắt vì mang nhiều màu sắc, vừa giống trò chơi vừa giống như quả chất đầy trong ngày lễ. Thỉnh thoảng bà xin người bố cho phép bà chở chú bé con đi cùng để giúp bà chọn một món quà, bởi món quà đó dành tặng chú. Nghe con kể rồi chợt hiểu, vì đâu cả bố và con chưa bao giờ nói về bà. Có sự khăng khít không rời từ người đàn bà bản xứ, với đàn chim và đứa con trai. Nói lời cảm ơn không bao giờ đủ. Bà tình nguyện lo cho lũ chim đã đủ nhiều, xin đừng mua quà cho Dan hoài như vậy. Có gì đâu! Đàn chim này với lũ chim xưa tôi nuôi không khác gì nhau. Còn Dan, người bạn nhỏ cùng có tình thương dành cho chim và sự đồng cảm làm cho tôi ấm áp trong chuỗi ngày con cháu đi xa. Niềm vui tôi đem đến cho Dan không bằng nỗi hạnh phúc mà Dan đem đến cho tôi. Đứng nép bên cạnh mẹ, đứa bé trai ngược mắt nhìn lên. Bây giờ mẹ hiểu, phải không? Harriette không giàu nhưng thích tặng quà cho chim với cho con. Mà không phải chỉ ở đây thôi. Những ngày nghỉ bà còn tình nguyện làm việc ở bệnh viện thú y vì đó là niềm vui.

Người mê mãi với nỗi vui trong thoáng chốc, một ngày rồi cũng nhận ra. Chiếc lồng lớn đã chuyển sang tay người khác cùng với lũ chim còn lại vài con. Một chiều cuối tuần chú nhỏ thủ thỉ với mẹ rằng. Harriette đến từ già để dọn về thành phố khác. Bà đi chuyến bay buổi chiều nay. Người con muốn mẹ về gần đã phải sang đón, những chú mèo về nơi ở mới của bà. Hỏi con trai có buồn không, người mẹ nghe câu trả lời thoáng chút ngỡ ngàng. Chim đã mất. Harriette đã thật xa. Bây giờ thì con hiểu. Vì sao mẹ không muốn có nhiều hơn những gì đã có để gần, để thương và để buồn hơn khi mình không còn nó cạnh bên...



Đêm say

*Mai lại là người ra viễn phương
Gót chân dẫm cát vạn nẻo đường
Đêm nay tâm sự cùng tri kỷ
Mai lại là người của gió sương*

*Gối ngã vào đầu tay của nhau
Rưng rưng nhìn giếng mắt nghiêng sầu
Đêm nay rót rượu cùng trao uống
Mai lại là người của bể dâu*

*Đưa tiễn cần chi tay nắm tay
Bước sông hồ hẹn thế gian này
Ngày mai quán gió mình ta uống
Nghe ngã nghiêng mà ai với say.*

ĐỖ VINH KHANH

TRẠNG THÁI CON NGƯỜI SAU KHI CHẾT

Nguyễn Liên

Theo quan điểm của Phật giáo, đời sống của một con người chỉ hoàn toàn chấm dứt khi toàn thân lạnh hết. Lúc đó là thời điểm mà thần thức rời khỏi thể xác, giai đoạn này mới được tính là chết. Nếu khi người bệnh vừa mới chấm dứt hơi thở, nhịp tim vừa ngưng đập, nhưng hơi ấm xác thân vẫn còn, lúc này vẫn chưa tính là chết. Bởi thời điểm này, mọi sự cảm thọ của họ vẫn đồng như người đang còn sống, chỉ có điều họ không thể nói năng được mà thôi.

Con người từ đâu đến và chết rồi đi về đâu, luôn là một câu hỏi lớn của nhân loại từ ngàn xưa cho đến ngàn sau, như trong kinh Lương hoàng sám nói: “Không biết sanh ra từ đâu đến, chết rồi đi về đâu, chỉ biết ngậm ngùi đưa nhau đến đáy huyệt, một lần chia ly là từ biệt vạn đời”. Như vậy, thần thức con người sau khi lìa khỏi xác thân đi về đâu? Quá trình thọ dụng của thần thức trước khi chưa tìm ra chỗ thọ sanh như thế nào? Tâm lý của thần thức trong giai đoạn này ra sao? Đó là những vấn đề chúng ta cần tiếp tục tìm hiểu.

I. BA TRƯỜNG HỢP SAI KHÁC SAU KHI CHẾT

Tất cả chúng sanh sau khi chết, tùy theo nghiệp lực sanh tiền tạo tác của mỗi người là thiện hay ác, mà

chết rơi vào một trong ba trường hợp sau.

1. Chết với tâm lành

Người nào sanh tiền có tín tâm với Tam bảo, tạo nhiều thiện căn công đức, khi sắp mạng chung sẽ tự nhớ nghĩ lại những công đức của mình đã tạo, hoặc do người khác làm cho nhớ lại. Người sắp chết lúc bấy giờ các thiện pháp như tín, tấn, niệm, định, tuệ sẽ hiện hành trong tâm, khiến tâm vô cùng hoan hỷ, an lạc.

Người chết với tâm lành, tâm hoan hỷ, liền thấy những cảnh tượng khả ái, cảnh tượng không rối loạn. Tâm lành, tâm hoan hỷ, khiến thân có những biểu hiện như tinh thần ổn định, sắc mặt vui vẻ, miệng mỉm cười... Nghĩa là khi người đó chết, không có những khổ thọ bức bách nơi thân. Người sắp lâm chung với tâm lành, tâm định tĩnh như thế, sẽ tái sanh về một trong các cảnh giới an lạc.

2. Chết với tâm ác

Người nào sanh tiền phi báng Tam bảo, bất tín nhân quả, tạo nhiều ác nghiệp, khi sắp mạng chung sẽ tự nhớ nghĩ lại những ác nghiệp của mình đã tạo, hoặc do người khác làm cho nhớ lại. Người sắp chết lúc bấy giờ, những ác pháp như tham, sân, si, mạn, nghi sẽ hiện hành trong tâm, khiến tâm vô cùng hoảng hốt, lo âu đầy sợ hãi.

Người chết với tâm ác, tâm rối loạn, liền thấy những cảnh tượng bất như ý, cảnh tượng quái dị, cảnh

tượng rối loạn, như thấy các nga quý cầm dao gây đến đe dọa... Tâm rối loạn, khiến thân có những biểu hiện hoảng hốt, đau khổ như sắc diện bầm tím, tay chân run rẩy, người xuất đầy mồ hôi, không làm chủ đại tiện, tiểu tiện... Nghĩa là khi người đó chết, phải chịu những cảm thọ đau khổ, những bức bách nơi thân. Người sắp lâm chung với tâm ác, tâm mất định tĩnh sẽ tái sinh vào một trong bốn ác thú.

3. Chết với tâm vô ký

Người nào khi sanh tiền không tạo nghiệp lành cũng không tạo nghiệp ác, hoặc tạo nghiệp thiện ác ngang nhau, người này lúc sắp mạng chung tâm không nhớ, hoặc không có người khác làm cho nhớ lại nghiệp lực đã tạo. Lúc đó tâm người chết, chẳng phải thiện chẳng phải ác. Do vậy thân thể cũng không có biểu hiện an vui hay đau khổ khi chết.

Bấy giờ, chúng tử trong tàng thức sẽ hiện khởi, nếu chúng tử nào mạnh hơn, hoặc chúng tử nào hiện khởi đầu tiên, thì tâm sẽ nhớ đến, và tùy thuộc vào chúng tử lành hay dữ hiện khởi, mà người chết sẽ tái sinh về một trong các cảnh giới khổ đau hay hạnh phúc, tương ứng với chúng tử thiện hay ác hiện khởi.

Tóm lại, người sắp mạng chung, nếu người tạo nghiệp ác, thức nương tựa sẽ bắt đầu xả từ phần trên, có nghĩa là từ trên đỉnh đầu, cảm giác lạnh theo thân mà khởi, như thể lần xả cho đến chỗ tim rồi xuống dưới. Nếu người tu nghiệp thiện, thức nơi chỗ nương gá sẽ bắt đầu xả từ phần dưới, tức từ dưới bàn chân, cảm giác lạnh theo thức mà khởi, như thể xả cho đến chỗ tim lần lên. Đến khi cảm giác lạnh lan khắp toàn thân, tức thần thức đã lìa ra khỏi thể xác.

II. KHÁI QUÁT VỀ THÂN TRUNG ẤM

1. Thân Trung ấm là gì?

Tìm hiểu về trạng thái con người sau khi chết là tìm hiểu quá trình sanh hoạt về tâm sinh lý của thân Trung ấm.

a. Ba loại thân

Mỗi con người chúng ta đều có ba thân, đó là thân

Tiền ấm, thân Trung ấm và thân Hậu ấm. Thân Tiền ấm là thân hiện đời chúng ta đang có, là thân vật chất năm hay bảy chục ký lô này. Thân Trung ấm là thân sau khi chết, đang ở trong khoảng thời gian tìm kiếm một thân khác tương ứng để nương gá. Thân Hậu ấm là thân đời sau, tức là thân đã tái sinh vào một cảnh giới khác.

b. Tại sao Trung ấm được gọi là thân?

Đúng theo ý nghĩa của chữ thân là “tích tụ” thì sau khi thân này đã chết và chưa tìm ra chỗ đầu thai, trong giai đoạn này không thể gọi là thân được. Vì trong giai đoạn này chỉ có thần thức mà thôi, chưa có tinh huyết của cha mẹ hòa hợp, và chưa có những nguyên chất khác để tạo thành. Tuy nhiên, trong giai đoạn này có thể tạm gọi là thân, vì nó có đủ sự thấy, nghe, hay, biết... nhưng đó chỉ là cái ảo ảnh do thần thức biến hiện, trong kinh Phật có chỗ gọi là “sắc công năng”, là cái thân do nơi chúng tử của thần thức hiện hành.

c. Các tên gọi sai khác

Thân Trung ấm còn gọi là thân Trung hữu, Kiền đạt phước (Hương hành), Ý hành, Thú sanh...

Gọi là thân Trung hữu, vì thân này là thân quả báo ở khoảng giữa đời này và đời sau; nghĩa là sau khi rời thân Tiền ấm nhưng chưa thác sanh vào thân Hậu ấm, trong khoảng trung gian đó gọi là Trung, do vì quả báo thân này vốn có chẳng phải không, mà con người ai cũng phải gánh trả nên gọi là Hữu.

Hoặc gọi là Hương hành, do thân này luôn lần theo mùi hương mà đi, người mùi hương để tồn tại, vì vậy đối với người chết khi cúng họ chỉ hưởng mùi hương



mà no đủ. Gọi là Ý hành, do thân này lấy ý làm nương gá, để đi tìm chỗ đầu thai. Gọi là Thú sanh, do thân này ở một trong sáu cảnh luân hồi mà có.

2. Trường hợp nào thọ thân Trung âm?

Thân thể con người vốn do tứ đại hợp thành, do vậy sắc thân khi “chết” là quá trình phân tán của tứ đại, còn phần tinh thần thì không mất mà tùy nghiệp thọ báo. Thần thức của con người sau khi lìa khỏi xác thân sẽ rơi vào một trong hai trường hợp sau.

a. Trường hợp không thọ thân Trung âm

Đối với người khi sanh tiền hay tạo các nghiệp nhân cực ác (như ngũ nghịch, thập ác), hoặc người khi sanh tiền đã tu rất nhiều công đức lành (tu mười điều thiện), hoặc người khi sanh tiền có tâm tín sâu, nguyện thiết, một lòng niệm Phật cầu vãng sanh Tây phương, hoặc người có công phu thiền định sâu mầu đã đoạn trừ được Kiến tư hoặc, những người đó sau khi chết không phải thọ thân Trung âm.

Sở dĩ họ không phải thọ thân Trung âm, bởi tội phước của họ đã xác định rõ ràng. Những hạng người này ngay khi vừa chấm dứt hơi thở, họ sẽ trực chỉ đọa vào địa ngục A-tỳ, hoặc sanh lên cung trời, hoặc vãng sanh về Tịnh độ của mười phương chư Phật, hoặc chứng đắc các Thánh vị.

b. Trường hợp thọ thân Trung âm.

Đối với hạng người phổ thông bình thường, khi sanh tiền tuy tạo nghiệp nhưng không rơi vào một trong hai nghiệp cực thiện hay cực ác kể trên. Với hạng người trong tâm họ có nghiệp thiện ác lẫn lộn nên không thể xác định họ thuộc nghiệp ác hay nghiệp thiện, để định sẵn cảnh giới tái sanh tương ứng. Trong trường hợp này, thần thức của những chúng sanh đó phải trải qua giai đoạn thọ thân Trung âm.

III. CẢNH GIỚI THỌ DỤNG CỦA THÂN TRUNG ÂM

Chúng ta tìm hiểu cảnh giới thọ dụng của thân Trung âm qua hai phần là sắc thân thọ báo và tâm lý

thọ báo.

1. Sắc thân thọ báo

a. Hình dáng

Trung âm có hai loại là hình sắc xinh đẹp và dung mạo xấu xa. Trung âm có loại hai tay hai chân, có loại bốn chân, có loại nhiều chân, hoặc không chân. Đại để Trung âm chuẩn bị tái sanh về loại nào thì có hình dáng tương đồng với chúng sanh loài đó.

Thân Trung âm của hàng nhân thiên cõi dục, hình dáng bằng đứa bé năm bảy tuổi. Thân Trung âm của chúng sanh cõi sắc lớn bằng thân bản hữu và có y phục, vì do có nhiều chủng tử tâm quý. Chúng sanh ở cõi vô sắc không có Trung âm thân, bởi cõi này không có hình sắc.

Trung âm chư thiên đầu hướng lên, Trung âm người, bàng sanh và quỷ nằm ngang mà bay đi, Trung âm của chúng sanh ở địa ngục đầu chúc xuống.

b. Ánh sáng và màu sắc

Với người nào có thiện nhãn, nhìn vào ánh sáng phát ra của mỗi người, họ có thể đoán định được tánh chất của người đó là thiện hay ác. Trung âm cũng thế, tùy theo nghiệp thiện hay ác, mà mỗi loài đều có những ánh sáng phát ra hoàn toàn không giống nhau. Đại để Trung âm của kẻ tạo nghiệp ác ánh ra sắc đen hay xám như đêm tối, Trung âm của kẻ tạo nghiệp thiện ánh ra sắc trắng như điện trong sáng.

Còn về màu sắc, Trung âm của địa ngục sắc đen như than. Trung âm của bàng sanh sắc nám như khói. Trung âm của ngạ quỷ sắc đậm như nước. Trung âm người và trời Dục giới sắc như vàng ròng. Trung âm của chư thiên Sắc giới rất đẹp, màu tươi trắng sáng tỏ như ánh trăng rằm.

c. Thần lực

Trung âm có rất nhiều thần lực. Mắt của thân Trung âm nhìn suốt xa như thiên nhãn không bị chướng ngại, thấy các Trung âm khác và chỗ mình sẽ thọ sanh. Tai của Trung âm rất thính, có thể nghe được những âm thanh cực nhỏ. Mũi của Trung âm có thể ngửi được những mùi hương xa vạn dặm...

Trong giây phút, Trung âm có thể bay vòng quanh

giáp núi Tu di, lại có thể xuyên qua tường vách núi non không bị chướng ngại. Chỉ trừ hai chỗ Trung âm không thể vượt qua được: một là bào thai mẹ vì nghiệp lực, khi Trung âm đã vào rồi thì không thể đi ra được; hai là tòa Kim cang của Phật, do thần lực của Phật, Trung âm không thể vượt qua được.

d. Thọ mạng

Thọ mạng tối đa của thân Trung âm là bảy ngày, nếu quá thời hạn bảy ngày mà chưa tìm được chỗ thọ sanh, Trung âm sẽ chết đi rồi sống lại. Nhưng trong vòng 49 ngày, Trung âm cũng sẽ tìm được chỗ thọ sanh. Trung âm khi chết, do nghiệp lành hay dữ chuyển biến mà đổi thành thân Trung âm loài khác.

Đại để Trung âm khi sắp chết, tùy theo nghiệp thiện ác mà trong tâm thấy những tướng sai khác, khiến tâm thức mơ màng dường như trong mộng, bấy giờ khởi lên ý niệm muốn chết để sống lại. Khi chết tùy theo nghiệp mà có cảm thọ khổ vui, và sau đó tiếp tục sanh làm thân Trung âm khác, để nối tiếp công việc tìm thân nào vừa ý để thọ sanh.

2. Tâm lý thọ báo

Trong thời gian này, Trung âm luôn ở trạng thái mờ mịt phiêu phiêu không định. Các ý tưởng buồn vui lẫn lộn làm cho thân Trung âm luôn từ khổ đau sang hạnh phúc, thay đổi liên tục. Nói chung, thời điểm này tâm thức Trung âm vô cùng thống khổ và bất ổn. Tự trung tâm lý của thân Trung âm có những sự diễn tiến như sau.

a. Hoài nghi, không biết mình đã chết hay chưa

Thông thường con người sau khi tắt hơi thở, thần thức mới lìa khỏi thể xác, nếu chưa được giải thoát, đều phải trải qua một giai đoạn tối tăm, mịt mù từ ba đến bốn ngày, sau đó mới có cảm giác mình慢慢 trở lại.

Trong thời điểm tối tăm, thần thức luôn ở trong trạng thái hoài nghi xen lẫn mơ màng, dẫn đến tự hỏi: “Giờ phút này không biết ta đã chết hay chưa?” Đây là trạng thái đối chọi, giằng co giữa hai ý niệm tham sống và sợ chết của con người mà có. Sau khi qua khỏi

giai đoạn tối tăm, mới xác định rõ mình đã chết.

b. Hoảng hốt, khi đi vào một thế giới xa lạ

Khi sống con người đã có sự sinh hoạt với các cảnh quen thuộc, nhưng sau khi chết thọ thân Trung âm, con người lại tiếp xúc với một thế giới hoàn toàn xa lạ với cuộc sống thường nhật. Ở đó lại có những cảnh tượng quái dị, những âm thanh chói chói... khiến thân thể bất an, tâm thức hoảng loạn...

Do vậy, tâm lý Trung âm luôn sống trong trạng thái hoảng hốt, khi lạc lõng vào một cảnh giới mà mình không biết thực hư như thế nào. Chính sự hoảng hốt này là yếu tố làm cho con người rất dễ đoạ lạc vào cảnh giới khổ đau.

c. Sanh lòng quyến luyến

Trong Di-đà sơ sao dạy: “Ái bất trọng bất sanh Ta bà, niệm bất nhất bất quy Tịnh độ” (ái không nặng không sanh Ta bà, niệm Phật không nhất tâm thì không thể vắng sanh Tịnh độ). Chung quy, tất cả chúng sanh từ vô thủy cho đến ngày nay, đều sanh ra từ ái dục, sống trong sự chi phối của ái dục, và cũng từ ái dục mà phải luân hồi trong các cảnh giới. Do ái dục chi phối, con người khi chết thường sanh các tâm niệm quyến luyến.

Hoặc do cảm thương thân phận của mình đã chết, mà sanh tâm đau buồn thương cảm. Hoặc nhân tham luyến vợ con, tài sản mà khó dứt trừ tâm thương yêu trói buộc. Hoặc do các tâm nguyện chưa thành đột nhiên cái chết lại đến, khiến bứt rứt ngồi đứng không yên. Hoặc do oan ức chưa kịp bày tỏ, khiến lòng đè nén bức tức mà không chịu nhắm mắt lại... Tất cả những tâm lý đó đã giày vò, làm cho Trung âm vốn đã thống khổ lại chồng chất thêm không biết bao nỗi thống khổ khác.

d. Cảnh nghiệp hiện khởi

Bấy giờ lại do nghiệp lực quá khứ chiêu cảm, lại có những luồng gió nghiệp cực mạnh thổi nát Trung âm, lại có những ánh sáng chớp lờ như giông tố, khiến cho Trung âm hoảng hốt sầu lo, lại có những âm thanh vô cùng chói chói, khiến Trung âm đình tai nhức óc,

lại có vô số loài ác quỷ hình thù kỳ dị, cầm giáo mác đến đe dọa mạng sống...

Tất cả những cảnh tượng rừng rợn ấy, đều do nghiệp lực chiêu cảm, khiến cho thân Trung âm sợ muồn ngất, hoảng hốt không nơi nương tựa. Bây giờ, Trung âm chỉ mong cầu bà con người sống, tạo phước để cứu giúp mà thôi.

e. Nhận định hào quang

Lúc đó lại có những luồng hào quang của chư Phật, và ánh sáng của lục phàm phóng đến. Hào quang chư Phật với những đại hào quang rực rỡ và mạnh mẽ, như hào quang sắc xanh chói lòa, hào quang sắc trắng trong sạch, hào quang sắc vàng trong như bóng ngọc, hào quang sắc đỏ mãnh liệt. Còn ánh sáng lục phàm thì yếu ớt hơn.

Ánh sáng của cõi trời thì hơi trắng, ánh sáng của cõi người thì hơi vàng, ánh sáng của cõi A-tu-la thì hơi lục, ánh sáng của cõi địa ngục thì như khói đen, ánh sáng của cõi ngạ quỷ thì hơi đỏ, ánh sáng của cõi súc sanh thì hơi xanh. Trong đó thân Trung âm tùy nghiệp duyên với cõi nào thì ánh sáng của cõi ấy sẽ rực rỡ hơn. Nhân vì nghiệp duyên bất thiện của kẻ chết, thân Trung âm phần nhiều chỉ thích ánh sáng của lục phàm hơn.

g. Phán xét minh tỵ

Con người khi còn sống, mọi việc làm của mình lành hay dữ đều có ác thần hay thiện thần ghi chép. Thiện thần chuyên ghi các việc lành, ác thần chuyên ghi các việc ác. Sau khi chết, quỷ vương Chủ mạng sẽ tùy theo các việc ghi trong sổ mà tra xét, để xác định tội trạng của người chết.

Khi bị quỷ vương Chủ mạng tra xét tội, phần nhiều con người thường hay chối cãi: “Tôi khi sống không làm những việc đó”. Quỷ vương liền đem gương chiếu nghiệp ra, cho người tội nhìn vào, trong đó mọi việc làm lành hay dữ lúc sanh tiền đều hiện rõ trong gương, tội nhân phải cúi đầu nhận tội. Để rồi quỷ vương Chủ mạng căn cứ vào phước hay tội của người đó, mà đưa đi thác sanh vào cảnh giới khổ đau hay hạnh phúc.

Cổ thi có câu: “Cổ nhân bất kiến kim thời nguyệt, kim nguyệt hà tăng kiến cổ nhân”. Người xưa không thấy được vầng trăng ngày nay, người nay cũng không thể thưởng thức được vầng trăng ngày xưa, song vầng trăng đã chứng kiến được bao sự đổi thay của kim cổ. Và nếu gương trăng có được mỗi suy tư, chắc cũng sẽ tự hỏi: “Không lẽ đời người sanh ra, rồi chỉ biết lo giành giật mưu sinh để rồi chết trong đau khổ, vậy đâu là niềm hạnh phúc chân thật của kiếp người?”

Ưu tư của vầng trăng cũng là nỗi ưu tư ngập tràn của người nào có chút trí tuệ, của người nào không chấp nhận thân phận bọt bèo kiếp người, chỉ sanh ra để đấu tranh sanh tồn, và cuối cùng hoảng hốt mà chết. Tất cả những niềm khắc khoải về thân phận con người và đâu là hạnh phúc cứu cánh của đời người, đều được giải bày dưới ánh sáng trí tuệ của đạo Phật.

Hiểu được trạng thái con người chết như thế nào, và sau khi chết đi về đâu, để thiết lập cho bản thân một cuộc sống có ý nghĩa, có định hướng, là điều chúng ta cần phải tranh thủ làm trong những ngày còn lại ngắn ngủi trên cõi dương thế này.



Tranh Minh Chiêu

thơ

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

NGON GIẤC

*Ô đêm qua ngon giấc
Sáng nay ngày nhẹ thêm
Hỏi cùng con gió sớm
Làm sao tôi bay lên*

*Oi màu xanh ngọt mật
Có phải người cũng tin
Rằng nơi này, tiếng hát
Vẫn từng ngày cất lên
Rằng nơi này, trái đất
Mỗi ngày mỗi đẹp thêm*

*Tôi cũng vô cùng tin
Rằng niềm tin rất thật
Nên ngon giấc
Từng đêm*

TỪ PHÍA ẤY

*Ngày thức dậy bằng bài ca phiêu lãng
Thời gian vừa gõ cửa giục tôi
Ô bước chân sẽ cùng theo ánh sáng*

*Bóng tối đã chìm trong màu lá úa
Niềm vui mở ra từ cánh hoa vàng
Quay về phương Đông nương tựa*

*Gió sẽ thổi lên xanh
Nơi những lời anh nói
Em đang nghe từ phía ấy, bình minh*

ĐÔI CÁNH

*Tôi đã bay theo tiếng hót chim
Mỗi sớm trên cành cây ngậm hạt
Có tiếng gì như tiếng hát
Trên đợt dừa, mặt trời lung linh*

*Tôi thấy ban mai bằng đôi cánh
Ngày bình yên dưới những hàng cây
Những cửa sổ ngôi nhà lấp lánh
Chỉ muốn ôm vào trong tay*

*Chỉ muốn soi vào mặt trời gương
Hỏi đâu niềm tin đẹp nhất
Chỉ thấy một ngày lên rất thật
Trong long lanh
Từng hạt sương*

TỪ NẮNG

*Nắng từ tiếng chim hót
Nắng từ trong quả ngọt
Ngày tôi ly nước thơm*

*Nắng từ những chiếc lá
Nắng từ đâu đầy quá
Hái đi cho kịp ngày*

*Nắng từ màu hồng trời
Nắng từ màu son môi
Nắng từ tôi từ tôi
Hãy đi cho kịp lời*

ÔNG THIỆN, ÔNG ÁC

Trần Trung Đạo

Hai bên chánh điện của các chùa Phật Giáo thường có thờ hai vị mà chúng ta quen gọi là ông Thiện và ông Ác. Ông Thiện là ngài Hộ Pháp và Ông Ác là ngài Tiêu Diện Đại Sỹ. Những ngày thơ ấu, khi còn ở chùa Viên Giác, những đêm nóng nực tôi thường ôm chiếu ra ngoài hiên chùa nằm ngủ. Có khi ngủ dưới chân ngài Hộ Pháp nhưng cũng có khi nằm dưới chân ngài Tiêu Diện. Nhiều đêm bị đánh thức bởi tiếng lá đa xào xạc, tôi ngược nhìn lên bàn thờ và bắt gặp đôi mắt của ngài Tiêu Diện Đại Sỹ đang trừng trừng nhìn xuống. Dù chẳng can tội gì, tay chân cũng cảm thấy run run. Khuôn mặt của ngài hung dữ quá, nhất là hai hàng lông mày xéch đến tận mang tai và chiếc lưỡi như có thể giãn dài tới tận chỗ tôi nằm.

Mỗi khi nhìn tượng ngài Tiêu Diện, tôi tự hỏi tại sao nơi cửa thiền từ bi thanh tịnh lại thờ một vị có khuôn mặt hung dữ lúc nào cũng sẵn sàng gây hấn như thế. Tôi đem thắc mắc bạch với thầy trụ trì. Thầy bảo Phật Giáo Bắc Tông ngoài Phật Thích Ca Mâu Ni, còn thờ rất nhiều hình tượng của chư Phật và Bồ Tát. Mỗi vị tùy theo hạnh nguyện cứu người và cũng phát xuất từ căn cơ và hoàn cảnh của chúng sinh mà hóa thân trong một ngoại hình thích hợp. Ngài Tiêu Diện hàng phục ma vương, ác quỷ và hướng dẫn chúng đến nghe pháp mỗi ngày, trong lúc ngài hộ pháp lãnh đạo những người lương thiện. Và cũng để tôi khỏi bị chấp vào hình tướng khi hành xử ngoài xã hội, thầy dạy dò, Phật tính có trong mọi người, dù người thiện hay người ác.

Lớn lên bước vào đời, tôi gặp rất nhiều ông Thiện và ông Ác. Tuy nhiên khác với trong chùa, ngoài xã hội, ông Thiện và ông Ác trong nhiều trường hợp chỉ là một ông.

Gần 30 năm trước, sáng ngày 2 tháng 5 năm 1975, tôi đến viếng thăm bác Lê Đình Duyên. Bác không phải là họ hàng ruột thịt của tôi nhưng là cha của người bạn thân và là nhà yêu nước lớn mà tôi luôn

kính trọng. Căn nhà có giàn hoa giấy đỏ trên đường Công Quỳnh là nơi tôi thường đến. Bác rất nghiêm nghị nhưng không coi chúng tôi như con nít. Có việc gì cần chúng tôi đều thỉnh ý bác và luôn được bác ân cần chỉ bảo. Hôm đó, khi tôi đến thăm cũng là lúc chiếc xe Command car màu xanh lá cây của Ủy ban Quân quản Sài Gòn-Gia Định vừa rời khỏi nhà bác Duyên. Hỏi ra tôi biết đó là xe đưa bác Duyên từ Phủ Tổng thống về. Bác Duyên là Dân biểu Quốc hội Đệ nhị Cộng hòa ở miền Nam, đảng viên cao cấp của một hệ phái Việt Nam Quốc dân Đảng miền Trung và là một trong 16 viên chức của Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa có mặt tại Dinh Độc Lập trong buổi sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Khi hỏi thăm bác về thái độ và cách đối xử của chính quyền mới đối với các bác, tôi được biết chính quyền cách mạng tỏ ra rất tử tế. Trước khi được đưa ra xe, tướng Trần Văn Trà, chủ tịch Ủy ban Quân quản Sài Gòn-Gia Định, đích thân đến thăm và trấn an các nhà chính trị miền Nam. Trong buổi tiếp xúc, tướng Trần Văn Trà nói với bác: *"Cuộc chiến chống Mỹ cứu nước đã hoàn tất. Giữa chúng tôi và các anh không có người thắng hay kẻ bại. Trong cuộc chiến đấu thần thánh này, nhân dân Việt Nam chính là người chiến thắng và chỉ để quốc Mỹ mới thật sự là kẻ bại trận mà thôi. Chính sách bảy và mười điểm của Ủy ban Quân quản phản ánh tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc và là cơ hội để nhân dân Việt Nam không phân biệt tôn giáo, quá khứ, quan điểm chính trị cùng bắt tay nhau xây dựng và đưa đất nước ra khỏi vùng nghèo nàn lạc hậu"*. Nghe tướng Trà nói, những bác trước đó vài giờ đã nghĩ đến bản án tử hình có thể đang chờ đợi họ, chắc thở ra một hơi dài nhẹ nhõm. Trước khi rời Dinh Độc lập, các bác còn được phóng viên cách mạng cho phép họ chụp với nhau một tấm hình kỷ niệm.

Bác Duyên không trả lời câu hỏi của tôi làm thế nào các bác có thể tin được những điều ông Trần Văn

Trà nói là thành thật, thay vì, chỉ nói như an ủi chính mình: "Chiến tranh đã gây ra quá nhiều tổn thất đau thương cho dân tộc." Nói xong bác đứng dậy khoác chiếc áo tràng màu xám vẫn thường treo trên vách và thắp một nén hương trên bàn thờ ông bà. Thân phụ của bác là bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, một cư sĩ Phật giáo nổi tiếng, một học giả uyên thâm cả Nho học lẫn Tây học và giống như bác huynh Lê Đình Dương của ông, cả hai là những nhà cách mạng đã có những đóng góp lớn trong chiến tranh chống Pháp. Bác sĩ Lê Đình Thám ở lại miền Bắc sau Hiệp định Genève. Ngày bác sĩ Lê Đình Thám qua đời, báo Le Monde đăng tin và dành trọn một trang để đăng tấm hình màu của ông. Trang báo đó được bác Duyên chụp lại và treo trang trọng trong phòng khách.

Lời nói của tướng Trần Văn Trà, nếu thành thật, đã đáp ứng sự chờ đợi gần như mỏi mòn của cả dân tộc. Những ai quan tâm đến tương lai đất nước phải công nhận rằng trong giai đoạn lịch sử mới và đầy thử thách đó, những câu hỏi ai thắng, ai bại, ai đúng, ai sai, ai Quốc gia, ai Cộng sản không còn cần thiết hay ít ra không quan trọng bằng mối lo đất nước rồi sẽ đi về đâu khi ngọn lửa chiến tranh vừa tàn lụi. Trong lòng mỗi người Việt Nam còn sống sót không có mơ ước nào khác hơn là được thấy một Việt Nam hòa bình, no ấm, được nhìn quê hương Việt Nam như là căn nhà chung của người Việt, dù một thời vì định mệnh lịch sử đầy khắc nghiệt, đã phải đứng bên này hay bên kia chiến tuyến.

Với kiến thức chính trị rộng rãi của một nhà hoạt động cách mạng, hơn ai hết bác Lê Đình Duyên biết rằng vào thời điểm bác đang ngồi đối diện với tướng Trần Văn Trà, hàng ngàn đảng viên Quốc dân Đảng Trung Quốc bị bắt từ năm 1949 vẫn đang đếm ngày tàn của đời họ trong nhà tù Trung Cộng. Với kinh nghiệm dạn dày về chính trị, hơn ai hết bác Lê Đình Duyên biết rằng, người đang nói chuyện với bác không phải là một bậc chân tu mà là Ủy viên Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Thế nhưng, bác Duyên còn một hy vọng, một chỗ dựa cuối cùng, dù sao họ cũng là người Việt Nam. Lần cuối dân tộc Việt Nam có một ngày tạm gọi thanh bình đã hơn một thế kỷ. Thật quá xa và quá dài cho mọi cuộc đợi chờ nhưng cũng không đến nỗi quá trễ để xây dựng lại đất nước vì con cháu mai sau.

Những ai quan tâm đến hướng đi của đất nước cũng mong rằng những thảm cảnh lưu đầy trong vùng băng tuyết Siberia, cảnh đàn áp đẫm máu trong mùa thu Hungary, mùa xuân Tiệp Khắc v.v. chỉ là những chuyện nước ngoài. Dân tộc Việt Nam là dân tộc duy nhất trên thế giới gọi nhau bằng hai chữ đồng bào thân

thương, triu mến. "Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ", "một giọt máu đào hơn ao nước lã" là những câu châm ngôn đượm tình dân tộc mà người Việt Nam nào cũng thuộc lòng từ khi biết tự ôm cặp đến trưởng. Vỡ bi kịch Việt Nam đã chấm dứt, màn sân khấu đã hạ xuống, khán giả đã ra về, đạo diễn đã bỏ đi và diễn viên cũng đã lau xong son phấn một thời đã làm anh em nhìn nhau bằng ánh mắt hận thù xa lạ. Cuối cùng, không ai thương dân tộc Việt Nam bằng chính người Việt Nam, bởi vì bên trong những vòng hoa chiến thắng, mặt trái của những tấm huân chương bằng đồng kia là máu thịt của hàng triệu người Việt Nam đổ xuống, là đói nghèo lạc hậu. Nhân dân Việt Nam sẽ vịn vai nhau đứng dậy và vươn lên bằng sức mạnh tổng hợp của chính mình. Ai mà chẳng mong như thế nhỉ.

Tiểu thay, chỉ một thời gian ngắn sau, chính bàn tay trước đó không lâu vỗ vai an ủi các nhà chính trị miền Nam, chính từ cửa miệng từng phát ra những lời đượm tình anh em ruột thịt, tướng Trần Văn Trà đã ra lệnh sĩ quan và công nhân viên chức miền Nam tập trung học tập. Trong quán nước nhỏ trước trường Nữ Trung học Trưng Vương trong một buổi sáng tháng Năm, tôi theo người bạn đến tiễn bác Duyên lên đường. Và kết quả là những năm dài lao lung, đói khát, bệnh tật trong các trại tập trung rải rác khắp ba miền. Tấm hình bác Duyên chụp chung với 15 viên chức Việt Nam Cộng Hòa khác ở Dinh Độc Lập được đem trưng bày trong phòng triển lãm gọi là "Tội ác Mỹ ngụy" trên đường Trần Quý Cáp, Sài Gòn. Sau gần mười năm tù, bác Lê Đình Duyên trở về trong một thân thể đầy bệnh hoạn. Bác được sang Mỹ đoàn tụ với gia đình theo diện HO. Không lâu sau đó bác qua đời mang theo niềm u uất của một người Việt yêu nước với giấc mơ Việt Nam hòa bình, tự do, dân chủ và nhân bản vẫn chưa thành sự thật.

Câu chuyện tôi học từ bác Duyên tưởng như đã đi vào dĩ vãng. Các thế hệ trẻ Việt Nam được sinh ra và lớn lên giữa một đất nước vẫn còn nhiều trăn trở, vẫn đang đi tìm một lối thoát ra khỏi nghèo nàn lạc hậu và vẫn bị lãnh đạo bởi những người mang não trạng chiến tranh.

Tôi thường nghe các nhà lãnh đạo Việt Nam khoe khoang Việt Nam ngày nay không còn đói nghèo như 30 năm trước, người dân Việt Nam ngày nay đa số có nhà để ở không phải còn lay lắt bụi bở. Vâng, trong một mức độ nào đó, những thành quả vừa nêu là những điều đáng khích lệ. Nhưng trong nền kinh tế toàn cầu, chúng ta không thể đơn giản so sánh với chính mình vào 30 năm trước, không thể chỉ cần thoát ra khỏi tình trạng thiếu thốn thời chiến tranh, không

thể so sánh Việt Nam ngày nay với Việt Nam khi còn chia đôi đất nước. Không. Chúng ta phải so sánh Việt Nam với Singapore, với Đài Loan, với Nam Hàn, với Thái Lan, với Trung Quốc. Chúng ta phải chạy đua với thời đại chứ không phải chạy đua với chiếc bóng của chính mình.

Ba mươi năm sau, tôi tình cờ đọc trên báo Thanh Niên, trong buổi gặp mặt Việt kiều nhân dịp năm mới Ất Dậu, tổ chức tối 30 tháng Giêng tại Sài Gòn, ông Thủ tướng Phan Văn Khải đã phát biểu gần như nguyên văn lời phát biểu của ông chủ tịch Ủy ban Quân quản Trần Văn Trà 30 năm trước: *"Đồng bào ta, không phân biệt trong hay ngoài nước, không phân biệt chính kiến, tôn giáo, hãy đồng tâm hiệp lực, đóng góp công sức vào trận chiến mới đưa đất nước ta ra khỏi nỗi nhục đói nghèo và lạc hậu, tiến tới xây dựng một đất nước giàu mạnh, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, đạt mục tiêu phấn đấu đến năm 2010 nước ta thoát khỏi tình trạng nghèo nàn và lạc hậu. Một nhân tố bất biến làm nên những thắng lợi của dân tộc ta là khối đại đoàn kết dân tộc. Bà con, dù có ra nước ngoài sinh sống vì bất cứ lý do gì thì vẫn là máu của người Việt Nam, thịt của người Việt Nam."*

Ôi, *"máu của người Việt Nam, thịt của người Việt Nam"*, *"không phân biệt trong hay ngoài nước"*, *"không phân biệt chính kiến"*, những cụm từ tuyệt vời và cảm động biết bao. Ngôn ngữ Việt Nam là ngôn ngữ của thi ca, tượng hình và vô cùng gợi cảm. Những em bé Việt Nam sinh ra trên chiến hạm, sinh ra trong trại tị nạn, sinh ra dưới cánh phi cơ, sinh ra trên đường tháo chạy, lần đầu tiên nghe được những lời chia sẻ của ông thủ tướng chắc phải rơi nước mắt.

Thế nhưng, ngay trong thời điểm ông Thủ tướng nói những lời đường như phát xuất từ trái tim chân thành và tha thiết của mình, ông Phan Văn Khải đồng thời cũng là người cầm đầu một chính phủ với trách nhiệm thực thi nghiêm chỉnh một hiến pháp trong đó điều 4 ghi rõ: *"Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội"*.

Muốn biết chủ nghĩa Mác-Lênin có thật sự là ngọn hải đăng của thời đại hay không, không cần phải sang Nga, sang Đức, không cần phải tìm trong các văn khố, sử liệu mà hãy hỏi các thầy cô dạy triết học Mác-Lênin ở các trường trung và đại học Việt Nam để chia sẻ với nỗi khổ tâm của họ khi phải dạy môn học buồn bã nhất của một trong những ngành nghề bạc bẽo nhất nước.

Cho dù chiếc ghe ý thức hệ Mác-Lênin một thời đã

giúp các ông bà qua sông, cũng không nên bắt 60 triệu tuổi trẻ Việt Nam, những người sinh ra sau cuộc chiến, phải tiếp tục cong lưng còng chiếc ghe quá khứ, già nua lỗi thời đó để đi vào thời đại toàn cầu?

Cho dù cha chú của các em sinh ra ở miền Nam, đã một thời can dự vào cuộc chiến, họ cũng đã trả giá cho sự can dự đó bằng hàng chục năm dài trong các nhà tù từ Bắc đến Nam, tại sao lại bắt con cháu họ phải tiếp tục bị tẩy não bằng những tư tưởng mà tuyệt đại đa số nhân loại đã xếp vào trong ngăn tù?

Quả thật những nhận thức mâu thuẫn và vô cùng nghịch lý đã cùng tồn tại trong chính một người.

Ông Thủ tướng thử đặt ông vào vị trí của một người Việt tị nạn hay con cháu của thể hệ tị nạn ở nước ngoài.

Với tất cả những khổ đau và kinh nghiệm hai triệu người Việt nước ngoài đã trải qua, làm thế nào họ có thể hợp tác một cách chân thành và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam?

Với những máu xương, đầy ải hai triệu người Việt nước ngoài đã chịu đựng, làm thế nào những người mà ông gọi là khác chính kiến lại có thể đóng góp hữu hiệu để xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam? Không. Của cải có thể làm lại được nhưng niềm tin không thể đơn giản phục hồi bằng dăm ba lời đường mật.

Cộng đồng người Việt nước ngoài không chỉ là vài khuôn mặt dù một thời có chút tên tuổi, địa vị nhưng tuổi tác đã xế chiều, mệt mỏi, về nước tìm vui trong những ngày còn lại cuối đời. Cộng đồng người Việt nước ngoài không chỉ là những Việt kiều về nước mua nhà hưu trí, khoe khoang tiền của trên sự nghèo đói tủi thân của bà con thân thuộc. Cộng đồng người Việt nước ngoài không chỉ là những người vì tình thương gia đình, gởi nhiều ti Mỹ kim về hàng năm để nuôi sống người thân còn ở lại. Cộng đồng người Việt nước ngoài cũng không chỉ là mấy trăm ngàn Việt kiều về quê ăn Tết rồi vội vã ra đi không để lại một đóng góp, một hứa hẹn gì cụ thể cho tương lai đất nước.

Không, không phải chỉ đơn giản có thế. Cộng đồng người Việt nước ngoài là tổng hợp của tư duy, trí tuệ, kinh nghiệm, kiến thức, vốn liếng mà các thế hệ Việt Nam tại nước ngoài đã học hỏi, thu thập, tích lũy trong gần 30 năm qua và nhiều năm nữa. Khả năng to lớn đó đang chờ một cơ hội để cùng với đồng bào trong nước bắt tay vào việc biến Việt Nam nghèo nàn thành một con rồng Á Châu vững mạnh và thăng tiến.

Cơ hội đó bắt đầu từ điểm nào và điều kiện gì có lẽ tôi không cần phải viết ra đây.

CON BÉ VÀ GÃ LANG THANG

Chiêu Hoàng

"Đợi tôi với... Bác tài ơi, đợi tôi với..."

Con bé vừa chạy, vừa la bãi hải khi thấy chiếc xe bus bắt đầu chuyển bánh. Tiếng gọi lanh lảnh như một niềm thất vọng gấp gáp sắp đổ ập xuống đầu, cùng với tiếng chân chạy thình thịch của nó làm cho túi vải đeo đập liên tu sau lưng. Tiếng kêu bay bắn đi, nhanh hơn bước chân chạy, lọt thẳng vào tai bác tài xế. Ông ngoảnh lại, nhìn thấy một con bé khoảng 13, 14 tuổi cùng với bà mẹ đang gấp gáp chạy về phía mình, hai tay nó quơ quào loạn xạ cổ gây thêm sự chú ý của ông.

Chiếc xe bus mới dớm bánh, nay từ từ dừng lại. Bác tài bấm nút mở cửa chờ nó đến. Khoảng vài phút sau, con bé đã đứng trên bậc tam cấp của xe, nó vừa thở hổn hển, vừa tụt cái túi đeo sau lưng lục tìm vé đưa cho bác tài. Một số khách tỏ vẻ khó chịu vì sự chậm trễ ấy. Một bà với khuôn mặt khó đăm đăm nhìn nó không mấy gì thiện cảm, gắt:

"Thôi, nhanh lên đi cho người ta nhờ. Đã hẹn giờ giấc đoàng hoàng rồi mà lại còn trễ. Đứng là... người Việt Nam!"

Bà nói thế, tựa như bà là một người ngoại quốc nào đó chứ không phải người Việt. Nhưng rõ ràng bà cũng là người đồng hương cùng nói một ngôn ngữ với nó. Khuôn mặt bà loè loẹt, dị dạng do sự "tân trang" sửa chữa quá nhiều nên trông có cái vẻ khó tính một cách dị thường. Một số người Việt khó chịu khi nghe bà nói câu đó. Họ quay lại nhìn bà, nhưng chẳng ai nói gì. Con bé thì cuống cuống trình vé rồi đảo mắt một vòng tìm chỗ ngồi ghi trên tấm giấy. Ánh mắt nó đậu ở một ghế còn trống gần cửa sổ. Bên cạnh, có một gã đàn ông đang ngồi lơ đãng...

Phải mất thêm vài phút nữa mọi thứ mới êm xuôi. Con bé chen vào chỗ trống duy nhất đã dành cho nó. Nó ngồi thờ đốc, nhưng khuôn mặt đầy kích động và vui sướng. Nó nhìn ra ngoài cửa sổ, đưa tay vẫy vẫy

người thiếu phụ đang trông theo với một nét lo lắng rõ rệt hiện trên nét mặt:

"Má... Con đi nghe má... Không sao đâu mà. Con thương má..."

Nói rồi. Nó chu miệng, dán vào kiếng xe, hôn chùn chụt:

"Bye má..."

Chiếc xe bắt đầu chuyển bánh. Tiếng bà mẹ trẻ nói với theo:

"Cẩn thận nghe con. Tới nơi nhớ điện thoại má liền nghe..."

Chiếc xe từ từ đi nhanh dần, để lại người mẹ trẻ nơi bến xe. Nó nhìn theo cho đến khi bóng bà khuất sau một khúc rẽ, lúc đó nó mới thở phào. Sửa đổi lại thế ngồi cho ngay ngắn, kéo cái xích đeo trên lưng xuống để trên đùi. Khuôn mặt nó rạng rỡ vui tươi. Có lẽ, nó đang cần phải nói. Nói thật nhiều để đỡ tuôn ra những kích động trong nó. Nó lén nhìn gã đàn ông ngồi cạnh - *Người đồng hành với mình đây* - Nó nghĩ thầm. Trông mặt gã có vẻ... hơi dữ bởi những nét nhăn đậm trên trán và ở đuôi con mắt như những vết cắt. Gã có một vết sẹo dài chém từ góc tai trái xuống tới cằm. Đôi mắt gã hơi giảo hoạt, bất lương. Nhưng hề gì. Con bé nhìn thấy ai cũng như nhau. Nếu không nói là mọi người đều rất tốt. Nó chẳng biết gì về thế giới bên ngoài mái nhà nó thường sống, mà trong đó một bà mẹ trẻ, góa bụa luôn luôn gìn giữ nó một cách quá quắt tới độ nó cảm tưởng mình đang sống trong ngục tù. Phải nói mãi, năn nỉ mãi và quả quyết cả hơn ngàn lần "*sẽ không có chuyện gì xảy ra*" để mẹ nó xiêu lòng, cho nó lấy một chuyến xe đò đi dự một khóa tu tập cấm phòng ở ngôi chùa cách xa nhà khoảng sáu tiếng lái xe.

"Má à. Thiệt tình là con không hiểu sao má lại không cho con đi chớ. Má đưa con ra bến xe, con ngồi

trên xe dò một mạch. Tới nơi đã có người trong chùa ra đón con rồi. Ở hai ngày là lại có người đưa con ra bến xe, con lại về với má mà..."

"Mày đi xa xôi dữ vậy. Không có người kèm sao đi tới nơi? Lỡ giữa đường có chuyện chi thì tao biết tính sao đây chứ? Thôi, bỏ qua đi! (Dỗ dành) Đợi tới chừng má xin nghỉ được vài ngày thì má sẽ đi với con nghe."

"Chờ! Má!! Đợi má nghỉ thì qua thời tu tập còn đâu nữa, lên trên làm chi không biết!"

Nhì nhằng, năn nỉ gần cả tháng, sau khi đã điện thoại lên chùa cả chục lần, bà mẹ mới bằng lòng đồng tiền và ghi danh cho nó. Mới sáng mơi này, trước khi đưa con ra bến xe, bà cũng còn cẩn thận, thấp nén hương lăm rằm khấn vái:

"Nam mô A Di Đà Phật. Xin Phật độ trì. Xin ngài Quan Âm gia hộ cho đứa con khờ khạo của con đi tới nơi, về tới chốn. Mọi điều dữ đều tai qua, nạn khỏi. (Rồi bà kể lễ ý ôi tựa như đang nói chuyện với một người bằng xương, bằng thịt đứng trước mặt). Con chỉ có đứa con duy nhất. Từ ngày ông mất cho tới nay, con không dám bước thêm bước nữa, mọi tình thương con đều dành cho nó hết. Nó khờ khạo, bé bỏng, cần được những bàn tay yêu thương che chở. Xin ngài độ trì cho nó đi đường bình an."



Nói xong, người mẹ trẻ vái thêm ba vái, rồi kính cẩn cắm mấy nén hương vào lư, trong khi đó, con bé sốt ruột chờ đợi ngoài cửa:

"Má ơi... Đi chưa má, trễ quá rồi đó nghe!"

Bà mẹ gắt khế:

"Thì từ từ chứ. Mày hỡi như hỡi tà, hỡi ma vậy!"

Xe bắt đầu ra xa lộ. Dòng xe cộ ngược xuôi, hồi hả tăng theo với sự vui mừng của con bé. Nó nhìn đồng hồ. Mới có ba giờ trưa. Chắc khoảng chín, mười giờ tối mới tới nơi. Khoảng sáu giờ chiều thì xe sẽ ngừng lại ở một thành phố nhỏ cho khách ăn uống, xả hơi, đi đứng cho đỡ gân cốt; sau đó đi tiếp chừng bốn tiếng nữa là tới. Ở đó đã có một chị Phật tử trên chùa sẽ đón nó tận bến. Chờ. Sao mà vui thích chi đâu á!

Nó khẽ liếc nhìn gã đàn ông và mỉm cười với gã bằng một nụ cười đầy thiện cảm. Gã cũng nhìn nó, nhếch mép. Gã có thể nghe được mùi hương trinh nữ của nó thoang thoảng, cộng thêm vì ngồi quá gần, gã nhìn thấy được cả những sợi lông măng trên đôi má không son phấn. Gã còn nhìn sâu qua cổ áo, thấy được thấp thoáng một phần ngực trắng hồng. Trong gã, nổi lên một dục tâm bất chính. Gã lần la làm quen:

"Đây là lần đầu tiên cô em đi xa một mình?"

Con bé trả lời bằng một giọng khích động:

"Phải. Và điều này làm em rất sung sướng!"

Nói rồi. Con bé luyện thuyên kê về cuộc hành trình của nó. Tuy ngắn ngủi, chỉ có hai ngày. Nhưng đối với nó quả là một cuộc "cách mạng" vĩ đại, vì nó có thể thuyết phục được má nó, chứng tỏ cho má nó biết rằng, nó đã lớn!!

Gã đàn ông gật gù:

"Phải rồi. Thế giới bên ngoài thật đẹp. Đáng lý em phải biết nó sớm hơn nữa..."

Con bé mở tròn đôi mắt nhìn gã, hỏi bằng một giọng ngây thơ:

"Thiệt hả ông? Sớm hơn là bao sớm?"

"Như tui nè. Tui ra đời năm mới có chín tuổi mà đâu có chết chóc chi đâu. Đâu có bị gì..."

Con bé nghe gã nói thế. Nhưng ánh mắt nó bỗng đậu lên vết sẹo chém trên má trái làm cho mặt gã thêm dữ, ánh mắt nửa ngờ vực, nửa tò mò:

"Còn cái sẹo này là ông bị sao vậy?"

Gã đưa tay sờ cái sẹo. Ậm ừ..

"Cái này hả? Thì hồi đó... bị bệnh. Đưa vô nhà thương mổ gấp nên còn lại vết sẹo..."

Hắn nói dối trơn tru như mỡ. Vết sẹo đó, một thời dành gái, đánh nhau với nhóm băng đảng khác nên bị chém. Nhưng, hề gì. Con bé nói gì nó chẳng tin. Lại nữa. Gã đang nghĩ cách làm thế nào để có thể chiếm đoạn con nhỏ trước khi nó đi đến nơi muốn đến. Trông nó

tinh khôi như một viên ngọc quý. Càng tinh khôi lại càng gợi cảm và làm cho gã kích thích hơn nữa. Gã chỉ có một cơ hội duy nhất là ở trạm dừng xe giờ cơm chiều. Gã nhìn con bé thèm thuồng như con quỷ thèm ăn thịt người. Trong đầu óc gã đầy tính toán. Nhưng gã hiểu, dù có ngây thơ cách mấy, nếu không khéo làm cho con bé sợ nó sẽ lánh xa. Bây giờ nó đang vui, là một cơ hội rất tốt để tạo thêm tình thân và lòng tin tưởng ở nó.

Bằng một giọng thân mật, gã gạ gẫm:

"Nè em. Tí nữa tới giờ ăn chiều, xe đồ sẽ ngừng lại ở một thành phố nhỏ. Để tui đãi em một bữa cơm làm quen nhen."

Con bé ngược mắt lên nhìn gã, cảm động:

"Cảm ơn ông. Nhưng má em có gói theo thức ăn nhiều lắm. Lại nữa. Em ăn chay..."

Gã dờ giọng ngang tàng, bắt cháp:

"Thì ăn mặn một bữa có sao đâu. Trời, Phật có phạt mình vì tội ăn mặn đâu mà lo!!"

Con bé tròn tròn mắt. Tưởng như mình không thể tin được đôi tai đang cảm trên cái đầu nhỏ bé của nó khi nghe gã nói những câu như thế. Nó cãi:

"Ý cha! Không được đâu ông à. Em không có ăn mặn được đâu, vì má nói, phải giữ gìn cho thân tâm trong sạch trước khi thọ 'bát quan trai' đó!"

Gã tò mò:

"Thọ bát quan trai là cái gì vậy hả? Sao tui thấy mấy cái đạo, cái nào cũng rắc rối, hà rầm. Luật này, luật nọ... Nhức cái đầu!"

Con bé toét miệng cười rồi giải thích:

"Đức Phật nói một phật tử tại gia cần phải làm lễ thọ bát quan trai một tháng ít nhất một lần. Nếu lên chùa để thọ thì tốt lắm, bằng không làm ở nhà cũng được. Thọ bát quan trai là mình hứa với đức Phật một ngày, một đêm giữ đủ tám giới cấm, và chỉ ăn một bữa trưa mà thôi. Trong lúc thọ giới, thì ráng giữ gìn tâm ý được trong sạch mà nhất là không phạm các giới mình đã hứa..."

Gã nghe con bé nói vậy, tuy chẳng hiểu gì thêm, nhưng cũng âm ừ cho qua:

"Thôi. Nếu vậy, em cho tui đãi em một ly nước được không? Chắc là ly nước thì ông Phật cho chứ gì?"

Con bé cười toét miệng:

"Được chứ! Nước thì được uống thả dãn. Chỉ sợ uống nhiều... bể bụng thôi!!"

Sau câu nói đó. Con bé cười khúc khích. Nó bắt đầu huyền thuyên kể về những gì nó thích và những người thân chung quanh nó. Lối kể chuyện của con bé thiệt là không mạch lạc chút nào. Từ chuyện này, nó nhảy qua chuyện khác cái rụp tựa như nó đang vấp và

chạy theo cái tâm thức thay đổi luôn luôn trong đầu nó. Nó đang nói đến người mẹ, rồi lại nhảy qua con bạn thân đang khổ sở, buồn sầu vì đã không được đi theo nó. Rồi nó lại tưởng tượng tới cảnh chùa và buổi tu tập trong hai ngày sắp tới. Hình như nó nói chuyện mà không cần sự trả lời của gã. Nó nói một thôi, nghe chừng hiểu được gã đang chán phải nghe nó nói, nên quay lại hỏi gã:

"Còn ông. Ông cũng đi chùa hả?"

"Không. Tôi đi có... công chuyện..."

Mà công chuyện gì kia chứ. Gã là một gã lang thang, sống đầu đường xó chợ. Ai mướn gì thì làm nấy. Trong quá khứ gã đã từng liên hệ tới băng đảng và giết người. Gã là một kẻ vô thần, không tin vào bất cứ ai ngoại trừ mình. Mà chính gã, đôi khi gã cũng chẳng tin lấy chính mình, vì nhiều lần toan tính đều bị trật lất. Đôi khi gã trộm nghĩ, cuộc đời ư chơi khăm gã, đi gã miết tới độ gã không thể ngóc đầu lên nổi. Hôm nay, còn lại một ít tiền trong túi, gã định làm một cuộc hành trình qua một thành phố khác coi có gì khá hơn chẳng, tình cờ lại gặp được con bé. Gã nhìn con bé thòm thèm. Lâu lắm rồi gã chưa được làm tình.

Ý nghĩ đó làm cho lòng gã rạo rực. Gã lén thò tay trong túi, sờ thấy được mấy viên thuốc kích thích tình dục nằm cộm cộm mà gã có được do một thằng du côn trả công gã trong lần khuôn vác đồ cho nó tuần trước. Định bụng, tí nữa, trong giờ nghỉ lao ăn chiều, gã sẽ lén bỏ một viên trong ly nước của con bé. Ý nghĩ đó làm cho gã cảm thấy rạo rực và khó chịu ở phần dưới. Gã nhìn lên con bé. Lúc này, nó đang dựa đầu vào thành xe ngủ gà, ngủ gật. Chắc hẳn, sau một lúc nói chuyện liên tu, nó đã hết chuyện để nói và bắt đầu mệt.

Xe lao đi vun vút như nuốt lấy đường dài. Nhưng với gã, sao gã cứ thấy thời gian trôi qua chậm như rùa. Gã xoay trở luôn luôn. Mùi thơm của con bé cứ tỏa ra thoang thoang. Nếu như không có người chung quanh, có thể gã cũng đã làm bậy, xé quần, xé áo con bé ra rồi. Nhưng gã cũng phải cố. Cố gắng kìm giữ cái "con quỷ dâm dục" trong gã.

Cuối cùng rồi xe cũng ngừng lại ở một thành phố nhỏ. Mặt trời đã bắt đầu ngả bóng. Người tài xế nói oang oang, nhắc nhở trong khi mọi người lục tục xuống xe và tản mát vào trong những quán ăn:

"Xin bà con cô bác vui lòng trở lại đây sau 45 phút. Xe sẽ bắt đầu chạy lại đúng một tiếng nữa."

Con bé đứng phắt dậy. Gã cũng đứng lên theo nhắc nhở:

"Nè cô em. Cô em đi theo tui nghe. Ngay dưới kia có cái quán ăn ngon lại rẻ tiền. Họ cũng dễ đãi lắm nghe. Vô trống, tui sẽ nhờ nhà hàng hâm cơm dùm cho cô em và xin đãi cô em ly nước..."

"Được mà. Nước thì em uống được. Nhưng... (ngập ngừng) Hay khỏi cần nhờ vả người ta hâm cơm chi. Em sợ phiền họ đó ông ạ. Mình đã không mua gì của người ta mà lại còn làm phiền người ta nữa!!"

Sợ con bé dối ý. Hấn dễ dãi:

"Được. Cô em tính vậy cũng tốt..."

Gã đi theo sát con bé, như sợ nó bỗng biến mất. Còn con bé vẫn ngây thơ chẳng biết gì. Nó đeo cái túi trên lưng trở lại, theo dòng người xuống xe. Trong tâm nó thấy cái gã đàn ông này thật tốt. Mới có gặp vài tiếng trên xe đã giúp đỡ nó đủ thứ. Cả hai vào một quán vắng. Gã ép con bé vào một chiếc bàn ở góc quán, cố lấy giọng tự nhiên:

"Mình ngồi đây cho phê. Ăn uống xong là ra xe liền kéo trể nghe."

Con bé nhìn quanh. Lòng hơi lo âu:

"Ông ạ. Sao mình vô quán này vắng quá. Em thấy ai cũng vô cái quán gần xe, quán này xa xe quá, ông đưa em vô đây làm chi?"

Gã nói khỏá lấp:

"Chà... Sao cô em không biết gì hết. Quán vắng họ mới làm nhanh được. Cô em vô quán đông sợ kêu đồ ăn, làm chậm, ăn không kịp đó!"

Nghe gã nói như vậy, thấy có lý, con bé khe khẽ kéo ghế ngồi xuống. Đối diện với nó là gã đàn ông khác khổ với khuôn mặt có vết sẹo dài. Trong cảnh tranh tối, tranh sáng của một buổi chiều gần tàn. Trông mặt gã thật đáng sợ, con bé có cảm tưởng như gã đang mạnh nha muốn nuốt trửng lấy mình. Vừa có ý nghĩ đó. Con bé bỗng cảm thấy hối hận tột cùng. Sao lại đi nghĩ xấu cho một người đã từng tốt với mình đến thế? Nó sụp đôi mắt xuống lăm lăm cầu nguyện. Nó sám hối những tư tưởng xấu mà nó vừa dành cho gã.

Người bồi bàn bưng ra hai ly nước lạnh và hỏi họ cần ăn gì. Gã đọc tên một món ăn rẻ tiền nhất. Vừa lúc người bồi quay đi, gã đàn ông đã nhanh như cắt, bỏ một viên thuốc nhỏ mà gã vừa xé ra từ một cái túi giấy. Gã ngoáy ly nước cho thật đều rồi đẩy về trước mặt con bé, trong lúc nó đang cúi xuống cầu nguyện và sám hối:

"Nè. Có nước cho cô em đây!"

Con bé ngược lên. Nhìn gã bằng một đôi mắt thiên thần, đầy sám hối. Nó thông thả lôi ra trong túi của mình một phần cơm trắng trộn với muối mè, nó để ngay ngắn trước mặt với ly nước gã vừa đẩy về phía nó. Chắp hai bàn tay lại nguyện khê:

"Nguyện cho thức ăn và nước uống này biến thành những thức trân vị và thánh thủy dâng lên chư Phật mười phương. Và xin nguyện cho con và toàn thể pháp giới chúng sanh, có được một đời sống tinh thần và vật

chất thông dong, hồi tâm vào đạo và khi mãn báo thân này được vãng sanh vào cõi tịnh độ của Ngài."

Đôi mắt con bé khép hờ. Khuôn mặt trong sáng thánh thiện của nó cùng câu nguyện trước khi ăn làm cho gã cảm thấy mình như vừa bị ai xáng cho một cú trúng đầu tới tột tâm mặt mũi. Trong một vùng tâm thức sâu thẳm nhất, gã nhìn thấy được khuôn mặt đứa con gái của gã, cũng khoảng bằng tuổi con bé ngồi trước mặt. Nhưng đó là một khuôn mặt tím bầm đầy những khổ đau của độc dược mà nó đã dùng để tự tử khi biết được trong bụng mình đang cưu mang một bào thai không có người thừa nhận. Đứa con gái gã chết tức tưởi ngay sau đó vài giờ.

Gã bỗng kêu rú lên khi nhìn con bé từ từ nâng ly nước lên môi, cùng lúc, như một phản xạ tự nhiên, tay gã vung lên, gạt mạnh vào ly nước, chiếc ly tuột khỏi tay con bé rớt xuống nền nhà vỡ tan. Gã nhìn thấy đôi mắt ngạc nhiên của con bé:

"Ồ... Ly nước đã đổ... (Ngước nhìn gã như nói một lời an ủi). Nhưng không sao ông ạ. Chắc chắc ông đã được ban phước lành vì em đã chú nguyện trong ấy rồi..."

Nhưng dường như gã không còn nghe con bé nói gì nữa. Gã lao đảo đứng lên, chân tay thừa thãi, lóng cồng làm đổ nốt ly nước của mình trên bàn, lấp bấp:

"Tôi... tôi... tôi xin... lỗi em. Có lẽ... không cần nữa..."

Nói rồi, gã đi thẳng một mạch ra cửa. Để lại con bé ngồi ngơ ngẩn, chẳng hiểu có chuyện gì mà gã phải đi gấp tới thế?

Khoảng một tiếng sau. Chiếc xe bus lại bắt đầu chuyển bánh. Nếu có người để ý kỹ sẽ thấy trên xe còn một ghế bỏ trống bên cạnh chiếc ghế con bé đang ngồi...



THẢO AM

Linh Linh Ngọc



Vừa từ ngoài đại lộ rẽ vào đường nhỏ, cảnh vật đã hoàn toàn đổi khác. Đang là những cao ốc, công viên, hàng quán sầm uất, bỗng chỉ còn những ngôi nhà cũ, thấp, với hàng rào gỗ có vườn rau, chuồng ngựa... Con đường nhỏ chỉ có hai lối, một đi lên và một đi xuống. Michael vừa lái chậm, vừa nhìn lại mảnh giấy chỉ dẫn. Cứ theo đường mòn này, giữ bên phải, qua một cầu gỗ bắc ngang giòng suối cạn sẽ tới ngã ba, nơi có tường đá thấp. Ở đó, trên một cành cây sao, có bảng chỉ dẫn vào Deer Park với mũi tên rẽ trái.

Michael mỉm cười sáng khoái. Vậy là ông đã tới điểm hẹn rất sớm, như ý muốn. Ông sẽ thu được vào ống kính cảnh núi rừng hùng vĩ, tĩnh lặng của bình minh vừa rạng trước khi bạn ông và những người Việt-Nam hành hương lên chùa vào ngày đầu năm của họ. Bạn ông cho biết, người Việt Nam thường đi chùa rất đông vào những ngày đầu năm mới, trước là lễ Phật, sau là cầu xin những sự an lành cho gia đình, cho nhân loại.

Vừa rẽ trái ở ngã ba hướng vào Deer Park, cảnh vật lại thu nhỏ hơn, một bên là vách đá hùng vĩ, một bên là rừng cây nhìn xuống sườn núi thăm thẳm. Michael xuống xe, lấy máy hình ra thu vài góc cạnh của vách đá chênh vênh, lấp lánh ánh mặt trời vừa nhô trên đỉnh núi sương mù. Đi thêm một đoạn, con đường mở rộng hơn với khu rừng sồi già cổ, thân sần sùi, tàn và lá rậm rạp, đan vào nhau, che khuất những áng mây lửng lơ trên bầu trời bao la sương sớm. Lại xuống xe, và

ống kính đưa lên. Rừng đẹp quá, mênh mông, xanh mướt. Núi đẹp quá, ngạo nghễ vươn lên đùa ánh mặt trời. Những tảng đá lớn, thiên nhiên sắp đặt tự bao giờ, chồng lên nhau thành bao nhiêu hang động rải rác khắp những con đường dốc, khắp những khu rừng sồi, rừng tùng, rừng bách... Cảnh đẹp thiên nhiên lôi cuốn ống kính, như sức hút của nam châm. Và Michael cứ thế, say sưa bấm máy. Ông đang leo dốc, đi sâu vào núi đá.

Ông đã bỏ xa chiếc xe đậu ở rừng sồi.

Sương, như tấm màn thủy tinh trong suốt, phủ nhẹ lên từng chồi cây, từng lá cỏ, tuy mờ mờ mà ta vẫn cảm thấy được bởi làn hơi mát tinh khôi tỏa khắp núi đồi.

Những khối đá lớn, tảng thì bằng phẳng, nằm một mình, an nhiên tự tại, tảng thì dựa vào nhau trong thế nương tựa. Rải rác khắp nơi, không đâu đá núi thiên nhiên không tạo thành những hình ảnh mang đầy nghĩa nhân sinh. Có phải thật thế, hay lòng ông đang hòa cùng sự mầu nhiệm của Đạo Phật mà ông đã được biết đến ít nhiều, qua người bạn gái Việt-Nam?

Ống kính trên tay Michael di động chậm chậm qua từng vách đá, từng dốc mòn hoang vu dẫn lên đỉnh núi.

- Tuyệt vời!

Michael thốt kêu lên.

Giữa rừng già, trên phiến đá bằng phẳng, một ni-sư đang tĩnh lặng, tọa thiền. Ni-sư nhắm mắt, hai tay chấp thành búp sen trước ngực, hai chân xếp bằng, sống

lưng thật thẳng. Những tia nắng đầu tiên của ngày, xuyên qua cành lá, lung linh trên vạt áo nâu, óng ả như những giải bạc. Không một tiếng chim hót, không một tiếng lá rơi, không một tiếng gió thoảng... Hình như cả không gian, cả vạn vật đang cùng với ni-sư nhập làm một.

Hết sức nhẹ nhàng, hết sức cẩn trọng, Michael ngồi xuống sau lùm cây rậm, mắt không rời cái hình ảnh tuyệt vời mà một đời ôm máy đi khắp đó đây, ông chưa từng thấu vào ống kính được. Đúng thế, máy chỉ thấu được cảnh, làm sao thấu được linh hồn của cảnh. Giây phút này, cái linh hồn của cảnh mà Michael cảm thấy được, đang khiến ông rung động toàn thân. Ông chưa thấy ai ngồi thiền đẹp như thế, an nhiên như thế, tĩnh lặng như thế. Phải từ TÂM trong suốt lưu ly mới thể hiện được THÂN thanh tịnh nhường này...

Bỗng, bức tranh tĩnh mịch bị giao động. Có tiếng lá khô xào xạc như bước chân nào đang tới. Michael chưa kịp có phản ứng gì thì từ bìa rừng, một mãnh hổ xuất hiện. Nó đang đi tới hướng ni-sư ngồi thiền. Michael dợm đứng lên, nhưng ni-sư chợt nói nhỏ:

- Đừng động!

Ni-sư đã mở mắt, nhưng vẫn còn ngồi yên trong thế tọa thiền. Mãnh hổ vẫn đi về hướng ni-sư. Khoảng cách ngắn dần, ngắn dần...

Michael lại dợm đứng lên, dù chưa biết sẽ phải làm gì. Và ni-sư lại nói nhỏ, nhưng cương quyết:

- Đừng!

Hai mươi thước... Mười lăm thước... Ni-sư vẫn ngồi yên.

Mười thước...

Nếu mãnh hổ chồm lên?!...

Toàn thân Michael tê cứng như đá, hai con ngươi mở căng, bất động.

Mãnh hổ bỗng đi chậm lại. Trong đầu Michael chỉ còn lúng búng ý nghĩ, sao hôm nay không mang theo khẩu súng nhỏ, như vẫn mang theo những lần đi chụp hình ở những nơi hoang dã?

Nhưng kìa, sao mãnh hổ dừng lại? Bây giờ, nó đang đứng đối diện với ni-sư.

Chỉ một cái nháy phóng, chồm lên thôi!

Nhưng nó vẫn đứng, bốn mắt nhìn nhau. Hai con

mắt thú hoang ngây ngô nhìn vào đôi mắt thanh thản, dịu dàng của người tu hành. Có lẽ trong đời, nó chưa gặp người nào khi thấy nó mà không, hoặc săn đuổi, hoặc chạy trốn. Nó dừng lại để lượng định tình hình chăng? Và nó thấy gì? Nó thấy người đối diện vẫn an nhiên tự tại. Người đối diện không săn đuổi nó, cũng không chạy trốn. Ánh mắt người đối diện nhìn nó không chút oán thù, không chút khinh khi và không cả chút nào sợ sệt. Người không hại nó, nó chẳng hại người. Đất trời mênh mông, núi rừng trùng điệp, cây trái bạt ngàn, can chi phải hệ lụy nhau!

Phút giây trầm lặng dài tựa thiên thu...

Mãnh hổ nhúc nhích hai chân trước, rồi nhúc nhích hai chân sau. Hai con mắt nó lại nhìn thẳng vào đôi mắt người tu hành. Giây phút đó, hình như đôi mắt ni-sư mỉm cười với nó. Nó thông thả quay lưng. Rồi rất chậm, rất chậm, nó đi trở lại bìa rừng. Thoáng chốc, mãnh hổ đã biến mất sau vách núi.

Michael đứng phắt dậy, lao về phía ni-sư. Ông gào lên:

- Trời ơi ! Thật là kinh khủng! Thật là kinh khủng! Bà đang nhắm mắt ngồi thiền, bà nhìn thấy tôi hồi nào mà ra lệnh 'Đừng động, đừng tới'?. Bà không cho tôi tới, bà cũng không chạy, thế bà ngồi chờ chết à? Hay là bà không thấy con mãnh hổ? Không phải, Bà đã thấy tôi thì phải thấy mãnh hổ chứ! Bà có biết nó đã đứng gần bà tới cỡ nào không ? Trời ơi, sao bà lại mỉm cười như không có chuyện gì xảy ra cả vậy? À, chắc bà không biết tiếng Anh, bà không hiểu tôi đang nói gì. Rắc rối quá! Tiếng Việt thì tôi lại chỉ biết có dăm câu: Chào bà, chào ông, chào anh, chào chị.

- Thí chủ biết thế là tốt quá rồi. Với người Việt-Nam thì chỉ cần một câu chào cũng có thể trở thành tri-kỷ.

- Trời ơi, bà biết nói tiếng Anh và lại còn nói hay quá nữa!

- Cám ơn thí chủ.

Ni-sư vừa nói, vừa đi chậm về phía một cây đại thụ gần đó. Michael hấp tấp:

- Thưa bà... Thưa bà...

Ni-sư dừng lại trước một cái am nhỏ, mái và vách đều kết bằng cỏ tranh. Michael lại buột miệng kêu lên:

- Trời, bà sống trong cái am cỏ đơn sơ lạnh lẽo này ư?

Ni-sur mỉm cười:

- Thừa không, tôi dựng am này để ngồi thiền những khi trời mưa hay nhiều gió. Còn buổi sáng đẹp như sáng nay thì tôi tọa thiền trên phiến đá, như thí chủ đã thấy đó.

Michael mở lớn mắt, há hốc miệng mà nhìn ni-sur. Rõ ràng là cái cảnh suýt bị mảnh hổ tấn công sáng nay chẳng ảnh hưởng gì tới ni-sur. Con mảnh hổ tiến đến gần bà cũng như con chim, con sóc mà thôi. Tại sao thế ? Tại sao bà có thể vượt qua cái cảm giác sợ hãi của bất cứ một con người bình thường nào? Hay bà không phải là người mà là Phật?



Người bạn gái Việt-Nam đã đôi lần kể chuyện về khả năng huyền nhiệm của Đức Phật Thích Ca. Chẳng hạn như khi Ngài đang giảng Kinh Pháp Hoa trên đỉnh núi Linh-Thứu thì Bảo Tháp của Phật Đa

Bảo hiện ra trên không trung. Tất cả tăng chúng đều ước ao được chiêm ngưỡng Phật thân của Phật Đa Bảo đang ngồi trong tháp. Muốn mở cửa tháp, phải có sự chứng kiến tất cả hóa thân của vị Phật đang thuyết pháp nên hôm đó Đức Phật Thích Ca đã dùng thần lực vô lượng vô biên mà gọi vô số vô lượng hóa thân của Ngài đang giảng pháp khắp tam thiên đại thiên thế giới về hội tụ.

Người bạn gái kể bằng cả sự thành kính, nên tuy không tin mà Michael cũng chẳng dám phản đối. Ông chỉ nghe, rồi phát biểu bằng những câu lung chừng “Thế à, hay quá nhỉ”.

Bây giờ đây, chính ông vừa chứng kiến một sự thật khó tin, một sức mạnh tinh thần vô biên, tiềm ẩn trong một hình hài mong manh nhỏ bé. Ông bỗng hoang mang và lòng lại dấy lên ý nghĩ, bà là người hay Phật?

- Thí chủ có lên viếng chùa thì xin mời.

Michael giật mình, như vừa choàng cơn mộng ảo. Ông hấp tấp trả lời, như sợ ni-sur sẽ biến mất:

- Vâng... Vâng... Tôi muốn lên thăm chùa. Tôi cũng muốn... Thừa ni-sur, tôi cũng muốn được thưa chuyện với ni-sur ít phút. Tôi muốn... được ni-sur cho nghe đôi chút về Đạo Phật.

- Quý hóa quá. Sáng nay còn sớm, tôi cũng được thông thả. Mời thí chủ theo tôi lên Thiên-đường lễ Phật rồi xuống phòng đọc sách, tôi sẽ pha sẵn trà và hân hạnh hầu chuyện thí chủ.

Trà được rót ra tách sứ, thơm ngát hương sen.

Nâng tách trà lên, Michael cảm thấy lòng rung động, bồi hồi khôn tả. Ông không thể ngờ rằng, mới đây thôi, ông vừa trải qua những giây phút cực kỳ kinh động ngoài rừng, tưởng như không tránh nổi cảnh thịt nát xương tan, mà phút này ông lại đang ngồi bình yên trong căn phòng đầy kinh sách Phật với tách trà bốc khói ngạt ngào.

- Thí chủ mới lên chùa lần đầu?

- Vâng, thưa ni-sur. Tôi tên là Michael, Michael Chandler. Tôi là nhiếp ảnh gia của tạp chí National Geographic. Tôi được một người bạn Việt-Nam cho biết trên này mới có ngôi chùa đẹp lắm nên tôi lên thăm, hy vọng sẽ giới thiệu chùa trong tạp chí số tới, qua những tấm hình độc đáo. Nhưng sáng nay...

- Thí chủ vẫn còn bị xúc động vì cảnh tượng sáng nay?

- Vâng, thưa ni-sư, tôi nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ quên được cảnh tượng sáng nay. Tôi cũng sẽ không bao giờ còn chụp được một tấm ảnh nào xứng đáng nữa, bởi vì hình ảnh toàn bích nhất mà suốt thời gian phục vụ nghệ thuật mới nhìn thấy, thì tôi lại không chụp được. Đó là hình ảnh ni-sư ngồi thiền trên tảng đá, giữa rừng, trong bình minh vừa rạng. Thật ra, mạn phép ni-sư, tôi đã chụp, nhưng chỉ là chụp được cảnh mà thôi. Còn linh hồn và không khí tỏa ra từ sự thanh khiết và tĩnh lặng của ni-sư mới là tuyệt tác, thì tôi không đủ khả năng thấu vào.

Ni-sư khoan thai nâng tách trà lên. Tay phải cầm quai tách, lòng tay trái mở ra đỡ nhẹ đáy tách. Rất từ tốn, ni-sư nhấp một ngụm trà rồi nhẹ nhàng đặt tách xuống. Hai tay chắp vào nhau, ni-sư nói:

- Hân hạnh được thí chủ đến thăm chùa. National Geographic là một tạp chí nổi tiếng lâu năm. Mỗi tấm hình trong đó là một nghệ thuật, mỗi bài viết trong đó là một tác phẩm. Trước đây tôi đã từng được xem qua. Sáng nay, trong khi tọa thiền, tuy nhắm mắt nhưng nghe tiếng bấm máy, tôi biết là có người đang chụp hình. Tiếng mảnh hổ dẫm trên lá khô, tôi cũng biết, nên khi thí chủ định có hành động, tôi phải lên tiếng ngăn, bởi thí chủ đứng lên lúc đó thì sẽ rất nguy hiểm.

- Còn ni-sư? Ni-sư ngồi yên đó chịu trận thì có nguy hiểm không?

- Cũng có thể nguy hiểm.

Michael không thể không hỏi cái câu hỏi đang đầy ứ trong lòng:

- Ni-sư không sợ ư?

Ni-sư điềm đạm:

- Thưa không.

- Sao lại không, thưa ni-sư? Sao lại có thể không sợ hãi khi nhìn thấy nguy hiểm trước mắt, nhất là sự nguy hiểm này chỉ trong tích tắc sẽ cực kỳ đau đớn, cực kỳ thâm?

Ni-sư mỉm cười:

- Thí chủ lên đây uống trà vì nôn nóng muốn biết sao sáng nay tôi không sợ hãi, chứ chưa hẳn là muốn nghe Đạo pháp, có phải không? Thắng được sự sợ hãi

cũng do từ hiểu Đạo pháp mà ra. Đạo pháp, không thể chỉ một buổi trà đàm ngắn ngủi là có thể thấu hiểu hết được. Nhưng tạ lòng thí chủ, tôi sẽ trình bày đơn giản đôi chút, trong đề tài này.

Ni-sư rót thêm trà cho khách và cho mình rồi chậm rãi nói:

- Tại sao chúng sinh sợ hãi? Bởi chúng sinh sợ mất. Chúng sinh sợ mất những gì? Chúng sinh sợ mất nhiều thứ lắm. Sợ mất tiền của, mất tình nghĩa, mất danh vọng, mất sức khỏe, mất mạng sống, v.v... Nhưng trước khi con người hiện hữu thì tiền của, tình nghĩa, danh vọng, mạng sống đó ở đâu?

Từ đâu đến? Nó không có và chẳng từ đâu đến. Ngay cả thân mạng ta, trước khi hiện hữu thì ta là gì? từ đâu? Ta chẳng là gì và chẳng từ đâu. Chỉ bởi do nhiều duyên hợp, ta đã hiện hữu. Như chiếc lá ngoài khung cửa kia, thí chủ thấy không? Chiếc lá đó là gì, từ đâu, trước khi cái hạt mầm được gieo xuống đất, đâm chồi, nảy lộc thành cây, rồi cây trở lá? Cái hạt mầm gieo xuống đất đó cũng còn phải tùy thuộc vào nắng, vào gió, vào mưa mới có thể phát triển thành hoa lá. Nếu ta tách rời những yếu tố hạt mầm, mặt trời, mặt trăng, mưa, gió, đất, cát... thì không bao giờ có chiếc lá. Cho nên, chiếc lá tuy hiện hữu nhưng bản chất của nó là không thật. Nó hiện hữu chỉ bởi do đủ duyên hợp mà thành, cũng như, nó rơi rụng ủa vàng bởi hết duyên mà tan...

Michael buột miệng nói:

- Như vậy, bản chất thật của chiếc lá là không sanh không diệt?

- Đúng, bản chất chiếc lá là không sanh không diệt,



không đến không đi. Nhìn chiếc lá tươi non trong tiết trời đầu năm, ta tưởng như chiếc lá vừa trở ở mùa xuân nắng đẹp, nhưng thật ra chiếc lá đã có mặt trong đất, trong nắng, trong mưa, trong gió, trong nước, trong lửa... từ lâu, có thể rất lâu, từ vô lượng kiếp không chừng! Rồi mùa thu, khi chiếc lá rụng xuống, ta tưởng như chiếc lá vừa chết ở mùa thu, nhưng thật ra, khi duyên hợp giữa đất, cát, nắng, mưa, gió, nước, lửa... không hội đủ, thì chiếc lá đã không còn hiện hữu từ lâu, có thể từ rất lâu, từ vô lượng kiếp không chừng! Cũng vậy, khi quán chiếu tự thân để nhìn kỹ vào lý DUYÊN SINH VÔ NGÃ thì sự hiện hữu của con người cũng như sự hiện hữu của chiếc lá. Con người chỉ hiện hữu do đủ duyên hợp mà chưa từng sanh diệt, chưa từng đến hay đi.

Michael bàng hoàng:

- Thưa ni-sư, vậy ra, bản chất của con người cũng không thật?

- Thí chủ có chấp nhận được điều đó không?

Michael nâng tách trà lên, ngắm nghía. Trong lòng ông như có một điều gì vừa vỡ oà ra. Chiếc tách này, trước khi đến tay ông, nó là gì ?. Ô, nó là KHÔNG. Nó chẳng thể

là gì nếu không có đất, có men, có nước, có lửa, có người thợ gốm... Duyên hợp phải đủ nó mới thành cái tách, nhưng bỏ rời từng thứ ra, không phải chỉ nó là không, mà đất, men, nước, lửa, người thợ gốm cũng là không. Cái nọ ở trong cái kia, cái nọ vì cái kia mà có. Ta là vạn hữu, vạn hữu là ta, ta với vạn hữu là một. Đã là một, là mang cùng bản chất. Vạn hữu luôn luôn thay đổi, biến diệt nên bản chất của vạn hữu là vô thường vô ngã. Khi đã quán chiếu sâu sắc để thấy ta với vạn hữu là một, ta với vạn hữu mang cùng bản chất, thì đúng là bản chất ta cũng vô thường vô ngã. Khổ đau bắt nguồn từ việc ta nhìn lầm cái vô thường là thường, cái vô ngã là ngã! Quả đúng như thế.



Chỉ một thoáng nhìn, ni-sư biết rằng người khách đã hiểu điều căn bản, nên nói tiếp:

- Ta đã không thật thì sao lại dựa trên CÁI KHÔNG để sợ mất CÁI TA TƯỚNG LÀ CÓ? Ta đã không thật thì tiền bạc, danh vọng, thân mạng mà ta nghĩ rằng của ta, thuộc về ta, những cái đó có còn thật không?

Micheal ngơ ngẩn:

- Dạ... không thật. Nhưng thưa ni-sư, nếu vạn vật đều không thật, chỉ do duyên hợp, nương nhau mà thành, thì cảm xúc từ đâu khởi lên? Tại sao con người còn cảm thấy vui, buồn, thương, ghét, oán, hờn... dựa trên những cái không thật?

- Bởi con người chưa nhận ra được cái TÁNH KHÔNG của vạn hữu nên thường để cho vọng tưởng dẫn dắt vào chốn mê lầm. Từ mê lầm, mọi sự việc, mọi cảm nghĩ đều chạy qua lăng kính phân biệt của vọng tưởng mà tạo nghiệp. Đó chính là con đường xoay ta quay mãi trong vòng luân hồi. Đức Thế Tôn cũng biết rõ rằng, vì chúng sinh đã huân tập lâu đời, dựa vào vọng tưởng, ngỡ bóng là hình, chìm đắm trong vô minh nên mỗi người đều có Phật tánh trong tâm mà không biết. Phật tánh là gì? Phật tánh là cái TÂM CHÂN THẬT

hay gọi nôm na là cái Thấy Biết Thường Hằng. Tánh thể nguyên thủy của Tâm Chân Thật vốn bất sanh bất diệt, vốn không từng nhiễm ô vọng động. Tâm Chân Thật thường hằng ở trong ta để nhận sự vật qua mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, thân xúc chạm, ý cảm nhận, mà không phân biệt đẹp xấu, thương ghét gì. Còn vọng tưởng mà ta ngỡ là tâm thì, vì qua lăng kính phân biệt nên dẫn dắt ta, cho cái này là đẹp nên thương, cái kia xấu nên ghét.

Trên bàn có một bình hoa. Ni-sư cầm một nhánh, đưa lên, rồi nói tiếp:

- Tâm Chân Thật khi nhìn cái hoa thì chỉ ghi nhận đó là cái hoa. Còn vọng tưởng, khi nhìn cái hoa, lập

tức sẽ qua lăng kính phân biệt rằng hoa này tươi, hoa kia héo. Từ chỗ phân biệt tươi héo mà ta sanh tâm chấp ngã, hoa tươi thì muốn có, hoa héo muốn quăng đi. Phàm, cái gì muốn mà không được thì sẽ khổ, dù có được rồi mà thấp thòm sợ mất, cũng khó yên vui. Trong khi đó, cái Tâm Chân Thật, khi nhìn hoa chỉ ghi nhận là hoa, không thương không ghét, không mong có, cũng chẳng cầu buông, nên tâm vẫn an nhiên thanh tịnh.

Michael đổi thế ngồi. Ý nghĩ ông cũng đang luân chuyển. Ni-sư vừa chỉ thí dụ bằng cái hoa thôi, còn thực tế ngoài đời thì sao? Đứng trước danh vọng, quyền lực, bạc tiền và nhiều nhiều thứ nữa, nếu ta nhìn bằng Tâm Chân Thật, ta sẽ dừng dừng. Ngược lại, nếu ta để vọng tưởng, mà ta ngỡ là tâm, dẫn dắt thì quả thật ta sẽ chìm vào cơn lốc xoáy và muôn vàn nghiệp dĩ sẽ tạo ra.

Michael đã hiểu được phần nào cảnh tượng sáng nay. Nhưng vẫn còn điều gì chưa ổn. Ông phải hỏi rõ hơn.

- Thừa ni-sư, vậy là sáng nay ni-sư đã nhìn mãnh hổ bằng Tâm Chân Thật, chỉ ghi nhận đó là mãnh hổ mà không qua lăng kính phân biệt là nó ác hay hiền nên ni-sư đã không sợ hãi?

- Đúng thế.

- Thừa ni-sư, tôi e rằng ở trường hợp này, cái nhìn của Tâm Chân Thật có hơi ... cực đoan bởi vì bản tánh của mãnh hổ vốn ác. Nếu gặp nó mà không có khí giới thì ta phải chạy chứ. Chạy còn có hy vọng thoát chứ không chạy là cũng như... tự sát. Không hiểu sao sáng nay nó lại bỏ đi... Tôi thật tình không hiểu.

- Thí chủ đừng nghĩ là tôi đã dùng phép màu nhiệm gì cảm hóa nó. Tôi không sợ hãi chỉ vì tôi đã nhìn thẳng vào bản chất nó. Nó vốn không thật. Cũng như bản chất tôi không thật. Một cái không thật sao lại còn mang được lòng sợ hãi đối với một cái không thật khác?

Michael cảm thấy không dùng được để không nói:

- Thế nếu nó, thay vì quay đi, mà lại chồm lên ni-sư thì sao?

Ni-sư lại rót thêm trà vào tách cho khách, rồi mỉm cười tiếp lời:

- Thì sự hiện hữu của tôi dưới dạng xác thân này đã hết. Một, trong muôn trùng sự chuyển hóa trên từng sát na ở thế gian này mà thôi. Như chiếc lá rơi xuống, như hơi sương đọng thành mưa, không có gì đáng sợ cả. Thí chủ biết không, trong cùng một trại tù, cùng chịu chung một chính sách mà người này thanh thản, người kia lại vật vã đón đau. Ta thường kết luận rằng người này can đảm, người kia yếu đuối. Thật ra là người này mang Tâm Chân Thật nên không sợ hãi, còn người kia để vọng tưởng lôi kéo nên sợ hết mọi sự mà trở nên bấn loạn.

Ngụm trà trôi qua cổ, bát ngát hương sen khắp lục phủ ngũ tạng. Michael cảm thấy rõ như thế.

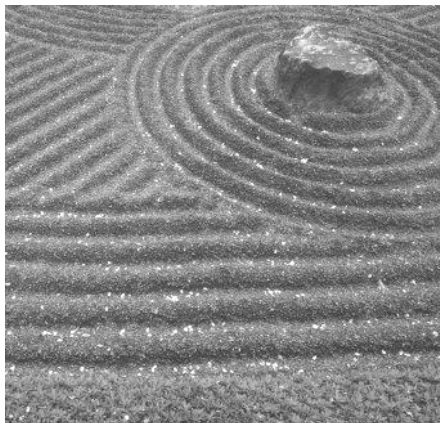
Một cảnh huống bất ngờ. Dăm phút trà đàm. Có thể thôi, mà sao ông tưởng như vừa sống qua nhiều kiếp. Những gì từng bám rễ trong tâm thức như vừa bị bật gốc.

Khi giã từ ni-sư, quay trở lại xe, Michael đã xuống núi, về lại thành phố. Ông quên bẵng đã hẹn gặp người bạn gái ở trên chùa. Trong lòng ông chỉ còn hình ảnh cái am cô dưới gốc đại thụ. Hai hình ảnh thật tương phản. Thảo am chẳng nhờ đại thụ mà lớn hơn, cũng như đại thụ, chẳng vì thảo am mà nhỏ lại. Nhưng thảo am bé nhỏ vẫn đứng đó, đại thụ dũng mãnh vẫn vươn cao. Vạn vật bao la hiện hữu trong an nhiên tự tại. Còn Con Người, bao giờ con người đều mang Tâm Chân Thật để thanh thản với nhau?



NHÂN QUẢ

An Nghiêm - Hiền Vy



Bác sĩ Dick Mills đọc đi đọc lại bản tường trình từ phòng thử nghiệm gửi đến về sự phức tạp của chứng bệnh Hemophilia mà bé Jennifer Garrison đang mắc phải. Từ lúc sinh ra, Jennifer đã phải nằm luôn trong bệnh viện. Đang nằm với mẹ ở Woman Hospital, Bé được chuyển sang Children Hospital sau khi bác sĩ ở đây không tìm ra được nguyên nhân căn bệnh bé đang mang.

Nhớ lại khuôn mặt của vợ chồng Larry và Laura Garrison, bác sĩ Mills chợt lắc đầu, không biết ngày mai, khi gặp lại họ, ông sẽ phải bắt đầu như thế nào cho ổn!

Dưới ánh sáng những ngọn đèn neon, trong căn phòng họp đóng kín cửa của bệnh viện, khuôn mặt của Laura, vốn đã xanh xao, lại càng xanh thêm. Mặc dù mới sinh con chưa được hai tháng, cô không có sự tươi mát của một bà mẹ trẻ, "gái một con trông mòn con mắt." Hai mắt cô sâu thẳm, lúc nào cũng như đang suy tư, lo nghĩ.

Bác sĩ Mills cảm thấy ái ngại khi bất chợt nhìn thấy đôi mắt buồn vời vời của cô. Ông quay sang phía người chồng; Larry có khuôn mặt sáng sủa, đẹp trai. Dù mệt mỏi, đôi mắt của anh vẫn còn sự trong sáng,

cương nghị. Bác sĩ Mills mỉm cười dịu dàng với họ. Ông biết là mình phải bắt đầu buổi nói chuyện càng sớm càng tốt. Ông không đoán được phản ứng của họ ra sao, nhưng ông biết là nếu ông kéo dài sự chờ đợi của họ thì sẽ làm cho hai người trẻ này thêm lo lắng. Nhưng liệu khi nghe xong những gì ông sắp nói, thì không biết có quá tàn nhẫn với họ không. Theo bản tường trình thì căn bệnh này là do sự kết hợp của một dòng máu mà sinh ra. Nghĩa là bố mẹ của hai nhi phải là anh em ruột.

Suốt một đêm, ông đã thao thức, không ngủ được. Vài năm gần đây, ông có đi dự những khóa tập thiền do một vị thiền sư người Việt hướng dẫn. Qua những khóa tu tập này, ông bắt đầu nghiên cứu về đạo Phật, một tôn giáo mà chỉ trước đó vài năm, không bao giờ ông nghĩ đến.

Nhờ những phương pháp học được, ông đã tự giúp mình thư giãn một cách dễ dàng khi gặp chuyện khó xử, thế mà cả đêm qua, ông đã thất bại trong việc này. Ông đã phải rời phòng ngủ, vào thư phòng, tìm đọc thêm về chứng bệnh hiểm hoai này. Nhưng cuối cùng, ông bắt gặp mình đọc những câu chuyện về nhân quả của đạo Phật.

Bác sĩ Mills chưa dứt lời, Laura đã thẳng thốt kêu lên:

"Dạ không! Làm gì có chuyện đó, thưa bác sĩ. Chúng tôi không phải là anh em ruột đầu. Chúng tôi chỉ mới gặp nhau lúc cả hai đang học ở đại học Yale, cách đây ba năm thôi. Larry từ Los Angeles đến, còn tôi từ Dallas."

Larry ôm vai vợ, từ tốn:

"Dạ chắc cái kết quả thử nghiệm này không phải của chúng tôi đâu bác sĩ. Hoặc là phòng thử nghiệm làm sai, hoặc là của bệnh nhân khác. Chúng tôi chưa hề biết nhau, chưa hề gặp nhau, cho đến ba năm trước đây, thì làm sao lại có chuyện chúng tôi là anh em được."

Nuốt nước miếng một cách khó nhọc, Larry tiếp:

"Và lại, tôi là con một. Bố mẹ tôi chỉ có mình tôi thôi."

Bác sĩ Mills nhìn hai người, giọng chùng xuống:

"Thực tình mà nói, tôi cũng nghi ngờ sự chính xác của việc thử nghiệm, nên đã kiểm chứng lại với phòng thí nghiệm trước khi gặp anh chị. Tuy nhiên, kết quả vẫn như thế."

Lắc đầu một cách thất vọng, ông tiếp:

"Dĩ nhiên là khoa học không phải đúng trăm phần trăm, nhưng trường hợp này rất đáng tin. Ý tôi chỉ mong anh chị nên giúp cháu bằng cách, giúp tôi kiểm chứng lại phía anh chị. Nếu quả như vậy, chúng tôi sẽ hướng phân chữa trị cháu cho thích hợp, may ra mình có thể cứu cháu. Bằng không thì ít ra cũng ngừa được việc đáng tiếc xảy ra thêm lần nữa. Anh chị cũng nên suy nghĩ, tìm hiểu thêm. Tôi thành thật mong là tôi lầm."

Bà Liz cúi đầu xuống bên tách trà đã nguội. Bà bối rối trước mặt chồng con. Có nên nói thật chuyện lòng ra không? Câu chuyện mà bà đã giấu kín hơn hai mươi lăm năm nay.

Tại sao lại có chuyện trớ trêu này? Tại sao lại có chuyện lạ lùng như vậy được? Chẳng lẽ chồng bà lại là người đã....

Bà như chìm vào quá khứ, của một đêm theo bạn đi dự buổi dạ tiệc của ngày ra trường trung học năm nào...

Năm ấy, Liz vừa mười bảy tuổi. Suốt những năm đi học, cô chưa bao giờ có bạn trai như các bạn cùng lớp. Liz học rất giỏi. Với số điểm ra trường thật cao, cô đã thuyết phục được cha mẹ cho cô tham dự buổi dạ tiệc suốt đêm của trường tổ chức. Đêm đó, cô được mẹ trang điểm thật xinh, cô còn nhớ mẹ cô đã đưa cô vào một tiệm bán áo dạ hội, nơi đây, mẹ đã mua cho cô chiếc áo cô thích nhất.

Nhìn vẻ mặt hạnh diện của mẹ khi thấy cô xinh

xắn trong chiếc áo màu beige ôm bó người, Liz tự biết mình xinh đẹp. Mà cô không những đẹp lại còn nét na nua. Cô ít khi làm cha mẹ buồn lòng. Dù được cha mẹ thương, cưng chiều, Liz không vì thế mà ham chơi, lêu lổng, trái lại cô chăm chỉ học hành. Cô còn tình nguyện làm việc cho một nhà thương hai lần một tuần để giúp những em bé bị tật nguyền, mà cha mẹ của các em, hoặc là bận làm việc, hoặc là không màng ngó ngang tới các em.

Tối hôm đó, mẹ cô đã đưa cô và hai cô bạn thân của cô đến khách sạn Hilton để dự party. Mẹ hẹn sẽ trở lại đón khoảng quá nửa đêm, khi dạ vũ gần tàn.

Liz cùng hai cô bạn vui vẻ bước vào phòng tiệc. Trong phòng chật ních những người, ba cô len lỏi vào giữa đám đông. Liz gặp những khuôn mặt quen thuộc từ trường, các bạn xúm lại chuyện trò. Các cô thoải mái cười đùa, khiêu vũ. Vài ba đứa con trai cùng trường cũng nhập bọn.

Sau một bài khiêu vũ, Liz trở lại bàn, uống nốt ly nước ngọt dở dang. Rồi từ đó cô không còn nhớ gì nữa cho đến lúc tỉnh dậy thì thấy mình đang nằm trong bệnh viện.

Theo lời mẹ kể lại thì lúc bà đến đón con gái, bà đã không thấy Liz đâu cả. Hai cô bạn Liz cho biết là họ cũng không tìm được Liz. Sau đó mọi người ra công đi tìm, và cuối cùng họ thấy Liz nằm bất tỉnh ngoài vườn sau của khách sạn.

Bác sĩ ở bệnh viện cho biết là Liz đã bị cưỡng hiếp sau khi bị cho uống một loại thuốc kích thích thật mạnh.

Sau đêm đó, Liz đã có thai với một người mà Liz không hề biết mặt. Bố mẹ Liz đề nghị giải pháp phá thai, nhưng Liz từ chối. Nàng yêu cầu bố mẹ cho nàng được sinh đứa bé và sẽ giao cho viện mồ côi, rồi sẽ trở lại trường để bắt đầu những năm đại học.

Năm thứ ba đại học, Liz gặp Lawrence. Hai người thương nhau, và cưới nhau sau khi Liz xong cử nhân. Laura ra đời sau đó hai năm.

Liz chưa một lần kể cho chồng nghe về cái tai nạn xảy đến cho nàng vào đêm hãi hùng đó.

Ông Lawrence nước mắt dần dụa khi nghe vợ kể lại câu chuyện năm nào. Ông không bao giờ có thể ngờ được cái bông bột của thời niên thiếu mà ông gây ra, lại mang đến hậu quả khủng khiếp như hôm nay....

Năm đó, ông đang học năm thứ hai của đại học Harvard, theo lời mời của một người bạn, ông bay về Denver dự lễ ra trường của em bạn. Ông được mời tham dự đêm dạ vũ ở khách sạn Hilton. Lúc đến nơi, Lawrence đã ngà ngà say, dù vậy ông vẫn uống thêm

rượu cho đến lúc say mềm. Ông nhớ đâu như là ông đã mời được một cô gái thật trẻ ra khiêu vũ với ông.

Sau màn khiêu vũ, ông rủ cô ra ngoài vườn nói chuyện. Rồi chuyện gì xảy ra ông cũng không nhớ rõ lắm. Chỉ biết, khi tỉnh dậy, ông thấy mình đang nằm bên cạnh một cô gái mà cả hai người không còn một mảnh vải che thân. Sợ quá, ông choàng dậy, bận nhanh quần áo, ông tìm đường chạy trốn. Sáng hôm sau ông lên máy bay trở về nhà bố mẹ ở Michigan.

Suốt mùa hè năm đó ông ngay ngáy lo sợ, nhưng qua hết mùa hè, ông trở lại Harvard, vẫn không có gì xảy ra. Nhưng câu chuyện đêm đó luôn ám ảnh ông. Ông không nhớ được khuôn mặt cô gái mà mình đã lấy mất sự trong trắng đời con gái của cô ta.

Hai năm sau, khi đang trình luận án tiến sĩ ở đại học Hopkins thì ông gặp bà Liz. Ngay lần gặp gỡ đầu tiên, hai người đã yêu nhau, rồi cưới nhau khi Liz xong cử nhân.

Bà Liz càng lúc càng kinh ngạc khi nghe chồng kể lại câu chuyện của hơn hai mươi năm về trước. Làm sao bà có thể ngờ được người chồng của mình lại chính là người đã lấy mất cuộc đời con gái của mình trong một buổi dạ tiệc năm xưa!!!

Làm sao bà có thể ngờ được ông là cha của đứa bé, mà bà đã phải ký giấy cho cô nhi viện, trước khi nó sinh ra đời.

Bà từng sốt quay sang nhìn Larry, người con rể mà bà đã thương quý ngay lần đầu tiên khi Laura mang về giới thiệu với ông bà. Định mệnh sao lại khắc nghiệt như thế này? Bà phải làm sao để giải quyết mọi chuyện?

Nước mắt bà dần dựa làm mờ đi khuôn mặt của chồng và con đang từng sát nhìn bà.



thơ

TUỆ MINH

Trong ta

*một thân tứ đại
mong manh
cõi lòng
chứa đủ tâm tình
trần gian
ướp xông gổ quí chiền đàn
hương thơm định tuệ tâm quang
hiển bày*

Vạn giả

*ngẩng mặt
nhìn chung
về vạn giả
thông tay
túi rách vá càn khôn
chân không in nhẹ trên ngàn đá
mây vền,
da trời lộ mệnh mờ*

Hương trà

*khép nụ hôn thơ trong bóng đêm
uơm hương thấm dịu trái sương mềm
nhúm trà êm giấc dài canh sáng
thanh khiết sen hồng thơm ngát thêm*

*đổi trước hồ sen là bạn hiền
một mình đơn lẻ một con thuyền
lư phát than hồng ngòi độc ẩm
quán đời qua vạn nổi hương yên.*



TRỞ LẠI BẾN THÙY DƯƠNG

truyện dài nhiều chương của HỒ TRƯỜNG AN

(tiếp theo)

Chương Sáu

Tổ Thuận bước ra khỏi phòng mạch của nữ bác sĩ Tô Ngọc Lâu. Bà nói với theo:

- Muốn biết chắc chắn, cô nên đi Sài Gòn nhờ bác sĩ Tô Ngọc Các xem lại. Nó là y sĩ sản khoa. Còn tôi chỉ là y sĩ toàn khoa.

Tô Ngọc Các là em rể của nữ bác sĩ Tô Ngọc Lâu, trước đó học chương trình Thành Chung tại trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu ở Mỹ Tho. Bà ta thường đến tiệm may Tổ Thuận đặt may áo. Sau đó, bà ta du học bên Pháp, rồi về nước lấy chồng ở Sài Gòn. Ông chồng là luật sư tòa thượng thẩm tên Vương Kim Tháp.

Tổ Thuận giương chiếc dù reng thêu che nắng. Hôm nay, nàng mặc chiếc áo dài bằng hàng Bombay màu bánh biscuit, quần cầm nhung đen và đeo sru bộ trâm châu gồm 4 xâu chuỗi đeo cổ, 4 xâu chuỗi đeo cườm tay trái có gài chiếc khóa vàng, chiếc trâm gài bên ngực trái và cặp nhẫn đeo ở hai ngón tay áp út.

Trên chiếc trâm và cặp nhẫn, nàng cho xen vào hạt huyền châu để màu trâm châu chói lên. Nàng tô son màu hạt lựu, đánh phấn hồng thật nhẹ trên làn kem lót, tô móng tay móng chân bằng lớp sơn màu hồng đào. Nàng đẹp trội quá, nồng nàn sinh lực với ngực cao, mông nở, đùi dài và chắc. Vậy mà...

Câu nói của bà Tô Ngọc Lâu làm nàng bàng hoàng, theo đuổi nàng từ Cầu Lộ, nơi phòng mạch nữ bác sĩ Tô Ngọc Lâu cho đến khu chợ nằm trong trung tâm thành phố.

- Cái dạ con của cô không thể là cái máy đẻ được. Dù có thai sớm muộn vì cô cũng sinh non hay trụ thai. Trời không cho cô cái thiên chức làm mẹ. Cô đã sẩy thai một lần rồi, có đúng không?

Vâng, đúng vậy. Hồi chưa ly dị chồng, nàng trải qua một lần thai nghén. Nhưng lần ấy quả trứng thụ tinh của nàng sớm rụng khỏi dạ con và trôi theo dòng máu hành kinh ra ngoài. Cái nguyên do thâm kín ấy nàng cố giấu cha mẹ và người thân thích của nàng, vì nàng sợ họ buồn khi biết được nó. Nàng trụ thai vì bị

thằng chồng hung ác đánh đập một trận thừa chết thiếu sống.

Điều này đúng với lá số tử vi: nàng sẽ không bao giờ có con. Lúc già yếu lại được nhờ đứa con dị bào. Ô hay, con dị bào thuộc về loại nào đây? Con nuôi hay con ghê? Nhưng nàng vốn ích kỷ trong tình yêu. Nàng sẽ không bao giờ cho chồng mình cưới vợ lẽ để cô ta đẻ con cho nàng nuôi. Trong thâm tâm chưa có dịp mở rộng, nàng chưa gột sạch bóng đen của tính ích kỷ. Con của nàng phải do máu huyết của nàng mà kết thành thai nhi.

Trời đã xế chiều. Cảnh thành phố vẫn rộn rịp thân nhiên, nhưng như có mầm mống uể oải lẫn quất đó đây. Chợ cá gần mé sông đã được dội nước rửa sạch sau giờ Ngọ, đã dẹp hàng bày bán. Còn chợ hàng bông bên kia đường hãy còn những sạp vải, những gánh rau cải và cái thớt thịt bán lai rai. Ở gần nóc mặt tiền của chợ, chiếc đồng hồ to cỡ cái mâm thau chỉ 5 giờ kém 20. Bên phòng thông tin, từ máy khuếch âm vang vang giọng hát của đôi uyên ương ca sĩ Mạnh Phát và Minh Diệu trình bày bản Tiếng Địch Sông Ô của Văn Cao.

Eo ơi, dòng sinh hoạt của một thành phố tỉnh lỵ vào ngày tàn bóng xế sao mà có vẻ lãnh đạm một cách đáng ghét! Tổ Thuận đang mang mối khổ tâm, nàng biết tìm ai chia sẻ tâm sự của nàng bây giờ? Thành phố thì cứ tiếp tục sinh hoạt nhộn nhịp một cách giả vờ, trơ trẽn.

Tự dụng, Tổ Thuận cảm thấy mệt mỏi kỳ lạ. Miệng nàng khô. Con khát làm nàng bải hoải. Nàng chọn chiếc quán nước lộ thiên ở khoảng giữa chợ cá và bungalow, sát phòng thông tin, kê một ly chanh muối. Kế chiếc bàn của nàng là bàn của bốn người đàn ông đang uống rượu và ăn lẩu cá sạo đậm dưa cải chua. Bắt đầu say ngà ngà, họ bàn chuyện nhân tình ẩm lạnh và vung vít chửi thối đời một cách cẩu thả. Một người đàn ông mặc áo nhàu nát, tóc tai rối rắm, mắt đục sâu, rên rĩ:

- Vợ tôi là người hiền đức, lại là con nhà danh giá. Mấy bạn có biết đó là cô Hai Thiều Hoa, trưởng nữ ông giáo Cảnh bên cù lao An Thành không? Thật là một người vợ đảm đang, hạnh kiểm kít khao. Thế mà tôi lại mê con đào Tú Loan, làm trành làm tréo, hành hạ vợ nhà, để vợ chồng phải ra tòa xé tờ hôn thú. Từ khi tôi dan díu với con yêu cơ ma nữ đội lốt nghệ sĩ ấy, tôi bỏ nghề gò đầu trẻ, theo phục dịch nó. Nó nõ cấm trên đầu tôi hằng trăm cái sừng cong vút. Túng thế, tôi đành xa lìa con dâu phụ đó rồi về đây. Tôi xin dạy học trở lại, nhưng Bộ Quốc Gia Giáo Dục không cho; lẽ thứ nhất là trong mấy năm kinh tế khủng hoảng và tiếp theo là giặc giã nổi lên, Bộ sa thải những

kê chưa học trường Sư Phạm như tôi. Lẽ thứ hai là tôi làm ngang bỏ nghề coi như đào nhiệm. Tôi phải sống nhờ ba má tôi; họ có dư chút ít tiền để mở tiệm chạp phô ven sông Tân Giai đắp đổi qua ngày. Tôi làm nghề bói bài, coi chỉ tay nhưng vẫn túng trước hụt sau.

Tổ Thuận giật mình. Thì ra đây là người chồng cũ của Thiều Hoa. Trời ơi, con người ưa đứng núi này trông núi nọ, nên tự dựng cho mình một con ác mộng để chui vào. Trong quyển Quốc Văn Giáo Khoa Thư hồi còn học lớp Sơ Đẳng, nàng có đọc chuyện con chó ngậm miếng thịt bước qua cầu. Nó chột thấy bóng miếng thịt trong gương nước to hơn miếng thịt trong miệng nó nên nó nhả miếng thịt ra để nhảy xuống sông vớt cái bóng của miếng thịt. Thịt mất, bóng miếng thịt nhòa tan và nó chết đuối trong dòng nước cuốn.

Một người đàn ông ăn mặc bánh bao, hàng ria mép tia mỏng an ủi:

- Chú mày hãy tin lẽ thiện ác báo ứng đi. Chú mày phụ rầy vợ tào khang thì phải lãnh ác quả hôm nay. Chú mày biết ăn năn sám hối thì nay mai ông Trời cũng sẽ ngó lại mà đền bù chút ít cho chú mày. Còn con đào hát giựt chồng, phụ tình kia, rồi đây nó sẽ bị trời tru đất diệt chứ không muộn màng gì đâu.

Người ban nhậu khác an ủi:

- Cô đào Tú Loan xuống giốc lắm rồi. Cô ta sẽ bị đào thải không xa xôi lâu lắc đâu. Cô ta già hạp, mình mẩy khô héo mà đóng các vai mỹ nhân lịch sử nước Tàu như Đắc Kỷ, Bao Tử, Ly Cơ, Tây Thi, Điều Thuyền, Dương Quý Phi coi chừng quá! Gánh Tinh Đầu không mấy khá là tại có cô đào chánh thanh sắc giảm sút như cô ta. Không còn bao lâu nữa đâu, nó sẽ là thứ rác cũ thối tha, ai ai cũng tránh xa mùi xú khí của nó.

Người đàn ông thứ tư lùn và mập mạp giục:

- Vừa thôi, chứ bạn. Cô ta còn đóng vai đào chánh ở mỗi tuồng mà. Son tô phấn trát giúp cho cô ta ăn đèn sân khấu lắm chứ. Mà thôi, hơi hơi đâu mà bạn nhieéc móc thế thái nhân tình. Chuyện đời là vậy, hể có vay là có trả. Nó tác quái tác yêu, tác oai tác nghiệt thì có ông Trời trên cao phạt nó, ai thêm mời bạn xử đoán cho một cái thân già của bạn. Vậy tôi xin mời ba bạn cùng nâng ly. Đây là rượu rum hiệu Négrita pha limonade ngon thần sầu quỉ khóc, cá lóc mọc nanh, uống tới đâu thì mình cảm thấy bụi trần bay ra khỏi bàn rượu và mắt hút tận chốn trời xa thăm thẳm.

Uống cạn ly nước giải khát, Tổ Thuận đến nhà hàng Đồng Hình mua một con vịt quay, rồi xet đến tiệm trà, mua một gói trà Xiêu Chùng và một cân mứt chà là. Nàng phải về bên cù lao An Thành thôi. Ánh hoàng hôn vàng sẫm đã đổi ra màu xám tro. Nàng cần nằm nghỉ ngơi trong phòng vắng, dù phải đối diện với

niềm thống khổ sắc nhọn đi nữa.

Khi Tổ Thuận tới bến đò thì may quá, đò bên kia chưa chảy qua. Khải Tường cũng đang chờ đò. Chàng mặc áo sơ-mi trắng dài tay, nhưng cuộn lên khỏi khuỷu tay, quần bằng gabardine màu xám ngọc trai, đi giày da đen. Cườm tay trái chàng đeo đồng hồ vàng, cườm tay mặt chàng đeo chiếc lắc vàng pha đồng. Ngón tay áp út của chàng đeo chiếc nhẫn chevalière cũng bằng vàng pha đồng, mặt nhẫn nạm ngọc onyx đen như huyền. Lúc nào mà chàng không hồng hào sáng mát, dù tóc chàng chải khô? Chàng trách:

- Em lạ quá! Tại sao hôm nay em không cho anh đưa em đến phòng mạch để em lấy kết quả cuộc khám bệnh? Rồi em cũng không cho anh đến đón em về.

Tổ Thuận khò lấp:

- Kết quả hành kinh trời sụt trong hai tháng nay đâu có gì quan trọng mà em phải làm nhọc anh? Em lại còn đi mua sắm lặt vặt nên không muốn phiền tới anh thêm nữa. May mà bận về cù lao, em lại gặp anh để cùng qua đò. Anh đi đâu về đây?

- Anh đi qua Xóm Bánh Phồng để thăm thằng bạn bị chứng thương hàn vừa mới khỏi, luôn tiện mua hai chục bánh phồng khoai cho chị Thiều Hoa.

Khải Tường nhìn sâu vào mắt nàng:

- Sao em buồn thế? Em có điều gì muốn giấu anh đây?

Tổ Thuận gượng cười, hỏi gặng lại:

- Anh thấy em buồn à? Không đâu, anh ạ. Hình như em bị trúng gió và say nắng đấy thôi. Uống xong gói Cẩm mao phát tán hay gói Thối nhiệt tán là khỏi ngay chứ gì.

Khải Tường bắn khoăn:

- Em mập mập, khỏe mạnh, ngồn ngộn và tươi mát như hành non mà lại không có kinh nguyệt điều hòa thì lạ thật.

Tổ Thuận liếc xéo người yêu:

- Chẳng có gì lạ cả. Nếu em bất đường kinh tháng này thì đổ nợ ra đấy.

Khải Tường cười nụ:

- Anh cười em là xong. Đâu có gì rắc rối?

- Chỉ sợ hôm đám cưới cô dâu ôm cái bụng to như cái chảo úp lên thì coi không ổn chút nào.

Rồi nàng lại hỏi:

- Có gì lạ không anh?

- Em lạ thì có. Anh chắc có điều gì em muốn giấu anh.

Tổ Thuận nhìn mực nước sông đã dâng cao, lắc đầu:

- Anh khéo đón mò. Cảnh bên đò với trời rộng sông dài dễ làm cho con người nhạy cảm như em man

mác với nổi băng khuâng mơ hồ. Chỉ có vậy thôi. Được gặp anh ở ai đây để cùng về chung một chuyến đò thì em lấy lại niềm lạc quan ngay.

Rồi nàng bẹo má chàng:

- Tường của em chưa già mà đã lẩn thẩn rồi.

Bên kia sông, chỗ đò neo là cây ô mô trở hoa dày đặc như một cụm mây hồng. Chiếc quán cách cây ô mô chừng 20 thước chỉ là căn nhà sàn, phía sau bếp có làn khói trắng mỏng bốc lên. Cảnh bên đò bên chợ vào lúc nắng xế đã buồn, cảnh bên đò thôn dã bên kia sông lại còn hiu hắt buồn hơn. Mây từ giang đầu kéo về vòm trời trải rộng sau cây ô mô và chiếc quán như những cuộn khói xám.

Đò vừa cặp bến. Cả hai theo khách sang sông cùng bước xuống đò. Chiếc đò ngang tách bến, băng qua dòng nước nổi sóng nhấp nhô. Một cụm rau mác trôi tấp vào mạn thuyền. Khải Tường vớt lấy, rửa nước đọng trên chùm rễ và bỏ vào giỏ tre của mình.

Một bà tuổi ngoài 60 khen:

- Cậu vớt rau mác về cho heo ăn phải không. Chùm bông của nó màu xanh trông dễ thương quá!

Khải Tường bảo:

- Tại thấy bông của nó đẹp, cháu muốn đem về thả trong đĩa cho vui mắt vậy thôi.

Và chàng cất giọng hò:

Rau mác, lục bình linh đình mặt nước

Thương cho nàng vô phúc lỡ duyên

Gái lỡ duyên như tiên bị đọa

Thân lạc loài mèo bỏ chó chê

Một ông già sồn sồn phê bình:

- Cậu Ba hò cũng mùi mẫn lắm, tuy thua cậu út vài phần. Nhưng coi chừng đó. Trong chiếc đò này nếu có cô nào đang nặng mang tâm sự, nghe bốn câu hò này sẽ nhào xuống sông tự vận cho coi.

Mọi người đều cười ồn ào. Tổ Thuận cũng bật cười cay đắng. May là tôi chưa có bao giờ bị con ma tự tử ám ảnh. Và nghị lực tôi đâu có bỏ rệt như lưới nhện, như cánh bướm, như tơ trời. Cho nên tôi nhìn dòng sông Cổ Chiên chảy mà không thể nghĩ đây là sông Tiền Đường làm nắm mộ chôn tôi khi tôi phải từ hôn với người yêu của tôi. Nhưng tôi không dám phác họa trong đầu những ngày sắp tới. Ôi, ngày mai có phải là một ngày khác hay vẫn là ngày tiếp nối một chuỗi dài ngày buồn hôm nay của tôi?

Đò cặp bến. Khải Tường bảo Tổ Thuận:

- Để anh đưa Thuận tới nhà bác Tám.

Tổ Thuận từ chối:

- Đêm qua, em thức khuya may áo dài cho ngoại Tám. Giờ, em cần tắm rửa rồi nghỉ ngơi. Anh hãy rẽ về nhà anh đi.

Khải Tường lẻo đẻo theo nòng đi một đoạn xa. Đến một lùm cây tầm vông xen lộn cây dâu miền dưới, khóm cây me keo cao nghêu, chàng kéo nòng sát vào người, hôn nòng thắm thiết. Sau đó, chàng âu yếm bảo:

- Em về nhé. Sáng mai, anh sẽ đến thăm em.

Tổ Thuận đành nói xuôi:

- Vâng, mai anh đến tìm em nhé.

Ồi ngày mai dù là một ngày khác, nhưng đêm nay tôi sẽ nằm liệt giường liệt chiếu. Một ngày khác có kịp cứu vãn được tôi không đây?

*
* *

Tổ Thuận vừa tới nhà bà Tám Giỏi thì bà đã bày bàn và sắp mâm, chuẩn bị dọn cơm. Trời tắt nắng nhưng chưa chạng vạng. Mấy liếp huệ đã bắt đầu man mác thoảng hương. Và phải đợi đến khi bóng đêm tuôn mực xạ khắp nơi thì cây nguyệt quí ngoài cổng mới mở lòng hoa trắng và tuôn suối hương ngào ngạt. Rồi sau đó mới tới hoa dạ lý, hoa bưởi, hoa cau tỏa hương bát ngát dưới trăng sương.

Tổ Thuận bảo bà Tám Giỏi:

-- Ngoại Tám ơi, cháu đang say nắng, nhức đầu quá! Cháu rửa mặt thay quần áo mát và đi nằm đây. Đừng chờ cháu ăn cơm.

Bà Tám Giỏi bảo:

- Để bà cạo gió, xúc dầu cho cháu và sẽ nấu cháo cho cháu ăn. Cháu không say nắng đâu. Mặt cháu đâu có đỏ gay đỏ gắt như mặt kẻ say rượu, mà chỉ hồng hào thôi. Cháu có đủ đảm thì say nắng sao được? Chắc cháu bị trúng gió đúng hơn. Thôi, cháu đi nghỉ.

Tổ Hiền dò xét:

- Chị có vẻ buồn rầu đến độ bài hoải. Việc gì vậy chị?

Tổ Thuận gượng gạo:

- Chẳng có việc gì cả. Em khéo đón mò.

Tổ Thuận ra sàn nước, múc nước trong ảng, đổ vào chiếc thau nhôm đặt trên cái chạc ba chân, rửa mặt thật kỹ. Nàng vừa rửa mặt vừa khóc tầm tã. Từng đợt nước mát cuốn sạch son phấn điểm trang và nước mắt của nàng. Tuy nhiên trông mặt nàng đỏ ngầu như tôm luộc. Rửa mặt xong, Tổ Thuận mặc bộ pyjama bằng lụa mỏng màu ngọc thạch rồi đi nằm. Nàng lẫn trở một hồi nhưng chưa ngủ ngay được. Bên phòng ăn, hình như cả nhà đang quay quần ăn cơm. Có tiếng đĩa khua chén, tiếng muống nhôm chạm vào mâm thau. Tiếng bà Tám Giỏi bảo:

-Vợ chồng cô Tư tối nay đi xem hát rồi ngủ ở bên nhà cô Hai Thuần Hoa.

Tường Phụng hỏi:

- Sao Thiều Hoa lại không đi?

Bà Tám Giỏi có vẻ thông cảm:

- Nó mắc luôn áo và vất xỏ đi sao được. Đêm nào nó cũng thức tới khuya lơ khuya lác.

Tổ Hiền xen vào:

- Cô Thiều không thích xem kịch cải lương và tuồng hồ quảng đâu. Cô ấy chỉ thích xem chớp bóng thôi. Và lại, gánh Tinh Đầu này có cô đào chánh Tú Loan, vốn là kẻ cướp chồng cô Thiều Hoa. Làm sao cô Thiều Hoa có can đảm xem tình địch cũ của mình tối nay hí lộng vai Điêu Thuyền trên sân khấu?

Bà Tám Giỏi khôi hài:

- Nhờ cô Tú Loan nên ngoại sắp được nòng dâu hiền hậu dễ thương đó cháu à. Ngoại nhất định đợi cô ta đóng tuồng Tái Sanh Duyên, ngoại sẽ qua bên chợ rủ cô Thuần Hoa đi xem cho vui, rồi ngủ đêm bên nhà cô Thuần Hoa luôn; sáng hôm sau, ngoại sẽ đi mua sắm rồi mới về đây.

Giọng bà Tám Giỏi đổi ra ngậm ngùi:

-Tui bây không biết đâu. Khi má con Hiền qua đòi, hai cô Thuần Hoa và Thiều Hoa thường lui tới đây bậu bạn với tao nên tao cũng bớt buồn. Thuần Hoa an ủi như vậy: 'Thím Tám ơi, Đức Ông Trời thương chị Hai nên mới ra lệnh Thiên Sứ bắt chị ấy về châu Đức Ngải. Nhưng trước đó, Đức Ngải cũng đã bù sớt cho thím một cô cháu ngoại xinh như mộng, đẹp như tranh, lại có quý tướng nữa. Xin thím bớt buồn mà săn sóc cháu ngoại!... Lời khuyên đùa nghịch ấy lại làm cho tao thâm thía ý tình nên tao bớt buồn. Và lại bên nội con Hiền cũng thông cảm tao, cho tao nuôi con Hiền đến tuổi học trường Trung học. Còn Thiều Hoa thuở xưa thường nói rằng bác cháu mình tương đắc. Cháu chỉ cầu Trời Phật phù hộ cháu, mai sau cháu gặp một bà mẹ chồng tương đắc với cháu như bác.

Tổ Thuận suy nghĩ lan man. Nàng tha thiết tình mẫu tử, ước vọng nòng nân được làm mẹ. Nhưng không hiểu vì sao nàng không thể lán rộng tâm hồn của mình thêm bao la, trải tình mẫu tử thêm rộng bát ngát? Nàng không sao nghĩ mình có thể nuôi con nuôi hay xin một đứa trẻ trong vòng họ hàng của Khải Tường về làm con nuôi? Nàng vốn thích lũ trẻ hàng xóm, thường vuốt ve chúng, mua bánh trái cho chúng ăn. Nhưng tình thương mến của nàng chỉ dừng lại đó, không nở hoa thêm, không tô đậm thêm màu sắc thân ái và thiêng liêng.

Trong ánh sáng mờ ảo của bóng đèn trứng vịt Tổ Thuận chấp tay cầu khẩn Đức Quán Thế Âm Bồ Tát giúp nàng vượt qua cơn khó khăn này. Giúp nàng cách nào, nàng cũng không rõ: có con hoặc đem tấm lòng mẫu tử chân thành hướng về những đứa trẻ mà nàng

xin về nuôi dưỡng. Trong cuộc sống lứa đôi mà thiếu con cái, trời ơi, nghĩ tới đây nàng cảm thấy sợ hãi, không dám nghĩ tiếp.

Trong cơn chiêm bao, nàng thấy mình đến một dòng sông lớn cỡ dòng sông Bảo Định, có chiếc cầu sắt lót ván bắc qua. Trời vẫn vũ sắp tuôn mưa, chớp lóe sáng lòa, sấm vang âm ỉ. Sa mù giăng bủa đó đây. Rặng cây, bóng cau, bóng dừa vẽ những nét chập chờn mờ ảo. Văng vẳng đâu đây có tiếng trẻ ranh khóc nỉ non. Sông dâng cao. Nước đen như mực, nổi sóng cuộn cuộn và tung bọt trắng xóa.

Trong lũ trẻ ranh, có thằng bé với mặt mày hung dữ, điểm mặt nàng:

- Cô kia, kiếp trước cô là bà vải Chân Như Không tục danh là Tào Kim Loan thông dâm với ông hòa thượng Nguyên Tánh tu ở Làng Xuân Mai, xóm Mộc Lý ở kề bên làng Cao Hoàng của cô. Lỡ mang thai, cô uống xạ chồn hương rồi uống cỏ Càn Ngươn để tống cái thai ra ngoài. Tôi là thai nhi đây. Bởi tội ác ấy nên kiếp này cô bị quả báo, bị chồng dọa dằn trong lúc ăn nằm, bị mẹ chồng và lũ em chồng hiếp đáp. Còn tên Hòa Thượng ác ôn với cái tục danh là Nguyễn Quý Xuân kia đâu thai làm thằng chồng bạo dâm của cô. Hắn đi học trường Võ bị Thủ Đức và sau đó ít lâu bị chết trận. May là cũng trong tiền kiếp, cô có làm nhiều việc phước thiện nên kiếp này dù bất đường chữaughen sinh nở, nhưng cô sẽ có đứa con dị bảo hiệu thảo.

Đám sương mù tan biến đi. Vầng trăng tròn sáng trắng in trên nền trời chàm đậm, giữa muôn sao long lanh. Bên kia cầu, một đứa ngoác miệng, gọi:

- Má ơi, qua đây với con!

Vía nàng bảo:

- Bé ơi, bé làm rồi. Bé không phải là con tôi đâu. Bé là ma ranh phải không?

Đứa bé la lớn:

- Không, con là con trai của ông Khải Tường. Hôm nay con xuất vía dạo chơi nên gặp má. Cách kiếp này bốn kiếp, con là con của má. Má làm sao biết được?

Sau lưng nàng, có tiếng thúc giục:

- Cầu sắp gãy, hãy bước qua mau!

Một bàn tay vô hình đẩy nàng qua bên kia cầu. Thằng bé ôm chầm lấy nàng. Tiếng sét nổ xuống, cầu chuyển mình rặng rắc rồi đổ nhào. Tới đây, nàng choàng tỉnh dậy.

Tổ Hiền bảo:

- Mới vừa rồi có cơn mưa rào tạt qua đây, sấm rền khắp trời làm ai cũng sợ, tưởng đâu đằng đôn bót nã đại liên vào xóm. Mưa ồ ạt nhưng tạnh rất mau. Giờ đây, ngoài song cửa, trăng sáng sao tỏ, đúng là đêm

thượng huyền gặp lúc trời trong mây tạnh.

Từ trung đường, mùi nhang bạch đàn thơm man mác len lỏi từng đợt vào phòng. Ngoài xóm xa có tiếng chó sủa trắng, tiếng chày giã gạo các cum.

Tổ Thuận bảo:

- Trong chiêm bao, chị lại thấy trời sắp chuyển mưa, sấm sét hung hăng, làm chị hãi hùng muốn đứng tim.

Tổ Hiền hỏi:

- Chị đói chưa? Ngoài có nấu cháo trắng, có kho tiêu cá bống trứng và chiên thêm món cá mồi muối mặn.

Tổ Thuận cười:

- Chị say nắng, ngủ xong một giấc lại thấy khỏe. Chị ra phòng ăn bây giờ.

Thì ra chị ngủ một giấc cỡ hai tiếng đồng hồ chứ không chơi.

Tổ Hiền lắc đầu:

- Không đâu chị. Chị chỉ ngủ một tiếng đồng hồ là cùng. Trông chị tỉnh táo và tươi mát như rau non mới hái. Có việc gì không, hả chị?

Tổ Thuận ngượng:

- Sao em lần thản vậy? Lúc nãy, em đồ hồ là chị một bài hoài rồi hỏi chị có việc gì không? Giờ đây em cho rằng chị tỉnh táo, tươi mát rồi cũng lại hỏi chị có việc gì không? Em chưa già mà sao lâm cảm như bà già tám mươi. Này, chị hỏi thật em nhé: có việc gì không em? Sao em có vẻ lạ lùng như vậy?

Tổ Hiền bật cười:

- Chị lạ lùng thì có. Em đi dọn cháo cho chị đây.

Tổ Hiền bước ra ngoài. Tổ Thuận nhìn theo cô em nhà chú của mình. Cô ta đẹp một cách khác, so với bóng sắc nàng. Cô có vẻ tinh ranh nghịch ngợm. Cặp mắt cô sáng loang loáng và ướt rượt cùng nụ cười tuy không hờ rãnh nhưng rất dí dỏm làm cho cô ta có vẻ láu lỉnh, liến thoắng. Ở trong nhà, cô mặc chiếc áo túi bằng vải phin màu vàng tái thêu những chấm hoa tím, tóc búi cái bí bo sau gáy. Cách phục sức quê quê của cô lại coi lạ và hay.

Tổ Thuận chải cho tóc đỡ rối rắm đã dượt, chít chiếc băng-đô màu hoa thiên lý lên đầu. Nàng không hiểu cơn mộng triệu vừa qua báo hiệu điềm gì. Nhưng vượt qua sông bằng chiếc cầu tức là điềm vượt qua nỗi khó khăn. Điềm ấy thường ứng thành sự thật cho nàng. Cho nên, nỗi sân sượng trong lòng nàng bằng phẳng trơn tru trở lại. Thôi thì, nàng cứ nhận lời cầu hôn của Khải Tường. Mai sau rồi nàng sẽ liệu, tới đâu sẽ tính tới đó.

*

* *

Khải Tường và Hoà Phong đang chăm sóc các loại hoa xanh bên hông sân gạch thì có Tường Phụng cùng bà Tám Giỏi và hai cô Tổ tới chơi. Anh vợ và em rể đều mặc quần áo bằng vải xiêm đen, đầu đội nón lá. Tường Phụng hôm nay mặc áo thun màu thủy ngọc, quần dacron đen, màu áo và màu quần đã cũ nhưng chưa phai nhiều, chân chàng đi giép da, đầu chàng đội mũ lưỡi trai đen chạy viền xanh. Chàng vẫn xuề xòa trong cách phục sức, vẫn ngồn ngộn sức sống ở thể chất. Tổ Thuận mặc áo bà ba màu gạch màu lam ngọc thêu hoa huệ đen, quần vải xăng đậm đen. Còn Tổ Hiền mặc áo sơ-mi tay cụt bằng vải ba-tít trắng bỏ trong chiếc quần tây màu beige nhạt.

Sáng hôm nay, nắng đẹp trải chan hòa. Trời phơn phớt gió mỏng nên mặt sông chỉ gợn sóng rập rờn chứ không có ba đào chuyển động. Thuyền dương trên bến reo vì vút một nhạc điệu bất tuyệt trong gió. Trong khuôn viên Hiếu Thúy Đường, hoa xanh trong ao, ven ao và gần bên ao cùng thịnh phóng tung bùng. Hoa và cây cảnh trong sân ướt sũng nước tưới.

Khải Tường và Hoà Phong đi ra sà nước, rửa tay, rửa chân và xỏ chân vào đôi guốc mộc rồi cùng khách bước vào trung đường. Thiệu Hoa đang ngồi luôn vạt áo dài và nói chuyện cùng Thuận Hoa. Còn Thúy Hoa tiếp tay chị vắt xỏ loại vải may Âu phục dành cho nam giới như serge, gabardine, tussor, boussac, dacron, tergal, simili... Dạo này có nhiều tiệm may bỏ mối cho Thiệu Hoa khá nhiều. Mấy hôm nay, Thúy Hoa lãnh phần bếp núc. Thỉnh thoảng, nàng phụ chị mình vắt xỏ.

Thuần Hoa mặc áo cầm vân màu hoàng yến, quần mỳ a đen. Còn Thiệu Hoa mặc áo hàng mỏng màu hường lạt, quần lụa đen nhuộm mặt nua bóng lộn như huyền giới.

Hòa Phong ngồi tiếp chuyện với Tường Phụng bên bình trà nóng với hai cái tách trắng men bạch ngọc vẽ lá trúc màu chàm đậm. Còn Khải Tường vào buồng thay quần áo. Chàng mặc chiếc áo thun đen, quần xám khói thu, chân đi giép da đen, đầu đội chiếc nón rom cũ. Nhìn vào gương, chàng thấy mình ăn mặc đơn giản mà ngoạn mục lắm rồi nên ra trung đường rủ Tổ Thuận đi dạo thuyền trên sông, hẹn sẽ về ăn cơm trưa. Còn Tổ Hiền vào vườn tìm Khải Thụy để rồi cả hai đưa nhau ra quán nước bên bờ sông.

Tường Phụng liền từ giã gia chủ để chờ ghe dờ khô qua bên bến chợ tỉnh, để bán lẻ cho bạn hàng mua đi bán lại. Bạn về chàng phải chờ những thùng, những giỏ tre đan nhặt đựng các loại cá trắng như cá rô, cá linh, cá mồi hơi se mình để đem về cho bạn chàng ở Cái Sơn Lớn làm nước mắm. Xưởng làm nước mắm của đương sự có cỗ phần của chàng. Ngoài ra, chàng

còn phải xuống lò gốm ở Cái Sơn Bé để mua tín đựng nước mắm khi nước mắm tới cỡ dùng được. Những tín nước mắm nhĩ dán nhãn đỏ, những tín đựng nước mắm nhất dán nhãn trắng viền khung đỏ, những tín đựng nước mắm nhì dán nhãn màu xanh lá cây. Nước mắm Long Phụng (của bạn chàng và của chàng) nổi tiếng là ngon. Nước mắm nhĩ và nước mắm nhất của chàng dùng làm nước chấm không thua nước mắm Hòn (tức là nước mắm sản xuất ở ngoài hải đảo Phú Quốc). Còn nước mắm nhì của chàng dùng kho thịt và kho cá không thua nước mắm nhất ở các xưởng khác trong vùng. Cho nên các chủ nhân của các tiệm hàng xén trong lãnh thổ tỉnh nhà thường chèo ghe đến xưởng Long Phụng mua hàng chục tín để đem về bán lại rai. Ngoài ra, Tường Phụng còn phải mua vỏ sò vỏ hến cho bà Tám Giỏi làm vôi ăn trầu. Đó là nghề gia truyền của bên ngoại chàng.

Suốt ba hôm nay, chàng chèo ghe lườn đi dọc theo các làng bên kia sông Cổ Chiên như Cái Sơn Bé, Cái Sơn Lớn, An Hương, Hòa Mỹ, Mỹ An để mua dừa khô vừa mới bẻ. Thiệu Hoa không mong không đợi chàng đến thăm. Công việc luôn áo và vắt xỏ làm nàng bận túi bụi. Mai, nàng sẽ đi theo chàng mua cây ương, cây chiết nhánh ở trại ương cây gần đền Văn Thánh để đem về trồng. Tường Phụng chăm bón sở rẫy mà còn sửa sang lại miếng vườn cây ăn trái. Đây là kế hoạch mưu sinh lâu dài của vợ chồng nàng mai sau.

Hòa Phong bỏ vào buồng xem sách. Thúy Hoa mời khách phụ nữ ở lại ăn bánh ướt nhân tôm, bánh bèo nhân tôm và bánh xếp nhân thịt trộn nấm mèo. Nàng không quên làm món bánh bèo Quảng Nam cũng bằng bột gạo, nhưng được đúc dày hơn. Bánh này được thoa mỡ hành và được chan nước cá nục kho đậm ớt xanh. Đó là món mà bà Tám Giỏi và bà vú thích lắm.

Thuần Hoa nhìn bà Tám Giỏi lom lom. Cao xanh cao đầy ơi, khi con người bắt đầu làm ăn phát tài thì phú tướng, quý tướng hiện ra sắc mặt, cử chỉ và cách phục sức. Đầu bà chải bóng loáng, cái bí bo nhờ chùm tóc mượn bên vào nên to cỡ cái bánh tiêu. Bà mặc quần cầm tự đen, áo bà ba bằng gấm xanh dệt hoa bạc. Bà đeo đôi hoa tai ngọc thạch hình tiền điều có nạm một viên kim cương cỡ 4 ly ở giữa. Đôi cườm tay bà đeo đôi neo quai chảo. Hai ngón tay giữa bà đeo cả rá cừu khúc liên hoàn. Thuần Hoa liền thoáng:

- Dạo này thím Tám ra về bà chủ hay bà Phủ bà Huyện lắm rồi. Lại đẹp lão nữa.

Bà Tám Giỏi cười hiền lành:

- Thì con dâu và con cháu ngoại tôi bày vẽ cho tôi cách ăn mặc khi đi đây đi đó, nhứt là đi chùa. Nữ trang này đâu có bao nhiêu, toàn là sính lễ mà bà má chồng

tôi sắm cho tôi hồi bà đi hỏi tôi cho cha thằng Phụng, tôi còn giữ nguyên tới bây giờ.

Bà hạ thấp giọng:

- Cô Hai Lớn nè (chỉ Thuần Hoa), cô qua đây chơi, sao cô không dắt Khải Vinh theo?

Thuần Hoa nói nhỏ:

- Cháu gửi nó cho chị ở. Bây giờ thì chưa tiện đưa nó gặp cô Tổ Thuận.

Xin thím dọ ý cô ta dùm chị em cháu.

Bà Tám Giỏi lại bảo:

- Không hiểu tại sao hôm qua đi chợ về, con Thuận có vẻ bải hoải, đã dươi, ưu sầu lắm. Biết đâu nó nghe phong thanh vụ cậu Tường có con ngoại hôn.

Thúy Hoa xen vào:

- Biết đâu tới kỳ hành kinh nên chị ấy mới... như vậy.

Bà vú từ dưới bếp lên:

- Các món ăn đã làm xong rồi. Tôi có sai thằng Ích đi mời hai cặp thanh niên nam nữ kia về dùng bữa. Mà nè cô Hai Lớn, việc tái giá của cô đi tới đâu rồi?

- Đi xuống hồ chứ đi đâu bây giờ? Tôi không thích lấy chồng Chà-và dù nó có lai bốn năm đời đi nữa. Chà-và cứ ăn thịt bò và thịt heo, làm sao tôi ăn uống theo họ được?

Thiều Hoa cười:

- Chị ạ, người Ấn theo đạo Bà-la-môn mới kiêng thịt bò. Người Ấn theo Hồi giáo mới cử thịt heo. Nghe nói anh chàng Vincent này theo đạo Gia-tô mà.

Bà vú cười:

- Hèn chi bà Năm Bông là má của anh ta ăn suốt lột thịt bò, thịt heo, thịt gà, thịt vịt, cá có vậy, cá không vậy nữa.

Thúy Hoa cười:

- Nghe nói Vincent thích xức luôn các món thịt chim, chuột, rắn, rùa, ếch, nhái, lươn, lịt, dơi, chồn nữa.

Khải Thụy từ ngoài vườn bước vào, áo thun trắng ngả màu cháo lòng, quần short bằng vải kaki màu da bò. Chàng vẫn có ánh mắt trong sáng và hồn nhiên cùng nụ cười ngây thơ bất hủ. Nghe tới đây, chàng cười còi mở và hớn hờ hơn, bày hàm răng hạt ngô non khít khao và đều đặn. Chàng bảo Thuần Hoa:

- Ứng Vincent đi chị Thuần Hoa. Lấy chồng Chà-và được ăn cơm nị và ăn cà-ri dề.

Thuần Hoa than van não nuột:

- Cách đây mấy hôm, Khải Tường khuyên tôi ưng Vincent. Nay con Thúy Hoa và thằng út lại đốc xúi vào nữa. Tôi mà lấy chồng ngoại quốc, chúng nó tha hồ mà eo sèo nhạo báng sau lưng tôi.

Tuy nói thế, nhưng mặt chị sáng hơn hờ, mắt sáng háo hức, nụ cười sáng hân hoan. Khải Thụy cũng bồi

thêm:

- Vincent da mơn hơn da mấy chú Chà-và góp tiền chỗ bán trong chợ, mũi anh ta thanh tú, trán vuông, cằm vuông, hàm vuông. Anh ta giống tài tử Raj Kapoor quá chớ!

Thuần Hoa hỏi vặn:

- Mấy năm về trước thằng nào chê gái lấy Chệt, lấy Chà-và, lấy Tây tà, Thổ bả là gái không ra gì? Ai thế, em?

Khải Thụy cười chúm chím:

- Thì thằng út nhà này chứ ai?

Thuần Hoa bĩu môi:

- Thằng nào chê Chà-và có cái bụng to như trái mít nghệ?

Khải Thụy lại làm vẻ điềm nhiên một cách tro trên:

- Cũng thằng em của chị.

Thuần Hoa tiếp tục tra vấn:

- Thằng nào chê cà-ri chà ăn hoài táo bón?

Khải Thụy trâng tráo:

- Thì đích thị là tên Trần văn Khải Thụy, chị lạ lắm sao?

Thuần Hoa nguýt thật bén, rồi tiếp nhiech móc:

- Thằng nào nói xuôi cũng được, nói ngược cũng trôi? Ai vậy kia?

Khải Thụy cười hóm hỉnh:

- Dạ, có ai đâu ngoài thằng nhóc đang đứng trước mặt chị đây này.

Thuần nguýt lia nguýt lịa:

- Vậy mà không biết nhục, cứ vênh váo cái mặt, xem có lộn tiết hay không? Thằng Tường và mày ăn nói cùng một giọng điệu dễ ghét!

Khải Thụy trối giọng mềm mỏng dịu ngọt:

- Chị ơi, thuở xưa em còn bé bỏng đại khờ. Nghe ai nói xấu gái Việt lấy chồng ngoại quốc, em cũng học đòi bắt chước theo họ. Giờ đây, em đã trưởng đại, trưởng thành rồi. Em phải tập quan sát trước sau, trên dưới, trong ngoài. Phải suy nghĩ sao cho hợp tình, hợp lý, hợp với nhân đạo và luân thường chứ bộ. Vả lại anh Vincent có bụng thon, đùi nở, ngực đầy, cũng đẹp trai lắm chớ. Chà- và lai bánh trai, ngó hoài không chán/ Gái Nam Kỳ mắt quá sáng không ưng.

Mọi người vỗ tay tán thưởng. Tổ Hiền bật cười:

- Thụy của em xạo quá rồi đấy nhé.

Bà Tám Giỏi cười hiền lành:

- Gái An Nam mình lấy chồng Chệt, chồng Chà, chồng Tây, chồng Miên, chồng Hời, chồng Lèo, chồng Xiêm... thì coi không được thuận nhãn với đồng bào chủng tộc. Nhưng má con bà Năm Bông ăn ở tử tế, lại có đức có ơn. Cậu Oánh-xăng ưa kết bạn Việt Nam, nói tiếng Việt rành, lại còn am hiểu phong tục xứ

minh. Cậu ta ưa đọc sách đọc báo do người mình viết ra, lại thường lui tới các đám đờn ca Vọng Cổ để tìm thêm bạn tài tử. Hồi xưa cậu ta mê đầm, lấy vợ đầm. Con đầm trắc nết làm cậu ta khổ tâm lắm. Nó đã chết vì chứng hậu sản, nên cậu ta muốn lấy vợ Việt Nam.

Bà vú xen vào

- Bà Năm Bông hồi xưa lỡ duyên mới lấy chồng Ấn Độ. Đó là tại ba má bà ta ép uống bà ta, chớ thật ra bà ta muốn ở vậy trọn đời. Lấy chồng dị bang dị tộc, bà ta khóc thối trời sầu đất thảm. Vậy mà rồi khi về ăn ở với chồng, ngờ đâu tình nghĩa càng ngày càng thêm mặn nồng. Ông chồng qua đời sớm. Dẫu còn chút ít nhan sắc, nhưng bà ta có tái giá đâu. Thật tình, đôi lúc tôi quên lửng cậu Oánh-xăng là kẻ lai ngoại quốc.

Thuần Hoa nhoeo miệng cười hí hớn:

- Bà con nói như vậy, tôi xin suy nghĩ lại rồi sẽ trả lời với tên Oánh-xăng Oảng-xiết kia.

Thúy Hoa chọc què:

- Chị đã nghĩ kỹ rồi, khéo giả vờ giả vịt?

Thuần Hoa cự nự:

- Tao nghĩ hồi nào? Nói cho tao nghe đi. Nói trúng thì tao thưởng một châu sương sa hột lựu. Còn nói bậy thì tao sơn tóc mày.

Thúy Hoa eo éo:

- Nghe nói tuần rồi, chị có sai con ở đem cá chái nấu ngót tặng má con bà Năm Bông. Điều chị suy nghĩ nằm ở trong việc biếu xén đó chớ ở đâu?

Thuần Hoa cứng miệng, thẹn thùa ngồi im, má hồng hây hây, rạo rục. Và chị ta chỉ biết cười trừ. Khải Thụy rên thầm:

- Bàn Cổ thủy tổ trăm họ ơi, bình thường chị Thuần Hoa của tụi tôi chỉ xinh tươi duyên dáng mà thôi. Ngờ đâu khi mắc cỡ, say tình chị này đẹp bất ngờ, đẹp nồng nàn tươi thắm!

Thiếu Hoa can thiệp:

- Thúy chớ đoán mò. Chị Thuần Hoa của chúng mình muốn đáp lễ món cà-ri vịt do bà Năm Bông biếu vậy mà.

Thuần Hoa cười khanh khách:

- Thiên la Địa võng ơi, Long vương Hà bá ơi, món cà-ri vịt ngon tuyệt trần! Ngon hời ngon ơi, không lời mà tả. Nay mai bà ta biếu món đó nữa cho chị Thuần Hoa của chúng bây, thì chị ta nữ nào dám chê? Nữ nào từ chối cho đánh hay sao?

Thúy Hoa nhấn mạnh:

- Muốn có cà-ri ăn hoài thì chị nên lấy chồng Chà lai.

Thiếu Hoa mím cười lắc đầu. Nàng thừa biết Thúy Hoa vốn có cảm tình với Vincent vì anh ta cùng học chung lớp và chung trường Chasseloup Laubat với Hòa Phong, thường biếu xén cô ta quà cáp đắt tiền.

Cho nên Thúy Hoa cứ nói vào để cho Thuần Hoa phải ưng kết hôn với Vincent thì cô ta mới cảm thấy làm tròn lời ủy thác của bạn chồng mình.

Không biết nghĩ sao, Thuần Hoa bảo lũ em:

- Tụi bây biết không? Oánh-xăng cho ảnh chụp phóng đại của hấn treo trong tủ kính trước mặt tiền tiệm Huệ Hòa, ai cũng tưởng đó là ảnh của kép hát bóng Âu Mỹ. Con Năm Kim Oanh đồ hô hấn giống kép Clark Gable hào hoa phong nhã. Con Chín Xuân Hoàng khen hấn giống kép Errol Flynn nên ở về ngang tàng khí phách. Con Bảy Bạch Lựu khen hấn giống Robert Donat trí thức thơ mộng. Riêng con Hai Thuần Hoa lãng mạn tuyệt vời, thơ mộng nhứt nhối này thì thấy hấn giống cả ba.

Khải Thụy nhấn mặt:

- Theo em biết, chị Năm Kim Oanh chỉ thích xem ca kịch cải lương, suốt đời chưa đặt chân tới trước rạp hát bóng.

Thúy Hoa bĩu môi:

- Chị Bảy Bạch Lựu chê đàn ông dễ rìa mép như ba anh kép kia, vì chị ấy cho rằng đó là thứ đàn ông ưa theo ve vãn, chớt nhả với phụ nữ một cách trơ trẽn trăng tráo. Chị ấy chỉ thích kép hát bóng cạo râu và có vẻ mặt đoan nghiêm như Monty Clift, Rock Hudson mà thôi. Còn chị Chín Xuân Hoàng thì chỉ thích đi nhà thờ cầu nguyện và nghiên cứu Kinh Cựu Ước và quyển Phúc Âm mà thôi. Đời nào chị ấy thích hát xướng, kịch cợt cùng chớp bóng chớp vía đâu.

Thuần Hoa nguyệt thật dài soọc, thật sắc bén:

- Vậy là tụi bây nghĩ rằng tao nói phéc, tao bịa láo...

Khải Thụy cười:

- Chứ còn gì nữa! Chẳng có chị Năm Kim Oanh, chị Chín Xuân Hoàng, chị Bảy Bạch Lựu nào khen anh Oánh-xăng cả, chỉ có chị mà thôi.

Thúy Hoa cà khịa:

- Bây lâu nay chị cứ bảo tụi em rằng có một thương gia nghiệp chủ theo ve vãn chị làm chị mềm lòng lỏng dạ. Thương gia nghiệp chủ ấy chính là anh chàng Oánh-xăng chứ có ai trồng khoai đất này đâu? Vậy mà chị giả giờ giả vịt rằng mình không cảm nổi, không yêu nổi, không thể kết hôn với kẻ lai dân dị chủng. Chị đóng kịch vụng quá. Cần phải nghiên cứu lối diễn xuất lại mới được.

Thuần Hoa tức tới xí một tiếng dài, rồi cứng họng, rồi bẽn lẽn ngồi im, mặt đỏ au au như hoa anh đào, hoa thược dược.

(còn tiếp)

TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI

(trích từ phapluan.net, phapvan.ca, phatviet.net)

Tích Lan: Chính phủ yểm trợ dự án đại giới đàn cho 2550 vị sa di thọ giới

(Hạt Cát dịch)

ColomboPage News Desk, November 14, 2006

Colombo, Sri Lanka --Bộ Giáo Dục Tích Lan đã khuyến cáo tất cả chư tăng viên chức trách nhiệm trong các trường học tự viện Phật Giáo tích cực làm việc để hoàn thành mục tiêu của dự án đại giới đàn cho 2550 sa di thọ giới để kỷ niệm 2550 năm Đức Phật Niết Bàn.

Giám đốc phân ngành Phật học học đường thuộc Bộ Giáo Dục, Ven Walaswewe Gnanarathana Thero, đã phát hành các bản hướng dẫn cho các trường chùa về việc đào tạo con số 2550 vị sa di và đăng ký với Bộ Phật Giáo

Bất cứ ngôi chùa nào có được 10 vị sa di thọ giới có thể mở một học viện mới với sự yểm trợ toàn phần của chính phủ.

Chính phủ Tích Lan hoạch định dự án đại giới đàn cho vị 2550 sa di thọ giới để kỷ niệm 2550 năm Đức Phật Niết Bàn vốn rơi vào năm ngoái, tuy nhiên, chỉ một vài bậc cha mẹ không tiếp tục theo đuổi việc xuất gia của con em.

Lớp Phật Giáo của diễn viên Truyền hình là phương sách đáng suy gẫm

(Tinh Tân dịch)

Ngày 27 tháng 09, 2006

Diễn viên truyền hình, ký giả và nhạc sĩ Ông Alistair Appleton đang hoạch định để giúp các giáo viên và trẻ em tại Devon học về thiền định khi ông viếng thăm quận Devon tháng này. Chủ chương trình BBC “Kho tàng trên gác “ (Cash trong Attic) và chương trình hàng tuần được sùng kính House Doctor, Ông Alistair là một Phật tử, và bây giờ vận hành các khóa thiền khắp toàn quốc.

Vào tháng 11, ông sẽ dạy tại Nông trại Boswell được thành lập từ thế kỷ 16 tại Sidford cạnh Sidmouth. Nhưng Ông Ailstair, 36 tuổi, cho biết rằng ông cũng có một sứ mệnh để giúp đỡ quần chúng gần vùng Sidmouth làm thư giãn căng thẳng và cung hiến các lớp

học miễn phí cho cộng đồng địa phương. Ông đặc biệt thích làm việc với các giáo sư ngành giáo dục tôn giáo hay các cố vấn trường học.

“Học về thiền định thì rất đáng được tuyên dương và tôi rất thích giúp quần chúng địa phương tham dự cũng như những người ghi danh vào lớp học của tôi.” Ông Alistair phát biểu như trên. “Tôi đang cố gắng sắp xếp thăm viếng các trường trong vùng này và tôi sẵn sàng gặp gỡ giáo chức địa phương” ông nói tiếp.

Mục đích Phật giáo để giác ngộ về sự thật tự nhiên của thực tại theo những lời giáo huấn của Đức Phật Thích Ca là bậc đã sống tại Ấn Độ vào 5 thế kỷ trước Công nguyên, và thanh lọc tâm qua thiền định. Ông Alistair đã đang dạy cho những người sơ học ba năm về khóa thiền Phật giáo tại Holy Isle, ngoài vùng Isle của Arran ở phía miền Tây Nam của Tô Cách Lan (Scotland).

Ông đã trở thành một Phật tử vào năm 2000 trong khi đang ngụ tại Thái Lan và hiện nay trải qua nhiều thời gian tại Holy Isle.

Thủ Tướng Tô Cách Lan Jack McConnel đã hỏi ông để giúp các trường phía bắc ranh giới quan tâm về thiền định. Nhưng đây là lần đầu tiên ông Alistair đã dạy tại Westcountry và ông đã trải qua nhiều tuần cố gắng để tìm một địa điểm thích hợp.

ABC của khóa thiền định của Ông Alistair là năm ngày tu học. Ông đã học tại nhiều tu viện ở Sussex và California và từ năm 2004 ông đã lôi cuốn sự cảm hứng từ bên ngoài của thế giới Phật giáo, phối hợp với sự thực hành shamanic của người Ấn Amazon ở Ba Tây (Brazil). Ông đã dạy tại các đại học ở Đức và Ba Lan (Poland) sau khi tốt nghiệp từ Đại Học Cambridge. Ông Alistair cũng là một diễn viên hay thủ diễn các vai trong phim “Các bà vợ của các cầu thủ bóng đá” (Footballers’ Wives) và “Bác sĩ Nào!” (Doctor Who).

Ông Alistair đang viết một quyển sách về gia đình của mẹ ông mà tất cả là những người tàn ác, và ông đang thực hiện một bản tiếng Mỹ của chương trình truyền hình. “Xuyên qua lỗ khóa” (Through the Keyhole).

Hang động cổ Kanheri tại Mumbai (Tinh Tấn dịch)

Trong những vùng ngoại ô phía Tây của Mumbai ở Borivali, giữa một dải đất xanh ngút ngàn được gọi là công viên quốc gia Sunjay Gandhi, bạn sẽ tìm thấy những Hang động Cổ Kanheri. Những hang động này đã được xây dựng bởi một vị Tăng Phật Giáo để dùng như một nhà trọ cho khách hành hương và được xác định từ niên kỷ thứ nhất trước Công Nguyên. Cuộc viếng thăm những hang động Kanheri mang lại cho bạn sự thấu hiểu về lịch sử và văn hóa của Chư Tăng tại Ấn Độ.

Những hang động này là một kỳ công kiến trúc tuyệt diệu. Tất cả 109 hang động đã được điêu khắc và chạm trổ và tạo thành tảng đá Bazan nhô lên vĩ đại. Những hang động nhỏ hơn, được mệnh danh như các Tu viện, phục vụ như những nơi tá túc của Chư Tăng.

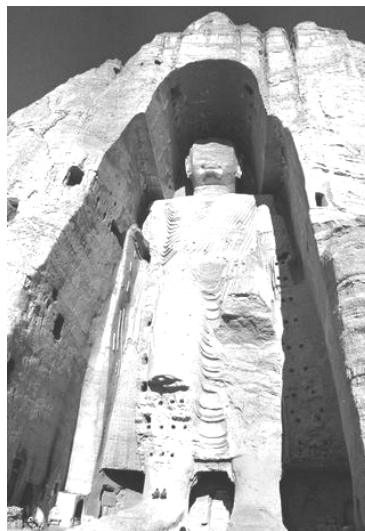
Những hang động lớn hơn, biệt danh là Chaityas, được tạo thành hàng với các điêu khắc Phật Giáo chạm trổ sâu sắc khác nhau và thường được dùng làm nơi điện thờ. Trong chánh điện tôn trí Kim Thân Phật cao đến 7 mét.

Bên trong có một dãy cột gồm 34 cột trụ chạm trổ uy nghi. Thân mười một đầu Avalokiteshwara là một chủ đề đặc biệt nhất. Có khoảng 100 câu khắc trong những văn bản khác nhau – Brahmi, Devnagri, Pallavi, và Sanskrit. Công viên quốc gia Sunjay Gandhi cách xa phi trường Mumbai khoảng một giờ lái xe.

Một hành trình dài khoảng một giờ phù du trong rừng sẽ dẫn bạn đến một ngọn đồi thoải thoải. Từ đỉnh đồi, những hang động tạo thành một quang cảnh tuyệt diệu. Hang động mở từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều suốt mùa.



Phát hiện kinh văn được chôn dấu bí mật trong Tượng Đại Phật Bamiyan (Hạt Cát dịch)



AFP- November 12, 2006

Tokyo: Một phần của một bộ kinh Phật Giáo được tìm thấy bên trong của một trong hai pho tượng Đại Phật Bamiyan, cung cấp một đầu mối trong việc vén màn bí mật chung quanh sự tạo tác các pho tượng, một công ty truyền thông Nhật Bản tường trình như trên.

Phản sát lại của bộ kinh được tin tưởng rằng có nguồn gốc từ tiếng Sankrist, được viết bằng thứ chữ mà thời thế kỷ thứ VI, VII người ta hay sử dụng, căn cứ theo một bản tin Kyodo được gửi đi từ Kabul.

Một nhóm nghiên cứu người Đức thuộc Hội Đồng Quốc Tế về Dền Đài Danh Thắng đã phát hiện kinh văn hồi tháng 7 trong đồng đồ nát của phần còn lại của tượng Đại Phật, bản tường trình, được đăng trên đa số báo chí Nhật Bản cho biết như trên. Các nhà nghiên cứu tin tưởng rằng nó được cất chứa ở vách phía đông bên trong những gì mà trước kia được mệnh danh là tượng Phật Đứng cao nhất thế giới. Nó đã bị chính phủ quá khích Taliban phá hủy hồi năm 2001.

Mặc dù đã có rất nhiều câu khắc khác nhau được tìm thấy bên trong pho Đại Phật, đây là lần đầu tiên một bộ kinh được phát hiện bên trong một pho tượng Phật Afghan. Bản kinh được viết bằng ngôn ngữ Gikit/Balmyan đồng bộ, loại đã được sử dụng để truyền bá giáo lý trong một miền mà bây giờ là Pakistan, Afghanistan và Bắc Ấn.

Tài liệu tìm thấy là phần mở đầu cho một bài kinh nói lên niềm tin căn bản của Phật Giáo và tính chất vô thường của mọi vật. Nó được ghi chép trên một miếng vỏ cây và được bọc trong một mảnh vải cùng với một

vài viên bi đất, điều mà người ta cho rằng có thể là Xá Lợi Phất.

Nhóm nghiên cứu cũng tìm thấy một mảnh kim loại được trang trí với hình ảnh giống như hoa. Họ cũng tìm thấy một con dấu khắc hình con rắn và chim. Các chuyên gia tin tưởng rằng dấu hiệu và hoa văn, họa tiết trang trí có thể là biểu tượng của một nhóm người, và nhóm người này đã bảo trợ cho việc xây dựng tượng Đại Phật. Bài kinh hiện được cất giữ ở một cơ sở Afghanistan ở Bamiyan.

Các nghệ gia thế giới tụ hội tại xứ Phật để cùng nhau sáng tạo công trình nghệ thuật

(Hạt Cát dịch)

By ANI

Friday November 10, 02:13 PM

By Surya Pratap Singh Bodh Gaya (Bihar), Nov.10 (ANI):

Bihar- India- Hơn 30 nhà nghệ thuật từ trên 22 quốc gia đã tụ họp tại đây để dự phần vào một dự án nghệ thuật quốc tế kéo dài 16 ngày, được tổ chức ở Bồ Đề Đạo Tràng tại Bihar, nơi Đức Phật thành đạo. Đối với những nghệ nhân như Nellore từ Pháp Quốc, nghệ thuật điêu khắc bằng bùn là một trạng thái về sự tin cậy giữa các quốc gia với nhau. Công trình nghệ thuật kéo dài hai tuần lễ này được tổ chức bởi giáo đoàn Truyền Giáo Phật Giáo, một giáo hội thuộc Phật Giáo Ấn Độ trụ sở tại Gaya bên cạnh một số giáo hội thiện nguyện và các phòng triển lãm nghệ thuật.

"Chủ đề của chúng tôi là làm nổi bật văn hóa của nơi chốn này, để truyền bá thông điệp của Đức Phật đến thế giới. Người ta biết một địa điểm như là Bodh Gaya hiện hữu nhưng người ta không biết sự quan trọng của nó, vì vậy, công trình này sẽ thực hiện một song hành mục đích nhằm vinh danh Bồ Đề Đạo Tràng và Amrita Bhusan," một trong những nhà hợp tác tổ chức công trình nói như trên.

Theo các nhà tổ chức, tác phẩm tuyển chọn sẽ được thiết trí vĩnh viễn tại Bồ Đề Đạo Tràng.

Quân đội Tân Tây Lan cứu vãn kịp thời pho tượng Phật Bamiyan 2000 năm tuổi

(Minh Châu dịch)

23 October 2006

Bamiyan, Afghanistan- Chuyên gia chất nổ trong quân đội Tân Tây Lan đã cứu vãn kịp thời tượng Phật 2000 năm tuổi qua việc phá hủy 500 kg chất nổ được phát hiện nằm dưới chân một pho tượng ở Afghanistan

Chuyên gia chất nổ của đoàn Công Binh Tái Thiết quân đội đã được gọi tới khi nhân viên làm việc nơi đó

phát hiện ngòi nổ dưới chân của pho tượng cao 53 mét trong tỉnh Bamiyan.

Người ta tin rằng pho tượng này đã được đục chạm trong vách núi từ thế kỷ thứ sáu, thứ bảy còn sót lại sau đợt càn quét chính phủ quá khích Taliban phá hủy hồi năm 2001.

Các nhân viên làm việc tìm thấy ngòi bom là một thành phần trong đoàn công tác quốc tế trong nhiệm vụ phục hồi hai đại Phật tượng bị chính phủ Taliban phá hủy. Edmund Melzl, một phát ngôn viên của Hội Đồng Quốc Tế về Khu Vực và Di Sản nói "Thoạt đầu, các nhân viên này nghĩ rằng đó là một miếng thiếc". Trong tạp chí quân đội Tân Tây Lan số phát hành mới nhất, cột Tin Quân Đội, Edmund Melzl nói ngay sau khi biết được rằng đó không phải là một miếng thiếc vô hại, quân đội Tân Tây Lan đã được gọi tới lập tức.

Viên sĩ quan Jim Johns thuộc Lực Lượng Đặc Biệt nói tông tích lai lịch của quả bom này đã không được biết đến nhưng có thể nó đã được thả xuống khi Nga xô đang đánh nhau với Mujahadeen nhưng nó đã không nổ.

Cho đến khi quân đội Taliban tràn vào và cho nổ các tượng Phật thì có lẽ nó được xếp chung vào các loại bom đạn không nổ khác và được chôn dưới đồng cỏ.

Quả bom đã được kéo ra khỏi chân pho tượng và được phá hủy bằng dụng cụ điều khiển nổ theo công thức.

Ông Melzl nói trong tờ tạp chí quân đội "Tôi rất vui mừng với những gì vừa xảy ra tại đây, cảm ơn toán chuyên viên phục hồi tôn tượng, chúng ta đã có thể trở lại với công việc mà không phải e ngại hiểm nguy và pho tượng cũng tránh được những tác hại của quả bom, điều mà chúng tôi sợ hãi, lo lắng nhất".

Quả bom này là một trong những quả lớn nhất được phá hủy bởi toán chuyên viên phục hồi tôn tượng làm việc tại Afghanistan.

Sách của Sư Ajahn Brahm được tu sĩ Ki Tô Giáo tán thưởng

(Minh Châu dịch)

Ngày 29 tháng 10, 2006

Bangkok, Thái Lan - Sách của Sư viết được dịch ra 8 thứ tiếng: Đức, Trung Hoa, Thái v.v..., và những độc giả của Sư thuộc nhiều thành phần trong xã hội: giám đốc, sinh viên học sinh, các nhà tâm lý học, ngay cả các giáo sĩ Cơ Đốc giáo.

Sư đã nói với niềm vui và chút ít ngạc nhiên "Tháng vừa qua có một tu sĩ Thiên Chúa giáo gọi cảm ơn về quyển sách của tôi, rằng vị ấy đã dùng sách này

vào việc giảng dạy. Khi nhận được lời khen tặng từ những người thuộc Cơ Đốc giáo, bạn sẽ thấy rằng quyền sách đã thật sự bắt được nhịp cầu giữa những tôn giáo khác nhau".

Sư có một sở trường riêng trong việc hoằng truyền Phật pháp bằng những phương cách khác biệt. Thay vì đi khắp nơi để giảng dạy, hay chỉ làm các Phật sự tại tu viện của Sư ở nước Úc, là nơi chỉ có 2 % dân số là Phật tử, Sư Ajahn Brahm tích cực tham gia vào những cuộc đối thoại với tu sĩ các tôn giáo bạn.

Sư có một sự tương giao đặc biệt với một tu sĩ Thiên Chúa giáo ở tu viện Benedictine tại phía Bắc của Perth. Cả hai vị đang thực hiện một chương trình nói chuyện để tạo niềm vui cho công chúng có tên là 'The Two Abbots'.

Mọi người rất vui thích khi trông thấy một tu sĩ Phật giáo và một tu sĩ Thiên chúa giáo ngồi lại với nhau, nói về những đề tài chung, và rất là thân thiện với nhau. Tình thân hữu của hai vị tu sĩ đã khiến cho cuộc trao đổi giữa hai vị có ảnh hưởng nhiều hơn. Sư Ajahn Brahm đề ý trong những cuộc trao đổi giữa các tôn giáo khác nhau, thường thì người ta phải hết sức thận trọng để khỏi làm mất lòng nhau. Sư nói "nhưng tình thân hữu giữa hai chúng tôi đã vượt xa ranh giới ấy rồi. Chúng tôi hiểu nhau rất nhiều nên không phải lo ngại vấn đề bất đồng ý kiến. Ông ta có thể nói bất cứ điều gì ông muốn nói. Ông là bạn tôi và tôi sẽ không cảm thấy bị tổn thương. Ông ta có thể nói "Tôi không tin có luân hồi". Và tôi có thể nói "Tôi không tin Chúa". Và cả hai chúng tôi đều thắng, bởi vì cả hai đều biết rất rõ người kia muốn ngụ ý gì.

Khi bàn đến thiền, Sư nói "Đạo Phật không độc quyền đối với vấn đề thiền. Ngày nay thiền đã được phổ biến rất rộng rãi, nên đã có nhiều nhóm thiền bên Cơ Đốc giáo và những tôn giáo khác, do vậy những tín đồ không phải Phật tử cũng có thể tu tập thiền đồng thời vẫn duy trì tôn giáo của họ."

Cambodia: Tu sĩ Phật giáo dẫn thân vào công tác xã hội

(Minh Châu dịch)

Ngày 1 tháng 11, 2006

Phnom penh, Cambodia - Buddhism for Development (BFD) là một trong các tổ chức từ thiện xã hội được thực hiện bởi các nhóm tu sĩ Phật giáo, gồm cả Tăng và Ni tại Cambodia. BFD là tổ chức có ảnh hưởng lớn nhất, do Sư indapanno và một nhóm tu sĩ thành lập vào năm 1990 tại khu 2 của trại tị nạn ở ngay biên giới Cambodia và Thái Lan. Nhóm BFD hiện đang hoạt động tại 8 tỉnh trên lãnh thổ Cambodia với những đề án khác nhau.

Nhóm thường xuyên mở các khóa huấn luyện cho Tăng Ni về những vấn đề xã hội, để chư Tăng có thể tham gia nhiều hơn vào sự phát triển kinh tế xã hội của quốc gia. Đề án "Mother Karuna" được thực hiện bởi 28 vị nữ tu trong tỉnh Battambang, nhằm vào sự cải thiện tình trạng của các bà mẹ, của xã hội và các hoạt động khác như hướng dẫn bệnh nhân HiV/AiDS cách sống, thăm viếng bệnh nhân tại các bệnh viện, hướng dẫn các phụ nữ về vấn đề hành hung trong gia đình và khẩn cấp giúp đỡ những gia đình quá đói khổ.

Nhóm này cũng làm việc với giới trẻ, nhằm giúp các em tập sống có trách nhiệm, tự tin hơn, tạo cho các em cơ hội để bày tỏ những khó khăn và hoạch định cho tương lai. Các em gái được thọ giới xuất gia một tháng trong dịp lễ.

Tổ chức BFD cũng hướng dẫn dân trong vùng về cách ngăn ngừa các chứng bệnh như bệnh sốt dengue, sốt rét, suy dinh dưỡng, sốt tê liệt, và đặc biệt là HiV/AiDS.

Thường thì các tu sĩ xuất thân từ những gia đình nghèo và có trình độ văn hoá thấp, cho nên cũng cần những khóa học, đặc biệt là trong lãnh vực các vấn đề xã hội. Một số dân quê đã chỉ trích những Tăng Ni tham gia vào công tác này, họ nghĩ rằng tu sĩ thì phải ở chùa và cầu nguyện. Thêm vào đó vấn đề bệnh AiDS cũng làm cho một số người lo ngại, họ cho rằng tu sĩ không được bàn luận về giới tính, mặc dù thành viên của nhóm BFD đã nhắc nhở họ rằng Đức Phật không bao giờ cấm đoán điều này.

Sự việc các tu sĩ dẫn thân hoạt động trong các cộng đồng là một điều mới lạ đối với nhiều người. Việc làm thay đổi tính bảo thủ của người dân quê là cả một quá trình.

Thái Lan: Giáo hội Phật giáo yêu cầu có phòng dành riêng cho tăng chúng tại phi trường

(Hạt Cát dịch)

Bangkok Post, Nov 13, 2006

Bangkok, Thailand -- Văn phòng Phật Giáo Quốc Gia Thái Lan mong muốn phi trường mới Suvarnabhumi xây dựng một phòng dành riêng cho tăng chúng trong các khu vực chờ đợi của hành khách vắng lại.

Manas Parkpoom, một giám đốc trực thuộc văn phòng Phật Giáo, nói văn phòng nhận được những lời than phiền và nhiều đề nghị từ một số hội đoàn, đảng phái với lý do rõ ràng rằng chư tăng thường hay có những nhiệm vụ chính thức phải di chuyển đó đây cần sử dụng phương tiện hàng không, và nó đã không thích đáng khi chư tăng phải ngồi lẫn lộn trong công chúng trong khi chờ đợi các chuyến bay.

Hiệp hội Thanh Niên Phật Giáo Thái Lan được xác nhận như là một nhóm đã đòi hỏi khu vực đặc biệt dành cho tăng chúng trong phi trường.

Ông Manas nói ông đã gửi văn thư đến cho ông Somchai Sawasdeepon, tổng giám đốc điều hành và AoT để yêu cầu khu vực đặc biệt này. Và nếu như có thể, cũng nên có một phòng dành riêng cho Phật tử lễ lạy bái sám trong phi trường, giống như hiện nay cũng đã có một phòng dành riêng cho tín đồ hồi giáo.



Borobudur, ngôi chùa mạn đà la tại Yogyakarta, Nam Dương
(Minh Châu dịch)

Borobudur là kiến trúc Phật giáo lớn nhất tại Đông Nam Á. Nhìn chung hình dạng ngôi chùa trông giống như một mạn đà la. Một số học giả tin rằng dự định đầu tiên là xây cất một ngôi chùa Ấn giáo, nhưng lại được đổi thành một kiến trúc Phật giáo sau khi công trình xây cất được khởi sự.

Sự hình thành của ngôi chùa là sự tái tạo một thế giới vi mô thu nhỏ lại của vũ trụ quan Phật giáo. Lối đi lên chùa được xây thành hình xoắn ốc vòng quanh trung tâm, để khách hành hương có thể nhìn xuống từ xa khoảng một cây số những cảnh quang được miêu tả trong kinh điển và trong cuộc đời Đức Phật. Nền chùa có hình vuông, có lẽ để tượng trưng cho tính phạm tục của trái đất. Khi lên trên cao, hình dáng chùa được đổi thành những vòng tròn trên tầng cao của chùa, tượng trưng cho trời. Những ngôi tháp nhỏ được xây giữa những vòng tròn, trong mỗi ngôi tháp là một tượng Phật. Có lẽ là để tượng trưng cho cõi “vô sắc giới” của đạo Phật, là nơi ngự của nhiều vị Thánh. Ở giữa nền cao này có một ngôi tháp khổng lồ nhưng bên trong trống rỗng. Người ta không biết có phải nguyên thủy đây là một ngôi tháp rỗng, nhưng nếu quả thật

như thế, sự trống rỗng của ngôi tháp tượng trưng cho sự chứng đạt quả vị Niết Bàn, là nơi chấm dứt dòng sanh tử luân hồi.

Hình dạng của ngôi chùa được xem là độc nhất trong thời kỳ ấy. Nhiều thế kỷ sau đó, một số ngôi chùa theo hình mạn đà la tương tự (nhưng nhỏ hơn) được xây dựng tại Cambodia và Thái Lan. Không giống như chùa Borobudur, các ngôi chùa này được xây với một ‘Mt. Meru’ ở chính giữa, chứ không phải một ngôi tháp lớn. Mt. Meru là ngọn núi linh thiêng trong Phật giáo được tin rằng đã vượt cao tới các tầng trời.

Một cuộc lễ hội văn hóa đa dạng Phật Giáo

(Hạt Cát dịch)

Oct 05, 2006

Gaurav Vivek Bhatnagar

NEW DELHI: Cư dân thành phố Delhi sẽ có một cơ hội duy nhất chứng kiến lễ hội âm nhạc và nghi lễ Phật giáo với nhiều hình thức Phật Giáo trên khắp thế giới trong ba ngày lễ "Lễ Hội Âm Nhạc và Nghi Lễ Phật giáo Quốc Tế" sẽ được Đức Đạt Lai Lạt Ma khai mạc.

Lễ hội này được tổ chức bởi Nội Các lưu vong Tây Tạng với sự hợp tác của Bộ văn hóa liên bang và trung tâm Habita Ấn Độ. Trong suốt buổi khai mạc lễ hội này tại công viên Buddha Jayanti, Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ diễn thuyết về "Bát Chánh Đạo".

Buổi lễ khai mạc cũng sẽ có một màn ngoạn mục mệnh danh "Golden procession" gồm vị 108 Tăng, Ni xướng tụng thánh kệ và sau đó là phần xướng tụng của nhiều hội đoàn tham gia lễ hội.

Lễ hội sẽ phản ánh văn hóa Phật Giáo ở Á Châu đã phát triển thành nhiều hình thức nghi lễ, vũ nhạc qua nhiều thế kỷ như thế nào.

Như thế, người ta sẽ được chứng kiến các loại hình văn hóa phong phú đa dạng của Phật Giáo Nhật Bản, Đại hán, Tích Lan, Việt Nam, Nepal, Thái Lan, Mông Cổ và Tây Tạng.

Điểm nổi bật nhất trong lễ hội sẽ là phần trình diễn vũ nhạc nghi lễ từ nhiều quốc gia và tụng kinh trong các ngôn ngữ từ Pali đến Sankrist, đến Tây Tạng, đến Đại Hán, Mông Cổ và nhiều thứ tiếng khác nữa.

Pakistan sẽ chủ trì Hội Nghị Phật Giáo vào năm tới (Upekha dịch)

International News Network, Sept 27, 2006

TOKYO, Japan--- Bộ Trưởng Bộ Du Lịch Pakistan, bà Nilofer Bakhtiar trong chuyến viếng thăm Nhật Bản, phát biểu rằng quốc gia của bà mong muốn tập hợp Hội Nghị Phật Giáo Quốc Tế vào năm

tới và hy vọng số đông du khách Nhật Bản cũng sẽ viếng thăm Pakistan trong dịp này.



Bà nói rõ việc này hơn với Viên Chủ Trì của ngôi chùa Kenchoji 800 năm xưa cổ, Rev.Roshi Yoshida hiện diện tại cuộc họp Iftar Dinner trong niềm vinh dự của Bộ Trưởng Du Lịch, Bà Nilofer Bakhitar và phái đoàn của bà trước ngày đó tại đây.

Bộ Trưởng tỏ lời tri ân viên chủ trì trong việc nhìn nhận lễ hội mùa chay thiêng liêng “Ramadhan” và hy vọng thể cách đó sẽ giúp đem lại niềm tin hòa hợp trên thế giới hơn. Bà lập lại lời mời Viên chủ trì Reverend Yoshida đến thăm viếng Pakistan.

Ngôi chùa xưa cổ là một phong cảnh đầy sinh khí của Nhật Bản. Một pho tượng sao chế pho tượng Fasting Buddha nổi tiếng đã được trao tặng đến ngôi chùa vào tháng 10 năm vừa qua.

Việc cúng dường thánh vật duy nhất này được Thủ Tướng Pakistan ông Shaukat Aziz quyết định trong lần viếng thăm Nhật Bản.

Bộ Trưởng cho viên chủ trì biết rằng các khu thánh tích Phật giáo đã được bảo quản tốt ở Pakistan. Bà nói Pakistan từng là chiếc nôi của nhiều nền văn minh cổ đại. Bà miêu tả nền “Văn minh Grandhara” đã một thời hưng thịnh ở phía bắc của Pakistan trong hai ngàn năm trước và đã lôi cuốn hành trình đến Nhật Bản, một trong nhiều chủ xướng quan trọng trong lịch sử của Pakistan.

Bà Nilofer Bakhtiar nhấn mạnh Pakistan mong mỗi sẽ triệu tập Hội Nghị Phật Giáo Quốc Tế năm tới. Chỉ huy chỉ đạo Hội Nghị hiện tại thăm viếng Pakistan nhằm lưu tâm ổn định sắp xếp trong việc này.

Viên chủ trì tri ân chính phủ và nhân dân Pakistan đã trao tặng tác phẩm điêu khắc hiếm có đến cho ngôi chùa.

Một tỷ phú tài trợ 4 triệu đô la cho việc nghiên cứu Phật giáo

(Trần Quang Việt dịch theo Buddhistchannel.tv)

Robert Hung-Ngai Ho có ước muốn là đem hạt giống Phật pháp đi gieo trồng khắp thế gian. Tỷ phú về hưu Robert Hung-Ngai Ho, hiện đang định cư tại Canada, đã hiến tặng 4 triệu đô la cho việc nghiên cứu Phật pháp cho trường đại học Toronto.

Từ năm 2000, ông Ho đã đóng góp nhiều triệu đô la cho việc thiết lập các chương trình giảng dạy về Phật pháp cho các trường đại học tại Hong Kong và Thái Lan dưới cái tên Tung Lin Kok Yuen, một tổ chức Phật giáo phi lợi nhuận được thành lập bởi ông bà nội của ông Ho-cũng là người khởi nghiệp cho gia sản của dòng họ.

Hiện nay, doanh nhân về hưu và cũng là cựu nhà báo này đang hy vọng sẽ thúc đẩy việc nghiên cứu Phật giáo tại quê hương thứ hai của ông. “Mục tiêu của chúng tôi là Phật giáo không chỉ là một tôn giáo phổ biến ở Châu Á mà còn được biết đến và hiểu rõ hơn trên khắp thế giới“. Ông Ho nói tại một buổi tiệc được tổ chức tại cơ sở Scarborough của trường đại học Toronto. “Phật giáo cũng giống như các tôn giáo khác là một bộ phận không thể thiếu trong việc phát triển văn hóa toàn cầu và sẽ tiếp tục phát triển một cách hài hòa với thế giới chúng ta”.

Sinh trưởng trong một gia đình Phật giáo, ông Ho năm nay 74 tuổi nói rằng từ nhỏ ông đã không thích việc đi chùa mãi cho đến năm 40 tuổi ông mới bắt đầu tìm kiếm sự hát triển tâm linh. Sau khi nghiên cứu nhiều tôn giáo khác nhau, ông nghiệm ra rằng chỉ có Phật giáo là phù hợp nhất vì giáo lý vô ngã.

“Phật giáo dạy chúng ta phải tự mình làm mọi việc, phải đặt niềm tin nơi bản thân mình chứ không phải nơi đấng siêu nhiên hay thần thánh nào khác”. Ông Ho giải thích. “Thật không may là người ta trộn lẫn Phật giáo với các tín ngưỡng khác, biến nó thành hoang đường khiến người khác nghĩ rằng đó là một mớ các lòng tin tà thuật”.

Đó là lý do tại sao ông Ho dồn hết tâm huyết cho việc xây dựng các mạng lưới nghiên cứu Phật giáo khắp toàn cầu tại các học viện trên thế giới nhằm gạt bỏ những quan niệm sai lầm về tôn giáo có hơn 2500 năm tồn tại này.

Các khoản tiền này sẽ được dùng để mời các giảng viên thỉnh giảng cũng như tổ chức các cuộc hội thảo, các buổi nói chuyện trước công chúng và tài trợ các học bổng.

Giáo sư William Bowen, trưởng khoa Nhân văn tại trường Scarborough cho biết, các giảng viên thỉnh giảng sẽ giúp làm phong phú các chương trình học

trong các lĩnh vực nghệ thuật, tôn giáo, triết học...

“Việc nghiên cứu Phật giáo và các tôn giáo phương Đông đã có những bước tiến rõ rệt”, ông nói. “Trong năm đầu tiên môn học về các tôn giáo phương Đông chỉ có khoảng 500 sinh viên nhưng trong năm thứ hai con số này là gần 1000 sinh viên”.

Bằng giọng nói từ tốn ông Ho nói rằng ông đã học được rất nhiều từ lòng hào hiệp của ông bà nội của mình, Bà Clara và Ông Robert Ho Tung, là người đứng đầu của một trong những gia đình giàu có nhất Hong Kong một thời gian dài trước khi định cư ở Canada.

Cha là người Hà Lan, mẹ là một phụ nữ Trung Quốc, ông Ho đã làm nên cả một gia sản lớn trong lĩnh vực bất động sản và thương mại. Rất nhiều các công viên, trường học, cao ốc mang tên ông. Và gia đình họ Ho vẫn có nhiều ảnh hưởng nhất trong giới doanh nhân Hong Kong.

Tất cả các khoản đóng góp từ thiện, theo ông Ho, đơn giản là “theo ý nguyện và lòng nhân từ của bà Clara là đưa đạo Phật vượt ra khỏi biên giới Hong Kong để Hoa kiều và người nước ngoài sẽ được giác ngộ bởi giáo lý đạo Phật”.

Ông Ho cũng cho biết là ông đang thương lượng với một trường đại học ở Mỹ để xây dựng một trung tâm nghiên cứu Phật giáo ở phía Nam biên giới. Ông từ chối tiết lộ tên trường nhưng ông đã hiến tặng hơn 30 triệu đô la Mỹ cho trường mà ông từng theo học, New York's Colgate University, để tài trợ cho các dự án nghiên cứu về Châu Á.

30,000 sinh viên Đại Học Buffalo lắng nghe Đức Đạt Lai Lạt Ma

(Hạt Cát dịch)

Thursday, September 21, 2006



Buffalo-New York. Tầm cầu hy vọng và một đời sống hạnh phúc – và áp dụng văn hóa để thực hiện

chúng – là thông điệp mà Đức Đạt Lai Lạt Ma đã gửi đến cho một hội chúng đông đảo chưa từng thấy từ trước đến nay, 30,000 sinh viên lắng nghe, trong loạt diễn thuyết đặc biệt của Ngài hôm thứ Ba tại Văn Phòng Trường của University of Buffalo (Viết tắt UB), New York.

Trong thời gian diễn giảng tại sân vận động Đại Học UB, cũng như trải qua ba ngày thăm viếng nơi đây, Đức Đạt Lai Lạt Ma nhấn mạnh vào trọng điểm “làm thế nào các thành phần xã hội thế hệ tới như các bác sĩ, luật sư, chính trị gia, khoa học gia có thể phục vụ quần chúng một cách nhân đạo hơn. Khả năng sáng tạo một thế giới đầy ắp an bình và từ bi nhân bản hoặc “hào tâm” như Ngài đã diễn tả - nằm trong tay của những thành phần nói trên”. Ngài nói với hội chúng như trên.

Đối với nhiều người trong hàng thánh giả, đây là một cơ hội trong một cuộc đời, được gặp gỡ và lắng nghe vị lãnh đạo tâm linh từng đạt giải Nobel Hòa Bình.

Dưới đây là một số cảm tưởng của sinh viên tham dự buổi diễn thuyết của Ngài:

“Tôi có ấn tượng mạnh nhất với thông điệp của Ngài về việc ý thức xã hội trở nên liên hệ đến chương trình giảng dạy nhiều hơn”, Falicov, một sinh viên luật khoa năm thứ nhất nói như trên, Cô nói thêm rằng Cô hi vọng Đức Đạt Lai sẽ đi qua vấn đề nên sử dụng luật pháp như thế nào như một công cụ để thay đổi xã hội trong buổi giảng tại giảng đường Luật Khoa chủ đề “Luật Pháp, Phật Pháp và sự cải thiện xã hội”, Cô nói Cô mong muốn được nghe đề nghị của ngài về việc pháp luật giúp đỡ giới nghèo khó hoặc những người bị tước mất quyền công dân như thế nào”.

Town, một người bạn của Cô nói “Tôi đồng ý, tôi nghĩ rằng thật là tuyệt vời khi UB đã làm hết mình để mang Ngài đến đây. Tôi thật thích thú khi nghe Ngài nói rằng những ai đi vào các lãnh vực như y học, chính trị và pháp luật v.vv nên chú trọng vào những gì chúng ta đang làm cho thế giới một khi chúng ta ra khỏi nơi đây”.

Một sinh viên năm thứ Hai chương trình tiến sĩ ngành Xã Hội Học, Nicole nói cô chăm ngay một bài học giản dị mà thâm thúy từ nơi Ngài “Hạnh phúc và hòa bình đến từ bên trong chúng ta, và đó là những gì chúng ta nên chia sẻ với mọi người”.

Đức Đạt Lai Lạt Ma nói với đại chúng rằng một trong những lý do Ngài chọn UB để viếng thăm bởi vì Đại Học UB thu nhận một con số lớn và một cộng đồng đa dạng sinh viên quốc tế.

Hai sinh viên khác, Ilija và Peter Zhang, bị ảnh hưởng bởi tiếng vang của sự kiện nói họ hứng thú với

sự sâu sắc của vị lãnh đạo Tây Tạng lưu vong, người đã giải đáp những câu hỏi được chọn ra sau khi xong phần thuyết giảng.

Một sinh viên được học khác từ Phúc Châu, TQ, Peter Zhang nói "Tôi cảm thấy tôi cần phải tìm hiểu nhiều hơn về quan kiến của Ngài đối với vấn đề Trung Quốc, bởi vì tôi đến từ nơi đó., Anh cũng muốn được nghe Đức Đạt Lai nói về tính chất bất bạo động, một đề tài mà anh đang nghiên cứu trong lớp Anh Ngữ.

Một sinh viên ngành sinh vật học người Macedonia nói anh hứng thú với quyển "Freedom in Exile" tự truyện của Ngài, quyển sách mà tất cả mọi sinh viên lấy tín chỉ 101 UB được yêu cầu phải đọc qua, nói "Bạn nghe nhiều về Đức Đạt Lai Lạt Ma nhưng bạn không bao giờ thực sự biết được Ngài là ai. Thật là một điều thú vị để nghe một người có tầm vóc như thế ở trong khung cảnh mặt đối mặt"

Văn Phòng tổ chức Các Sự Kiện Đặc Biệt của trường học báo cáo họ đã phát hành 13,000 vé miễn phí và 4000 vé giới hạn.

Các sinh viên tham dự cũng đáp ứng mạnh mẽ, Hội Sinh Viên Tốt Nghiệp UB báo cáo 300 vé họ nhận để phân phối đã không còn trước thời hạn và 5100 vé khác được bán tại khu nội trú cũng hết sạch, 8000 vé khác dành cho sinh viên chưa tốt nghiệp cũng không còn. Ban đầu số vé phân phối ra hơi chậm nhưng sau đó thì nhu cầu tăng lên, cho đến sáng hôm thứ Ba người ta vẫn còn gọi lấy vé, đến giờ chính tức khai mạc thì hội trường gần như được lấp kín.

Nhà văn Laxman Mane sẽ trở thành Phật tử

(Minh Châu lược dịch)

Ngày 24 tháng 9, 2006

Mumbai, India -- Nhà văn du cư Laxman Mane, người đã đoạt giải Sahitya Academy Award, sẽ chính thức đổi sang đạo Phật vào tháng tới. Hành động này sẽ làm giao động hệ thống tôn giáo trên toàn lãnh thổ Maharashtra. Cách đây nửa thế kỷ, Dr Babasaheb Ambedkar, một trong những người lập ra hiến pháp Ấn Độ, đã kêu gọi đảng cấp thấp nhất của Ấn giáo từ bỏ tôn giáo này để trở thành tín đồ Phật giáo. Nhà văn Mane nói "Đây là một cố gắng nhỏ của tôi để thực hiện ước muốn của Dr Ambedkar".

Được hỏi tại sao lại chọn Phật giáo, ông Mane trả lời rằng các bộ lạc đã làm theo lời dạy của Đức Phật mà không hay biết. Giờ đây họ nhận ra rằng sự tu tập của họ cũng khá gần với đạo Phật.

Có khoảng 350 triệu tín đồ Phật giáo trên toàn thế giới, phát triển nhiều ở các nước Tây phương. Theo thống kê năm 2001, Maharashtra có 5.8 triệu, cao nhất

ở Ấn Độ, kể đến là Uttar Pradesh và Karnataka. Ông Mane dự đoán một con số đáng kể từ 42 bộ lạc của Maharashtra sẽ đi theo đường hướng này.

Ông nói "Chúng tôi sẽ tổ chức một lễ hội lớn vào ngày 16 tháng 12 tại Mumbai. Đầu tiên sẽ có 100 đại biểu vào ngày 2 tháng 10. Thời gian 2 tháng cho phong trào cải đạo sẽ bắt đầu vào ngày 16 tháng 10 tại Chandrapur, một khu vực của các bộ lạc thuộc miền Đông Maharashtra.

Tuy nhiên ông Mane phủ định từ "cải đạo" đối với hành động này. Ông nói "Chúng tôi (người dân của các bộ lạc) chưa từng theo Ấn giáo và những khuôn mẫu xã hội của tôn giáo này. Cho nên không có vấn đề từ bỏ một tôn giáo nào cả."

KHÓA TU HỌC MÙA ĐÔNG CHO GIỚI TRẺ LẦN THỨ IV TẠI CHÙA QUANG THIỆN Ở MIỀN NAM CALIFORNIA

Thượng tọa Thích Minh Dung, Viện chủ Chùa Quang Thiện ở thị trấn Ontario, Nam California tổ chức Khóa Tu học Mùa Đông cho Giới Trẻ lần thứ IV.

Khóa Tu học Mùa Đông Cho Giới Trẻ lần thứ IV năm nay được tổ chức vào dịp lễ Thanksgiving, từ ngày 24 đến ngày 26 tháng 11 năm 2006. Lễ khai mạc khóa tu học bắt đầu vào đêm 24.11 và bế mạc vào sáng ngày 26.11.2006.

Thượng tọa Thích Minh Dung kính mời: "Các Bạn trẻ và quý Cô, Bác cùng về tham dự để cùng nhau lắng nghe, chia sẻ những ý kiến cùng kinh nghiệm ngộ hầu khám phá các giá trị nội tại tối hậu mà do đời sống xô bồ trong xã hội làm cho chúng ta quên hay đánh mất. Nhờ các giá trị nội tại này mà tinh thần sáng tạo và khoa học sẽ nảy nở làm nên cuộc sống mới trên Con Đường Phật".

Mọi chi tiết về Khóa Tu học xin liên lạc về Chùa Quang Thiện:

THƯỢNG TỌA THÍCH MINH DUNG
CHÙA QUANG THIỆN
704 EAST E STREET
ONTARIO, CA 91764
ĐIỆN THOẠI: 909 – 986 2433

Hoặc điện thoại trực tiếp về Ban Tổ chức Khóa Tu học để ghi danh theo các số điện thoại sau đây:

Đạo hữu **Thiện Ý**: 909 – 319 0678
Đạo hữu **Quang Hồng**: 909 – 456 9992
Đạo hữu **Quảng Thuần**: 951 – 275 7129

Đại Lễ Khánh Thành CHÙA TRÚC LÂM Chicago- Illinois

Phật tử Trúc Lâm ghi nhanh



Ngày 20-22 tháng 10 năm 2006

Bầu trời mùa thu Chicago hơi lạnh, bất chợt có chút nắng ấm đủ để sưởi ấm những chiếc lá vàng còn sót lại trên cành. Mùa Thu Chicago đẹp, với những con đường có nhiều tàn cây che mát.

Chùa Trúc Lâm tọa lạc trên đường Wilson giữa lòng đô thị Chicago. Nguyên là một ngôi nhà thờ được sửa sang lại và hôm nay trong không khí rộn rịp, hân hoan từ khắp các quốc gia trên thế giới, chư Tôn Đức tăng ni cũng như quý Phật tử quang lâm về đạo tràng này để chứng minh, tham dự chương trình lễ Khánh Thành với những tiết mục như sau:

- Thuyết Pháp (21/10/2006): Có sự tham dự đông đủ của quý chư Tôn Đức, đây là một dịp để cho hàng Phật tử tại địa phương cũng như các vùng phụ cận được nghe giáo pháp, để từ đó áp dụng giáo pháp trên con đường tu tập và phụng sự. Do vậy trong cung cách là trưởng ban tổ chức và cũng là vị lãnh đạo tinh thần TT. Thích Hạnh Tuấn đã thành tâm kính cung thỉnh HT. Thích Như Tín, TT. Thích Vân Đàm, TT. Thích Đồng Văn, TT. Thích Quảng Bình, TT. Thích Như Thọ, TT. Thích Tâm Hòa... ban bố những bài pháp thoại thực dụng và tọa đàm Phật Pháp tại ngôi Đại Hùng Bảo Điện, trong không khí trang nghiêm đầy đạo vị. Phải nói rằng đây là thời gian và cũng là cơ hội đã làm sống dậy không khí nghe pháp cũng như sự tu học của quý Phật tử nơi đây.

Từ những bài giáo pháp ban vui cứu khổ, từ những tấm lòng tươi mát của quý Ngài đã làm cho bao cảm nghĩ, ý tưởng của các giới Phật tử nơi đây tràn đầy hy

lạc và củng cố niềm tin nơi ba ngôi Tam Bảo.

- Thời khóa tụng kinh. Đây là một hình ảnh đặc biệt của đời sống thiền môn mà từ khi tạo mãi ngôi nhà thờ để đến hôm nay biến thành ngôi Tam Bảo trang nghiêm, trầm hùng. Chư tôn đức tăng ni đã làm sống lại những thời công phu khuya Lăng Nghiêm, Thập Chú, niệm Phật, thiền hành. Đây là tinh thần, là nếp sống thiền môn đã có tự ngàn xưa trên quê hương Việt Nam. Theo truyền thống đó, hôm nay, chùa Trúc Lâm - Chicago đã thực sự khơi dậy hình ảnh thân thương, yêu quý ngàn đời của Phật Giáo Việt Nam trong lòng người Phật tử tại địa phương này.

- Đêm Thơ Thiền Tuệ Sỹ và Trần Trung Đạo. Chùa Trúc Lâm được đóng vai trò như là nơi tôn thờ Ngôi Tam Bảo, nơi duy trì nếp sống tâm linh, nơi tu học của chư tăng tín đồ, nơi tôn thờ chư vị hương linh của quý Phật tử tại địa phương, nhưng đồng thời chùa Trúc Lâm cũng đóng vai trò Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam. Từ ý nghĩa đó Ban Tổ Chức đã mở một chương trình "Đêm Thơ Thiền" vào lúc 8:30 tối ngày 21/10/2006. Đông đảo chư tôn đức và văn nghệ sĩ Phật tử chân thành trầm lắng trong không khí thiền vị nơi Chánh điện. Gần 100 chiếc bàn nhỏ sắp sẵn bên trong Chánh điện, nơi mỗi chiếc bàn nhỏ được xếp 3 chiếc tọa cụ và trên từng chiếc bàn nhỏ đã trang trí một cách rất trang nhã, lịch sự. Một ngọn đèn cây lung linh huyền bí, một cành hoa lan được cắm một cách nghệ thuật chìm sâu trong ly nước trong vắt, tượng trưng cho một tâm hồn thanh tịnh đang hiện hữu cùng với cánh hoa tươi - Phật tánh.

Mở đầu chương trình là lời giới thiệu của TT. Thích Như Điển về nhà thơ Trần Trung Đạo với những kỷ niệm một thời cùng sinh sống trong ngôi chùa Viên Giác (Hội An) nơi thành phố cổ của quê hương xứ Quảng, và để hoài niệm về ngôi chùa xưa, TT. đã ngâm một bài thơ "Nhớ Chùa" của cố thi sĩ Huyền Không (tức HT. Thích Mãn Giác vừa viên tịch), làm cho không khí càng tăng thêm sự trầm lắng, ý vị.

Kế đến là phần thuyết trình của TT. Nguyên Siêu: *Tuệ Sỹ - Thơ và Tư Tưởng Triết Học*. Những lời thơ chất ngất tình tự quê hương dân tộc. Những lời thơ của phương trời mộng đã đi sâu vào tâm thức của mọi người trong đêm thơ thiền, và trong tinh thần thiền đạo này bản thân người viết đã thực sự rung cảm và cảm nhận những lời thơ một cách chân tình.

Tiếp theo là phần ngâm thơ của Thầy Tuệ Sỹ. TT. Thích Tâm Hòa - Viện chủ chùa Pháp Vân Canada, đã thực sự dâng trọn tâm tình để diễn đạt những bài thơ: "Khung Trời Cũ", "Hận Thu Cao", "Hoài Niệm", "Luống Cãi Chân Đồi" lời thơ phiêu bồng, giọng ngâm trầm ấm, chứa đựng một nỗi niềm thầy trò chân thật

quý kính. Nhờ vậy mà sự cảm xúc dâng trào.

Qua phần thơ nhạc Trần Trung Đạo, chính tác giả đã trình bày các tác phẩm của mình. Trên tay là chiếc đàn Guitarz độc tấu hòa điệu qua giọng ngâm điệu luyện đầy cảm xúc của chính anh. Chư tôn đức Tăng Ni cùng quý Phật tử vỗ tay tán thưởng, cổ vũ liên tục. Thực sự nếu ai đó có tâm lòng nghĩ về quê hương, dân tộc thì chính trong giây phút này lòng mình đang sống lại nơi làng cũ, thôn xưa, với những hình ảnh thân thương nơi quê nhà.

Cuối cùng là phần trao tặng quà lưu niệm của chư tôn đức, pháp lữ cho TT. Thích Hạnh Tuấn - phần tặng quà này, chúng tôi nhận thấy có phần quà của nhóm Thân Hữu Già Lam trao tặng. Chương trình trong đêm Thơ Thiền được kết thúc qua phần ký tặng sách của nhà thơ Trần Trung Đạo và Thầy Nguyên Siêu.

Đại Lễ Khánh Thành (ngày 22 tháng 10 năm 2006). Từ sáng sớm quý Phật tử đã tề tựu về chùa để chuẩn bị tham dự chương trình lễ Cất Bể Khánh Thành.

Bắt đầu lúc 10:30 sáng là 3 hồi chuông báo hiệu chư Tôn Đức Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni y hậu chỉnh tề vân tập vào trai đường để ban tổ chức tác bạch cung thỉnh.

Thành phần Chứng minh là ba vị Hòa Thượng trưởng lão: HT. Thích Chơn Điền, HT. Thích Như Huệ, HT. Thích Như Tín - và khoảng gần năm mươi tăng ni được cung thỉnh quang lâm Chánh Điện.

Lễ cất bể Khánh Thành được diễn ra trước điện Phật một cách trang nghiêm trọng thể. Có sự tham dự của vị đại diện Thống Đốc tiểu bang và gửi quà lưu niệm.

Sau phần tường trình của vị đại diện Ban Điều Hành Chùa kể từ ngày thành lập cho đến hôm nay là lời cung bạch của TT. Thích Hạnh Tuấn về vai trò và nhiệm vụ lãnh đạo tinh thần hơn một năm qua. Lời cung bạch đã nói lên tâm lòng hy sinh phụng sự bằng chí nguyện của người xuất gia: "thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh" và đại lễ Khánh Thành hôm nay là chứng tích của chặng đường đã kinh qua.

Tiếp theo chương trình là lễ Tấn Phong, trao ấn tín trụ trì cho TT. Thích Hạnh Tuấn. HT. Thích Tịnh Từ đã đại diện chư Tôn Đức có lời huấn thị và tán thán công đức của TT. Thích Hạnh Tuấn trong thời gian qua là một tăng sĩ trẻ có thực học, có khả năng làm việc, để có sự thành tựu của ngày hôm nay; và HT. cũng có lời nhắn nhủ trong những ngày sắp tới.

Một thời khóa với nghi lễ Huê thiên vị, làm lắng dịu tâm tư của bao người con Phật hiện diện trong đạo tràng, những trái tim cùng chung một nhịp thở như hoà quyện vào lời kinh tiếng kệ qua âm ba tán tụng của

chư tăng.

Cuối cùng là đạo từ của HT. Trưởng lão Thích Chơn Điền. Ngài đã ân cần giáo huấn qua những lời giảng dạy của Đức Thế Tôn đến với TT. Thích Hạnh Tuấn vị tân trụ trì của chùa Trúc Lâm và nhắn nhủ sự tu tập, hộ pháp của người cư sĩ tại gia.

Trong phần đạo từ này, HT. Thích Như Huệ - Hội chủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan cũng có lời chúc mừng và quà lưu niệm cho TT. Thích Hạnh Tuấn trong đạo tình thân thương cảm động. HT. Thích Như Tín, TT. Thích Như Điền cũng ân cần khuyến nhủ, sách tấn trong cương vị của các bậc tôn túc, là người đi trước nhắn nhủ đàn con em hậu tấn.

Chương trình lễ Khánh Thành được kết thúc vào lúc 12:45 trưa. Sau đó phần lễ trai tăng cúng dường do Ban Đại Diện chùa dâng cúng. Cùng ngày, vào lúc 3:00 chiều là lễ cúng thí thực cô hồn, chẩn tế kỳ siêu bạt độ, nguyện cầu âm siêu dương thái.

Đề quần chúng Phật tử hòa cùng niềm vui chung trong ngày Khánh Thành được thành tựu viên mãn, một đêm văn nghệ được diễn ra tại Hội trường của chùa, với sự góp mặt của nữ danh ca Thanh Thúy, của chư Tôn Đức và tiếng hát nghiệp dư của các anh chị em đoàn sinh GĐPT Trúc Lâm, cũng như các ca sĩ địa phương trình diễn.

Bằng cái nhìn chung của người ghi tin, qua chương trình Đại Lễ Khánh Thành Chùa Trúc Lâm - Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam tại Chicago đã thành công một cách viên mãn. Trúc Lâm hôm nay thực sự đã sưởi ấm được lòng người Phật tử nơi đây; Trúc Lâm đã tạo được những hình ảnh sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật mang tính sáng tạo. Hy vọng nơi đây sẽ là nơi xây dựng tươi đẹp cho thế hệ trẻ nơi hải ngoại thăng tiến trên ý thức tự tôn, độc lập của Dân tộc Việt và Đạo Phật Việt Nam.

Cứu trợ nạn dân bão lụt tại 4 tỉnh Miền Trung

(lược trích tin Pháp Vân, Việt Báo)

Ngày 3.10 vừa qua, Hòa thượng Thích Quảng Độ, nhân danh Viện trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, cất lời kêu gọi cứu trợ các nạn dân bị cơn bão số 6, Zangsane, tàn phá năm tỉnh miền Trung: Quảng Trị, Thừa thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, gây thiệt hại lớn. Nhiều chục người chết, hàng trăm người bị thương, gần sáu nghìn nhà sụp đổ, hàng trăm nghìn nhà bị tốc mái, gần 20 nghìn nhà bị ngập, gần 4 nghìn hecta ruộng lúa và trên 6 nghìn hecta hoa màu bị thiệt hại... Phái đoàn cứu trợ của Giáo hội PGVN Thống Nhất đã thực hiện công cuộc cứu trợ một cách

thuận lợi với sự đóng góp của Tăng Ni và Phật tử trong nước lẫn hải ngoại.



Nhiều phái đoàn của Tăng Ni, Phật tử, các hội thiện, thuộc các giáo hội và hệ phái khác nhau, cũng đã tự động tổ chức các cuộc lạc quyên và cứu trợ khẩn cấp cho đồng bào nạn nhân miền Trung trong những ngày qua.

Báo cáo tổng kết từ GHPGVNTN trong nước tại Hoa Kỳ, sẽ được công bố trên các cơ quan truyền thông sau. Riêng GHPGVNTNHN tại Canada, qua hai địa điểm lạc quyên là Chùa Pháp Vân, Toronto (miền Đông) và Chùa Hoa Nghiêm, Vancouver (miền Tây) đã nhận được sự đóng góp tích cực từ Tăng Ni và đồng bào Phật tử, kết quả cho đến ngày 15/11/2006, địa điểm Chùa Pháp Vân sau bữa cơm gây quỹ và vận động rộng rãi trên báo chí và website, đã nhận được \$58,622 Gia kim và \$450 Mỹ kim; Chùa Hoa Nghiêm cũng lạc quyên được \$22,929 Gia kim sau bữa dạ tiệc văn nghệ gây quỹ. Tin cho biết Đại đức Thích Nguyên Thảo, trụ trì Chùa Hoa Nghiêm và là Tổng vụ trưởng Tổng vụ Xã Hội thuộc GHPGVNTNHN tại Canada, đã cấp kỳ ứng trước \$20,000 Mỹ kim (tương đương \$23,060 Gia kim) để gửi về Viện Hóa Đạo GHPGVNTN từ ngày 18/10/2006.

Hội Thân Hữu Già Lam, cũng mau mắn góp phần cứu trợ bão lụt qua sự than hành cứu trợ của một số Tăng Ni ở miền Trung. Chư vị Tăng Ni này đã chịu khó tìm đến những nơi xa xôi mà ít phái đoàn nào đặt chân đến. Số tiền của hội được chuyển về nước từ giữa tháng 10 là \$18,600 Mỹ kim.

Sau đây là một số hình ảnh về sự tàn phá của cơn bão, các sinh hoạt gây quỹ của GHPGVNTNHN tại Canada cũng như việc cứu trợ được thực hiện bởi chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử thay mặt Thân Hữu Già Lam:





Văn nghệ gây quỹ cứu trợ tại TTVH Pháp Vân, Canada



Đồng bào tham dự chật kín hội trường TTVH Pháp Vân



*Văn nghệ gây quỹ cứu trợ tại Chùa Hoa Nghiêm, Vancouver, Canada
Đại đức Thích Nguyên Thảo (hình trên), Ca sĩ Loan Châu (hình dưới)*



Chư Tăng Ni thay mặt Thân Hữu Già Lam cứu trợ miền Trung



Có khi phát quà ở địa điểm tập trung



Có khi đến tận những gia đình ở miệt xa mà ít phải đoàn nào ghé tới

Ngày 23 tháng 10, 2006

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

THƯ NGỎ

V/v: Tài Chánh Ấn Tổng Tam Tạng Song Ngữ Pāli - Việt

Ngưỡng bạch chư Tôn Đức,
Kính thông báo cùng quý Phật Tử gần xa,

Chúng tôi kính gửi biểu đến quý vị tập Kinh Song Ngữ Pāli - Việt tựa đề Buddhavaṃsa - Phật Sử & Cariyāpiṭaka - Hạnh Tạng là tập Kinh được ấn tổng đầu tiên thuộc Công Trình Ấn Tổng Tam Tạng Song Ngữ Pāli - Việt.

Công Trình Ấn Tổng Tam Tạng Song Ngữ Pāli - Việt có mục tiêu hoàn tất việc ấn tổng toàn bộ Tam Tạng 58 tập (xin xem Lược Đồ Tam Tạng ở trang XVIII -XIX) theo dạng song ngữ gồm có phần Pāli vẫn ở trang số chẵn bên trái và lời dịch tiếng Việt đối xứng ở trang số lẻ kế liền ở bên phải. Phần Pāli vẫn được phiên âm từ Tam Tạng Pāli dưới dạng mẫu tự Sinhala thuộc ấn bản Buddha Jayanti Series của xứ quốc giáo Sri Lanka (Tích Lan).

CÁC CÔNG VIỆC CẦN ĐƯỢC TIẾN HÀNH:

1. Phiên âm Tam Tạng Pāli Sinhala của nước Sri Lanka sang mẫu tự La Tinh (abc) để tiện cho việc đọc, nghiên cứu, và học Phật của người Việt Nam.
2. Phiên dịch các tập Kinh Tiểu Bộ còn lại chưa được dịch sang tiếng Việt (gồm 10 tập): Mahānidāna (1 tập), Cullavāṇisa (1 tập), Paṭisambhidaṃmagga (2 tập), Apadāna (3 tập), Buddhavaṃsa & Cariyāpiṭaka (1 tập), Nettipakaraṇa (1 tập) và Peṭakopadesaparakāṇa (1 tập).
3. Trích lục phần Chánh Tạng ở bản dịch của các tập Kinh Trường Lão Tăng Kệ, Trường Lão Ni Kệ, Chuyện Thiên Cung, Chuyện Ngạ Quỷ, Chuyện Tiên Thân. Vì các tài liệu đang được lưu hành không phải là Chánh Kinh do đã được phiên dịch từ Aṭṭhakathā là các Chú Giải đã được thực hiện sau Chánh Tạng đến 1000 năm (cuối thế kỷ thứ 5 theo Tây lịch).
4. Ấn tổng Tạng Luật (9 tập), Tạng Vi Diệu Pháp (14 tập), và các tập còn lại của Tạng Kinh gồm có Trường Bộ Kinh (3 tập), Trung Bộ Kinh (3 tập), Tương Ưng Bộ Kinh (6 tập), Tăng Chi Bộ Kinh (6 tập), và 2 tập 28, 29 của Tiểu Bộ với những hiệu đính cần thiết để phù hợp với văn bản Pāli.

CÁC PHẦN VIỆC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN TẠI:

1. Đã phiên âm, phiên dịch, soạn thảo, và hoàn tất việc ấn tổng tập Kinh số 42: Buddhavaṃsa - Phật Sử & Cariyāpiṭaka - Hạnh Tạng.
2. Chuẩn bị để in bộ Kinh Patisambhidāmagga (2 tập) với tựa đề là Phân Tích Đạo.
3. Hiệu đính lại bản dịch tiếng Việt Tạng Luật (9 tập) và hoàn tất phần Pāli vẫn.
4. Bản dịch Apadāna (3 tập) đang được Đại Đức Brahmapalita (Thạch Long Thịnh) tiến hành phiên dịch sơ khởi.

CÁC KHÓ KHĂN ĐANG PHẢI ĐƯỜNG ĐẦU:

1. Về tài chánh: Chúng tôi không có đủ điều kiện về tài chánh luôn cả phương tiện để vận động cho công trình này. Vì thế, đành phải mạo muội thỉnh cầu chư Tôn Đức và các Phật Tử hữu tâm hoan hỷ hỗ trợ bằng cách phổ biến, vận động cho Công Trình Ấn Tổng Tam Tạng Song Ngữ Pāli - Việt tùy theo khả năng của quý vị, có tính cách dài hạn hoặc ngắn hạn, thường xuyên hoặc định kỳ, cúng dường hoặc thỉnh Kinh tạm ứng trước, v.v...

Trước mắt, bộ Kinh Patisambhidāmaggapakaraṇa (2 tập) với tựa đề là Phân Tích Đạo đã được hoàn tất bản thảo, (tập I là 500 trang và tập II là 300 trang khổ A 4). Chi phí in ấn dự kiến cần phải có là 5000 USD.

2. Về nhân sự: Việc phiên âm Tam Tạng từ mẫu tự Sinhala sang mẫu tự Latin thật ra không khó khăn lắm, tuy nhiên cần có sự kiên trì và chú tâm cao. Hiện nay, chúng tôi chỉ có một mình vị sư Candrabangsha người Bangladesh phụ trách phần việc này. Công việc tiến hành rất chậm vì vị sư này còn phải theo đuổi chương trình BA Phật Học. Nếu quý vị nào có thể học việc nhận dạng mẫu tự (xin xem Mẫu tự Pāli Sinhala ở trang XXIX) và phát tâm tham gia công việc phiên âm này, chúng tôi sẽ gửi những tài liệu cần thiết để quý vị tham khảo và tiến hành tại trú xứ của quý vị.

Tóm lại, tập Kinh Buddhavaṃsa - Phật Sử & Cariyāpiṭaka - Hạnh Tạng này được thành tựu việc ấn tổng và gửi biểu đến quý vị do công sức đóng góp tài chánh một số thí chủ hữu ân (Phương danh được ghi lại ở trang 369). Về dự án trong tương lai, chúng tôi chỉ xin đề nghị chư Tôn Đức và quý Phật Tử dành chút thời giờ suy nghĩ đến việc thiết yếu của TAM TẠNG SONG NGỮ PĀLI VIỆT trong sự nghiệp tu Phật của người Việt và xin hãy ra sức hỗ trợ cho CÔNG TRÌNH ẤN TỔNG này được tiến hành tốt đẹp. Quý vị có thể tham khảo thêm ở website: www.metta.lk/tamtangpaliviet.

Mọi ý kiến phê bình và đóng góp về tài chánh xin liên hệ địa chỉ email sau:
tamtangpaliviet@gmail.com hoặc tamtangpaliviet@yahoo.com

Thay lời kết, ngưỡng mong sự quan tâm và hỗ trợ về tâm linh cũng như về vật chất của chư Tôn Đức và quý Phật Tử ngõ hầu CÔNG TRÌNH ẤN TỔNG TAM TẠNG SONG NGỮ PĀLI - VIỆT sớm được thành tựu viên mãn.

Kính thư,

TM. Nhóm Ấn Tổng.
Inda canda.
Tỳ Khuru Indacanda. (Trương Đình Dũng)
Sri Jayawardhanaramaya.
291 Cotta Road, Borella,
Colombo 08, SRI LANKA

THÔNG BÁO

việc thực hiện Bộ Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại – Suru khảo

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng, Ni,

Kính thưa quý vị thức giả, quý văn thi sĩ,

Lênh dênh theo vận nước nổi trôi của dòng sử Việt cận đại, người Việt tỵ nạn chúng ta dù thiết tha yêu quê hương đất nước, nhưng cũng đành gạt lẹ ra đi vì không có đất sống ngay chính nơi quê Cha đất Tổ, do sự cai trị khắc nghiệt của chế độ độc tài cộng sản. Thế nhưng, cuộc hành trình lưu vong ở khắp nơi trên thế giới suốt ba thập niên qua, người Việt tỵ nạn, trong đó có chư Tăng, Ni và Phật tử, đã không quên nguồn cội và truyền thống văn hóa cao đẹp của mình, nên, đã không ngừng nỗ lực bảo lưu và phát triển di sản văn hóa của giống nòi trong mọi điều kiện của cuộc sống tha hương.

Những nỗ lực, thành quả quý giá ấy được trân quý và giữ gìn không những cho hiện tại mà còn ở mãi mai sau. Chính trong tâm niệm và nguyện vọng gìn giữ di sản quý báu đó, mà chúng tôi đã khởi sự thực hiện bộ *Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại - Suru Khảo*.

Bộ sách bao gồm ba phần chính:

- Tổng Luận: Một quan kiến bao quát đối với nền Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại suốt ba thập niên qua, từ bối cảnh lịch sử định hình đến giai đoạn phát triển đa dạng và phong phú như hiện nay.

- Tác giả, dịch giả, văn thi sĩ và tác phẩm: Sơ lược vài nét chính cuộc đời của tác giả, dịch giả, văn thi sĩ; liệt kê toàn bộ danh mục các tác phẩm, dịch phẩm bao gồm Kinh, Luật, Luận, khảo cứu, trước tác, biên soạn, dịch thuật, thơ, văn truyện ngắn và dài; trích đăng một vài sáng tác tiêu biểu do chính các tác giả, dịch giả, văn thi sĩ chọn lựa.

- Sinh hoạt báo chí và các trang web tại hải ngoại từ trước tới nay.

Với địa dư bao la rộng lớn của khắp mặt địa cầu, dù đã có sự tiếp trợ phương tiện kỹ thuật tin học qua các trang web, chúng tôi vẫn không thể vượt qua những khó khăn trong công tác thu thập đầy đủ các tài liệu cần thiết và liên lạc trực tiếp với các tác giả, dịch giả, văn thi sĩ v.v...

Để tránh những thiếu sót đáng tiếc có thể xảy ra và được vinh hạnh đón nhận sự có mặt của tất cả các bậc thức giả đã có công góp phần bảo vệ và phát huy văn học Phật Giáo Việt Nam hải ngoại trong bộ sách này, chúng tôi thành tâm kính mời sự góp mặt của chư liệt vị bằng cách xin gửi cho chúng tôi:

1. Bản sơ lược tiểu sử,
2. Một tấm hình khổ 4 x 6 của tác giả, dịch giả và văn thi sĩ,
3. Bản liệt kê toàn bộ danh mục các tác phẩm, dịch phẩm, thi phẩm, tập truyện, xin ghi rõ nguyên tác nếu là dịch phẩm và năm xuất bản.
4. Bản liệt kê toàn bộ danh mục các bài viết, bài thơ, truyện chưa được in thành sách,
5. Trích gửi cho chúng tôi một vài bài tiêu biểu mà quý vị ưng ý nhất.

Thời gian cuối cùng để chúng tôi thu nhận tài liệu là cuối năm dương lịch 2006.

Xin quý vị liên lạc và gửi tài liệu cho chúng tôi về địa chỉ sau:

Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại - Suru khảo

4333 30th Street, San Diego, CA 92104 - USA

Điện thoại: (619) 283-7655

Email: chuaphatdasd@yahoo.com (Thích Nguyên Siêu)

Hoặc: quangkimhuynh@juno.com (Huỳnh Kim Quang)

Hoặc: vinhhao@vinhhao.net (Vĩnh Hảo)

Chân thành kính tri ân sự đóng góp của quý liệt vị cho nền văn hóa dân tộc nói chung và nền văn học Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại nói riêng.

California, ngày 22 tháng 8 năm 2006

Thay mặt Ban Biên Tập

Chủ Biên

Thích Nguyên Siêu

PHIẾU BẢO TRỢ VÀ ỦNG HỘ DÀI HẠN TẠP CHÍ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

1) BẢO TRỢ:

Xin chọn một trong những ô trống sau đây:

- Mỗi tháng: ____ (), \$25 (), \$50 (), \$100 (), \$200 ().

Và chọn thời gian bảo trợ:

Ba tháng (), Nửa năm (), Một năm (), Hai năm (), Ba năm ()

2) ỦNG HỘ DÀI HẠN:

(Bảo trợ ấn phí, cước phí, không phải mua báo, vì báo không để giá bán)

* Tại Hoa Kỳ: Một năm: \$75 () | Hai năm: \$120 ().

* Tại Canada: Một năm: \$90 () | Hai năm: \$160 (). *(first class)*

* Âu, Úc, Á: Một năm: \$140 () | Hai năm: \$270 (). *(first class)*

Đính kèm ngân/chi phiếu số: _____ với số tiền bảo trợ/ủng hộ: \$ _____

Địa chỉ người bảo trợ / ủng hộ (để liên lạc, gửi báo):

Họ và tên _____ Pháp danh: _____

_____ Thành phố: _____

_____ Telephone (không bắt buộc): _____

Bài vở, ý kiến đóng góp, chi phiếu ủng hộ xin gửi về:

HAO VINH

P.O. Box 374

Midway City, CA 92655 – USA

Email: vinhhao@vinhhao.net hoặc phuongtroicaorong@vinhhao.net

Ủng hộ tài chánh cũng có thể chuyển (deposit) thẳng vào trương mục:

HAO VINH

Account # : 09325-47111

Bank of America, CA7-147-01-01

13952 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92683 – USA

(Wire): Routing # 121 000 358